

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BÙI ĐỨC DŨNG

**PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN
TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

Mã số: 92 29 002

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. TS. PHAN MẠNH TOÀN

2. PGS.TS. NGUYỄN THANH TỊNH

Dại diện GRK:

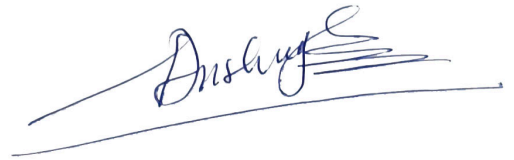

Phan Manh Toan

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của 02 nhà khoa học: TS Phan Mạnh Toàn và PGS, TS. Nguyễn Thanh Tịnh. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Bui Duc Dung', is written over a horizontal line.

Bùi Đức Dũng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	6
1.1. Các công trình liên quan đến những vấn đề lý luận “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam”	6
1.2. Những công trình liên quan đến thực trạng “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam”	20
1.3. Những công trình liên quan đến giải pháp “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay”	25
1.4. Khái quát giá trị của các công trình khoa học liên quan đến luận án đã tổng quan và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu.....	32
Chương 2. “PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY” – MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	35
2.1. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.....	35
2.2. Thực chất “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay”	50
2.3. Những yếu tố tác động đến phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.....	70
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2	84
Chương 3. “PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM” –THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	86
3.1. Thực trạng “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam” những năm qua	86

3.2. Một số vấn đề đặt ra đối với “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay”	136
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3.....	149
Chương 4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN TIẾP TỤC “PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY”	151
4.1. Nâng cao nhận thức và tính chủ động, tích cực, sáng tạo của các chủ thể; tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các ban, bộ, ngành để phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.....	151
4.2. Nghiên cứu, làm phong phú nội dung các giá trị văn hóa tinh thần gắn với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới.....	164
4.3. Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay	171
4.4. Kết hợp hài hòa sức mạnh vật chất và sức mạnh văn hóa tinh thần, tạo sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.....	179
TIÊU KẾT CHƯƠNG 4.....	184
KẾT LUẬN.....	185
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN	187
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	188

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của 02 nhà khoa học: TS Phan Mạnh Toàn và PGS, TS. Nguyễn Thanh Tịnh. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

Bùi Đức Dũng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Luận giải về mối quan hệ giữa sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần, về vai trò của sức mạnh tinh thần nói chung, lý luận nói riêng, C.Mác khẳng định, “lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng” [13, tr.580]. Nhấn mạnh vai trò của sức mạnh tinh thần đối với sự thành công của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lý giải sâu sắc rằng: “Có người nói: Lúc này mà xem trọng tinh thần tư tưởng là không duy vật biện chứng. Các cô, các chú có biết vì sao mà cách mạng của ta thành công không? Vì tinh thần. ...Trong kháng chiến có chiến sĩ lấy thân mình lấp lỗ châu mai, lấy thân ngăn cho súng khỏi lặn... thì đó là tinh thần hay vật chất? -Tinh thần! Thế thì tinh thần trọng hơn. Vật chất cố nhiên là trọng, tinh thần cũng là trọng” [96, tr.580]. Dựa trên những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã tiến hành tổng kết sâu sắc chặng đường đổi mới. Từ đó nội dung Văn kiện Đại hội XIII đã chỉ rõ: “*Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng nhất của đất nước* là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” [44, tr.34]. Như vậy, có thể thấy tính hệ thống và sự kế thừa trong thế giới quan khoa học của học thuyết Mác – Lênin cũng như hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh đến đường lối của Đảng ta. Điều này khẳng định sức mạnh văn hóa tinh thần không chỉ là động lực căn bản của tiến trình lịch sử nói chung, mà còn đóng vai trò nhân tố nội sinh then chốt để hiện thực hóa nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới. Việc nghiên cứu, làm sâu sắc thêm những vấn đề về sức mạnh văn hóa tinh thần và “*phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay*” trên lập trường duy vật mácxít là điều cần thiết về mặt lý luận.

Thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước đã khẳng định một chân lý: sức mạnh làm nên phẩm chất kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam bắt nguồn sâu xa từ văn hóa tinh thần. Đó là sức mạnh tổng hợp được cấu thành từ những giá trị cốt lõi như chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết và đồng thuận xã hội, ý chí tự cường, khát vọng độc lập, tự do cùng nghệ thuật quân sự độc đáo. Những trang sử hào hùng chói lọi trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc cho thấy “Văn hóa còn, dân tộc còn. Văn hóa mất, dân tộc mất”. Sự nghiệp đổi mới đất nước cũng là quá trình nhận thức ngày càng sâu sắc và phát huy hiệu quả hơn sức mạnh văn hóa tinh thần. Sức mạnh này không chỉ trở thành động lực nội sinh cho phát triển mọi mặt đời sống xã hội, mà còn là nhân tố bảo đảm cho sự vững chắc của nền quốc phòng, an ninh, góp phần tạo nên những thành tựu “có ý nghĩa lịch sử” trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Dưới tác động của những chuyển biến từ cục diện thế giới và khu vực, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới đang phải đối diện với hệ thống những nguy cơ mang tính phức hợp và đa diện. Sự cạnh tranh ngày càng gia tăng giữa các cường quốc đang tạo ra những bất ổn, đặt ra thách thức trực tiếp. Song song với đó, các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng nổi bật với quy mô và tính chất phức tạp hơn, đòi hỏi phải liên tục điều chỉnh, bổ sung về mặt chiến lược. Mặt khác, quá trình hội nhập quốc tế dưới tác động của toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, đã mở ra nhiều cơ hội phát triển, cùng với đó cũng làm gia tăng sự tùy thuộc lẫn nhau và tiềm ẩn những rủi ro mới cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, từ các thách thức về an ninh mạng, nguy cơ can thiệp từ bên ngoài, đến bài toán “giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc”. Như vậy, bối cảnh mới đòi hỏi tư duy và hành động bảo vệ Tổ quốc phải toàn diện, bao quát trên mọi lĩnh vực. Bên cạnh đó, các mối đe dọa từ “sự chống phá của các thế lực thù địch” nhằm “thay đổi thể chế” cũng ngày càng tinh vi và phức tạp hơn. Để đối phó với những vấn đề trên, cần huy động sức mạnh tổng hợp của dân tộc, kết hợp sức mạnh quân sự, kinh tế, chính trị, ngoại giao với sức mạnh văn hóa tinh

thần. Bối cảnh đó cho thấy, việc nghiên cứu nhằm tìm ra các giải pháp hiệu quả để “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay” là một yêu cầu khách quan, có giá trị thực tiễn to lớn và cấp bách.

Xuất phát từ những căn cứ trên, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề ***“Phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay”*** làm đề tài luận án tiến sĩ, chuyên ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay”.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, tổng quan các nghiên cứu tiêu biểu, liên quan trực tiếp đến luận án, từ đó xác định hướng tiếp cận và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu.

Hai là, góp phần hệ thống hóa và làm phong phú thêm lý luận về vai trò của “sức mạnh văn hóa tinh thần” trong “bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” hiện nay.

Ba là, phân tích, đánh giá thực trạng “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam” thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay với những thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra từ thực trạng đó.

Bốn là, đề xuất một số giải pháp cơ bản tiếp tục “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam” trước những thách thức mới hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là vấn đề “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay”.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: “Sức mạnh văn hóa tinh thần Việt Nam” được tạo thành bởi một hệ giá trị rất phong phú và đa dạng. Trong khuôn khổ luận án này, nghiên cứu sinh không đi vào toàn bộ hệ thống mà giới hạn phạm vi nghiên cứu, tập trung phân tích sâu 04 giá trị được xem là tiêu biểu, cốt lõi, bao gồm: (1) Chủ nghĩa yêu nước; (2) Tinh thần đoàn kết, đồng lòng; (3) Ý chí tự lực, tự cường và khát vọng hòa bình, độc lập, tự do; (4) Nghệ thuật quân sự độc đáo của dân tộc.

- Về không gian: Luận án tập trung vào hệ thống các giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi, mang tính “đại diện cho bản sắc cộng đồng các dân tộc” trong chỉnh thể “địa – văn hóa Việt Nam”.

- Về thời gian, luận án tập trung nghiên cứu thực trạng của quá trình này trong giai đoạn từ năm 1986 (thời điểm khởi xướng công cuộc Đổi mới) cho đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên nền tảng lý luận và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về “văn hóa”, “bảo vệ Tổ quốc” và “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Bên cạnh các phương pháp chung như thống nhất lịch sử và logic, phân tích và tổng hợp, hệ thống - cấu trúc, trừu tượng hóa, khái quát hóa, so sánh; luận án đặc biệt chú trọng sử dụng phương pháp nghiên cứu, phân tích văn kiện và tổng kết thực tiễn để làm rõ thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần.

5. Những đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, hệ thống hóa, làm rõ một số vấn đề lý luận về “văn hóa tinh thần”, về “bảo vệ Tổ quốc” và việc “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam”.

Thứ hai, phân tích thực tiễn và đánh giá quá trình “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc” từ năm 1986 đến nay, qua đó chỉ rõ những thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra.

Thứ ba, đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hiệu quả sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa khoa học

Góp phần làm rõ và hệ thống hóa một số khía cạnh lý luận về sức mạnh văn hóa tinh thần, đồng thời cụ thể hóa những giá trị cốt lõi của sức mạnh này. Từ đó, luận giải sâu hơn về vị trí, vai trò của sức mạnh văn hóa tinh thần trong bối cảnh và yêu cầu mới trong “bảo vệ Tổ quốc Việt Nam” hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp thêm các tham chiếu khoa học đáng tin cậy cho việc xây dựng và hoàn thiện chủ trương, chính sách nhằm tiếp tục “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay”.

- Luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy các chuyên ngành triết học, văn hóa, quân sự...

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 04 chương, 13 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Các công trình liên quan đến những vấn đề lý luận phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Một là, một số nghiên cứu liên quan đến văn hóa tinh thần, sức mạnh văn hóa tinh thần và phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần.

Phạm Văn Đồng trong “*Văn hóa và đổi mới*” [51] đã đưa ra những luận giải sâu sắc về vai trò của văn hóa. Theo tác giả, văn hóa là “tất cả những gì do con người tạo ra, ở trong con người và liên quan trực tiếp đến con người, tức là tất cả những gì không phải thiên nhiên” [51, tr.9]. Vai trò của văn hóa thể hiện như là nấc thang giải phóng con người, giúp con người tự khẳng định mình, thoát khỏi tha hóa, hướng tới tự do. Văn hóa là sức mạnh, là nguồn gốc, động lực giúp Việt Nam giành thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến giải phóng dân tộc. Văn hóa là thắng lợi của trí tuệ, tài năng, đại nghĩa, chí nhân, mà cốt lõi là lòng yêu nước, yêu đồng bào, yêu quê hương. Tác phẩm khẳng định vai trò to lớn của văn hóa trong sự nghiệp “giải phóng dân tộc” và “giải phóng con người”, trong đó yếu tố con người và tinh thần dân tộc được đặt lên hàng đầu.

Trong cuốn sách “*Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa*” [53] do Phạm Duy Đức chủ biên, đã làm nổi bật vai trò định hướng của phương pháp luận Mác – Lênin trong việc tiếp cận và nghiên cứu các vấn đề văn hóa. Trên cơ sở đó, tác phẩm tiến hành phân tích sâu sắc chức năng của văn hóa như một động lực nội sinh của sự phát triển xã hội. Thông qua các luận điểm như: văn hóa là “nền tảng hình thành tình cảm, nuôi dưỡng khát vọng nhân văn”, là nguồn cảm hứng “thôi thúc con người không ngừng vươn tới những giá trị tốt đẹp”; các thành tựu tư tưởng, nghệ thuật, khoa học được xem là yếu tố thiết yếu góp phần “nâng cao năng lực tư duy, đạo đức và thúc đẩy tiến trình lịch sử” - tác giả đã gián tiếp khẳng định vai trò to lớn của văn hóa tinh thần. Trong khuôn

khô lập luận, tác phẩm cũng bước đầu đề cập đến “sức mạnh của văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”, từ đó mở ra những định hướng nghiên cứu chuyên sâu cho các công trình tiếp theo về chủ đề này.

Luận giải về cách tiếp cận văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần, trong cuốn *“Sự phát triển lý luận về văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới”* [161] do Lê Trọng Tuyển chủ biên, các tác giả đã tiếp cận vấn đề “văn hóa vật chất” và “văn hóa tinh thần” trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, qua đó khẳng định “nguồn gốc lao động của văn hóa”. Tác phẩm đồng thời phân tích “tiến trình phát triển tư duy lý luận về văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam” trong thời kỳ Đổi mới, làm rõ những chuyển biến trong nhận thức và định hướng chính sách văn hóa. Theo quan điểm được trình bày, văn hóa tinh thần được hiểu là “toàn bộ các giá trị phản ánh hoạt động sáng tạo và tổ chức đời sống tinh thần của xã hội, bao gồm các thành tựu trong các lĩnh vực như triết học, khoa học, văn học nghệ thuật, pháp luật, đạo đức, tôn giáo, ... tạo nên diện mạo tinh thần của đời sống xã hội con người” [161, tr.11].

Trong cuốn *“Hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”* [134] do Nguyễn Ngọc Thiện, Từ Thị Loan đồng chủ biên, các tác giả đã đưa ra cách tiếp cận văn hóa dưới hai góc độ: nghĩa rộng và nghĩa hẹp, đồng thời phân tích sức mạnh “kép” của văn hóa. Theo đó, văn hóa trong nghĩa rộng được hiểu là toàn bộ những sản phẩm do con người và xã hội tạo ra, bao gồm cả lĩnh vực vật chất lẫn tinh thần; còn văn hóa theo nghĩa hẹp chỉ tập trung vào các “sáng tạo tinh thần” hoặc “một lĩnh vực cụ thể trong đời sống xã hội”. Sức mạnh của văn hóa, được thể hiện trên khía cạnh tích cực, văn hóa có sức mạnh xuyên qua mọi biên giới, mở cửa cho các lợi ích khác; trên khía cạnh tiêu cực có thể cản trở tiến trình phát triển của một quốc gia, dân tộc. Cuốn sách nhấn mạnh tầm quan trọng của văn hóa trong thời kỳ hội nhập quốc tế, đồng thời chỉ ra cả cơ hội và thách thức mà văn hóa mang lại.

Nguyễn Phú Trọng trong bài viết “Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” [148] đã luận giải sâu sắc về văn hóa như là nguồn “sức mạnh nội sinh” của dân tộc. Tác giả khẳng định, văn hóa là “nền tảng tinh thần vững chắc”, “động lực phát triển” và “mục tiêu của chủ nghĩa xã hội”, “hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam”. Bài viết cũng đề cập đến yêu cầu xây dựng và phát triển nền văn hóa “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” trong bối cảnh mới. Những phân tích này cung cấp cái nhìn toàn diện và mang tính định hướng về lý luận văn hóa, làm cơ sở để Luận án tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về “sức mạnh văn hóa tinh thần” và việc phát huy sức mạnh đó trong bảo vệ Tổ quốc.

Luận giải về văn hóa dưới góc độ nguồn lực, Nguyễn Hồng Diệp trong bài viết “Khơi dậy và phát huy các nguồn lực văn hóa để phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay” [48], xem đây là một dạng sức mạnh mềm, một nguồn lực nội sinh cho sự phát triển quốc gia. Theo tác giả, sức mạnh này tuy “tiềm ẩn” nhưng lại “có vai trò quyết định đối với sự tiến bộ xã hội”. Luận điểm cốt lõi của bài viết là việc “khơi dậy được sức mạnh tinh thần sẽ tạo ra động lực để phát huy các yếu tố vật chất”, qua đó “thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước”.

Nhìn chung, các công trình trên đã phân tích, khẳng định vai trò của văn hóa không chỉ là một lĩnh vực xã hội mà còn là một nguồn lực chiến lược cho sự phát triển và trường tồn của dân tộc, song vấn đề sức mạnh văn hóa tinh thần, phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần, nhất là trong bảo vệ Tổ quốc hiện nay vẫn cần một sự đầu tư nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện hơn.

Những công trình nghiên cứu trên đã cung cấp tri thức rất quan trọng về văn hóa, văn hóa tinh thần và vai trò của nó trong đời sống. Kế thừa giá trị công trình của các nhà khoa học đi trước, luận án này sẽ hệ thống hóa, phân tích, góp phần làm rõ hơn một số vấn đề lý luận về “văn hóa tinh thần”, “sức mạnh văn hóa tinh thần” và việc “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam”.

Hai là, một số nghiên cứu đề cập đến “Tổ quốc” và “bảo vệ Tổ quốc”.

Tập thể tác giả trong cuốn sách *“Tìm hiểu văn hóa giữ nước Việt Nam”* [163], tập trung làm sáng tỏ lòng yêu nước và tinh thần hy sinh với tư cách là giá trị cốt lõi, tạo nên sức mạnh dân tộc. Các tác giả lập luận rằng sức mạnh này bắt nguồn từ vị trí tối thượng của Tổ quốc trong tâm thức người Việt Nam. Vì Tổ quốc, người Việt Nam sẵn sàng hy sinh tất cả, kể cả tính mạng, để “bảo vệ độc lập, tự do cho dân tộc”. Tinh thần sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì Tổ quốc được coi là “nghĩa vụ” cao cả, vinh dự lớn lao. Đó chính là động lực tinh thần mạnh mẽ giúp hàng vạn người con đất Việt vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, “coi cái chết nhẹ tựa lông hồng” [163, tr.80] trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Điểm nổi bật là cuốn sách nhấn mạnh lòng yêu nước, tinh thần hy sinh vì Tổ quốc là giá trị cốt lõi, nguồn sức mạnh to lớn của dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ đất nước.

Tác giả Trần Văn Bính trong cuốn sách *“Văn hóa Việt Nam trên con đường đổi mới – Những thời cơ và thách thức”* [5], luận giải về vai trò sống còn của văn hóa trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xem đây là một mặt trận quan trọng. Theo tác giả, các thế lực thù địch luôn tìm cách “xâm lược văn hóa, áp đặt giá trị ngoại lai” [5, tr.129] nhằm thôn tính dân tộc. Trước những thách thức lịch sử, dân tộc Việt Nam không chỉ gìn giữ những nét văn hóa đặc sắc mà còn chủ động hội nhập văn hóa trong thời đại mới. Bảo vệ truyền thống văn hóa đồng nghĩa với bảo vệ độc lập, tự do cho mỗi người. Văn hóa là cầu nối tinh thần, “là ngọn cờ tập hợp lực lượng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc” [5, tr.133]. Tác giả khẳng định tầm quan trọng của việc bảo vệ và phát huy nền văn hóa dân tộc độc đáo trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; văn hóa không chỉ là “cội nguồn sức mạnh” mà còn là “lá chắn” vững chắc chống lại mọi âm mưu xâm lược về mặt tư tưởng, văn hóa.

Phạm Hồng Sơn trong cuốn sách *“Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam”* [120] đã luận giải về sự vận dụng quy luật “dựng nước đi

đội với giữ nước” trong bối cảnh hiện đại. Theo tác giả, để “bảo vệ vững chắc Tổ quốc”, cần huy động sức mạnh tổng hợp, kết hợp “sức mạnh cứng” (kinh tế, quân sự) và “sức mạnh mềm” (văn hóa, chính trị, ngoại giao). Trong đó, nhân tố quyết định là “phát huy vai trò của toàn dân”, với tinh thần “toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, toàn quân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước” [120, tr.471].

Trong cuốn sách *“Học thuyết bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của V.I.Lênin giá trị lịch sử và hiện thực”* [164] của Viện Khoa học nhân văn quân sự, tập hợp các nghiên cứu về học thuyết của V.I.Lênin đã chỉ rõ, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sự kết hợp “sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại”. Cần chú trọng phát huy “nhân tố chính trị - tinh thần, tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa” [164, tr.12], “xây dựng và phát huy sức mạnh tinh thần trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc” [164, tr.31]. Cuốn sách khẳng định, sức mạnh tinh thần có vai trò đặc biệt, “là cơ sở quan trọng” cho sự nghiệp “bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”.

Nguyễn Mạnh Hưởng trong cuốn sách *“Góp phần chống “Diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng”* [68] đã đưa ra quan niệm bảo vệ Tổ quốc là quá trình “bảo vệ một chính thể thống nhất, bao gồm bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa” [68, tr.14]. Sức mạnh cho sự nghiệp này được cấu thành từ nhiều yếu tố. Nổi bật là yếu tố về chiều sâu văn hóa, được thể hiện qua hai khía cạnh cốt lõi: “phẩm chất trong sạch của đội ngũ cán bộ” và “tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc”. Tác giả nhấn mạnh, sự kết hợp giữa “khối đại đoàn kết dân tộc” và “sự trong sạch của đội ngũ cán bộ là nhân tố quyết định” [68, tr.23] đến thắng lợi trong công cuộc bảo vệ đất nước. Những thành tố văn hóa, đạo đức và chính trị này không chỉ quan trọng mà còn là nền tảng hun đúc nên sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Cuốn sách *“Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”* [23] do Nguyễn Bá Dương, Nguyễn Văn Quang đồng chủ biên, đã phân tích sâu sắc các vấn đề cốt

lỗi của sự nghiệp này, từ mục tiêu, lực lượng đến các biện pháp thực hiện. *Nội dung cốt lõi* là “giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, ngăn chặn chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng bất kỳ cuộc chiến tranh xâm lược nào [23, tr.50]. *Lực lượng* là “toàn dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng”, trong đó “đại đoàn kết toàn dân tộc là động lực chủ yếu, phát huy nội lực là chính” [23, tr.67]. Công trình khẳng định “bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của toàn dân”, trong đó sự kết hợp giữa tinh thần chính trị, sức mạnh đoàn kết và sự trong sạch của bộ máy công quyền là những nhân tố then chốt bảo đảm thành công.

Lương Thanh Hân và các tác giả trong cuốn sách “*Sự phát triển nhận thức của Đảng ta về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới*” [61] đã hệ thống hóa quá trình phát triển nhận thức của Đảng về sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Cuốn sách khái quát quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về “bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”, đồng thời phân tích “tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc”. Tác giả đi đến khẳng định, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là “sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của chế độ xã hội chủ nghĩa, của toàn dân và toàn quân, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại” [61, tr.25]. Cuốn sách cũng gợi mở một số nội dung về “sức mạnh văn hóa tinh thần trong tư tưởng Hồ Chí Minh”, như sức mạnh chính trị - tinh thần, “sức mạnh của quần chúng nhân dân” và “sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [61, tr.27]. Một nội dung quan trọng nữa là phân tích quá trình phát triển nhận thức của Đảng về “mục tiêu, nhiệm vụ” và “phương thức bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Nhìn chung, công trình là một tham chiếu quan trọng đối với việc nâng cao nhận thức lý luận về “bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Đồng thời, những khía cạnh về “sức mạnh văn hóa tinh thần” được tác giả đề cập trong cuốn sách là những chỉ dẫn có giá trị cho các nghiên cứu về chủ đề này.

Phan Mạnh Toàn và các cộng sự trong ấn phẩm “*Triết lý bảo vệ Tổ quốc Việt Nam truyền thống*” [142] đã hệ thống hóa những bài học lịch sử, kết tinh

thành các nguyên tắc nền tảng của triết lý quốc phòng dân tộc. Nền tảng cốt lõi của “triết lý”, đó là “ý thức kiên định về độc lập chủ quyền”, “dựa trên sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân” với tư tưởng “lấy dân làm gốc”. Về mặt chiến lược, các tác giả nhấn mạnh việc ưu tiên giải pháp hòa bình, song hành với đường lối “dựng nước đi đôi với giữ nước” và tinh thần chủ động phòng bị “từ sớm, từ xa”, “lo giữ nước từ lúc nước chưa nguy”. Về nghệ thuật chỉ đạo, là phải “xây dựng lực lượng quân sự vững mạnh” và vận dụng nhuần nhuyễn phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến”... Nhóm tác giả khẳng định, toàn bộ những nguyên tắc này chính là “tinh hoa văn hóa truyền thống”, minh chứng cho trí tuệ, bản lĩnh Việt Nam và vai trò to lớn của văn hóa tinh thần trong sự nghiệp bảo vệ đất nước.

Trần Đăng Bộ, Nguyễn Văn Quang và các cộng sự trong ấn phẩm “*Tư tưởng bảo vệ Tổ quốc từ xa trong lịch sử dân tộc Việt Nam*” [7] đã đi sâu phân tích nguồn gốc, bản chất của tư tưởng này, đồng thời đúc kết những bài học giá trị cho hiện tại. Các tác giả chỉ ra rằng, cốt lõi của triết lý quốc phòng đó là tinh thần chủ động giữ nước trong mọi hoàn cảnh (chiến tranh hay hòa bình), bằng cách huy động tổng lực mọi nguồn lực quốc gia. Tư tưởng ấy chính là nền tảng giúp dân tộc ta “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và xây dựng đất nước”. Coi đây là di sản quý giá để “nghiên cứu, kế thừa, vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” [7, tr.201 - 202]. Công trình đã nhấn mạnh một số kinh nghiệm cốt lõi. Trước hết là yêu cầu phải nhận thức đúng đắn về bối cảnh thời đại cùng thế và lực của quốc gia. Từ đó, cần tập trung xây dựng sức mạnh tổng hợp bằng cách kết hợp hài hòa các yếu tố nội tại với bên ngoài, dung hòa bản sắc dân tộc với xu thế thời đại. Toàn bộ quá trình này đòi hỏi sự vận dụng sáng tạo, linh hoạt các phương sách để đảm bảo an ninh quốc gia một cách hiệu quả nhất.

Trong cuốn “*Quốc phòng Việt Nam 2019*” [6] của Bộ Quốc phòng là Sách trắng Quốc phòng quan trọng, khẳng định tính chất “hòa bình, tự vệ và

minh bạch” trong chính sách quốc phòng. Mục tiêu là tăng cường hiểu biết, lòng tin với cộng đồng quốc tế và “nâng cao nhận thức về định hướng xây dựng nền quốc phòng, an ninh quốc gia”. Công trình đã phân tích bối cảnh chiến lược phức tạp, nơi xu thế hòa bình tồn tại song song với các thách thức “an ninh truyền thống” và “an ninh phi truyền thống”, cùng những tác động của Cách mạng 4.0. Trong bối cảnh đó, Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với các âm mưu chống phá của “các thế lực thù địch” và ứng phó với tình hình phức tạp trên Biển Đông. Về chính sách, Việt Nam khẳng định đường lối mang tính phòng thủ, đặt mục tiêu tối thượng là “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ”; “bảo vệ Đảng, Nhà nước và Nhân dân”. Việt Nam chủ trương kiên quyết giải quyết mọi tranh chấp bằng biện pháp hòa bình dựa trên việc tuân thủ nghiêm luật pháp quốc tế và kiên trì chính sách “bốn không” trong đối ngoại quốc phòng. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là “sức mạnh toàn dân”, huy động tổng lực các “tiềm lực quốc gia”. Trong đó, “các lực lượng vũ trang” là chủ thể chính, được xây dựng theo hướng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”, tuyệt đối trung thành, luôn sẵn sàng và đủ sức đánh bại mọi cuộc chiến tranh xâm lược.

Nguyễn Phú Trọng với 39 bài viết, bài phát biểu, trả lời phỏng vấn... được tập hợp trong cuốn sách *“Một số vấn đề về đường lối quân sự, chiến lược quốc phòng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới”* [151] đã hệ thống hóa những tư tưởng xuyên suốt về “quan điểm, mục tiêu chỉ đạo và phương hướng, giải pháp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới” [151, tr.9]. Qua đó, cuốn sách góp phần hệ thống hóa tiến trình đổi mới tư duy lý luận, đồng thời đúc kết kinh nghiệm thực tiễn lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực trọng yếu này.

Lê Văn Hưởng trong bài viết “Tư duy mới của Đảng ta trong Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XIII) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” [70] đã phân tích sâu sắc nhiều khía cạnh của chiến lược. Trước hết, tác giả đã

phân tích rõ quan điểm của Đảng coi việc “bảo vệ Tổ quốc” là một “nhiệm vụ chiến lược và thường xuyên”; việc quán triệt và thực thi các nghị quyết về an ninh, quốc phòng là nhiệm vụ nền tảng, cốt lõi. Tiếp đó, tác giả nhấn mạnh, nguồn lực căn bản để hoàn thành nhiệm vụ “trọng yếu” này là “sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc” được xây dựng và phát huy dựa trên chính hệ thống các văn kiện chỉ đạo liên quan đến “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc”. Bên cạnh đó, bài viết cũng chỉ ra những vấn đề bất cập trong quá trình nhận thức, quán triệt và đặc biệt là trong “tổ chức thực hiện” các văn bản chỉ đạo liên quan. Tác giả khẳng định sự cấp thiết phải khắc phục triệt để những hạn chế này nhằm mục tiêu “nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quốc phòng - an ninh”, và qua đó huy động tối đa sức mạnh toàn dân tộc cho sự nghiệp chung.

Nguyễn Viết Thảo trong bài viết “Nâng cao năng lực lãnh đạo chiến lược của Đảng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đến giữa thế kỷ XXI” [136] đã tập trung phân tích sâu sắc về “năng lực lãnh đạo chiến lược của Đảng” trong bối cảnh hiện tại và tầm nhìn phát triển đến giữa thế kỷ XXI. Qua đó, tác giả đã khẳng định vai trò có ý nghĩa quyết định của năng lực này “đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Bài viết cũng nêu bật “những đòi hỏi mới” về “tầm nhìn, tư duy, khả năng phân tích, dự báo, hoạch định chiến lược”, đồng thời phân tích tác động của “năng lực lãnh đạo” đến việc huy động “sức mạnh toàn dân tộc” để thực hiện “các mục tiêu phát triển”. Cùng với đó, tác giả đã phân tích những tồn tại, hạn chế của năng lực này trong thực tế, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp phát huy những kết quả, khắc phục những tồn tại, hạn chế hướng tới mục tiêu đưa Việt Nam “trở thành nước phát triển vào giữa thế kỷ XXI”.

Bài viết “Tư tưởng của V.I.Lênin về lực lượng, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và việc vận dụng của Đảng ta hiện nay” [67] của Trần Văn Hùng và Nguyễn Đức Tuyên, đã đi sâu luận giải các vấn đề lý luận trọng yếu trong học thuyết của V.I.Lênin về “bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”. Đồng thời, đi sâu phân tích sự vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết này trong

lãnh đạo “sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” của Đảng ta. Công trình này có giá trị cao về mặt phương pháp luận cao, gợi mở hướng nghiên cứu về nguồn gốc và bản chất của “nền quốc phòng trong chế độ xã hội chủ nghĩa”. Đồng thời, nó cũng góp phần làm sâu sắc thêm nhận thức về các yếu tố cấu thành nên nền tảng phòng thủ đó, đặc biệt là vai trò của văn hóa tinh thần.

Phan Văn Giang trong bài viết “Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” [57] đã luận giải “những vấn đề lý luận căn bản” về “xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh” trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Tác giả nhấn mạnh, nền quốc phòng toàn dân là “bộ phận căn cốt” của “chiến lược bảo vệ Tổ quốc”, được xây dựng trên nền tảng “thế trận lòng dân” vững chắc, là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh vật chất với sức mạnh chính trị, tinh thần. Bài viết cũng đã phân tích và khẳng định sự cần thiết phải kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ “xây dựng quốc phòng toàn dân” và “phát triển kinh tế - xã hội”. Đồng thời, tác giả cũng nêu rõ những “thách thức, bất cập trong xây dựng quốc phòng toàn dân” và đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả “xây dựng nền quốc phòng toàn dân” trong bối cảnh phức tạp hiện nay. Những phân tích này cung cấp cái nhìn cập nhật và mang tính định hướng lý luận cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc vn hiện nay. Đây là tư liệu tham khảo quan trọng cho việc nghiên cứu “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” trong lĩnh vực quốc phòng.

Ba là, một số nghiên cứu liên quan đến “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”.

Trong cuốn sách “*Về giá trị văn hóa tinh thần Việt Nam*”, tập I [162] của Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Viện Mác – Lênin giá trị văn hóa tinh thần được khái quát trên những nét căn bản. Trong đó, các tác giả nhấn mạnh cơ sở hình thành các giá trị này là thực tiễn đấu tranh “dựng nước và giữ nước” của dân tộc. Trên cơ sở phương pháp luận duy vật lịch sử, các tác giả khẳng

định “lao động” là nguồn gốc của mọi giá trị. Các “giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi” được xác định là: “tinh thần yêu nước”; “khát vọng độc lập, tự do”; “ý chí tự lực, tự cường”; “cần cù, thông minh, sáng tạo”; “dân chủ, nhân ái, khoan dung”; “đoàn kết”... Mặc dù mới chỉ phác họa những nét chính, nhưng cuốn sách vẫn cung cấp những chỉ dẫn quan trọng về phương pháp luận trong phân tích, xác định “những giá trị cốt lõi” của “văn hóa tinh thần Việt Nam”, góp phần định hướng cho các nghiên cứu chuyên sâu tiếp theo.

Trần Ngọc Thêm trong tác phẩm *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam (Cái nhìn hệ thống – loại hình)* [132], đã khẳng định sức mạnh to lớn của văn hóa Việt Nam trong việc tạo nên sự thống nhất, giúp dân tộc vượt qua mọi thử thách trong lịch sử. Sức mạnh của văn hóa là tạo nên sự đoàn kết, giúp dân tộc ứng phó với thiên nhiên và chiến thắng kẻ thù mạnh hơn mình. Văn hóa là “động lực cho sự phát triển” của xã hội. Văn hóa là nguồn gốc sức mạnh giúp dân tộc trong hàng ngàn năm chống Bắc hóa, trăm năm chống Tây hóa. Tác giả nhấn mạnh vai trò của văn hóa trong lịch sử của dân tộc, đồng thời khẳng định giá trị và sức sống mãnh liệt của văn hóa dân tộc.

Trong cuốn sách *“Tìm hiểu văn hóa giữ nước Việt Nam”* [163] các tác giả quan niệm, “văn hóa giữ nước là những giá trị tinh thần truyền thống” được phát huy và sáng tạo trong “đấu tranh chống ngoại xâm”. Những “giá trị văn hóa tinh thần” căn bản hình thành từ “sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc”, đó là lòng yêu nước, ý thức cộng đồng, tính nhân văn, nghệ thuật quân sự độc đáo. Văn hóa tinh thần có sức mạnh to lớn, có thể biến thành sức mạnh vật chất, thăng hoa thành năng lượng kỳ diệu, giúp dân tộc chống ngoại xâm thành công. Cuốn sách nhấn mạnh, mỗi khi phải tiến hành cuộc đấu tranh chống xâm lược và đô hộ “để giải phóng và bảo vệ Tổ quốc thì các giá trị văn hóa giữ nước Việt Nam được phát huy đến đỉnh cao, biến thành sức mạnh vô cùng to lớn, góp phần quyết định vào chiến thắng của dân tộc” [163, tr.90 - 91].

Tác giả Phạm Xuân Nam trong cuốn sách *Văn hóa vì phát triển* [102],

đã phân tích và nhấn mạnh vai trò của “hệ giá trị văn hóa tinh thần” trong bảo vệ Tổ quốc. Với hệ giá trị cốt lõi, gồm: “Yêu nước”, “ý thức cộng đồng”, “tình thương”, “đoàn kết”, “kiên trì”, “linh hoạt”. Hệ giá trị đóng vai trò là “bộ lọc”, “hệ quy chiếu” trong giao lưu văn hóa. Trong bảo vệ Tổ quốc, tinh thần yêu nước, đoàn kết, đồng lòng tạo nên sức mạnh đánh bại mọi thế lực ngoại xâm. Một điểm đặc sắc trong nghiên cứu là tác giả đã khẳng định: “Mất nước nhiều khi còn giành lại được, nhưng nếu để mất bản sắc văn hóa dân tộc thì sẽ là mất hết và mãi mãi” [102, tr.198]. Như vậy, “bản sắc văn hóa là nền tảng tinh thần, nguồn sức mạnh vô giá” trong “sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”.

Tác giả Trần Văn Giàu trong cuốn sách *“Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam”* [59] khẳng định vai trò “then chốt” của chủ nghĩa yêu nước trong hệ giá trị tinh thần truyền thống. Những giá trị tinh thần truyền thống này được hình thành trong tiến trình lịch sử, đặc biệt là trong công cuộc đấu tranh bảo vệ quốc gia, dân tộc. Văn hóa là mặt trận, bảo vệ văn hóa là chống xâm lược, giữ bản sắc dân tộc là giữ sự trường tồn của dân tộc: “Từ nghìn xưa, tổ tiên ông cha chúng ta đã biết đấu tranh bảo vệ văn hóa dân tộc, đã xem văn hóa là một mặt trận rất quan trọng chống xâm lược” [59, tr.193]. Theo tác giả, với đặc thù dân tộc, yếu tố tinh thần quyết định thắng lợi, bởi chúng ta luôn ở thế phải “lấy ít địch nhiều”, “lấy yếu thắng mạnh”. Trong các giá trị văn hóa tinh thần, chủ nghĩa yêu nước là cốt lõi, là “lý thường hằng”, là tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Chủ nghĩa yêu nước, giúp dân tộc tồn tại, không bị xóa sổ khỏi bản đồ thế giới. Sức mạnh tổ chức bắt nguồn từ tinh thần, ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước là gốc của sức mạnh tổ chức. Tác giả khẳng định giá trị tinh thần, đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước, là nguồn sức mạnh vô giá, là yếu tố “then chốt” để “dân tộc Việt Nam tồn tại và phát triển”.

Trong cuốn sách *“Văn hóa với sự phát triển của xã hội Việt Nam”* [133], do Lê Quang Thiêm chủ biên đã luận giải sức mạnh của nền văn hóa Việt Nam được thể hiện qua khả năng tiếp thu chọn lọc và chuyển hóa các yếu tố văn hóa

ngoại sinh thành “nội lực”, đồng thời chống lại “xâm lược văn hóa” để bảo vệ “bản sắc” của mình, nhất là trong công cuộc chống Hán hóa, chống Pháp hóa. Phát huy nội lực văn hóa dân tộc là “yếu tố then chốt” đảm bảo cho sự “phát triển trường cửu” của dân tộc. Do vậy, trong bất cứ hoàn cảnh nào, việc tập trung xây dựng bản lĩnh, “bản sắc văn hóa dân tộc” trên cơ sở “tiếp thu chọn lọc” những “tinh hoa giá trị” và tự bảo vệ trước những ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài là yêu cầu tất yếu.

Trong cuốn sách chuyên khảo *“Phát triển văn hóa và con người Việt Nam nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh phát triển đất nước”* do Nguyễn Duy Bắc chủ biên [3], đã đưa ra nhiều luận giải quan trọng về “nguồn lực văn hóa, con người Việt Nam”. Tác giả đã tiếp tục khẳng định quan điểm “văn hóa là nền tảng tinh thần” của Đảng ta, đồng thời nhấn mạnh, đây là “chất keo cố kết cộng đồng”, là nhân tố “khẳng định sự tồn tại” của dân tộc và là cơ sở để “lựa chọn mô hình kinh tế - xã hội”. Trên thực tế, “phát triển văn hóa, con người” và nguồn nhân lực “vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh” quyết định “sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc”.

Trong cuốn sách *“Phát huy khát vọng phát triển và sức mạnh văn hóa của con người Việt Nam trong thời kỳ mới”* [122], do Vũ Hồng Sơn và Phan Mạnh Toàn đồng chủ biên, nhận định “phát huy sức mạnh văn hóa là quá trình chủ động gìn giữ, bổ sung, lan tỏa các giá trị văn hóa, thúc đẩy phát triển đất nước” [122, tr.43]; bao gồm các hoạt động: Giữ gìn, phát triển giá trị cốt lõi; tiếp thu chọn lọc, chuyển hóa thành giá trị của mình. Điều kiện để sức mạnh văn hóa tinh thần trở thành hiện thực, là tiếp tục khơi dậy giá trị cốt lõi trong mỗi người dân; lan tỏa giá trị trong xã hội; chuyển hóa thành hành động thực tiễn; “sử dụng các cơ chế, chính sách” phù hợp nhằm “chuyển hóa” giá trị tinh thần thành sức mạnh vật chất để phát triển đất nước.

Cuốn sách *“Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”* [156] của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng với đã phản

ánh sâu sắc tư duy, tầm nhìn của một lãnh đạo Đảng kiệt xuất về xây dựng, giữ gìn và phát triển “nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, kiến tạo và huy động “sức mạnh của văn hóa, con người” trong công cuộc “xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam độc lập, phồn vinh, hạnh phúc”. Cùng với đó, tác giả cũng phân tích vai trò của các yếu tố cấu thành sức mạnh văn hóa tinh thần như yêu nước, đoàn kết, đồng lòng, ý chí tự cường, khát vọng phát triển đất nước trong “xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” vì mục tiêu: “Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc” [156, tr.45].

Nguyễn Phú Trọng trong bài viết “Phát huy truyền thống đại đoàn kết, huy động sức mạnh của toàn dân tộc, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng” [147] đã làm sâu sắc thêm các vấn đề lý luận về chủ nghĩa yêu nước và “tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc”, khẳng định đây là những truyền thống cực kỳ quý báu và là hai ngọn cờ tập hợp lực lượng vĩ đại, nguồn sức mạnh to lớn, vô tận trong suốt “lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam”. Bài viết không chỉ nhấn mạnh mối quan hệ hữu cơ giữa hai truyền thống này và vai trò của Đảng trong việc kế thừa, phát huy chúng, mà còn phân tích những thách thức và gợi mở phương hướng củng cố trong bối cảnh mới. Những phân tích đó góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận, xác lập chúng như là những nhân tố cấu thành nên bản sắc và sức sống văn hóa Việt Nam, tạo lập “nền tảng vững chắc” cho “sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Bài viết ““Ý nghĩa bài học “Dân là gốc”, “Dân là trung tâm” trong khơi dậy và thực hiện “khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”” của tác giả Trần Văn Phòng [113] đã phân tích chuyên sâu trên cả phương diện lý luận và thực tiễn của các quan điểm cốt lõi “Dân là gốc” và “Dân là trung tâm” trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tác giả khẳng định rõ, đây là những “bài học kinh nghiệm” mang tính quy luật trong suốt

chiều dài lịch sử dân tộc, đồng thời là những “nguyên tắc lý luận nền tảng” được kết tinh từ thực tiễn và vận dụng sáng tạo qua các thời kỳ.

Tựu trung lại, các công trình nghiên cứu đã đi từ việc định nghĩa các khái niệm văn hóa cơ bản, đến nhấn mạnh vai trò then chốt của yếu tố tinh thần trong cấu thành “sức mạnh dân tộc”, đồng thời phân tích nhận diện “những giá trị cốt lõi” của nền “văn hóa tinh thần Việt Nam” cấu thành “sức mạnh nội sinh” trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đây là những tài liệu đóng vai trò là “nguồn tham chiếu” quan trọng, “tạo tiền đề” tri thức vững chắc cho việc thực hiện luận án.

1.2. Những công trình liên quan đến thực trạng phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Tác giả Trần Văn Bính trong cuốn sách *“Văn hóa Việt Nam trên con đường đổi mới – Những thời cơ và thách thức”* [5], đã chỉ ra những hạn chế trong “xây dựng và phát triển văn hóa” ở Việt Nam, đồng thời đề xuất giải pháp để “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần”. Những hạn chế tập trung trên các phương diện: Bất cập trong “công tác xây dựng Đảng và cải cách hành chính” [5, tr.79]; “yếu kém trong quản lý xã hội, đặc biệt trong giáo dục, y tế, chính sách xã hội” [5, tr.78]; thể hệ trẻ đang có xu hướng “coi nhẹ di sản văn hóa dân tộc”, “đề cao các giá trị văn hóa phương Tây”, làm xói mòn đời sống tinh thần... Do vậy, cần “tích cực, chủ động hội nhập quốc tế”, đồng thời khắc phục hạn chế trong quá trình “giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa” để xây dựng đất nước.

Tác giả Nguyễn Bá Dương trong cuốn sách *Xây dựng “Thế trận lòng Dân” trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc* [24], đã phân tích tổng thể, trong đó vừa khẳng định những thành tựu đạt được, vừa chỉ ra những hạn chế và thách thức trong “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” để bảo vệ Tổ quốc. Bên cạnh những thành tựu quan trọng về “xây dựng, thực thi chính sách” và “củng cố niềm tin” bền vững của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vẫn còn tồn tại những hạn chế, như sự suy giảm lòng tin vào Đảng và Nhà nước, xuất hiện ngày càng nhiều hiện tượng lệch chuẩn về đạo đức, văn hóa, cùng với nguy cơ

hiện hữu của “xâm lăng văn hóa” đang tác động đến “mọi đối tượng”, “mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội”. Do vậy, cần tiếp tục củng cố “niềm tin của Nhân dân”, “xây dựng hệ giá trị đạo đức, văn hóa lành mạnh”, tăng cường “phát huy tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường”... nhằm thiết lập “nền tảng tinh thần” vững chắc cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Trong cuốn *“Hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”* [134] do Nguyễn Ngọc Thiện - Từ Thị Loan đồng chủ biên, đã đánh giá khách quan liên quan đến “thực trạng phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần Việt Nam”. Các tác giả nhận định, tuy đã có những thành tựu trong việc “tăng cường năng lực nhận thức” và hiểu biết sâu sắc về văn hóa, tiếp nhận giá trị mới, giữ gìn bản sắc và đầu tư cho văn hóa. Nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế đáng quan ngại, trong đó nổi bật là sự “phai nhạt bản sắc văn hóa” do hệ quả của quá trình toàn cầu hóa, cùng với tình trạng khủng hoảng niềm tin phát sinh do “những tác động tiêu cực” của kinh tế thị trường. Song song với đó là hiện tượng coi nhẹ giáo dục văn hóa tinh thần, hoạt động “chủ động ngăn chặn và đấu tranh” chống âm mưu “diễn biến hòa bình” chưa đạt được hiệu quả như kỳ vọng.

Tác giả Mai Hải Oanh trong bài viết “Phát huy giá trị của chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ mới” [107], đã chỉ ra những thách thức hiện hữu đối với lòng yêu nước của người Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Các thách thức này bao gồm ba nhóm chính: thứ nhất, “âm mưu và hành động” kìm hãm, “phá hoại công cuộc xây dựng và phát triển đất nước” từ “các thế lực bên ngoài”; thứ hai, sự xa rời lý tưởng, lối sống thực dụng, tha hóa của “một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên”; và thứ ba, tệ tham ô, tham nhũng, lãng phí và các “hiện tượng tiêu cực khác” trong xã hội.

Một số bài nghiên cứu, như: “Ngày hội Quốc phòng toàn dân – nơi hội tụ sức mạnh bảo vệ Tổ quốc” [19]; “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong

tình hình mới” [21]; “Tiếp tục triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược quốc phòng, chiến lược quân sự trong thời kỳ mới” [22] của tác giả Lương Cường..., cũng đã đề cập đến những hạn chế trong phát huy nghệ thuật quân sự liên quan đến nhận thức của các chủ thể, đến thực thi các biện pháp củng cố thể trận lòng dân và sự phát triển chưa tương ứng của lý luận quân sự với thực tiễn mới...

Liên quan đến những vấn đề trọng tâm về việc “phát huy chủ nghĩa yêu nước” trong bảo vệ Tổ quốc hiện nay, tác giả Lê Thị Lan với bài viết “Xây dựng tư tưởng yêu nước Việt Nam hiện nay – một số vấn đề cần chú trọng” [81], đã tiến hành hệ thống hóa và phân tích những nội dung cốt lõi của chủ nghĩa yêu nước từ truyền thống đến hiện đại. Trên cơ sở đó, xác định rõ những vấn đề lý luận cần phải được giải quyết triệt để nhằm phát huy chủ nghĩa yêu nước trong thực tiễn phát triển hiện nay.

Phạm Văn Sơn trong bài viết “Chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và những vấn đề cần bổ sung, phát triển ở Việt Nam hiện nay” [123] đã đề xuất một số nội dung trọng yếu cần được quan tâm liên quan đến phương thức phát huy giá trị nghệ thuật quân sự độc đáo của dân tộc trong bối cảnh mới. Việc này nhằm định hình và xây dựng các phương thức phù hợp và hiệu quả, như: “kết hợp chặt chẽ hai phương thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh phi vũ trang” [123, tr.22]; “bổ sung, phát triển các hình thức, biện pháp đấu tranh quốc phòng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa” [123, tr.23]; giữ cho “trong âm”, “ngoài êm”; “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi chưa nguy” [123, tr.23]; “chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến” [123, tr.23].

Tác giả Tạ Hữu Hùng trong bài viết “Chiến tranh nhân dân – giá trị văn hóa quân sự chủ đạo trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc” [66] chỉ rõ những vấn đề cần quan tâm để phát huy sức mạnh nghệ thuật quân sự của dân tộc, bao gồm: “lấy lợi ích của nhân dân” làm “trọng tâm” nhằm củng cố “thể trận lòng

dân”; tập trung luận giải về “Chiến tranh nhân dân” trong bối cảnh hiện nay; phương hướng “xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh” đáp ứng yêu cầu mới. Tác giả khẳng định “chiến tranh nhân dân trong thời đại Hồ Chí Minh” là sự kế thừa và phát triển mang tính đột phá từ tư tưởng chiến tranh toàn dân thời kỳ phong kiến, được “nâng lên một tầm cao mới” nhờ “những thay đổi căn bản về cơ sở kinh tế và chế độ chính trị - xã hội” hiện đại. Trong điều kiện hiện nay, để chiến thắng mọi kẻ thù “chúng ta phải phát huy cao độ ưu thế và sức mạnh của chiến tranh nhân dân, khởi đại đoàn kết toàn dân tộc” [66, tr.55].

Tác giả Tô Lâm trong bài viết “Một số nhận thức cơ bản về Kỷ nguyên mới, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” [83] đã đánh giá sâu sắc thực trạng đất nước trong bối cảnh “quá độ” sang “kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, chỉ ra những đặc điểm nổi bật của giai đoạn này và các vấn đề cấp thiết đang đặt ra cần được giải quyết. Tác giả đánh giá “những thành tựu quan trọng” đạt được sau gần 40 năm đổi mới “trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và vị thế quốc tế”, khẳng định những thành tựu này đã “tạo lập tiền đề vững chắc” để đất nước “chuyển mình phát triển bứt phá”. Tuy nhiên, vẫn còn đó những tồn tại, hạn chế và bất cập, nhất là trong công tác lãnh đạo, quản lý. Cùng với đó là các thách thức phát sinh từ bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước đang cản trở mạnh mẽ quá trình phát triển chung này. Những phân tích về thực trạng nêu trên đã cung cấp cái nhìn tổng quan về bối cảnh hiện thời, nhận diện rõ các yếu tố thuận lợi và khó khăn mà Việt Nam đang đối diện trong “tiến trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Đây chính là cơ sở nền tảng để tiến hành nghiên cứu chuyên sâu về “thực trạng phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” trong bối cảnh đặc thù đó.

Trong bài viết “Đảng Cộng sản Việt Nam: 95 năm tiên phong vì Tổ quốc và Nhân dân” của tác giả Tô Lâm [84], thực trạng phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần được thể hiện thông qua việc đánh giá toàn diện những “thành tựu to

lớn, có ý nghĩa lịch sử sâu sắc” đất nước ta đã đạt được “dưới sự lãnh đạo của Đảng trong suốt 95 năm”. Những thành tựu này đã củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào “sự lãnh đạo của Đảng” và “con đường đi lên chủ nghĩa xã hội”, làm sâu sắc thêm “chủ nghĩa yêu nước” và “tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc”. Đồng thời, bài viết cũng gián tiếp chỉ ra “những thách thức”, “vấn đề còn tồn tại” trong “công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị”, những yếu kém trong “một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên” do những tác động tiêu cực từ bối cảnh mới,..., trên thực tế, đang ảnh hưởng to lớn đến việc phát huy đầy đủ và hiệu quả sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc.

Nguyễn Viết Thảo trong bài viết “Nâng cao năng lực lãnh đạo chiến lược của Đảng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đến giữa thế kỷ XXI” [136] đã tập trung đánh giá những thành quả “nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng” trong hoạch định và “chi đạo thực hiện các chiến lược”. Đồng thời, chỉ rõ những hạn chế, bất cập còn tồn tại trong thực tiễn năng lực này, đặc biệt trong bối cảnh phức tạp hiện nay. Qua những phân tích đó, phần nào cho thấy những yếu tố khách quan tác động trực tiếp và những thách nội tại đang đặt ra đối với việc định hướng và tổ chức thực hiện hiệu quả quá trình “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần”.

Nguyễn Tường Lâm trong bài viết “Phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ cả nước hướng tới Đại hội Đảng bộ cách cấp nhiệm kỳ 2025 – 2030 và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng” [88] đã phản ánh thực trạng “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” thông qua sự biểu hiện trong “các phong trào hành động cách mạng” của thanh niên, tuổi trẻ trên phạm vi cả nước. Tác giả làm rõ vai trò xung kích, sáng tạo và “những đóng góp tích cực” của thanh niên, minh chứng khả năng và tiềm năng to lớn của thế hệ trẻ trong việc phát huy hiệu quả sức mạnh này. Tuy nhiên, bài viết cũng đã chỉ rõ những tồn tại, hạn chế và bất cập cần được giải quyết liên quan đến một bộ phận thanh niên về “lý tưởng, đạo đức, lối sống” và “khả năng thích ứng” với mặt trái của

hội nhập, những “yếu tố” đang “ảnh hưởng tiêu cực” đến việc phát huy đầy đủ “sức mạnh văn hóa tinh thần” ở lứa tuổi này. Nhìn chung, bài viết đã đã cung cấp cái nhìn sâu sắc, cụ thể về thực trạng của một “chủ thể” then chốt trong “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” ở giai đoạn hiện thời.

Như vậy, trong các công trình nghiên cứu được đề cập đến bên trên đều đánh giá cao việc phát huy “tinh thần yêu nước”, “đoàn kết”, “ý chí tự lực, tự cường”, “khát vọng độc lập dân tộc”..., coi đó là tiền đề vững chắc cho “sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”. Những thành quả có được “trong sự nghiệp Đổi mới” là nhờ “sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện” của Đảng, “quản lý hiệu lực, hiệu quả” của Nhà nước và sự nỗ lực cống hiến của mọi người dân. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập trong việc phát huy hiệu quả các giá trị này. Chính điều đó có thể dẫn đến những nguy cơ “bất ổn định về kinh tế, xã hội và văn hóa”. Nguyên nhân chủ yếu là do “phương thức phát huy còn bất cập”, sự “chủ động, sáng tạo” của các chủ thể còn hạn chế. Cùng với đó, chính là sự “tác động tiêu cực” của các “yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội” trong tiến trình đổi mới đất nước.

1.3. Những công trình liên quan đến giải pháp phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

Ấn phẩm “*Tìm hiểu văn hóa giữ nước Việt Nam*” [163] đã chỉ ra tầm quan trọng của “văn hóa tinh thần” trong “sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay với “những thay đổi to lớn về kinh tế, chính trị, xã hội” và “sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ”. Để “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần”, các tác giả đề xuất nhiều giải pháp, bao gồm: “giữ vững định hướng chính trị” trong “xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”, phòng chống “xâm lăng văn hóa”, “phát triển toàn diện con người”, giáo dục truyền thống, tăng cường “xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh” và “phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc”. Tuy nhiên, những giải pháp này cần được điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn có nhiều thay đổi hiện nay.

Tác giả Phạm Xuân Nam trong cuốn sách *Văn hóa vì phát triển* [102], đã đưa ra một số giải pháp tiếp tục phát huy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước trong mỗi cá nhân, cộng đồng và toàn dân tộc, bao gồm: Nâng cao ý chí, lòng dũng cảm; nâng cao hiểu biết, trí tuệ, sáng tạo; giải quyết hài hòa lợi ích. Tác giả nhấn mạnh rằng chủ nghĩa yêu nước chỉ có thể phát huy mạnh mẽ khi đáp ứng được “lợi ích thiết thân” của mỗi người lao động, “khơi dậy đức tính cần cù, khéo léo, trí thông minh và sáng tạo của mỗi cá nhân vì sự phát triển của bản thân và cộng đồng” [102, tr.76].

Tác giả Trần Văn Bính trong “*Văn hóa Việt Nam trên con đường đổi mới – Những thời cơ và thách thức*” [5], đã khẳng định vai trò then chốt của “văn hóa tinh thần” đối với “sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc” và nhấn mạnh sự cần thiết của việc “bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng”. Tác giả đề xuất các giải pháp: bồi dưỡng lòng yêu nước, giáo dục truyền thống và khơi dậy ý chí tự cường cho thế hệ trẻ; “bảo vệ và phát huy di sản văn hóa”; “xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh” và “nâng cao năng lực lãnh đạo văn hóa của Đảng”, để Đảng thực sự là đại diện cho “trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại chúng ta” [5, tr.122] như V.I.Lênin đã khẳng định.

Văn Đức Thanh và các cộng sự trong tác phẩm *Văn hóa quân sự Việt Nam truyền thống và hiện đại* [127], đã đi sâu phân tích và làm sáng tỏ tính kế thừa, phát triển của các giá trị văn hóa quân sự. Nghiên cứu khẳng định vị thế đặc thù của thành tố văn hóa này, coi đó là nguồn sức mạnh tinh thần, là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt trong lịch sử dân tộc và đề xuất các giải pháp, bao gồm giáo dục, tuyên truyền, nghiên cứu và xây dựng. Cụ thể, các tác giả tập trung vào việc “giáo dục truyền thống yêu nước” và “tinh thần chiến đấu” cho thế hệ trẻ, “tuyên truyền về chủ nghĩa anh hùng cách mạng” và phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, nghiên cứu “bổ sung nội hàm của các giá trị văn hóa quân sự truyền thống”, cũng như xây dựng cơ sở vật chất vững chắc và bồi dưỡng tinh thần cho quân đội. Tuy nhiên, để có cái nhìn đầy đủ hơn về “sức mạnh văn hóa tinh

thần trong bảo vệ Tổ quốc”, cần mở rộng nghiên cứu sang “các lĩnh vực văn hóa khác” ngoài “văn hóa quân sự”.

Dương Quang Hiến trong cuốn sách *“Phát huy hệ giá trị văn hóa quân sự Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay”* [62] đã tập trung nghiên cứu “hệ giá trị văn hóa quân sự”, một khía cạnh của văn hóa tinh thần Việt Nam. Tác giả phân tích giá trị tinh thần (lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu, truyền thống quân sự...) và giá trị vật chất (lực lượng vũ trang, vũ khí, khí tài, trang thiết bị...) trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, từ đó đề xuất các giải pháp như giáo dục truyền thống quân sự, “nâng cao nhận thức về văn hóa quân sự” và kế thừa, phát huy “sức mạnh” của mối quan hệ “quân với dân như cá với nước” trong sự nghiệp “xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Tuy nhiên, phạm vi cuốn sách chỉ tập trung vào “hệ giá trị văn hóa quân sự” mà chưa đề cập đến các khía cạnh khác của văn hóa tinh thần Việt Nam.

Các tác giả Bế Xuân Trường, Nguyễn Bá Dương trong cuốn sách *“Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”* [159], đã đề cập đến giải pháp “nâng cao nhận thức về bảo vệ Tổ quốc thông qua tuyên truyền, giáo dục”. Các tác giả nhấn mạnh việc “gắn công tác tư tưởng, giáo dục” với “các phong trào hành động cách mạng”, “kết hợp với chính sách” để huy động “lực lượng toàn dân”, tiếp tục “hoàn thiện cơ chế, chính sách trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh”.

Nguyễn Bá Dương, Nguyễn Văn Quang trong cuốn sách *“Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”* [23] trên cơ sở quán triệt những nội dung căn bản của “Nghị quyết Trung ương 8, khóa XI” đã đề xuất hệ thống giải pháp khá toàn diện. Các giải pháp trọng tâm được nhấn mạnh bao gồm: “quyết liệt đổi mới tư duy về quốc phòng toàn dân”; tập trung “hoàn thiện cơ chế lãnh đạo”, không ngừng “củng cố vị thế và nâng cao uy tín lãnh đạo của Đảng”; “tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước”.

Tác giả Vũ Như Khôi trong cuốn sách *“Văn hóa giữ nước Việt Nam*

những giá trị đặc trưng” [79] cho rằng, “trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc” phải “lấy hoạt động quân sự làm chính, nhưng việc nội trị, ngoại giao, bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần tự tôn, tự lập tự cường, ý chí kiên cường, bất khuất cho mọi người dân, thu phục, cố kết nhân tâm cả cộng đồng dân tộc,... cũng đều là những công việc thiết yếu” [79, tr.124].

Nguyễn Mạnh Hưởng trong cuốn sách *“Tur tưởng Hồ Chí Minh về giữ nước từ khi chưa nguy”* [69], nhấn mạnh quá trình “xây dựng tiềm lực kinh tế, quân sự” phải luôn “gắn kết hữu cơ” với việc “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần”. Tác giả đưa ra lời cảnh báo sâu sắc rằng, nếu xem nhẹ nhân tố văn hóa, nhiệm vụ “giữ nước từ khi chưa nguy” sẽ trở nên bất khả thi; sự thiếu hụt này “thậm chí còn làm nảy sinh, phát triển những yếu tố, những nguy cơ đối với đất nước và chế độ” [69, tr.19].

Trong ấn phẩm *“Vấn đề tăng cường quốc phòng trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng”* [10] của Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự thuộc Bộ Quốc phòng, các thông qua phân tích quan điểm của Đại hội XII về tăng cường quốc phòng, bao gồm xác định vị trí, mục tiêu quốc phòng, tăng cường tiềm lực, “xây dựng thế trận” và “lực lượng quốc phòng”, các tác giả đều thống nhất quan điểm về “sự gắn kết hữu cơ, hài hòa giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội” với “củng cố quốc phòng, an ninh và hoạt động đối ngoại”. Bên cạnh “phát huy nội lực”, nghiên cứu cũng đặt trọng tâm vào yêu cầu “chủ động hội nhập”, xem việc “tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế về quốc phòng” là một giải pháp chiến lược trong bối cảnh mới.

Tác giả Nguyễn Bá Dương trong cuốn sách *Xây dựng “Thế trận lòng Dân” trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc* [24], đã khẳng định “thế trận lòng dân” luôn giữ vai trò “then chốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”. Để có được “thế trận lòng dân” vững chắc, tác giả đề xuất các giải pháp đa chiều, bao gồm: Tập trung “xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, giáo dục” về truyền thống yêu nước, ý thức bảo vệ Tổ quốc, tinh thần tự lực tự cường cho mọi người dân, nhất

là đối với thế hệ trẻ; “ban hành các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân”, “bảo đảm công bằng, công lý”. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Tác giả đặc biệt nhấn mạnh cần tăng cường hơn nữa việc bồi dưỡng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho mọi người dân, nhất là thế hệ trẻ, những người “chưa thấm hết nỗi đau của người dân mất nước, những hy sinh, mất mát to lớn để có được độc lập, tự do và cuộc sống hạnh phúc hôm nay” [24, tr.105].

Trong cuốn sách *“Văn hóa với sự phát triển của xã hội Việt Nam”* [133] do Lê Quang Thiêm chủ biên, đã đề cao vai trò của “hệ thống chính sách” trong “bảo vệ và phát huy văn hóa tinh thần”, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Các tác giả nhấn mạnh sự cần thiết của việc “bảo vệ nền văn hóa dân tộc”, truyền thống văn hóa, đồng thời đề xuất “một số chính sách” phù hợp nhằm “phát triển tài năng, nhân cách của con người Việt Nam”, xây dựng “mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa cá nhân với cộng đồng”. Để phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc, các tác giả kiến nghị: Xây dựng “hệ thống chính sách đồng bộ” nhằm “bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống”, “tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại”. Thực hiện “các chính sách bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc”, ngăn chặn sự xâm lăng văn hóa. Ban hành “các chính sách đầu tư” cho “các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học” để “phát triển toàn diện con người”. Tạo sự gắn kết giữa cá nhân và cộng đồng, phát huy “sức mạnh tập thể trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Tăng cường “mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa” nhằm “tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại”, “nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế”. “Chỉ có như vậy văn hóa Việt Nam mới tham gia vào giá trị văn hóa chung của khu vực và loài người tiến bộ” [133, tr.143].

Các tác giả Nguyễn Ngọc Thiện, Từ Thị Loan đồng chủ biên, trong cuốn sách *“Hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”* [134] đã tiếp cận vấn đề dưới góc nhìn

đa chiều và toàn diện. Về phương diện đối ngoại, nghiên cứu khẳng định vai trò chiến lược của “cộng đồng người Việt ở nước ngoài”, đặc biệt là “đội ngũ trí thức”, coi đây là “cánh tay nối dài” và là cầu nối văn hóa quan trọng để quảng bá hình ảnh quốc gia. Về phương diện đối nội, các tác giả kiến nghị một chiến lược giáo dục đồng bộ cho thế hệ trẻ nhằm vun đắp lòng tự hào dân tộc. Chiến lược này dựa trên hai trụ cột chính: một là, “tích hợp sâu rộng giáo dục truyền thống” vào hệ thống nhà trường thông qua “các môn khoa học xã hội nhân văn”; hai là, tận dụng tối đa sức mạnh lan tỏa của “hệ thống truyền thông đại chúng” và “truyền thông mới” để củng cố ý thức “bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc”.

Các tác giả trong chuyên khảo *“Phát huy khát vọng phát triển và sức mạnh văn hóa của con người Việt Nam trong thời kỳ mới”* [122] do Vũ Hồng Sơn, Phan Mạnh Toàn đồng chủ biên, đã tiếp cận vấn đề dưới góc độ tâm lý - xã hội. Nghiên cứu luận giải rằng, để khơi dậy mạnh mẽ “khát vọng phát triển”, trước hết cần củng cố vững chắc “niềm tin” của Nhân dân bằng “một hệ thống chính sách kinh tế - xã hội” hoàn thiện, đặc biệt là “các chính sách an sinh” nhằm “bảo đảm lợi ích thiết thực” cho con người. Trên cơ sở nền tảng niềm tin và sự đồng thuận xã hội đó, các tác giả kiến nghị nhóm giải pháp về tư tưởng - văn hóa: từ việc nâng cao chất lượng giáo dục lịch sử, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, đến việc chủ động thiết lập “vùng xanh” thông tin để “đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc”. Mục tiêu cuối cùng là chuyển hóa ý thức công dân thành “sức mạnh vật chất” trong “sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài viết quan trọng “Phát huy truyền thống đại đoàn kết, huy động sức mạnh của toàn dân tộc, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng” [147] đã đề xuất nhiều giải pháp quan trọng nhằm “tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước” và “đại đoàn kết toàn dân tộc” trong bối cảnh mới. Các giải pháp trọng tâm bao gồm “tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục”

để nâng cao nhận thức về ý nghĩa, giá trị của hai truyền thống này. Bài viết cũng nhấn mạnh “sự cần thiết phải củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc”. Để thực hiện được điều này, cần phải “hoàn thiện cơ chế, chính sách” để tạo điều kiện thuận lợi cho việc “phát huy sức mạnh của Nhân dân”; “khơi dậy và phát huy mạnh mẽ hơn nữa” nguồn lực nội sinh từ “chủ nghĩa yêu nước và đại đoàn kết toàn dân tộc” trong “sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”.

Nguyễn Trọng Nghĩa trong bài viết “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, góp phần tạo mọi điều kiện thuận lợi để đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” [104] đã luận giải sâu sắc “vị trí, vai trò chiến lược” của “công tác tư tưởng” trong bối cảnh hiện nay. Tác giả khẳng định đây là lĩnh vực then chốt, đi trước một bước để định hướng nhận thức, “củng cố niềm tin và tạo sự đồng thuận xã hội”, “góp phần quan trọng” xây dựng “nền tảng tinh thần vững chắc”, hình thành “sức mạnh văn hóa tinh thần của dân tộc”. Bài viết phân tích công tác tư tưởng có tác động mạnh mẽ trong việc “khơi dậy tinh thần yêu nước”, “ý chí tự lực, tự cường”, khát vọng phát triển, tạo động lực cho “công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Từ đó, tác giả nhấn mạnh sự cần thiết phải “đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng”, nâng cao tính thuyết phục, hấp dẫn, kịp thời và hiệu quả để “đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới”.

Bên cạnh đó, còn một số bài nghiên cứu đề cập đến những giải pháp “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”, nhất là những nội dung trọng yếu, như: “xây dựng, hoàn thiện chính sách”, tăng cường “hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục”... Tiêu biểu là: Lương Cường trong bài “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” [21]; Nguyễn Thị Tâm trong bài viết “Phát huy giá trị truyền thống dân tộc trong giáo dục lối sống cho thanh niên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh” [126]...

1.4. Khái quát giá trị của các công trình khoa học liên quan đến luận án đã tổng quan và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

1.4.1. Khái quát giá trị của các công trình khoa học đã được tổng quan

Về những vấn đề lý luận, các nghiên cứu đi trước đã trình bày hệ thống khái niệm và phân tích, khẳng định vai trò của sức mạnh văn hóa tinh thần trên một số phương diện nhất định. Các công trình đã luận giải sâu sắc các phạm trù cốt lõi như “văn hóa”, “văn hóa tinh thần”, “Tổ quốc”, “bảo vệ Tổ quốc”; đồng thời nhận diện và khẳng định “các giá trị tinh thần căn bản” của dân tộc, như: chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đại đoàn kết, ý chí tự lực, tự chủ, tự cường... Mặc dù có những cách tiếp cận và luận giải khác nhau, song về cơ bản, các công trình đều nhấn mạnh: “Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc” là “sức mạnh tổng hợp”, trong đó “nhân tố tinh thần luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng”, góp phần làm nên những thắng lợi to lớn của “sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam”.

Về phương diện thực tiễn, các công trình đã cung cấp một bức tranh đa chiều và có căn cứ, ghi nhận “những thành tựu to lớn” của việc “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam” trên các phương diện khác nhau; đồng thời cũng đã chỉ ra những hạn chế, thách thức trước yêu cầu mới của thời đại, như “sự suy giảm niềm tin”, sự “xói mòn giá trị” do “tác động mặt trái của kinh tế thị trường”, sự “tha hóa của một bộ phận cán bộ, đảng viên” và nguy cơ “xâm lăng văn hóa”... Trên cơ sở đó, nhiều vấn đề đặt ra cần tiếp tục được nghiên cứu giải quyết, như: cần “giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa sức mạnh vật chất và tinh thần”; phải “tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục” để “nâng cao nhận thức”; cần “hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật”; và đặc biệt là phải xây dựng, củng cố “thế trận lòng dân”...

Về phương diện giải pháp, trên các cách tiếp cận khác nhau, các công trình cũng đã đề cập đến khá nhiều các phương thức phát huy giá trị văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc.

Những công trình của các nhà nghiên cứu đi trước là nguồn tư liệu tham

khảo quý giá, gợi mở những tiền đề quan trọng cả về lý luận và thực tiễn để luận án tiếp tục kế thừa và phát triển.

1.4.2. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc giá trị của các công trình trước đó, luận án tập trung thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau:

Thứ nhất, hệ thống hóa và phân tích làm rõ nội hàm các khái niệm công cụ như “văn hóa tinh thần”, “sức mạnh văn hóa tinh thần”; luận giải bản chất, nội dung của hoạt động phát huy sức mạnh đó trong “sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”; đồng thời “nhận diện và phân tích hệ thống” các yếu tố chi phối đến quá trình này.

Thứ hai, phân tích thực trạng “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam” qua những năm tiến hành Đổi mới. Luận án tập trung làm rõ thành tựu, nhận diện những tồn tại, hạn chế và những nguyên nhân trên các phương diện; từ đó đúc kết những vấn đề cấp thiết đang đặt ra từ thực tiễn cần tập trung giải quyết.

Thứ ba, đề xuất hệ thống giải pháp cơ bản, đồng bộ, khả thi nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam” khi đất nước bước vào “kỷ nguyên mới”.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Các công trình liên quan đến “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam” đã được tổng quan giúp tác giả luận án có cách tiếp cận đối tượng nghiên cứu dưới lăng kính đa diện và khách quan. Trong đó, có những nội dung đã được nghiên cứu sâu sắc cần phải được kế thừa phát triển, có những nội dung do điều kiện cụ thể, do mục tiêu nghiên cứu khác nhau mà các tác giả trước chưa đề cập, cần phải tiếp tục nghiên cứu sâu hơn.

Kế thừa và tiếp tục phát triển các kết quả của những công trình nghiên cứu đi trước, luận án sẽ tập trung luận giải rõ khái niệm, nội dung “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam”; đánh giá thực trạng phát huy từ khi đất nước tiến hành đổi mới đến nay; trên cơ sở “quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng”, luận án đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm tiếp tục “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay”.

Chương 2

PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY – MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

2.1.1. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

2.1.1.1. Khái niệm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Tổ quốc không đơn thuần là một thực thể địa lý – hành chính, mà là một “phạm trù lịch sử – xã hội”, kết tinh mối liên hệ biện chứng giữa con người với cộng đồng, giữa “tồn tại xã hội” với những giá trị tinh thần, truyền thống lịch sử dân tộc. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, “Tổ quốc” hiện lên như một chỉnh thể sống động, vừa mang tính lịch đại trong tiến trình dựng nước và giữ nước, vừa mang tính đồng đại trong việc kiến tạo bản sắc, giá trị quốc gia trong thời đại mới.

Với Việt Nam, “Tổ quốc” không chỉ là mảnh đất thiêng liêng – nơi “hun đúc lòng yêu nước”, “ý chí quật cường” và tinh thần đoàn kết, mà còn là biểu tượng của sự thống nhất giữa tính dân tộc và tính giai cấp, giữa “khát vọng độc lập – tự do” và mục tiêu “phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa”. Với người Việt Nam, “Tổ quốc” không chỉ là sự cộng hưởng giữa các chiều kích địa lý – chính trị, mà còn là nơi quy tụ những giá trị thiêng liêng, biểu tượng kết tinh của “lý tưởng độc lập, tự do” và “con đường xã hội chủ nghĩa”.

Từ góc nhìn đó, “Tổ quốc Việt Nam hiện nay” được hiểu như một “thực thể toàn vẹn”, phản ánh sâu sắc tính lịch sử, tính dân tộc và tính giai cấp. Đây là không gian sống của “cộng đồng các dân tộc Việt Nam”, thể “thống nhất các điều kiện tự nhiên, chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội”, được hình thành, phát triển không ngừng trong “lịch sử dựng nước và giữ nước”. Tổ quốc không chỉ là biểu tượng của độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, mà còn là hiện thân của mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh – tức là nơi

hội tụ lý tưởng sống, bản sắc văn hóa và khát vọng vươn lên của toàn dân tộc.

Trong “con lốc” toàn cầu hóa và “biến động địa – chính trị” phức tạp, “sự phát triển bền vững” của mỗi quốc gia phụ thuộc vào khả năng chủ động bảo vệ những nền tảng căn cốt: chủ quyền, thể chế, văn hóa, kinh tế và con người. Ở Việt Nam, bảo vệ Tổ quốc không chỉ là phản ứng phòng thủ, mà là hành động chủ động, gắn liền với những chiến lược phát triển toàn diện. Không thể xây dựng một quốc gia hùng mạnh nếu thiếu khả năng “bảo vệ Tổ quốc”. Vì vậy, “bảo vệ vững chắc Tổ quốc” chính là cơ sở “bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định” cho quốc gia - dân tộc phát triển hùng cường.

Hiện nay, “bảo vệ Tổ quốc Việt Nam” không phải một hoạt động biệt lập, thuần túy mang tính quân sự, mà được đặt trong “chinh thể biện chứng giữa bảo vệ và phát triển”. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và những biến động sâu sắc của trật tự thế giới, bảo vệ Tổ quốc một mặt là chủ động chống lại những nguy cơ bên ngoài, song song với đó là quá trình tích cực gìn giữ, phát huy và lan tỏa “các giá trị mang bản sắc dân tộc” và các nguồn lực tổng hợp của quốc gia.

Với tư tưởng nhất quán về sự gắn kết giữa “dựng nước” và “giữ nước”, giữa giữa “xây dựng” và “bảo vệ Tổ quốc”, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa XIII) của Đảng khẳng định: Đây “là một nhiệm vụ chiến lược, trọng yếu, thường xuyên và lâu dài”, đồng thời “là sứ mệnh cách mạng cao cả của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta”. Mục tiêu xuyên suốt không chỉ là gìn giữ sự toàn vẹn của không gian địa lý và hệ thống thể chế, mà còn là duy trì và phát triển môi trường hòa bình – văn hóa – đạo lý, nơi “tổng hòa” những giá trị tốt đẹp của con người Việt Nam được nâng niu, tiếp nối và phát huy. Trong chiều kích đó, sức mạnh văn hóa tinh thần là nguồn lực mềm, vừa tạo động lực, vừa giữ vai trò định hướng nhận thức và hành động của “các chủ thể” trong sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước. Bảo vệ Tổ quốc, do đó, không còn bó hẹp trong giới tuyến quân sự hay an ninh truyền thống, mà được mở rộng thành một hệ tổng thể đa chiều: từ “giữ vững độc lập chính trị”, “chủ quyền toàn diện”

đối với lãnh thổ, đến bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng, bản sắc văn hóa, an ninh tư tưởng – thông tin, niềm tin xã hội và hệ giá trị dân tộc. Việc bảo vệ đó đòi hỏi sự chuyển hóa mềm dẻo giữa các phương thức – trong đó có các phương thức mang tính văn hóa – tư tưởng, được tổ chức và triển khai bởi các chủ thể xã hội đa dạng “dưới sự lãnh đạo” của Đảng, sự “điều hành” thống nhất của Nhà nước và sự “hưởng ứng tự giác” từ Nhân dân. Như vậy, “bảo vệ Tổ quốc” phải là sự “kết hợp hài hòa” giữa nội lực và ngoại lực, giữa truyền thống yêu nước với khả năng đổi mới tư duy chiến lược; giữa sức mạnh vật chất và chiều sâu văn hóa tinh thần – nơi mỗi cá nhân không chỉ là người thụ hưởng, mà còn là chủ thể sáng tạo và lan tỏa giá trị. Bản sắc, lòng yêu nước, khát vọng hòa bình, “tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc”, cùng với “ý chí tự lực, tự chủ, tự cường”,... chính là những thành tố cốt lõi của “sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc” từ gốc, từ sớm, từ xa.

Bên cạnh việc “xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân” vững chắc, bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay còn bao hàm việc kiến tạo không gian văn hóa – tư tưởng tích cực, khắc phục sự xói mòn các giá trị, chống lại sự xâm nhập của tư tưởng phản động, lệch chuẩn và những nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Đây chính là “mặt trận tinh thần” – nơi mà sự bền vững của quốc gia được củng cố không chỉ bằng vũ khí, mà bằng niềm tin, lý tưởng, đạo lý và văn hóa dân tộc.

Tiếp nối mạch tư duy chiến lược, Đại hội XIV của Đảng đã thực hiện một bước chuyển dịch mạnh mẽ sang tư duy “toàn diện, chủ động và tự chủ cao độ”. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc được mở rộng, hướng tới “bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia – dân tộc”, trọng tâm là “bảo vệ uy tín quốc tế” và các loại hình an ninh phi truyền thống. Tư duy chiến lược tiếp tục được nâng tầm qua việc khẳng định nguyên tắc “tự chủ về chiến lược” và phương châm “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa”, chuyển từ “ứng phó” sang “phòng ngừa” và “vô hiệu hóa” nguy cơ từ khi manh nha. Đặc biệt, nội hàm sức mạnh được nâng cấp thông

qua việc kết hợp chặt chẽ “thế trận lòng dân” với “lợi ích thiết thực của Nhân dân”, đồng thời đồng bộ hóa “quốc phòng – an ninh” với “đối ngoại” và “phát triển bền vững”, tạo thành một chỉnh thể thống nhất nhằm xây dựng “lực lượng vũ trang hiện đại”, đủ sức đối phó với “các thách thức chiến tranh công nghệ cao” và “an ninh mạng” trong tình hình mới.

Từ sự phân tích trên, có thể khái quát, “Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay” là *hệ thống các hoạt động thực tiễn tự giác, tổng hợp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; trọng tâm là phát huy sức mạnh toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và triệt tiêu các nguy cơ xâm hại độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia – dân tộc; tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, bền vững để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Trong bối cảnh thế giới và khu vực mang tính “bất định”, phức tạp, khó lường, “bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” được xác định là “nhiệm vụ chiến lược, trọng yếu và thường xuyên” của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” đã xác định rõ, mục tiêu bao trùm và xuyên suốt là “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định” để tập trung “đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, qua đó “phát triển đất nước nhanh và bền vững”. Để hiện thực hóa mục tiêu trọng yếu này, đòi hỏi phải “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ” trên mọi chiều kích – từ “đất liền, biên giới, hải đảo đến vùng trời và vùng biển thiêng liêng” của Tổ quốc. Đồng thời, phải “bảo vệ tuyệt đối an toàn Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa”. Đây là những thành quả cách mạng vĩ đại được dựng xây bằng máu xương và trí tuệ của nhiều thế hệ. Trọng tâm là phải “bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc” trên mọi phương diện, bảo đảm vững chắc an ninh sinh tồn, an ninh phát triển và an ninh con người. Đây là “sự nghiệp cách mạng vĩ đại của toàn dân tộc” dưới “sự lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam”, cùng với “sự quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu

quả” của Nhà nước. Sự nghiệp này đòi hỏi phải phát huy cao nhất “sức mạnh tổng hợp”, kết hợp nhuần nhuyễn “sức mạnh của dân tộc” với “sức mạnh của thời đại” thông qua việc xây dựng “nền quốc phòng toàn dân”, “nền an ninh nhân dân”, “thể trận quốc phòng toàn dân” và “thể trận an ninh nhân dân” vững chắc, “chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm”, “đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động” ngay “từ sớm, từ xa”.

Như vậy, bảo vệ Tổ quốc không chỉ mang hàm nghĩa “trách nhiệm” mà còn là “điều kiện tiên quyết” để xây dựng thành công “một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ”, đạt tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. “Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” không chỉ là nhiệm vụ chính trị, quân sự, mà còn là sự lựa chọn mang tính giá trị, lý tưởng và niềm tin của dân tộc. Đó là một tiến trình đòi hỏi phát huy toàn diện sức mạnh tổng hợp, đặc biệt là sức mạnh văn hóa tinh thần – “sức mạnh mềm” nhưng góp phần quan trọng tạo nên “năng lực tự chủ, tự lực, tự cường” của dân tộc.

2.1.1.2. Nội dung bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

Một là, “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ”, “bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa”. Quá trình phát triển bền vững của một quốc gia không thể tách rời khỏi các yếu tố nền tảng bao gồm sự toàn vẹn của lãnh thổ, sự ổn định, vững mạnh của thể chế chính trị và sự vững chắc, khoa học của hệ tư tưởng. Việc “giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia” không chỉ xét trên chiều cạnh độc lập, chủ quyền về mặt địa lý, mà còn là sự khẳng định “quyền tự quyết” về chính trị, độc lập về tư tưởng, đặc sắc về văn hóa. Trong giai đoạn hiện nay, “kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” tiếp tục vẫn là định hướng xuyên suốt trong đường lối xây dựng, phát triển và “bảo vệ Tổ quốc Việt Nam”.

Hai là, “bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại

hóa và lợi ích quốc gia – dân tộc”. Biện chứng của sự phát triển đòi hỏi phải nhận diện và giải quyết mâu thuẫn giữa cái cũ và cái mới, giữa yêu cầu phát triển và những rào cản kìm hãm. “Bảo vệ công cuộc đổi mới” là bảo vệ đường lối khắc phục những mâu thuẫn đó, tạo lập nền tảng vật chất – kỹ thuật để phát triển bền vững. Vượt ra ngoài khuôn khổ của một mục tiêu kinh tế thuần túy, đây còn là “những vấn đề chính trị, tư tưởng cốt yếu” nhằm bảo đảm “sự phát triển độc lập, tự chủ” trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng. “Phát huy tối đa nội lực”, kết hợp hài hòa giữa nội lực với ngoại lực chính là điều kiện tiên quyết để khẳng định “lợi ích quốc gia – dân tộc” trong một thế giới đa cực, bất định.

Ba là, “bảo vệ nền văn hóa dân tộc” và “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định”. Từ góc nhìn triết học, văn hóa là hình thức biểu hiện cao nhất của đời sống tinh thần, phản ánh “bản chất người” trong quá trình tồn tại và phát triển của mọi xã hội. “Bảo vệ nền văn hóa dân tộc” cũng có nghĩa là giữ gìn bản sắc, củng cố “sức mạnh mềm” – thứ có khả năng lan tỏa và thuyết phục trong đối nội lẫn đối ngoại. Đồng thời, “môi trường hòa bình và ổn định” không chỉ là điều kiện phát triển quốc gia, dân tộc, mà còn là kết quả của sức mạnh nội tại và sự gắn kết hài hòa với thế giới.

Bốn là, “bảo vệ và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của đất nước”; “đảm bảo an ninh quốc gia trong các lĩnh vực” phi truyền thống và hiện đại. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý – điều đó đòi hỏi sự khẳng định vị thế quốc gia không chỉ qua lời nói, mà bằng hành động thực tế, trách nhiệm và hiệu quả trên trường quốc tế. Việc chủ động thích ứng với các hình thái đe dọa mới như an ninh mạng, an ninh sinh thái, an ninh con người... thể hiện sự chuyển hóa của tư duy bảo vệ từ trạng thái “thụ động đối phó” sang “chủ động kiểm soát”.

Năm là, chủ động triệt tiêu các “nguy cơ gây mất ổn định từ bên trong” và ngăn ngừa “nguy cơ xung đột từ bên ngoài”. Trong biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả, giữa nội lực và ngoại lực, sự vững chắc từ bên trong (“trong âm”) cấu thành sức mạnh tổng hợp, cho phép quốc gia chủ động kiểm soát và

điều tiết các tác động ngoại biên để bảo đảm sự ổn định (“ngoài êm”). Phương châm “Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” chỉ có thể hiện thực hóa khi có được một “hệ miễn dịch” nội tại vững chắc. Điều này đòi hỏi sự “kết hợp hữu cơ” giữa “sức mạnh kinh tế bền bỉ”, “sự đồng thuận xã hội” dựa trên công bằng và một hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh làm nòng cốt để phát huy các giá trị của “nền dân chủ thực chất”. Đồng thời, nhất quán quan điểm “bốn không” trong quốc phòng là biểu hiện của lập trường độc lập, tự chủ, tránh “rơi vào thế bị động” trước những bất ổn của “môi trường địa – chính trị quốc tế”.

2.1.2. Sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

2.1.2.1. Khái niệm sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Trong quá trình hình thành và phát triển của các quốc gia, dân tộc, văn hóa luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Nó không chỉ định hình bản sắc, kết nối cộng đồng, mà còn thực sự “là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội” [27, tr.110]. Văn hóa bồi đắp nhân cách con người, tạo ra sự đồng thuận xã hội, khơi dậy tiềm năng sáng tạo và ý chí vươn lên của cả dân tộc. Đặc biệt, văn hóa tinh thần – với hệ thống các giá trị cốt lõi, chuẩn mực đạo đức, lối sống, truyền thống lịch sử và bản sắc độc đáo – chính là nguồn cội hun đúc nên sức mạnh nội sinh bền vững. Sức mạnh ấy thể hiện ở lòng yêu nước nồng nàn, ý chí kiên cường bất khuất, tinh thần đoàn kết, khả năng ứng phó trước thử thách, niềm tin vào tương lai và năng lực tự vệ của cả cộng đồng.

Từ góc độ triết học, nhiều nhà tư tưởng lớn đã có những đóng góp sâu sắc vào việc luận giải bản chất và vai trò của văn hóa. C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định, ý thức xã hội mà văn hóa là biểu hiện tiêu biểu – vừa do tồn tại xã hội quy định, vừa có tính độc lập tương đối và khả năng tác động trở lại cơ sở kinh tế. Văn hóa vì thế không chỉ là sản phẩm phản ánh hiện thực khách quan mà còn điều chỉnh, định hướng xã hội. Tiếp nối tư tưởng đó, V.I. Lênin coi văn hóa là “trụ cột cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa”. Người nhấn mạnh

“vai trò của văn hóa tinh thần” trong “xây dựng con người mới”, nhất là trong quá trình “định hình lý tưởng” và “nâng cao phẩm chất” người cộng sản.

Kế thừa và phát triển sáng tạo tinh thần đó trong bối cảnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Theo Người, con đường cứu nước, cũng như trong xây dựng đất nước phát triển bền vững không thể thiếu vai trò của văn hóa. Văn hóa, theo Người, không những là “nguồn lực to lớn” góp phần giải phóng dân tộc mà còn là “động lực và mục tiêu” của quá trình giải phóng con người. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã từng khẳng định, văn hóa là “tất cả những gì do con người tạo ra, ở trong con người và liên quan trực tiếp đến con người, tức là tất cả những gì không phải thiên nhiên” [51, tr.9]; văn hóa chính là “nguồn gốc”, là “sức mạnh” và là “động lực” giúp Việt Nam giành thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến giải phóng dân tộc.

Nhiều nhà nghiên cứu như Trần Văn Giàu, Phạm Xuân Nam, Trần Ngọc Thêm, Hoàng Vinh... cũng nhấn mạnh vai trò then chốt của văn hóa, đặc biệt là văn hóa tinh thần trong việc hình thành sức mạnh nội sinh. Trần Văn Giàu coi chủ nghĩa yêu nước là “lý thường hằng”, là cốt lõi của sức mạnh văn hóa dân tộc. Trần Ngọc Thêm đề xuất khái niệm văn hóa như là “hệ điều hành của xã hội”, điều tiết hành vi, định hình bản sắc và truyền dẫn hệ giá trị qua thời gian. Những nhận định này đồng quy ở một điểm cho rằng: văn hóa tinh thần không chỉ “phản ánh” mà ở một mức độ nhất định, còn “dẫn dắt” tiến trình lịch sử - xã hội.

Hiểu một cách tổng quát, *văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình tương tác, cải biến thế giới khách quan để phục vụ cuộc sống, vì sự phát triển của con người và cộng đồng*. Trong cấu trúc toàn diện của văn hóa, văn hóa tinh thần nổi lên là bộ phận đặc biệt quan trọng, cấu thành nên chiều sâu và bản sắc độc đáo. *Văn hóa tinh thần là hệ thống giá trị được hình thành, kết tinh và trao truyền qua các thế hệ trong*

quá trình con người chinh phục tự nhiên, xây dựng xã hội và hoàn thiện bản thân nhằm đạt tới những giá trị cao đẹp: dân chủ, tự do và hạnh phúc. Chính văn hóa tinh thần là nền tảng định hình nên tâm hồn, cốt cách, bản lĩnh và sức mạnh nội tại của mỗi cá nhân cũng như cả dân tộc.

Văn hóa tinh thần luôn hình thành và phát triển theo những quy luật khách quan và gắn chặt với “nền tảng vật chất” của xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Trong điều kiện đặc thù của Việt Nam, văn hóa tinh thần, với những giá trị cốt lõi như “chủ nghĩa yêu nước”, “tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc”, “ý chí tự chủ, tự lực, tự cường, khát vọng hòa bình, độc lập, tự do” và “nghệ thuật quân sự độc đáo”... đã được hun đúc và tôi luyện không ngừng qua thực tiễn dựng nước và giữ nước. Chính quá trình lao động sản xuất để duy trì sự tồn tại, chinh phục thiên nhiên khắc nghiệt, và đặc biệt là công cuộc chống ngoại xâm, đã định hình nên hệ thống giá trị tinh thần mang đậm bản sắc Việt Nam. Văn hóa tinh thần, với tư cách là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, vừa phản ánh tồn tại xã hội, vừa có tính độc lập tương đối và khả năng tác động trở lại cơ sở hạ tầng và tạo động lực mạnh mẽ cho “nền tảng vật chất xã hội” phát triển không ngừng.

Xét ở nghĩa phổ quát, sức mạnh là khả năng “tác động mạnh mẽ đến những người khác, đến sự vật, gây tác dụng ở mức cao” [109, tr.847]. Tuy nhiên, từ góc độ triết học và xã hội học, sức mạnh là tổng thể năng lực tiềm tàng và khả năng hiện thực hóa của một chủ thể hoặc hệ thống nhằm chi phối, cải biến hoàn cảnh, đạt mục tiêu đã định. Sức mạnh được nhận thức không chỉ là tổng thể năng lực vật chất, mà còn bao hàm các yếu tố phi vật chất như văn hóa tinh thần, tư tưởng, trí tuệ, và đặc biệt là khả năng chuyển hóa các tiềm năng thành hiện thực trong thực tiễn.

Khái niệm “*sức mạnh*”, đã được các nhà kinh điển và khoa học uy tín luận giải với nhiều chiều cạnh. Joseph Nye nêu khái niệm sức mạnh mềm, theo nghĩa là khả năng đạt được mục tiêu thông qua sự hấp dẫn văn hóa, tư tưởng,

chính sách thay vì ép buộc [73], [74], [75]. Edward Luttwak nhìn nhận sức mạnh địa kinh tế dựa trên vốn tư bản, đổi mới dân sự, thâm nhập thị trường, như những đòn bẩy quốc gia thay thế cho sức mạnh quân sự truyền thống [119].

Dưới góc độ của chủ nghĩa duy vật lịch sử, Ph. Ăng-ghe-n đề cao sức mạnh của tư duy lý luận và phép biện chứng, coi đây là năng lực cốt yếu để “phát triển khoa học”, mài dũa “trí tuệ con người”, “thúc đẩy tiến bộ” [16]. C.Mác tập trung vào “sức mạnh con người” trong xã hội và cách mạng, xem sự “giải phóng” và “phát triển toàn diện cá nhân” là mục đích tự thân, “biểu hiện cao nhất của tiến bộ xã hội” [139]. Kế thừa quan điểm của C.Mác – Ph.Ăngghen, V.I. Lê-nin nhấn mạnh sức mạnh tổng hợp từ “mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị”, là “yếu tố quyết định sự nghiệp đổi mới”, “xây dựng và phát triển đất nước” [15].

Từ quan niệm chung về sức mạnh và bản chất của văn hóa tinh thần, có thể hiểu: *Sức mạnh văn hóa tinh thần là tổng thể các nguồn lực nội sinh mang tính định hướng giá trị của một quốc gia - dân tộc; được hình thành từ sự kế thừa, sáng tạo và tiếp biến các giá trị cốt lõi trong tiến trình lịch sử; thể hiện qua khả năng quy tụ lòng dân, tạo sự đồng thuận về tư tưởng và ý chí, nhằm chuyển hóa thành sức mạnh vật chất cho sự nghiệp phát triển và bảo vệ Tổ quốc.*

Như vậy, sức mạnh văn hóa tinh thần bắt nguồn trực tiếp từ hệ giá trị tinh thần cốt lõi và “diện mạo tinh thần riêng biệt” vốn tạo nên “cốt cách” của mỗi quốc gia – dân tộc, được hun đúc, sàng lọc qua suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển. Tuy nhiên, “văn hóa tinh thần” với “tư cách” là một hệ giá trị tự nó mới chỉ tồn tại ở dạng “sức mạnh tiềm năng”, nó chỉ thực sự trở thành “sức mạnh hiện thực” khi được chủ thể đánh thức, định hướng và lan tỏa, biến thành ý chí, niềm tin, lý tưởng và hành động, có khả năng cải biến hiện thực. Đây là một sức mạnh mềm nhưng có nội lực bền vững và sức lan tỏa mãnh liệt, vừa mang tính nhân văn sâu sắc, vừa phản ánh tính lịch sử – xã hội. Sức mạnh này không chỉ là biểu tượng của chiều sâu văn hóa, mà còn được thể hiện qua các

phương diện cơ bản sau:

Một là, định hướng nhận thức của các chủ thể. Sức mạnh văn hóa tinh thần thể hiện ở khả năng kiến tạo hệ giá trị chung, bồi đắp niềm tin và lý tưởng sống cao đẹp, từ đó định hình nhận thức, ý chí và mục tiêu hành động của mỗi con người cũng như của cả cộng đồng. Đối với Việt Nam, những giá trị cốt lõi như lòng yêu nước nồng nàn, “tinh thần tự hào dân tộc”, “ý chí tự lực, tự cường, khát vọng hòa bình, độc lập, tự do”... đã và đang là nguồn động lực tinh thần to lớn giúp dân tộc kiên cường vượt qua mọi thử thách lịch sử.

Hai là, gắn kết mọi thành viên thành một khối “đoàn kết, thống nhất”. Sức mạnh này thể hiện ở khả năng tạo nên sự đồng thuận sâu sắc về mặt tư tưởng và cảm xúc của các chủ thể thành một chỉnh thể thống nhất. Thông qua các giá trị, truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp và biểu tượng chung, văn hóa tinh thần trở thành sợi dây liên kết bền chặt giữa các thế hệ, vùng miền và tầng lớp xã hội, thúc đẩy sự đoàn kết và hợp tác vì mục tiêu “xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Ba là, khơi dậy và thúc đẩy tiềm năng sáng tạo. Sức mạnh văn hóa tinh thần thể hiện ở khả năng khai phóng trí tuệ, khơi nguồn cảm hứng và thúc đẩy năng lực sáng tạo của con người, nhằm chuyển hóa các giá trị văn hóa thành động lực phát triển trong mọi lĩnh vực của thực tiễn đời sống. Nhờ đó, dân tộc có thể chuyển hóa tiềm năng thành những thành tựu cụ thể, góp phần nâng cao nội lực quốc gia và khẳng định vị thế quốc tế.

Bốn là, giáo dục, cảm hóa và hoàn thiện nhân cách con người. Một trong những biểu hiện mạnh mẽ nhất của sức mạnh văn hóa tinh thần là năng lực cảm hóa sâu sắc. Các giá trị tinh thần đóng vai trò “hệ điều tiết” trực tiếp đối với thế giới nội tâm; thông qua việc bồi đắp tư duy và cảm quan thẩm mỹ chúng định hình nhân cách, khơi thông dòng chảy đạo đức cao đẹp và ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trong mối quan hệ hữu cơ với gia đình, cộng đồng, Tổ quốc. Năng lực giáo dục, cảm hóa này đóng vai trò là “chất xúc tác” để thiết lập sự

“ổn định về thể chế”, “gia cố độ tin cậy” giữa các thành phần xã hội, đồng thời tạo ra “xung lực nội sinh” cho sự hưng thịnh bền vững của quốc gia – dân tộc.

“Sức mạnh văn hóa tinh thần” là nguồn nội lực to lớn tạo nên bản lĩnh dân tộc, khả năng chống chịu và tự vệ từ bên trong. Không chỉ định hướng tư duy, gắn kết cộng đồng và khơi dậy sáng tạo, mà còn góp phần hình thành sức mạnh tổng hợp quốc gia, tạo ra những “động lực nội sinh” thúc đẩy sự phát triển bền vững. Việc “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” chính là nhân tố quyết định đối với sự nghiệp “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” trong bối cảnh thời đại có nhiều thay đổi khó lường hiện nay.

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, dân tộc Việt Nam đã không ngừng bồi đắp nên một nền văn hóa đặc sắc, vừa mang đậm bản sắc truyền thống vừa thể hiện khí phách và bản lĩnh quật cường. Một nền văn hóa không chỉ thể hiện bản sắc dân tộc, mà còn kiến tạo nên một nguồn “sức mạnh nội sinh” vô tận, kết tinh từ “chủ nghĩa yêu nước”, “ý chí bất khuất”, “tinh thần đoàn kết” và “khát vọng hòa bình”. Đặc biệt, trong “thời đại Hồ Chí Minh”, dưới sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam, văn hóa trở thành “nguồn động lực mạnh mẽ”, một nhân tố “đã góp phần quyết định vào những thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội” [28, tr.40 - 41].

Văn hóa Việt Nam được hình thành từ sự cộng hưởng giữa sức sáng tạo nội sinh với quá trình tiếp biến linh hoạt “tinh hoa văn hóa nhân loại”. Trong chính thể đó, văn hóa tinh thần là bộ phận cốt lõi, giữ vai trò là “hồn cốt dân tộc”, nơi kết tinh những giá trị thiêng liêng và sâu sắc nhất. Những giá trị này vừa là nguồn lực, vừa là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho dân tộc trong suốt tiến trình “xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

“Sức mạnh văn hóa tinh thần Việt Nam” kết tinh trong những giá trị cốt lõi đã được tôi luyện và khẳng định qua thực tiễn lịch sử: *Chủ nghĩa yêu nước* là động lực xuyên suốt, thôi thúc toàn dân tộc đoàn kết, luôn sẵn sàng chiến

đầu, hy sinh vì độc lập và tự do. *Tinh thần đoàn kết, đồng thuận* tạo nên sức mạnh cộng đồng vô địch, là nền tảng để vượt qua mọi thử thách, chiến thắng mọi thế lực xâm lăng. *Ý chí tự lực, tự cường* cùng với *khát vọng hòa bình, độc lập, tự do* là biểu hiện sinh động của ý chí kiên định, không khuất phục trước mọi khó khăn, luôn vươn lên bằng nội lực và trí tuệ của chính mình. Đây cũng chính là mục tiêu cao cả, phản ánh lý tưởng sống nhân văn và tinh thần kiên trung của dân tộc Việt Nam. *Nghệ thuật quân sự độc đáo* là tinh hoa trí tuệ Việt Nam trong chiến tranh vệ quốc, thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo trong việc vận dụng sức mạnh tinh thần để chiến thắng kẻ thù.

Những yếu tố trên hòa quyện, bổ sung cho nhau, tạo thành một hệ giá trị văn hóa tinh thần đặc sắc – vừa truyền thống, vừa hiện đại, vừa đặc thù, vừa phổ quát, trở thành “sức mạnh nội sinh” trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

“*Sức mạnh văn hóa tinh thần Việt Nam*” tồn tại bền vững qua thời gian, thấm sâu vào ý thức, tư tưởng và thôi thúc hành động tự nguyện, tích cực của mỗi cá nhân, vì lợi ích cộng đồng và quốc gia, như Trần Văn Giàu từng khẳng định: văn hóa tinh thần làm cho “hết thế hệ này đến thế hệ khác, kiên trì, bất khuất, không mệt mỏi, không thối chí ngã lòng, khó khăn gian khổ nào cũng chịu được” [59, tr.291].

Như vậy, có thể hiểu: “*Sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam*” là *năng lực nội sinh tổng hợp, được kiến tạo từ hệ giá trị cốt lõi và bản sắc dân tộc; biểu hiện ở sự thống nhất giữa thế giới quan, niềm tin chính trị và khát vọng tự cường của con người Việt Nam; đóng vai trò là hệ điều tiết chiến lược nhằm chuyển hóa các nguồn lực tinh thần thành sức mạnh vật chất tổng hợp để chủ động ngăn ngừa, hóa giải các nguy cơ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa trong mọi điều kiện, hoàn cảnh lịch sử.*

2.1.2.2. *Những yếu tố cấu thành sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam*

Một là, “chủ nghĩa yêu nước” – hạt nhân cốt lõi nhất.

Là giá trị cốt lõi nhất, chủ nghĩa yêu nước như “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt và là điểm quy tụ của mọi giá trị tinh thần khác. Nó là nguồn sức mạnh vô tận đã nuôi dưỡng và dẫn dắt dân tộc ta vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách. Chủ nghĩa yêu nước đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người dân, trở thành “hệ điều tiết” tối thượng, đóng vai trò là “cột trụ” duy trì sự thống nhất và tính bền vững của chính thể văn hóa Việt Nam. Đây không chỉ là tình cảm, mà đã được nâng lên thành một triết lý xã hội và nhân sinh sâu sắc, là “tiêu điểm của các tiêu điểm, giá trị của các giá trị” [59, tr.94]. Mọi giá trị khác đều được soi chiếu và thẩm định qua lăng kính của lòng yêu nước.

Chính tình yêu quê hương đất nước là động lực mạnh mẽ nhất, thôi thúc người Việt Nam chiến đấu, hy sinh để bảo vệ non sông. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định, lòng yêu nước truyền thống đó đã tạo nên một “xung lực tinh thần” mãnh liệt để dân tộc ta “lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” [94, tr.38]. Lòng yêu nước chính là cội nguồn, là “dòng sữa tinh thần nuôi sống dân tộc” [157, tr.5], từ đó nảy mầm và nuôi dưỡng tất cả các phẩm chất tinh thần cao đẹp khác.

Hai là, tinh thần đoàn kết, đồng lòng, đồng thuận xã hội.

Từ nền tảng căn cốt là lòng yêu nước, một quy luật được hình thành: tình yêu đó không thể tồn tại đơn lẻ trong từng cá nhân mà trong cả cộng đồng và là sợi dây gắn kết cộng đồng thành một khối thống nhất. Đoàn kết là sự biểu hiện cụ thể của chủ nghĩa yêu nước trong các quan hệ xã hội, là cách thức mà lòng yêu nước chuyển từ tiềm năng thành sức mạnh thực tế. Yêu nước chính là điểm “đồng quy”, là sợi dây liên kết mọi giai tầng để tạo nên sức mạnh “muôn người như một”. Lịch sử đã chứng minh, khi lòng yêu nước dâng cao, nó sẽ kết tinh thành “khối đại đoàn kết toàn dân tộc” vững chắc, tạo nên sức mạnh vô địch, đúng như phương châm chiến lược được lãnh tụ Hồ Chí Minh xác lập: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”. Do đó, đoàn kết chính là sự hiện thực hóa, là biểu hiện sức mạnh xã hội của

lòng yêu nước.

Ba là, “ý chí tự lực, tự cường, khát vọng hòa bình, độc lập, tự do”.

Chính “khối đại đoàn kết toàn dân tộc” được bồi đắp bởi lòng yêu nước ấy, trong trường kỳ lịch sử thường xuyên phải đối diện với những kẻ thù xâm lược hùng mạnh hơn mình, đã tôi luyện nên “ý chí tự lực, tự cường” và khát vọng cháy bỏng về hòa bình, độc lập, tự do.

Ở đây, hai phương diện này không tồn tại biệt lập mà quy định lẫn nhau, là hai mặt của một chỉnh thể thống nhất. Khát vọng hòa bình, độc lập, tự do đóng vai trò là mục tiêu tối thượng, là ngọn đuốc soi đường, là câu trả lời cho câu hỏi “Chiến đấu vì cái gì?”. Nó là nguồn gốc của tính chính nghĩa, là lẽ sống của cả dân tộc. Chính điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết thành chân lý: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Nhưng khát vọng cao đẹp đó sẽ mãi chỉ là ước mơ nếu không có một phương thức để hiện thực hóa. Chính vì vậy, lịch sử đã hun đúc nên “ý chí tự lực, tự cường” – câu trả lời rõ ràng nhất đối với câu hỏi “Làm thế nào để đạt được mục tiêu đó?”. Đây là tinh thần không khuất phục, là bản lĩnh “luôn nỗ lực vươn lên bằng chính sức mình”, là nguồn lực nội sinh vượt qua mọi gian khó. Nếu khát vọng là mục đích, thì ý chí tự cường chính là động lực và con đường để đi đến mục đích. Sự thống nhất biện chứng này tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn. Khát vọng hòa bình, độc lập, tự do là động lực mạnh mẽ để hun đúc và kích thích “ý chí tự lực, tự cường”. Ngược lại, chính “ý chí tự lực, tự cường” là cơ sở, là điều kiện để bảo vệ và hiện thực hóa khát vọng đó. Sự hòa quyện này chính là “động lực và nguồn lực phát triển quan trọng” [43, tr.19-20], giúp dân tộc Việt Nam vượt qua mọi nghịch cảnh, trường tồn và phát triển.

Bốn là, nghệ thuật quân sự độc đáo.

Toàn bộ những giá trị tinh thần trên – bao gồm chủ nghĩa yêu nước với vai trò là hạt nhân, là cội nguồn của mọi sức mạnh; tinh thần đoàn kết, đồng lòng; “ý chí tự lực, tự cường” bất khuất gắn liền với “khát vọng hòa bình, độc

lập, tự do” – khi được vận dụng vào lĩnh vực đặc thù và khốc liệt nhất là đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, đã kết tinh và thăng hoa thành một sản phẩm trí tuệ độc đáo: nghệ thuật quân sự Việt Nam. Đây không chỉ đơn thuần là chiến lược, chiến thuật, mà chính là nghệ thuật chuyển hóa sức mạnh tinh thần thành sức mạnh vật chất, biến ý chí, quyết tâm thành hành động mưu trí, sáng tạo.

Nghệ thuật “lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều” chính là biểu hiện của “ý chí tự lực, tự cường”. Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, dựa vào sức mạnh chính nghĩa, chính là sự vận dụng “sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân”. Nghệ thuật “tâm công”, “dĩ bất biến ứng vạn biến” là sự thể hiện sâu sắc của trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam. Như vậy, nghệ thuật quân sự Việt Nam độc đáo không phải là một yếu tố biệt lập, mà là sự tổng hợp, là biểu hiện ở trình độ cao và tập trung nhất của “chủ nghĩa yêu nước”, “tinh thần đoàn kết, đồng lòng” và “ý chí tự chủ, tự lực, tự cường” trong lĩnh vực quân sự.

2.2. Thực chất phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

2.2.1. Khái niệm phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

“Phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay” là một quá trình tác động tự giác, có mục đích của các chủ thể nhằm khơi dậy, hội tụ và lan tỏa hệ giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi của dân tộc; chuyển hóa nguồn lực tinh thần này thành năng lực nhận thức, niềm tin chính trị và hành động thực tiễn của toàn dân tộc; tạo lập hệ điều tiết chiến lược để chủ động hóa giải các nguy cơ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa và giữ vững môi trường hòa bình để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phồn vinh, hạnh phúc.

Theo nghĩa đó, “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc hiện nay” là một chiến lược, nhằm biến “tiềm năng văn hóa tinh thần” của dân tộc thành “sức mạnh thực tiễn” trong sự nghiệp “bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

xã hội chủ nghĩa”. Trong thực tiễn, quá trình này không chỉ tạo ra “động lực” cho hành động, mà quan trọng hơn, nó đóng vai trò là nhân tố nền tảng, yếu tố quyết định trực tiếp đến thắng lợi của “sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”. Đây là yếu tố cốt lõi tạo nên bản lĩnh, ý chí, “sức đề kháng” của toàn dân tộc trước các tác động tiêu cực và hành vi “xâm phạm lợi ích tối cao của dân tộc”. Mức độ “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” cũng phản ánh chất lượng và chiều sâu sức mạnh của “nền quốc phòng toàn dân”, “nền an ninh nhân dân”. Sức mạnh này được khơi dậy, hun đúc và phát triển không ngừng từ hệ thống “các giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi” của dân tộc Việt Nam đã được hình thành, bồi đắp qua hàng nghìn năm lịch sử (như “lòng yêu nước nồng nàn”, “tinh thần đoàn kết”, “nhân nghĩa”, “ý chí tự chủ, tự lực tự cường”, sự hy sinh cao cả, truyền thống văn hiến, nghệ thuật quân sự đặc sắc, v.v.).

Thực chất của việc “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” là làm cho những giá trị này thấm thấu sâu sắc vào “tâm thức” và trở thành “kim chỉ nam cho hành động” của mọi chủ thể. Để phát huy hiệu quả “sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”, cần một tổng thể các “phương thức” đồng bộ, có hệ thống và được thực hiện một cách chủ động, sáng tạo. Chính sự triển khai hiệu quả tổng thể này tạo điều kiện và thúc đẩy quá trình nội hóa và chuyển hóa sâu sắc các giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi của dân tộc thành “sức mạnh thực tiễn” trong “sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”.

Quá trình chuyển hóa này biểu hiện cụ thể qua các cấp độ và phương diện: Trước hết, nó hình thành và củng cố ý thức, niềm tin, tình cảm cách mạng mạnh mẽ từ chiều sâu tâm thức cá nhân đến sự vận hành của tổng thể đời sống cộng đồng, thể hiện qua “ý thức tự tôn dân tộc”, tình yêu sâu sắc với quê hương đất nước, sự kiên định vào lý tưởng của Đảng, “tính ưu việt” của chế độ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh tổng hợp từ sự đồng thuận xã hội. Trên nền tảng ý thức và niềm tin đó, “những hằng số văn hóa và sức mạnh nội tâm” đã được hiện thực hóa thành ý chí và quyết tâm hành động mãnh liệt, củng cố bản lĩnh chính

trị, tối ưu hóa khả năng miễn nhiễm đối với các luận điệu xuyên tạc và phản động, hun đúc ý chí kiên cường, quyết tâm sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ “không gian sinh tồn” của dân tộc và “nâng cao phẩm giá” con người Việt Nam. Đỉnh cao được hiện thực hóa thông qua việc chuyển hóa những phẩm chất tinh thần thành hành động thực tiễn hiệu quả. “Sức mạnh văn hóa tinh thần” khi trở thành nguồn động lực nội sinh mãnh liệt, sẽ thúc đẩy các chủ thể xã hội phát huy tối đa tính năng động và tiềm năng sáng tạo. Đây chính là nhân tố quyết định để vận hành hiệu quả các trọng trách chính trị trong chiến lược phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc nền độc lập, tự chủ quốc gia.

Tóm lại, “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay” là yêu cầu khách quan, cấu thành nên sức mạnh nội sinh bền vững quốc gia; mang tính cấp bách, lâu dài và là trách nhiệm chính trị của mọi chủ thể. Đây không phải là một vấn đề cần giải quyết nhất thời, mà là một tiến trình vận động tự thân, xuyên suốt; đòi hỏi sự chung sức, đồng lòng và sự “hiệp đồng tổng lực” của mọi chủ thể xã hội. Bản chất của quá trình này là nhằm biến “tiềm năng văn hóa tinh thần” dân tộc thành nguồn lực và động lực nội sinh mạnh mẽ, hiệu quả. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa sâu rộng hiện nay, việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần càng trở nên đặc biệt quan trọng. Nó không chỉ góp phần “bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng”, “giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc” trước tác động từ bên ngoài, mà còn là “nền tảng tinh thần vững chắc” cho sự phát triển bền vững của đất nước, song hành và ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, đúng như tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đã khẳng định: “Phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế, chính trị, xã hội” [39, tr.15]. Khi các “giá trị văn hóa tinh thần” được khơi dậy và vận hành tối ưu, chúng sẽ kết tinh thành “nguồn nội lực tổng hợp”, tạo nên “lá chắn thép” bảo đảm sự trường tồn của chế độ xã hội chủ nghĩa trong mọi hoàn cảnh.

2.2.2. Chủ thể phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ

quốc Việt Nam hiện nay

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam – chủ thể giữ vai trò lãnh đạo “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay”.

Vai trò của Đảng được cụ thể hóa thông qua hệ thống định hướng chiến lược; trong đó, việc ban hành các nghị quyết về “xây dựng văn hóa, con người” không chỉ dừng lại ở phát triển xã hội mà còn trở thành “hạt nhân chính trị”, tạo tiền đề hữu cơ cho nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh. Đây là “kim chỉ nam” chỉ dẫn cho sự vận hành của toàn bộ hệ thống chính trị và xã hội. Dưới sự dẫn dắt của Đảng “nền tảng tư tưởng của Đảng” và “nền tảng tinh thần” của xã hội được xác lập vững chắc, tạo nên sự đồng thuận tuyệt đối về nhận thức, ý chí trong toàn dân tộc. Sự lãnh ấy còn thể hiện qua việc khơi dậy “các mã gen văn hóa” và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, chuyển hóa các giá trị truyền thống thành “nguồn lực vật chất đặc biệt”, sẵn sàng đáp ứng mọi thách thức của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc thông qua cơ chế huy động sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc. Như vậy, vai trò lãnh đạo của Đảng là “nhân tố tiên quyết” đảm bảo cho việc “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc” đi đúng hướng, phát huy tối đa hiệu quả trong thực tiễn.

Hai là, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – chủ thể quản lý tập trung, thống nhất, có trách nhiệm thể chế hóa và vận hành bộ máy hiện thực hóa hệ thống quan điểm của Đảng về “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”.

Vai trò này thể hiện chủ yếu qua các khía cạnh: Nhà nước đóng vai trò trung tâm trong việc chuyển hóa các quan điểm, định hướng của Đảng thành hệ thống pháp luật, chiến lược và quy hoạch phát triển mang tính pháp lý bắt buộc. Đây chính là quá trình tạo lập khung khổ chuẩn mực, đảm bảo tính thống nhất và xuyên suốt trong việc triển khai các chính sách văn hóa gắn liền với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Thông qua bộ máy hành chính đa tầng nấc, Nhà nước thực thi quyền quản lý và điều phối hoạt động của mạng lưới các thiết chế

văn hóa, giáo dục, khoa học và truyền thông - những kênh dẫn truyền chủ đạo, đóng vai trò định hướng giá trị, nuôi dưỡng và lan tỏa các xung lực tinh thần tích cực trong đời sống xã hội. Cùng với đó, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc phân bổ ngân sách, đầu tư hạ tầng kỹ thuật và chiến lược đào tạo nhân lực chất lượng cao. Đồng thời, Nhà nước tập trung thiết lập một môi trường pháp lý năng động, tạo dư địa cho sự sáng tạo, bảo tồn di sản và thúc đẩy các hoạt động xã hội lành mạnh, từ đó khơi thông các nguồn lực nội sinh của dân tộc. Thông qua các cơ quan chuyên môn, Nhà nước trực tiếp hiện thực hóa công tác giáo dục lòng yêu nước và ý thức công dân. Việc lồng ghép kiến thức quốc phòng - an ninh vào các hoạt động văn hóa - chính trị không chỉ giúp nâng cao nhận thức mà còn bồi dưỡng tinh thần, hình thành tư duy hành động nhất quán cho Nhân dân, trọng tâm là thế hệ trẻ và lực lượng vũ trang – những chủ thể nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Sự vận hành đồng bộ của bộ máy Nhà nước đóng vai trò là “xung lực chuyển hóa”, đưa những định hướng của Đảng về “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc” đi vào cuộc sống, tạo nên sức lan tỏa sâu rộng và hiệu quả trên thực tế góp phần củng cố “hệ giá trị an ninh quốc gia” và hình thành mẫu hình con người mới đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời đại số.

Đặc biệt, trong bộ máy Nhà nước, lực lượng vũ trang nhân dân giữ vai trò là lực lượng chính trị - chiến đấu tuyệt đối trung thành, đóng vai trò là “thanh bảo kiếm” và “lá chắn thép” bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam. Vai trò của lực lượng vũ trang không chỉ dừng lại ở sức mạnh quân sự hay an ninh, mà còn là “lực lượng tiên phong” trong xây dựng và lan tỏa các giá trị văn hóa đặc thù như: văn hóa quân sự, nghệ thuật quân sự Việt Nam, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” và hình ảnh người Công an nhân dân “vì nước quên thân, vì dân phục vụ”. Đây là những giá trị văn hóa tinh thần có sức cảm hóa mạnh mẽ, là khuôn mẫu mực thước về lòng yêu nước và ý chí hy sinh để giáo dục, định hướng cho toàn

xã hội, trực tiếp góp phần “xây dựng thể trận lòng dân” vững chắc.

Ba là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên – chủ thể “quy tụ sức mạnh đại đoàn kết”, thực hiện chức năng “cầu nối” giữa “Đảng – Nhà nước với các tầng lớp Nhân dân” nhằm hiện thực hóa các mục tiêu “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”.

Vai trò này được thể hiện qua các mặt sau: Trước hết, bằng việc vận dụng linh hoạt các phương thức tập hợp, chủ thể này đã tạo nên sự gắn kết hữu cơ giữa mọi giai tầng dân tộc, tôn giáo và kiều bào hải ngoại, hướng tất cả vào mục tiêu tối cao là sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Sự kết nối ấy không chỉ dừng lại ở phương diện cơ cấu, mà còn đóng vai trò là “nhịp cầu dẫn truyền” tư tưởng, đưa các quyết sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước thấm thấu cào đời sống nhân dân một cách tự nhiên, gần gũi, dễ hiểu, biến các tri thức lý luận thành nhận thức và hành động tự giác của quần chúng. Song hành với chức năng lan tỏa, hệ thống chủ thể này còn vận hành như một kênh phản hồi đa chiều, kịp thời chuyển hóa tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân thành cơ sở dữ liệu quan trọng để Đảng và Nhà nước điều chỉnh chính sách, từ đó thiết lập sự đồng thuận xã hội bền vững. Thông qua mạng lưới tổ chức rộng khắp và sức sống từ các phong trào thi đua yêu nước, các đoàn thể chính trị - xã hội đã trực tiếp bồi đắp, định hình các “mã gen văn hóa” cốt lõi như lòng yêu nước và bản lĩnh dân tộc đến từng cộng đồng và từng đối tượng cụ thể. Đặc biệt, vị thế của Mặt trận còn được khẳng định trong việc kiến tạo môi trường để Nhân dân thực thi quyền làm chủ thông qua cơ chế phản biện xã hội và giám sát quyền lực. Quá trình này không chỉ đảm bảo tính khách quan trong việc hoạch định chính sách mà còn là “nền tảng thực tiễn tất yếu” để các biện pháp “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” đi đúng quỹ đạo, đạt hiệu năng tối ưu, tạo thành “lá chắn tinh thần” vững chắc cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Với vai trò đặc thù của mình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành

viên là “lực lượng nòng cốt” đảm bảo cho quá trình “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” thực sự mang tính toàn dân, huy động được sức mạnh to lớn từ nền tảng xã hội sâu rộng, góp phần củng cố vững chắc “thế trận lòng dân” trong “sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Bốn là, Nhân dân vừa là “chủ thể khởi tạo, bồi đắp” các giá trị tinh thần, đồng thời cũng chính là “đối tượng trọng tâm” để các phương thức “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” hướng tới nhằm kiến tạo sức mạnh nội sinh cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Nhân dân với vai trò là “chủ thể” kiến tạo và không ngừng làm giàu các “giá trị văn hóa tinh thần” cốt lõi. Trong hàng ngàn năm lịch sử đầy gian lao thử thách, chính Nhân dân đã tôi luyện, chắt lọc và đúc kết nên những phẩm chất vô giá như lòng yêu nước nồng nàn, ý chí độc lập tự chủ, tinh thần đoàn kết keo sơn, lòng nhân ái bao dung, đức hy sinh cao cả, sự kiên cường bất khuất và trí thông minh, sáng tạo. Không chỉ dừng lại ở đó, trong đời sống thường nhật – từ lao động sản xuất đến các mối quan hệ xã hội, cũng như trong cuộc đấu tranh cam go với thiên nhiên và giặc ngoại xâm – Nhân dân đã liên tục sáng tạo, làm phong phú thêm vô vàn biểu hiện của văn hóa tinh thần, thể hiện qua phong tục, tập quán, lễ hội, tín ngưỡng, cùng các hình thức nghệ thuật dân gian đặc sắc như ca dao, tục ngữ. Ngày nay, vai trò chủ thể sáng tạo này tiếp tục được khẳng định mạnh mẽ khi Nhân dân chủ động trong “tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại”, đồng thời tinh táo gạn lọc những yếu tố lạc hậu, lỗi thời và bổ sung những giá trị mới phù hợp với dòng chảy của thời đại, đảm bảo rằng kho tàng văn hóa tinh thần dân tộc không ngừng được bồi đắp và phát triển, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của “sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”. Nhân dân còn đảm nhận sứ mệnh thiêng liêng là người gìn giữ và trao truyền bền bỉ di sản văn hóa tinh thần qua các thế hệ. Quá trình trao truyền này diễn ra một cách tự nhiên, thấm sâu và liên tục trong các thiết chế xã hội cơ bản như gia đình, dòng họ và cộng đồng làng xã. Chính bằng việc trực tiếp thực hành các

nghi lễ, phong tục, tham gia vào các lễ hội truyền thống và gìn giữ các hình thức nghệ thuật dân gian, Nhân dân đã làm cho các “di sản văn hóa tinh thần” dân tộc luôn sống động, có sức lan tỏa và được bảo tồn một cách vững chắc. Cũng chính Nhân dân là hiện thân sống động và là lực lượng nòng cốt, trực tiếp phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong thực tiễn bảo vệ Tổ quốc. Sức mạnh vô hình này biểu hiện một cách tập trung và rõ nét nhất ở chính phẩm chất và cốt cách con người Việt Nam. Lòng yêu nước, ý chí quyết tâm sắt đá và tinh thần đoàn của cả cộng đồng dân tộc đã hội tụ thành một nguồn lực tinh thần và vật chất khổng lồ, giúp dân tộc ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách và chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Lịch sử đã chứng minh, mỗi khi Tổ quốc lâm nguy, chính Nhân dân, với sự “thắm thấu” sâu đậm trong tâm khảm “những giá trị văn hóa tinh thần” sẽ không ngần ngại đứng lên chiến đấu, sẵn sàng hy sinh, biến văn hóa thành động lực thôi thúc mạnh mẽ và là vũ khí tinh thần vô cùng sắc bén. Trong bối cảnh đương đại, vai trò của Nhân dân còn được thể hiện ở việc họ là lực lượng tiên phong trong nhận diện, phê phán và “kiên quyết đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái, thù địch”, loại bỏ những yếu tố độc hại, phản động nhằm phá hoại nền tảng tư tưởng và xâm hại nền văn hóa dân tộc. Đồng thời, thông qua việc tích cực tham gia vào phong trào *“Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở”*, Nhân dân đang từng ngày chung tay tạo dựng môi trường xã hội ổn định, đồng thuận – đó chính là cơ sở vững chắc cho “nền quốc phòng toàn dân” và “nền an ninh nhân dân”.

Với tư cách là đối tượng, Nhân dân chính là mục tiêu trung tâm mà các “phương thức tác động” của các chủ thể khác hướng đến nhằm mục đích cốt lõi là bồi đắp, thay đổi nhận thức, củng cố tình cảm, ý chí, niềm tin, từ đó khơi dậy và nhân lên sức mạnh văn hóa tinh thần vốn có trong chính mỗi người dân. Các chủ thể khác, sử dụng tổng thể các biện pháp phù hợp nhằm giáo dục và tuyên truyền, giúp Nhân dân hiểu sâu sắc hơn về lịch sử, truyền thống dân tộc, cũng như nắm rõ bối cảnh đất nước và cục diện thế giới, nhận diện rõ “âm mưu,

thủ đoạn của các thế lực thù địch” và ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc. Thông qua các hoạt động đa dạng, các giá trị như lý tưởng cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, “kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội” và tiền đồ dân tộc tươi sáng được bồi đắp, đồng thời “tinh thần tự tôn”, lòng tự hào dân tộc cũng không ngừng được củng cố. Cùng với đó, các phương thức mà các chủ thể khác sử dụng còn hướng đến mục tiêu kiến tạo một đời sống văn hóa phong phú, lành mạnh, không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tinh thần mà còn làm cho Nhân dân thêm gắn bó mật thiết với quê hương, đất nước. Xét trên góc độ này, Nhân dân cũng là đối tượng cần được bảo vệ một cách chủ động và hiệu quả trước sự tấn công của các luồng văn hóa ngoại lai tiêu cực, các thông tin sai lệch, độc hại có nguy cơ làm “xói mòn bản sắc văn hóa” và “sức mạnh tinh thần” cốt lõi của dân tộc. Bên cạnh đó, các chính sách văn hóa cần được định hướng một cách chiến lược vào việc thúc đẩy tài năng phát triển, tạo những điều kiện thuận lợi nhất để mỗi người dân đều có thể trực tiếp sáng tạo và được thụ hưởng thực chất các giá trị văn hóa. Yếu tố then chốt là các chủ thể khác phải đồng lòng tạo dựng một “môi trường thể chế” ưu việt làm cho các giá trị tốt đẹp thấm thấu vào mọi quan hệ xã hội, lan tỏa đến từng cá nhân và thực sự chuyển hóa thành động lực nội sinh mạnh mẽ, thúc đẩy đất nước phát triển bền vững.

Như vậy, để “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc” một cách hiệu quả, cần có phải sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa các chủ thể, trong đó: Đảng giữ vai trò lãnh đạo, định hướng chiến lược; Nhà nước với chức năng quản lý, kiến tạo thể chế và nguồn lực; Mặt trận và các tổ chức thành viên làm trung tâm tập hợp, vận động và tập hợp lực lượng; cùng với đó là sự chủ động, tích cực sáng tạo của các tầng lớp Nhân dân. Sự hiệp đồng chặt chẽ và cộng hưởng sức mạnh của các chủ thể tạo nên một hợp lực to lớn, cho phép triển khai sâu rộng và hiệu quả các “phương thức phát huy”. Quá trình này hướng tới mục tiêu căn bản là làm cho các “giá trị văn hóa tinh thần” cốt lõi của dân tộc không chỉ được khơi dậy, hun đúc mà còn được chính Nhân dân

chủ động hấp thụ, kế thừa, phát huy và tự giác hiện thực hóa trong đời sống. Thông qua sự dẫn dắt, tổ chức, truyền cảm hứng của các chủ thể, kết hợp với ý thức tự giác, sự hưởng ứng và nỗ lực sáng tạo của Nhân dân, tiềm năng văn hóa tinh thần mới thực sự được đánh thức mạnh mẽ, bồi đắp và chuyển hóa thành nhận thức sâu sắc, niềm tin son sắt, ý chí kiên cường và hành động cụ thể của các chủ thể. Sự chuyển hóa thành công này chính là nguồn động lực nội sinh vô cùng to lớn, khuyến khích và thúc đẩy mọi người dân, với vị thế là người chủ thực sự, tích cực dần thân, tham gia vào mọi hoạt động thực tiễn, đóng góp trí tuệ và công sức vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trong mọi tình huống và thử thách.

2.2.3. Nội dung phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

Một là, phát huy chủ nghĩa yêu nước.

Chủ nghĩa yêu nước là giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi, xuyên suốt lịch sử dân tộc, được “tôi luyện” qua hàng nghìn năm lịch sử. Nó không chỉ là tình cảm thiêng liêng, mà còn là ý thức, bản lĩnh kiên cường, ý chí quật cường, tinh thần sẵn sàng hy sinh vì “lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc”. Chủ nghĩa yêu nước trong thời đại Hồ Chí Minh được nâng tầm, gắn kết chặt chẽ với “lý tưởng xã hội chủ nghĩa”.

Trong cấu trúc “sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc”, chủ nghĩa yêu nước giữ vai trò là nguồn sức mạnh tinh thần vĩ đại nhất. Nó không chỉ là động lực tự thân mà còn là “trục quy tụ” trực tiếp tạo nên động lực mạnh mẽ, bền vững để mọi người dân và lực lượng vũ trang chuyển hóa mọi nguồn lực thành sức mạnh thực tiễn, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Thông qua sự định hướng của Đảng, chủ nghĩa yêu nước tạo ra sự thống nhất giữa tâm lý xã hội và ý thức chính trị, thiết lập nền tảng cho sự “đồng thuận” xã hội và sự “kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”.

Phát huy chủ nghĩa yêu nước trong bảo vệ Tổ quốc hiện nay được hiểu

là tổng thể các hoạt động, biện pháp do các chủ thể tiến hành nhằm khơi dậy, nuôi dưỡng, bồi đắp và chuyển hóa sâu sắc tình cảm, ý thức, niềm tin yêu nước vào tâm thức của mỗi người dân, biến nó thành ý chí, quyết tâm và hành động tự giác, tích cực, hiệu quả trong bảo vệ Tổ quốc. Điều này đòi hỏi phải làm cho lòng yêu nước ăn sâu vào tư tưởng, tình cảm của từng cá nhân, gắn kết sinh mệnh với sự hưng vong và khát vọng phồn vinh của dân tộc. Bởi “việc phát huy chủ nghĩa yêu nước, khơi dậy tình yêu quê hương đất nước, ý thức xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ chủ quyền quốc gia ăn sâu vào từng cá nhân là việc làm cấp thiết, quan trọng có tính sống còn” [106, tr.77].

Việc phát huy sức mạnh chủ nghĩa yêu nước cần được tiến hành toàn diện, thông qua công tác giáo dục, hoạt động tuyên truyền về lịch sử vẻ vang, những giá trị đặc sắc dân tộc; tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước gắn với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; biểu dương, tôn vinh các gương điển hình về lòng yêu nước, tinh thần cống hiến; kiến tạo môi trường để mọi người dân, đặc biệt là những thế hệ kế cận, thể hiện lòng yêu nước một cách cụ thể, thiết thực trong hoạt động thực tiễn, sẵn sàng trực tiếp tham gia các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng và cống hiến cho sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

Hai là, phát huy tinh thần đoàn kết, đồng lòng.

Tinh thần đoàn kết, đồng lòng là một trong những truyền thống quý báu, là giá trị đặc sắc nhất, đã trở thành cội rễ sức mạnh của dân tộc Việt Nam qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Đó là trạng thái đồng thuận cao độ giữa ý chí và hành động của toàn dân tộc, hóa giải mọi khác biệt về giai tầng, dân tộc, tôn giáo và vùng miền để tạo nên sức mạnh tổng hợp, tất cả hướng đến mục tiêu đảm bảo cao nhất “lợi ích quốc gia - dân tộc”.

Đặt trong bối cảnh bảo vệ Tổ quốc hiện nay, trước những biến động khó lường của cục diện quốc tế cùng sự đan xen giữa các thách thức an ninh quốc gia, tinh thần đoàn kết, đồng lòng là nguồn sức mạnh vô giá, có ý nghĩa quyết định. Nó tạo nên “khối đại đoàn kết toàn dân tộc” vững chắc, làm nên “thế trận

lòng dân” - nền tảng xây dựng “nền quốc phòng toàn dân”, “nền an ninh nhân dân”. Sức mạnh đoàn kết giúp nhân lên gấp bội tiềm lực quốc gia, tạo khả năng chống chịu và vượt qua mọi trở ngại, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, bảo đảm cho chính trị được ổn định và duy trì môi trường xã hội trong quỹ đạo kỷ cương, an toàn. Tinh thần đoàn kết luôn song hành và hòa quyện cùng “chủ nghĩa yêu nước” cùng “ý chí tự lực, tự cường”. Trong đó, yêu nước là “nguồn cội quy tụ” mọi tầng giai tầng (đoàn kết trên nền tảng tình yêu Tổ quốc), còn “tinh thần tự lực, tự cường” là “phẩm chất bảo đảm” cho sự đoàn kết trở nên thực chất (đoàn kết để tự mình vượt qua mọi khó khăn, thử thách không trông chờ, ỷ lại) giúp dân tộc chủ động vượt qua khó khăn bằng chính sức mạnh nội sinh của mình.

Phát huy tinh thần đoàn kết, đồng lòng trong bảo vệ Tổ quốc chính là quá trình không ngừng củng cố, tăng cường tinh thần “đồng thuận, đồng lòng” toàn dân tộc trên nền tảng liên minh chặt chẽ giữa các giai tầng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Quá trình này đòi hỏi sự nỗ lực của mọi chủ thể nhằm: xây dựng sự đồng thuận xã hội trên cơ sở “giải quyết hài hòa lợi ích”, xây dựng nền dân chủ thực chất và thực hiện công bằng xã hội; chống lại mọi yếu tố gây chia rẽ, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; nuôi dưỡng tình cảm cộng đồng, tình làng nghĩa xóm, truyền thống “lá lành đùm lá rách”, “thương người như thể thương thân”.

Sức mạnh của tinh thần đoàn kết trong bối cảnh hiện nay, được biểu hiện rõ nét nhất thông qua sự đồng thuận, nhất trí của toàn dân tộc trong việc thực thi các đường lối chiến lược. Tinh thần ấy không chỉ chuyển hóa thành các phong trào thi đua thực tế, các hoạt động tương trợ cộng đồng mà còn xác lập một tâm thế chủ động, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của Tổ quốc; từ đó góp phần trực tiếp vào sự nghiệp “xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Ba là, phát huy ý chí tự lực, tự cường; khát vọng hòa bình, độc lập, tự do.

Trong tiến trình lịch sử dân tộc, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng hòa

binh, độc lập, tự do là hai giá trị cốt lõi. Sự tương tác biện chứng giữa hai yếu tố này đã tôi luyện nên bản lĩnh và sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt Nam.

“*Ý chí tự lực, tự cường*” là bản lĩnh lấy việc “phát huy nguồn lực nội sinh làm nền tảng” để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đồng thời khẳng định sự độc lập về tư duy và hành động, không thụ động hay lệ thuộc vào bên ngoài. “*Khát vọng hòa bình, độc lập, tự do*” là mong muốn cháy bỏng, thiêng liêng, là lý tưởng và mục tiêu phấn đấu xuyên suốt của dân tộc, được đánh đổi bằng biết bao xương máu qua các cuộc đấu tranh vệ quốc vĩ đại. Sự kết hợp giữa “hai giá trị” này đã tạo nên sức mạnh nội sinh to lớn, bền vững cho dân tộc. Trong đó, khát vọng về một quốc gia tự chủ, thái bình chính đóng vai trò là nguồn mạch định hướng, tạo động lực để phát huy tối đa nội lực. Ở chiều ngược lại, ý chí tự lực, tự cường chính là phương thức và lộ trình tất yếu để hiện thực hóa, đồng thời bảo vệ vững chắc các giá trị cốt lõi đó trước mọi biến động của lịch sử.

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, sự “giao thoa” giữa hai yếu tố này trở thành yêu cầu khách quan có tính chất sống còn. “Ý chí tự lực, tự cường” là tiền đề để chủ động xây dựng tiềm lực tổng hợp quốc gia dựa trên nguồn lực nội tại, nhằm nâng cao khả năng tự vệ và bảo đảm tính tự chủ trong mọi tình huống. Song hành với đó, khát vọng hòa bình, độc lập, tự do đóng vai trò định hướng chính nghĩa cho mọi hành động, tạo dựng sự đồng thuận từ bên trong nước và sự ủng hộ từ bên ngoài, giúp bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa” bằng các phương thức hòa bình. Chính thể sức mạnh này, khi được chủ nghĩa yêu nước soi chiếu và “tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc” khuếch trương, sẽ tạo nên một “khối gắn kết” vô song. Nó không chỉ biểu hiện qua sự nỗ lực vươn lên chiếm lĩnh những đỉnh cao phát triển mà còn thể hiện ở sự kiên định, bất khuất trong bảo vệ môi trường sinh tồn của quốc gia – dân tộc.

Phát huy sức mạnh của “ý chí tự lực, tự cường” gắn với “khát vọng hòa bình, độc lập, tự do” trong bảo vệ Tổ quốc thực chất là quá trình “nội hóa” và làm sâu sắc các hệ giá trị này vào tư duy và hành động của mỗi cá nhân cũng

như toàn xã hội. Tiến trình này đòi hỏi sự triển khai đồng bộ trên các phương diện trọng yếu: Về mặt nhận thức, cần tăng cường giáo dục chính trị, làm rõ tính kế thừa của truyền thống kiên cường, bất khuất và giá trị của hòa bình, độc lập, tự do trong dòng chảy lịch sử dân tộc. Về mặt thực tiễn, phát triển nền tảng vật chất – kỹ thuật gắn với đột phá khoa học - công nghệ phải được xác định là nền tảng quyết định năng lực tự cường quốc gia. Về mặt thể chế, cần tạo lập cơ chế khơi thông sự sáng tạo, đổi mới và bản lĩnh dám nghĩ, dám làm trong mọi tầng lớp xã hội. Trên phương diện đối ngoại và an ninh, phải kiên định đường lối độc lập, tự chủ để vừa chủ động hội nhập, vừa xây dựng “lá chắn” vững chắc nhằm hóa giải các nguy cơ từ chiến lược “diễn biến hòa bình”, bảo tồn “lợi ích quốc gia – dân tộc” cốt lõi và kiến tạo không gian chiến lược hòa bình ổn định bền vững.

Bốn là, phát huy nghệ thuật quân sự Việt Nam độc đáo.

Nghệ thuật quân sự là một di sản đặc sắc và quý báu, được kết tinh từ trí tuệ, bản lĩnh, kinh nghiệm thực tiễn hàng nghìn năm lịch sử bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Việt Nam. Nó không chỉ là chiến lược, chiến thuật đánh giặc, mà là sự hiện thực hóa các quy luật của chiến tranh một cách linh hoạt, phù hợp dựa trên nền tảng tư tưởng quân sự của dân tộc, thấm đẫm chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, truyền thống nhân nghĩa, đặt nhân tố con người và yếu tố chính trị - tinh thần lên hàng đầu để “*lấy ít địch nhiều*”, “*lấy yếu thắng mạnh*”, “*lấy nhỏ thắng lớn*”, giành thắng lợi trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Tính “độc đáo” của nó, được thể hiện ở sự kết hợp hài hòa giữa “tư duy quân sự bác học” với kinh nghiệm chiến đấu của Nhân dân, giữa chiến tranh chính quy và chiến tranh du kích, giữa đấu tranh vũ trang và đấu tranh trên các mặt trận khác. Sức mạnh của “nghệ thuật quân sự Việt Nam độc đáo” được biểu hiện tập trung ở khả năng xây dựng lực lượng vũ trang “tinh, gọn, mạnh”, có sức chiến đấu cao; nghệ thuật tổ chức, điều hành linh hoạt các hoạt động quốc phòng, an ninh; đặc biệt là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cách đánh

sáng tạo với việc phát huy tiềm lực chính trị - tinh thần và vật chất của toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, nghệ thuật quân sự độc đáo là thành tố cốt lõi cấu thành sức mạnh văn hóa tinh thần của nền quốc phòng, an ninh Việt Nam. Nó cung cấp tư duy, tầm nhìn chiến lược, sách lược tài tình để xây dựng “nền quốc phòng toàn dân”, “nền an ninh nhân dân”. Sức mạnh của nghệ thuật quân sự Việt Nam còn nằm ở khả năng hun đúc ý chí quyết chiến, quyết thắng, tạo dựng niềm tin vững chắc vào khả năng tự vệ và chiến thắng của dân tộc, biến yếu tố tinh thần thành sức mạnh vật chất to lớn trên chiến trường hiện đại. Nó góp phần nâng cao lòng tự hào dân tộc và bản lĩnh Việt Nam trong đối phó với các thách thức.

Phát huy sức mạnh của “nghệ thuật quân sự Việt Nam độc đáo” thực chất là quá trình “thấm thấu”, kế thừa có chọn lọc và “nâng tầm” các nguyên lý “chiến tranh nhân dân”, nhằm tạo tiền đề để củng cố nền quốc phòng toàn dân sát hợp với bối cảnh mới. Điều này đòi hỏi phải: Đưa các giá trị, tư tưởng và bài học kinh nghiệm của nghệ thuật quân sự Việt Nam vào công tác huấn luyện, giáo dục lý luận chính trị cho mọi đối tượng. Vận dụng sáng tạo các nguyên lý, phương thức tác chiến của “chiến tranh nhân dân” đối với các loại hình chiến tranh hiện đại và phi truyền thống. Kết hợp hiện đại hóa “khoa học - công nghệ quân sự” với phát huy nhân tố con người và nghệ thuật tổ chức, sử dụng lực lượng của Việt Nam. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giá trị và tính độc đáo của nghệ thuật quân sự Việt Nam để củng cố niềm tin và ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc trong toàn dân.

2.2.4. Phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

Một là, kiến tạo các thể chế tạo môi trường, điều kiện cho việc giữ gìn, bảo vệ, khơi dậy và lan tỏa các “giá trị văn hóa tinh thần”; qua đó, tạo tiền đề hiện thực hóa “sức mạnh tiềm năng” thành “sức mạnh hiện thực” trong tiến

trình hoạt động thực tiễn của các chủ thể.

Hệ thống thể chế liên quan có phạm vi liên ngành, bao trùm các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chính sách trong mỗi lĩnh vực đều góp phần quan trọng vào việc “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần”:

Chính sách kinh tế - xã hội: Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, tạo nền tảng vững chắc cho sự ổn định, đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin vào Đảng và chế độ –những yếu tố thiết yếu để củng cố tinh thần đoàn kết và lòng yêu nước.

Chính sách trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ: Trực tiếp khơi thông các nguồn lực, định hướng cho việc bảo tồn, kế thừa, phát triển chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, nhân nghĩa, nghệ thuật quân sự..., thúc đẩy sáng tạo văn hóa, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân cách, đạo đức, lý tưởng sống, qua đó hun đúc “ý chí tự lực, tự cường” và khát vọng cao đẹp.

Chính sách trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại: Tạo dựng môi trường hòa bình và ổn định chiến lược để đất nước phát triển; nâng cao sự nhạy bén chính trị trong bối cảnh phức tạp của thời đại; kiên định giá trị độc lập dân tộc làm điểm tựa tinh thần, đồng thời chủ động kiến tạo các giá trị giao thoa trong hội nhập quốc tế trên nguyên tắc giữ vững bản sắc, góp phần tăng cường sức mạnh tinh thần trong bối cảnh hội nhập.

Việc hoàn thiện và thực thi đồng bộ hệ thống thể chế nhằm kiến tạo một xã hội hài hòa, nơi những “giá trị văn hóa tinh thần” được định vị là “hạt nhân cốt lõi”, được bảo tồn và tối ưu hóa sức mạnh lan tỏa, thiết lập nền tảng cho sự phát triển bền vững trên mọi “trụ cột quốc gia”, từ đó hiện thực hóa mục tiêu chiến lược về bảo vệ chủ quyền và an ninh toàn diện. Để đạt hiệu quả tối ưu, các chính sách cần có sự phối hợp chặt chẽ, nhất quán, kịp thời, dựa trên phân tích sâu sắc thực tiễn và bám sát đường lối của Đảng.

Hai là, thông qua quá trình giáo dục trong các môi trường gia đình, nhà trường và xã hội. Đây là phương thức cốt lõi, có tính nền tảng và quyết định

trực tiếp đến sự hình thành hệ giá trị, bồi dưỡng nhân cách, ý thức, niềm tin và bản lĩnh cho mỗi cá nhân – chủ thể của sức mạnh văn hóa tinh thần.

Thực chất công tác giáo dục (theo nghĩa rộng) là một quá trình chủ động, có hệ thống và liên tục, được định hướng bởi hệ thống thể chế và sử dụng các nội dung, thành tựu của văn hóa và khoa học để trực tiếp tác động sâu sắc đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm, ý chí của người học (ở mọi lứa tuổi và môi trường); lan tỏa và hiện thực hóa các giá trị cốt lõi của dân tộc nhằm đạt tới sự đồng thuận nhận thức và nội hóa tinh hoa truyền thống vào cấu trúc tư duy của mỗi cá nhân. Thông qua việc kế thừa các giá trị lịch sử và bản sắc đặc thù, quá trình này trực tiếp định hình hệ giá trị nhân cách con người Việt Nam hiện đại: những chủ thể có nhân sinh quan cách mạng vững vàng, tinh thần tự tôn dân tộc mãnh liệt và thái độ trách nhiệm chuẩn mực trước vận mệnh quốc gia – dân tộc. Kết quả cuối cùng của quá trình này là nhằm định hình hình mẫu con người Việt Nam có ý chí tự nguyện và tinh thần tự cường, sẵn sàng chuyển hóa nhận thức thành hành động cụ thể trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia.

Để đạt hiệu quả tối ưu, công tác giáo dục đòi hỏi phải tái cấu trúc toàn diện về khung nội dung và phương thức chuyển tải. Trọng tâm là chuyển từ lối truyền thụ thụ động sang “kích hoạt” năng lực tự kiến tạo tri thức, thúc đẩy tư duy phản biện và khả năng gắn kết chặt chẽ lý luận với thực tiễn. Cần kết hợp hài hòa giáo dục kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên môn với việc bồi đắp bản lĩnh chính trị, chuẩn mực đạo đức và ý thức tự tôn trên nền tảng văn hiến dân tộc. Đây chính là chìa khóa để xác lập một thái độ trách nhiệm tự giác đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong bối cảnh mới.

Công tác giáo dục, nhằm bồi đắp sức mạnh văn hóa tinh thần cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, được tích hợp sâu rộng và vận động biện chứng trong mối tương quan giữa ba môi trường chính. Trước hết là *giáo dục trong gia đình*, nơi đóng vai trò nền tảng ban đầu, hình thành nhân cách, bồi dưỡng tình cảm, truyền thống gia đình và tình yêu quê hương đất nước sơ khai cho mỗi con

người. Tiếp theo là *giáo dục trong nhà trường*, môi trường cung cấp hệ thống kiến thức chính thống, bồi dưỡng lý tưởng, phẩm chất công dân, và trang bị kiến thức, kỹ năng quân sự - an ninh thiết yếu dựa trên khung chương trình chính quy, chuẩn hóa. Song hành và hỗ trợ là *giáo dục trong xã hội*, thông qua các kênh truyền thông đại chúng và các nền tảng tương tác văn hóa – cộng đồng, các phong trào, sự kiện chính trị - xã hội..., tạo môi trường học tập suốt đời, góp phần củng cố, lan tỏa các giá trị văn hóa tinh thần và định hướng nhận thức, thái độ, hành vi xã hội. Chính vì vậy, sự “hiệp đồng chiến lược” của cả ba môi trường này, đặt dưới sự định hướng chính trị của Đảng và sự điều tiết của Nhà nước, là yếu tố then chốt tạo nên sức mạnh tổng hợp của hệ thống giáo dục. Việc nâng tầm hiệu quả phương thức này thực chất là quá trình tối ưu hóa tiềm năng con người thông qua việc kiến tạo nền tảng tư tưởng vững chắc và nguồn vốn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng những đòi hỏi tất yếu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới.

Ba là, thông qua hoạt động thông tin, tuyên truyền, đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, đặc biệt trên không gian mạng. Đây là phương thức sắc bén, có tính định hướng và dẫn dắt, đóng vai trò trực tiếp và hiệu quả trong việc tác động, định hình nhận thức, tư tưởng, tình cảm của quần chúng nhân dân và toàn xã hội.

Bản chất của phương thức này là quá trình phổ quát hóa hệ giá trị nhân văn và tinh hoa văn hóa dân tộc gắn liền với nền tảng tư tưởng của Đảng; qua đó xác lập thế trận để “vô hiệu hóa” các quan điểm sai trái, thù địch, cùng những mưu đồ “diễn biến hòa bình” trên bình diện ý thức hệ.

Mục tiêu cốt lõi là kiên cố hóa nền tảng tư tưởng của Đảng, tạo dựng sự đồng thuận xã hội cao, định hướng dư luận hướng tới sự kiến tạo, giữ vững chủ quyền quốc gia. Quá trình này đồng thời củng cố niềm tin, ý chí và bản lĩnh dân tộc, đặc biệt trước sự chi phối của kỷ nguyên bùng nổ thông tin và sự phát triển của không gian mạng - nơi diễn ra cuộc đấu tranh tư tưởng gay gắt. Công

tác này thủ giữ vai trò then chốt trong việc thẩm thấu, nội hóa tinh hoa văn hóa dân tộc vào tâm thức xã hội, tạo nên sức đề kháng tư tưởng bền vững.

Để đạt hiệu quả cao, phương thức này đòi hỏi một sự chuyển dịch căn bản về khung tri thức và phương thức biểu trong công tác tuyên truyền, nâng cao tính hấp dẫn, thuyết phục, kịp thời và chính xác. Cần phải tận dụng tối đa các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến, nhằm tối ưu hóa năng lực truyền tải của hệ thống truyền thông đa phương tiện; trong đó, trọng tâm là nền tảng internet và các mạng lưới kết nối số. Sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả giữa công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục và hoạt động văn hóa là điều kiện tiên quyết để phát huy tối đa sức mạnh văn hóa tinh thần vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Mỗi liên hệ hữu cơ này thể hiện ở chỗ: Hoạt động truyền thông tư tưởng kế thừa nền tảng nhận thức và hệ giá trị được bồi đắp bởi giáo dục, đồng thời vận dụng đa dạng hình thức và nội hàm phong phú của hoạt động văn hóa để truyền tải, lan tỏa các giá trị văn hóa tinh thần, định hướng tư tưởng chính thống một cách sinh động, hấp dẫn và dễ tiếp nhận; ngược lại, truyền thông tư tưởng góp phần củng cố nội dung giáo dục, bảo tồn hệ sinh thái văn hóa khỏi các tác động tiêu cực, củng cố niềm tin và định hướng dư luận xã hội theo mục tiêu chung.

Để phát huy hiệu quả sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc, cần tập trung thực thi các giải pháp then chốt hướng tới tối ưu hóa hiệu quả của công tác thông tin, tuyên truyền và xác lập vị thế chủ động trong không gian đấu tranh ý thức hệ đầy phức tạp hiện nay. Trước hết, phải hình thành một hệ thống truyền thông hiện đại, chuyên nghiệp và vững mạnh cả về cơ sở vật chất lẫn công nghệ, đi đôi với việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên môn trong các lĩnh vực tư tưởng, báo chí, xuất bản, đảm bảo tính chuyên nghiệp và bản lĩnh vững vàng. Tiếp theo, cần đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức tiếp cận sao cho hấp dẫn, thuyết phục, phù hợp đối với mỗi đối tượng và từng môi trường nhất định. Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt của báo chí, truyền

thông trong định hướng dư luận xã hội và lan tỏa các giá trị tốt đẹp. Đặc biệt quan trọng là phải chủ động đấu tranh phản bác có hiệu quả đối với các quan điểm, luận điệu sai trái, thù địch, thông tin xấu, độc trên mọi lĩnh vực, làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, trọng tâm là trên không gian mạng. Mặt khác, cần nâng tầm hoạt động thông tin đối ngoại nhằm lan tỏa rộng khắp bản sắc văn hóa Việt Nam ra thế giới; đồng thời, chủ động mở rộng hợp tác đa phương trong địa hạt này để vừa khai thác kinh nghiệm quản lý hiện đại, vừa tranh thủ các nguồn lực ngoại sinh phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, trước hết là “bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”, bảo vệ “nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên đóng vai trò quyết định trong việc củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng, tăng cường niềm tin, ý chí và sự đồng thuận xã hội. Trên nền tảng đó, việc tối ưu hóa hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền và đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng là lá chắn thiết yếu, không chỉ bảo vệ “nền tảng tinh thần của xã hội” mà còn trực tiếp nâng cao năng lực “phòng vệ từ bên trong” của Tổ quốc trong tình hình mới.

Tóm lại, “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay” là một quá trình thống nhất, đồng bộ và toàn diện, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ của nhiều phương thức đa dạng, linh hoạt. Mỗi phương thức có vai trò và cách thức tác động đặc thù: *Hệ thống chính sách, pháp luật* đóng vai trò kiến tạo môi trường và hành lang pháp lý thuận lợi, là nền tảng vững chắc để các giá trị văn hóa tinh thần được bảo vệ, nuôi dưỡng và có điều kiện phát huy. *Công tác giáo dục* tác động trực tiếp vào việc bồi đắp nhân cách, nâng cao nhận thức, hun đúc lý tưởng và các phẩm chất tinh thần cần thiết cho mỗi con người – chủ thể của sức mạnh văn hóa tinh thần. *Hoạt động thông tin, tuyên truyền và đấu tranh tư tưởng* giữ vai trò định hướng nhận thức, củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận trong xã hội và bảo vệ nền tảng tinh thần trước các tác động tiêu cực, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh bùng nổ thông tin. Chỉ khi

được triển khai đồng bộ, hài hòa và gắn kết chặt chẽ, các phương thức này mới tạo nên sức cộng hưởng mạnh mẽ, vượt qua giới hạn của từng phương thức riêng lẻ. Sự kết hợp hiệu quả này chính là cơ chế để chuyển hóa tiềm năng văn hóa dân tộc thành động lực thực tiễn, khơi dậy tính tự giác của các chủ thể trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đây không chỉ là quá trình xác lập nền tảng tinh thần cho sự nghiệp sự phát triển bền vững, mà còn là biểu hiện sinh động của sức mạnh tổng hợp quốc gia trong thời đại mới.

2.3. Những yếu tố tác động đến phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

2.3.1. Tác động của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước

2.3.1.1. Tác động của tình hình quốc tế, khu vực

Bối cảnh quốc tế và khu vực hiện nay đang chứng kiến những biến đổi sâu sắc, phức tạp, khó lường và tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống đan xen ngày càng gay gắt, cùng với sự gia tăng mạnh mẽ của cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trên nhiều bình diện, bao gồm cả kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng, khoa học,... Tình hình này tạo ra những thời cơ và thách thức to lớn, đa chiều. Các mối đe dọa đối với an ninh quốc gia không chỉ dừng lại ở lĩnh vực quân sự mà ngày càng nhắm trực diện vào nền tảng tư tưởng, văn hóa, đòi hỏi mỗi quốc gia phải củng cố mạnh mẽ “sức đề kháng” và năng lực “tự phòng vệ từ bên trong”. Chính vì vậy, việc phát huy sức mạnh nội sinh, đặc biệt là sức mạnh văn hóa tinh thần, trở thành một nhiệm vụ trọng yếu hiện nay. Sự tác động của tình hình quốc tế, khu vực được thể hiện:

Một là, tác động mang tính hai mặt của cách mạng khoa học công nghệ. Cùng với những cơ hội to lớn cho phát triển bền vững nhờ sự phát triển vượt bậc trong lĩnh vực khoa học và kết nối toàn cầu, những thách thức, nguy cơ do xu hướng này mang lại tác động trực tiếp và sâu sắc đến yêu cầu phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc, ảnh hưởng đến chủ thể, nội dung

và phương thức phát huy một cách rõ nét.

Tốc độ thay đổi chóng mặt, nguồn thông tin khổng lồ, sự bùng nổ của không gian mạng và cuộc cạnh tranh gay gắt trên mặt trận tư tưởng - văn hóa do xu hướng này tạo ra đặt ra yêu cầu mới về năng lực lãnh đạo, quản lý, dự báo và thích ứng nhanh chóng của các chủ thể. Điều này nhằm tối ưu hóa việc quy tụ, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân và ngăn chặn nguy cơ phân hóa xã hội trên không gian mạng. Đồng thời, mỗi cá nhân cần nâng cao khả năng “kháng nhiễu”, phân biệt đúng sai trước sự bùng nổ của thông tin thật giả lẫn lộn, củng cố bản lĩnh cá nhân trước tác động đa chiều của cách mạng khoa học - công nghệ.

Xu hướng này làm cho sức mạnh văn hóa tinh thần trở nên quan trọng và cấp thiết hơn bao giờ hết, đồng thời xuất hiện những yêu cầu mới và thách thức mới: “Ý chí tự lực, tự cường” và “tinh thần cảnh giác cách mạng” cần phát huy cao độ để đối phó với sự gia tăng chạy đua công nghệ - quân sự, sức ép từ bên ngoài, và làm chủ công nghệ, đảm bảo tự chủ quốc phòng, an ninh trong kỷ nguyên số. Hệ giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp đã và đang phải đối mặt với nguy cơ bị xói mòn, biến dạng, lệch chuẩn do “xâm lăng văn hóa” thông qua sự du nhập ồ ạt “các biến thể văn hóa độc hại” trên không gian mạng. Yêu cầu cấp thiết là củng cố “sức đề kháng” văn hóa và phát huy các giá trị nền tảng để giữ vững bản sắc trong bối cảnh hội nhập. Nền tảng tư tưởng của Đảng, lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết bị tấn công trực diện bởi thông tin xấu, độc, luận điệu xuyên tạc, âm mưu “diễn biến hòa bình” lợi dụng không gian mạng. Yêu cầu là phải bảo vệ vững chắc các nội dung này và tăng cường sức mạnh của niềm tin, ý chí trước các cuộc tấn công tinh vi. Nghệ thuật quân sự Việt Nam cần được nghiên cứu, phát triển, gắn với làm chủ công nghệ cao để ứng phó với các hình thái chiến tranh hiện đại (như chiến tranh mạng, chiến tranh thông tin).

Xu hướng này đòi hỏi phải đổi mới căn bản và nâng cao hiệu quả các phương thức “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”: Hệ

thống thể chế phải được hoàn thiện để quản lý hiệu quả thông tin trên không gian mạng, bảo vệ an ninh thông tin, chủ quyền số, tạo hành lang pháp lý cho phát triển sức mạnh văn hóa tinh thần trước tác động toàn cầu. Công tác giáo dục cần tập trung trang bị cho con người năng lực số, tư duy phản biện, khả năng sàng lọc thông tin phức tạp, bồi dưỡng ý thức cảnh giác và trách nhiệm công dân trên không gian mạng, khả năng nhận diện và chống lại các thủ đoạn “diễn biến hòa bình” mới. Các hoạt động thông tin, tuyên truyền và đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng phải trở nên chủ động, sắc bén, chuyên nghiệp, hiện đại, làm chủ không gian mạng để vừa lan tỏa giá trị, vừa kịp thời phản bác các luận điệu sai trái, làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” trên mặt trận này. Các hoạt động văn hóa cần đổi mới hình thức, nội dung, ứng dụng công nghệ để tiếp cận đông đảo đối tượng, nhất là giới trẻ, trong môi trường số, góp phần lành mạnh hóa môi trường không gian mạng.

Nhìn chung, cách mạng khoa học công nghệ đã và đang định hình một cục diện với những biến số khó lường, đặc biệt là trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, đòi hỏi sức mạnh văn hóa tinh thần phải được kích hoạt tối đa thông qua việc nâng tầm năng lực của các chủ thể, không ngừng bồi đắp và làm sâu sắc thêm nội hàm các giá trị và thực hiện bước đột phá về phương thức vận hành trong thực tiễn để củng cố nội lực, nâng cao khả năng tự bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy.

Hai là, xu hướng cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các nước lớn và sự hình thành cục diện thế giới “VUCA”. Cục diện thế giới hiện nay đang thay đổi nhanh chóng với sự trỗi dậy của các cường quốc mới, dẫn đến tình hình cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, quyết liệt trên phạm vi toàn cầu và khu vực. Sự cạnh tranh này không chỉ diễn ra trên các lĩnh vực kinh tế, quân sự mà còn mở rộng sang các lĩnh vực khoa học, văn hóa, tư tưởng, thông tin, pháp lý... Hệ quả là thế giới chứng kiến nhiều bất ổn, xung đột cục bộ (chiến tranh Nga-Ukraine, xung đột Israel-Palestine...) và một môi trường

quốc tế đầy biến động (Volatility), không chắc chắn (Uncertainty), phức tạp (Complexity), mơ hồ (Ambiguity) – được các nhà nghiên cứu gọi là cục diện “VUCA”. Cục diện “VUCA” và sự cạnh tranh nước lớn gay gắt này tạo ra những thách thức to lớn, đa chiều đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, đặc biệt là trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, củng cố “thế trận lòng dân”. Những tác động này ảnh hưởng sâu sắc đến chủ thể, nội dung và phương thức “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay”.

Cục diện “VUCA” đòi hỏi các chủ thể phải nâng cao mạnh mẽ năng lực dự báo, phân tích, đánh giá tình hình một cách khoa học, khách quan để kịp thời đề ra đường lối, chính sách, biện pháp phù hợp, hiệu quả. Áp lực cạnh tranh nước lớn và sự phức tạp, bất ổn của môi trường đòi hỏi sự bản lĩnh, kiên định trong lãnh đạo, quản lý, và khả năng cố kết cộng đồng trước các luồng thông tin nhiễu loạn, âm mưu chia rẽ ngày càng tinh vi từ bên ngoài. Khả năng thích ứng nhanh chóng trước các biến động bất ngờ trở thành yêu cầu sống còn đối với mọi chủ thể.

Tình hình này cũng đặt ra yêu cầu phải phát huy cao độ và bảo vệ vững chắc hệ giá trị văn hóa tinh thần với nhiều phương thức linh hoạt, đồng thời bổ sung những nội hàm mới phù hợp với xu thế thời đại. Chủ nghĩa yêu nước cần được gắn kết chặt chẽ với mục tiêu bảo vệ độc lập, chủ quyền trong bối cảnh bị đe dọa từ nhiều phía và nguy cơ bị lợi dụng, xuyên tạc. Tinh thần đoàn kết, đồng lòng đối mặt với nguy cơ bị chia rẽ, lợi dụng bởi các chiến lược can thiệp, gây bất ổn từ bên ngoài; việc củng cố khối đại đoàn kết trở nên phức tạp hơn. Ý chí tự lực, tự cường trở thành yêu cầu sống còn và động lực để Việt Nam tự đứng vững, chủ động đối phó với sức ép từ cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và sự phụ thuộc vào công nghệ, nguồn lực bên ngoài. Nghệ thuật quân sự Việt Nam cần được nghiên cứu, phát triển, hiện đại hóa để ứng phó hiệu quả với các hình thái chiến tranh phức tạp trong bối cảnh cạnh tranh công nghệ - quân sự gay gắt. Niềm tin vào Đảng, vào chế độ đang đứng trước nhiều thách thức khi thông tin thật giả lẫn lộn, khó kiểm soát.

Đối phó với sự cạnh tranh nước lớn và cục diện “VUCA” yêu cầu phải đổi mới và nâng cao hiệu quả các phương thức “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”. Hệ thống thể chế cần linh hoạt, nhạy bén, đủ khả năng bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng và các lĩnh vực phi truyền thống, đồng thời tạo lập môi trường thuận lợi cho phát huy nội lực và “sức đề kháng” văn hóa từ bên trong. Công tác giáo dục cần chú trọng việc trang bị khả năng tư duy phản biện sắc bén, kỹ năng phân tích, sàng lọc thông tin phức tạp, nhận diện xác thực các âm mưu, thủ đoạn tinh vi từ bên ngoài. Công tác thông tin, tuyên truyền và đấu tranh tư tưởng trở thành mặt trận tuyến đầu đối phó với chiến tranh thông tin, chiến tranh mạng, các chiến dịch tuyên truyền quy mô lớn từ bên ngoài. Phương thức này đòi hỏi sự chuyên nghiệp, hiện đại, và tính kịp thời, linh hoạt cao, đặc biệt trong việc làm chủ và tác chiến hiệu quả trên không gian mạng.

Tóm lại, sự cạnh tranh chiến lược nước lớn và cục diện “VUCA” làm gia tăng các thách thức đối với an ninh quốc gia trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là tư tưởng, văn hóa. Điều này đặt ra yêu cầu mới, cao hơn đối với việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần; đòi hỏi sự thích ứng, đổi mới sáng tạo và nâng cao tính gắn kết hữu cơ giữa chủ thể, nội dung và phương thức để củng cố “sức đề kháng” cùng năng lực tự bảo vệ của Tổ quốc từ bên trong một cách hiệu quả nhất.

Ba là, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa. Đây là xu hướng khách quan, thúc đẩy tiến trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các quốc gia, làm giàu hệ giá trị tinh thần chung của nhân loại và bản sắc riêng biệt của các dân tộc. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội học hỏi, nội tại hóa các giá trị văn hóa nhân loại, xu hướng này tiềm tàng những xung đột về giá trị và nguy cơ to lớn, tác động trực tiếp và sâu sắc đến chủ thể, nội dung và phương thức “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay”:

Trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế toàn diện, các nền văn hóa đa dạng có sự giao thoa, tiếp biến phức tạp và sự du nhập, ảnh hưởng của

những sản phẩm văn hóa độc hại khiến việc lãnh đạo, quản lý văn hóa của Đảng và Nhà nước trở nên khó khăn hơn, đòi hỏi sự tinh tế, bản lĩnh và cơ chế sàng lọc hiệu quả. Mặt trận và các tổ chức thành viên đang đứng trước những nan đề trong việc quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên hệ giá trị văn hóa chung khi sự định hình các bản sắc cá nhân ngày càng trở nên đa dạng và tiềm ẩn mâu thuẫn. Mỗi công dân, đặc biệt là lực lượng thanh thiếu niên – những người tiên phong trong việc tiếp biến và định hình các hệ giá trị mới, cần được trang bị kiến thức, kỹ năng và “sức đề kháng” văn hóa để sàng lọc, tiếp nhận có chọn lọc, tránh bị ảnh hưởng tiêu cực bởi các yếu tố văn hóa ngoại lai không phù hợp.

Một trong những nguy cơ xuất hiện trong quá trình toàn cầu hóa, hội nhập là sự “xâm lăng văn hóa”, dẫn đến biến dạng cấu trúc giá trị truyền thống, làm mai một các giá trị tốt đẹp, làm suy giảm ý thức tự tôn dân tộc và ý chí bảo vệ Tổ quốc. Việc du nhập ồ ạt các lối sống, giá trị xa lạ, thậm chí đối lập với truyền thống tốt đẹp có thể ảnh hưởng tiêu cực đến đạo đức, lối sống, và làm suy yếu nền tảng tinh thần xã hội, giảm sự gắn kết cộng đồng – vốn là yếu tố cốt lõi của tinh thần đoàn kết và lòng yêu nước. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng tầm và chuyển hóa các giá trị nền tảng thành động lực phát triển, giữ gìn, bảo vệ, lan tỏa bản sắc văn hóa Việt Nam.

Trước áp lực khách quan của tiến trình toàn cầu hóa, việc tái cấu trúc và tối ưu hóa “phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam” trở thành một yêu cầu mang tính sinh mệnh: Hệ thống thể chế cần khắc phục được những khoảng trống pháp lý, nâng cao hiệu quả thực thi để quản lý hiệu quả hoạt động ngoại giao văn hóa đa phương, bảo vệ di sản, khuyến khích năng lực sáng tạo nội sinh của cộng đồng và có cơ chế sàng lọc phù hợp, hóa giải nguy cơ xâm thực của các trào lưu phản giá trị. Công tác giáo dục cần chú trọng kiến tạo nhãn quan lịch sử và tinh thần tự chủ văn hóa cho thế hệ trẻ, trang bị phương pháp luận đánh giá đa chiều và liên ngành các hiện tượng văn hóa để người học có khả năng tiếp nhận có chọn lọc. Công tác “thông

tin, tuyên truyền và đấu tranh trên mặt trận tư tưởng” cần chủ động quảng bá các “hàng số văn hóa dân tộc” ra thế giới, phân tích phê phán các hiện tượng phản nhân văn, định hướng thẩm mỹ lành mạnh và hóa giải các xung lực tiêu cực từ các quan điểm sai lệch về văn hóa, lịch sử, làm thất bại âm mưu dùng văn hóa để chống phá, làm chuyển hóa từ bên trong. Các hoạt động văn hóa cần được đầu tư để tạo bước chuyển biến căn bản về chất, thiết lập hệ sinh thái các phương thức triển khai mang đậm bản sắc dân tộc nhưng vẫn hiện đại, gia tăng sức hấp dẫn và khả năng lan tỏa giá trị tích cực, trở thành “bộ lọc” tự nhiên và hiệu quả.

Nhìn chung, toàn cầu hóa cùng sự xâm nhập đa chiều của các dòng chảy văn minh vào không gian văn hóa dân tộc đang đặt ra những thách thức phức tạp trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc, các giá trị truyền thống, làm suy yếu nền tảng sức mạnh tinh thần. Điều này đòi hỏi việc “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” phải được tiếp cận một cách chiến lược, nâng tầm bản lĩnh tự chủ và nội lực văn hóa của các chủ thể, tập trung củng cố các nội dung nền tảng (bản sắc, giá trị truyền thống) và đổi mới mạnh mẽ các phương thức để vừa mở cửa hội nhập, vừa bảo vệ vững chắc nền tảng văn hóa, tinh thần dân tộc, khơi dậy mọi nguồn lực, đoàn kết một lòng, giữ vững quỹ đạo phát triển, xác lập lá chắn chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và khơi thông nguồn lực nội sinh cho khát vọng thịnh vượng.

2.3.1.2. Tình hình trong nước

Bên cạnh những tác động từ bối cảnh quốc tế, tình hình trong nước với những thành tựu và thách thức cũng đang xác lập những tọa độ mới cho việc định vị sức mạnh văn hóa tinh thần trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

Qua 4 thập kỷ tiến hành Đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam đã xác lập những thành tựu toàn diện có ý nghĩa lịch sử, nâng tầm vị thế và tiềm lực đất nước trên mọi phương diện của đời sống xã hội. Những thành tựu này đã củng cố niềm tin của nhân dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp vững chắc cho

sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, thực tiễn đổi mới cũng làm nảy sinh những vấn đề phức tạp, thách thức mới.

Thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của Đổi mới đã nâng cao tiềm lực vật chất, tối ưu hóa các điều kiện thực thi, để các chủ thể có thêm nguồn lực cho công tác văn hóa, tư tưởng, giáo dục. Quyền làm chủ của Nhân dân được chuyển hóa từ nguyên tắc pháp lý thành thực tiễn sinh động. Tuy nhiên, sự phân hóa giàu nghèo, những vấn đề xã hội nảy sinh đòi hỏi các chủ thể phải đổi mới toàn diện năng lực lãnh đạo và cơ chế vận hành để thích ứng với thực tiễn; từ đó giải quyết hiệu quả các “điểm nóng xã hội”, nhất quán về định hướng tư tưởng và duy trì sự gắn kết trong một xã hội ngày càng phức tạp.

Thành quả từ đổi mới kinh tế không chỉ mang lại đời sống vật chất tốt hơn, mà còn củng cố niềm tin, chuyển hóa niềm tự hào quốc gia thành động lực yêu nước mạnh mẽ. Sự tương tác văn hóa xuyên quốc gia trong Đổi mới đã tạo nên sự tiếp biến sâu sắc, tái cấu trúc và làm giàu hệ giá trị tinh thần dân tộc. Tuy nhiên, những nghịch lý nảy sinh từ logic của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế làm gia tăng chủ nghĩa thực dụng, sùng bái vật chất, “thương mại hóa” văn hóa, và những xu hướng lệch lạc trong đạo đức, lối sống, ảnh hưởng đến truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc. Sự phân hóa xã hội có thể tạo ra những rào cản mới đối với việc củng cố tinh thần đoàn kết, đồng thuận, đồng lòng trong xã hội.

Tiềm lực từ Đổi mới đã tạo ra những xung lực mới, cho phép triển khai đồng bộ các “phương thức phát huy” với quy mô và chất lượng vượt trội. Tuy nhiên, sự biến đổi nhanh chóng, phức tạp của thực tiễn, sự nhiễu loạn các luồng thông tin đa chiều trên không gian mạng), và những vấn đề xã hội nảy sinh đòi hỏi phải tái cấu trúc mạnh mẽ các phương thức và cách thức tiếp cận, đảm bảo tính tương thích cao độ với các biến động thực tiễn để tối ưu hóa hiện năng tác động tới nhận thức và niềm tin của các tầng lớp nhân dân trong bối cảnh mới. Công tác giáo dục phải đảm nhận tốt hơn vai trò định hình các chuẩn mực đạo

đức và lối sống mới; công tác tuyên truyền cần nâng cao khả năng hóa giải các xung lực nghịch chiều, đối phó với thông tin sai lệch trong môi trường truyền thông đa dạng.

Có thể nói, tình hình trong nước tác động đa chiều, phức tạp đến việc “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”. Những thành quả của Đổi mới đóng vai trò là nền tảng nội sinh, cung ứng điều kiện thực thi cần thiết về vật chất và môi trường chính trị - xã hội, nhưng những vấn đề và thách thức mới nảy sinh cũng đòi hỏi việc “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” phải được tiến hành một cách sâu sát, năng động, sáng tạo, với sự thích ứng liên tục của chủ thể, nội dung và phương thức để củng cố vững chắc nền tảng sức mạnh tinh thần cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Tóm lại, bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước hiện nay, với sự đan xen của các xu hướng toàn cầu hóa, cách mạng khoa học công nghệ, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, sự cộng hưởng giữa cục diện “VUCA” toàn cầu và tiến trình đổi mới sâu sắc trong nước đang tạo ra một môi trường biến động phức tạp, khó lường và tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Những yếu tố trên tác động rất lớn đến cục diện bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trên mặt trận phi truyền thống. Điều này đặt ra yêu cầu mới, cao hơn rất nhiều đối với việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần, đồng thời làm thay đổi động lực, làm phức tạp hóa và đặt ra thách thức mới cho cách thức triển khai công tác này. Trong bối cảnh đó, đòi hỏi các chủ thể phải nâng cao năng lực nhận diện sớm và phân tích chiều sâu trước những diễn biến phức tạp của bối cảnh; củng cố, tôi rèn bản lĩnh, kiên định về nguyên tắc trong các hoạt động lãnh đạo, quản lý; đặt ra thách thức mới cho khả năng quy tụ và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết trong môi trường thông tin đa chiều và đối phó với âm mưu chia rẽ tinh vi; yêu cầu mỗi cá nhân phải nâng cao “sức đề kháng” tinh thần, khả năng sàng lọc thông tin và củng cố bản lĩnh cá nhân. Bối cảnh mới đã làm gia tăng tính cấp bách và vai trò quyết định của các giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi lên tầm mức mới, làm nổi bật tính

tất yếu và vị thế chủ đạo của hệ giá trị văn hóa tinh thần trong việc thiết lập một chỉnh thể “sức đề kháng” và năng lực tự bảo vệ trước các tác động tiêu cực. Tuy nhiên, đồng thời cũng khiến chúng dễ bị tổn thương trước nguy cơ “xâm lăng văn hóa”, sự xói mòn giá trị, và các cuộc tấn công trực diện vào nền tảng tư tưởng trên không gian mạng và các kênh khác. Từ thực tế đó đòi hỏi, phải hiện đại hóa, đa thức hóa các phương thức khơi thông sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc. Chú trọng phát triển các phương thức mới, đặc biệt là khả năng làm chủ và tác chiến hiệu quả trên không gian mạng; hoàn thiện thể chế để quản lý các vấn đề nảy sinh; đổi mới giáo dục để trang bị năng lực phân biệt và “sức đề kháng”; tối ưu hóa khả năng lan tỏa và sức mạnh thuyết phục của hệ thống thông tin, tuyên truyền trong môi trường tương tác đa cực và đa diện.

Nhận diện đầy đủ và sâu sắc những tác động của bối cảnh là điều cần thiết để xây dựng chiến lược và các giải pháp hiệu quả nhằm phát huy tối đa sức mạnh văn hóa tinh thần, chuyển hóa thành “sức mạnh thực tiễn” trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

2.3.2. Sự chủ động, tích cực, sáng tạo của các chủ thể phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc

“Sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam” là sức mạnh tiềm tàng trong mỗi con người Việt Nam, nó chỉ phát huy một cách mạnh mẽ thông qua hoạt động thực tiễn mang tính “chủ động, tích cực, sáng tạo” của các chủ thể, với những phương thức khác nhau.

Trong mọi bước ngoặt lịch sử dân tộc, từ đấu tranh giải phóng đến công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, *Đảng Cộng sản Việt Nam* giữ vai trò là lực lượng lãnh đạo “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”. Tính “tích cực, chủ động, sáng tạo” của Đảng Cộng sản, không chỉ thể hiện xuyên suốt trong quá trình xây dựng cương lĩnh, đề ra các chủ trương, vạch ra đường lối lãnh đạo, mà còn hiện hữu sâu sắc qua nỗ lực tự hoàn thiện mình của

đảng viên cũng như các tổ chức Đảng. Chính sự tự rèn luyện này là điều kiện tiên quyết để Đảng thực sự “là đạo đức, là văn minh”, luôn xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của Nhân dân, đồng thời khẳng định vị thế là lực lượng tiêu biểu về bản lĩnh, trí tuệ và văn hóa của dân tộc.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, với tính cách là bộ phận quan trọng nhất của kiến trúc thượng tầng, là bộ phận đảm nhiệm vai trò chủ đạo trong việc chuyển hóa sức mạnh của ý thức, tư tưởng, tinh thần trong cải biến và hiện đại hóa mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Thông qua chính sách, pháp luật và cơ chế vận hành của Nhà nước, vai trò lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ của Nhân dân được hiện thực hóa trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tính tích cực sáng tạo của Nhà nước trong “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” trước hết được khẳng định qua việc thể chế hóa và cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng thành hệ thống hành lang pháp lý và chính sách quốc gia minh bạch, đồng bộ. Trên nền tảng pháp lý đó, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo môi trường và lan tỏa các giá trị thông qua việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, huy động các tổ chức xã hội nhằm xây dựng không gian văn hóa lành mạnh để nuôi dưỡng các giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi. Song hành với nhiệm vụ kiến tạo, Nhà nước đặc biệt chú trọng chuẩn hóa bộ máy theo mô hình “tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả” gắn liền với đội ngũ cán bộ, công chức “liêm chính”, thực sự là những công bộc của Nhân dân. Quá trình này được củng cố bằng việc gia cường năng lực phòng ngự và đấu tranh, trong đó Nhà nước không chỉ chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống tham ô, tham nhũng và các tiêu cực khác để bồi đắp niềm tin xã hội, mà còn vận hành các phương thức đấu tranh sắc bén, hiệu quả nhằm đập tan mọi âm mưu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch trên các mặt trận.

Đặc biệt, đối với “Lực lượng vũ trang nhân dân” – bộ phận hạt nhân chính trị, công cụ sắc bén và tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân: Tính chủ động, tích cực, sáng tạo được thể hiện rõ nét ở tinh thần không ngừng

nghiên cứu, kế thừa và phát triển lên tầm cao mới “nghệ thuật quân sự” cùng với “nghệ thuật bảo vệ an ninh quốc gia” dưới những tác động phức hợp của bối cảnh mới. Đây là lực lượng luôn đi đầu trong việc chủ động nắm bắt, dự báo tình hình chiến lược. Phát huy tinh thần mưu trí, dũng cảm triệt tiêu thành công chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, đặc biệt trên mặt trận tư tưởng - văn hóa (mặt trận quan trọng để “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần”). Phát huy vai trò là “đội quân công tác” mẫu mực, chủ động tuyên truyền, vận động, giúp đỡ Nhân dân, từ đó củng cố “thế trận lòng dân” vững chắc – nền tảng quan trọng nhất của quốc phòng toàn dân. Trong mọi điều kiện, Lực lượng vũ trang Nhân dân luôn sẵn sàng chiến đấu, hi sinh, trực tiếp đảm nhận sứ mệnh tiên phong trên tuyến đầu bảo vệ Tổ quốc. Đây không chỉ là nhiệm vụ chiến đấu đơn thuần mà còn là sự kết tinh của lòng yêu nước và “ý chí tự lực tự cường dân tộc” được hiện thực hóa trong bối cảnh mới.

Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tính “tích cực, chủ động, sáng tạo” thể hiện chủ yếu trong phương thức, biện pháp phát huy dân chủ, tập hợp mọi giai tầng, mọi lực lượng trong xã hội hiện thực hóa các “phong trào thi đua yêu nước”, củng cố tinh thần đoàn kết, đồng lòng, nâng cao “ý chí tự lực tự cường”, hiện thực hóa “khát vọng hòa bình, độc lập, tự do” của dân tộc. Bên cạnh đó, còn được thể hiện ở năng lực đi trước, đón đầu để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, từ đó chủ động định hướng và quy tụ sức mạnh tinh thần của mọi giai tầng.

Nhân dân vừa là chủ thể, vừa là đối tượng tác động, mục tiêu hướng đến của các “phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”. Với tư cách là lực lượng chủ yếu và trung tâm, Nhân dân chính là nhân tố quyết định trong mọi hoạt động thực tiễn, đảm bảo cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc đi đến những thắng lợi cuối cùng. Đồng thời, Nhân dân còn khẳng định vị thế là chủ nhân đích thực, là nguồn sức mạnh nội sinh và là điểm hội tụ giá trị của mọi “phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”.

quốc”. Sự tích cực, chủ động, sáng tạo của Nhân dân là nhân tố quyết định sự thành công của các phương thức phát huy sức mạnh do các chủ thể khác tiến hành trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong mọi giai đoạn, mọi điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, trước mọi thế lực.

Như vậy, “sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc” vốn tiềm tàng trong Nhân dân sẽ được khơi dậy và phát huy khi chuyển hóa thành hoạt động thực tiễn của mỗi tổ chức, mỗi con người Việt Nam. Quá trình này phụ thuộc rất lớn vào tính “tích cực, chủ động, sáng tạo” của các chủ thể. Chủ thể giữ vai trò quyết định trong việc định hướng mục tiêu vận hành cơ chế phát huy; từ đó hiện thực hóa nguồn “sức mạnh tiềm tàng”, tạo nền tảng vững chắc để thực hiện thành công sự nghiệp “bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

2.3.3. Tính hiệu quả của các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc

Với tư cách là lực lượng thực hiện, các chủ thể sử dụng phương thức như là con đường, cách thức để chuyển hóa “các giá trị văn hóa tinh thần” thành “sức mạnh hiện thực” trong bảo vệ Tổ quốc. Nếu các phương thức được lựa chọn, sử dụng đúng đắn, sẽ đem lại hiệu quả, hoàn thành mục tiêu chủ thể đề ra và ngược lại.

Một là, hiệu quả của hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách.

Các thể chế, chính sách là phương thức mang tính vật chất - pháp lý, có vai trò kiến tạo “hành lang” và môi trường xã hội. Khi các chính sách được xây dựng một cách khoa học, công tâm, minh bạch và hợp lòng dân, chúng sẽ là động lực to lớn, củng cố niềm tin, khơi dậy tinh thần đoàn kết, đồng lòng và lòng yêu nước. Ngược lại, khi phương thức này bị hình thức hóa, quan liêu, hoặc bị “lợi ích nhóm” chi phối, nó sẽ không chỉ thất bại trong việc xây dựng nền tảng thực tiễn, mà còn gây xói mòn niềm tin, làm rạn nứt khối đại đoàn kết, tạo ra trạng thái đối lập, thậm chí đối kháng trực tiếp giữa ý thức của các chủ thể khác nhau.

Hai là, hiệu quả của công tác giáo dục, đào tạo trong gia đình, nhà trường và xã hội.

Giáo dục trong các môi trường là phương thức tác động trực tiếp và sâu sắc nhất vào việc hình thành ý thức, nhân cách. Với phương thức giáo dục khoa học, hiện đại, truyền cảm hứng, khơi dậy tư duy độc lập và lòng tự tôn dân tộc sẽ hun đúc nên những thế hệ công dân có ý chí tự lực, tự cường, khát vọng hòa bình, độc lập, tự do, có đủ “sức đề kháng” văn hóa trước các luồng tư tưởng độc hại. Trái lại, phương thức giáo dục lạc hậu, hình thức, xa rời thực tiễn sẽ dẫn đến sự “lai căng”, “mất gốc”, thờ ơ chính trị, làm suy yếu lý tưởng và tạo ra những “khoảng trống” tinh thần để các thế lực thù địch triển khai “xâm lăng văn hóa”, làm tha hóa thế hệ trẻ.

Ba là, hiệu quả của công tác thông tin, tuyên truyền và đấu tranh trên mặt trận tư tưởng.

Trong bối cảnh bùng nổ thông tin, nhất là trên không gian mạng hiện nay, đây là phương thức rất quan trọng để phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc. Khi được triển khai một cách chủ động, sáng tạo, đi trước và dẫn dắt, nó sẽ là vũ khí sắc bén để định hướng dư luận, củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận và đập tan các luận điệu thù địch, xuyên tạc. Nhưng nếu phương thức này bị động, lạc hậu, khô cứng, nó sẽ thiếu tính khả thi và không mang lại giá trị thực tiễn trong việc củng cố nền tảng tư tưởng, đề ngở “trận địa” không gian mạng cho sự công kích của các thế lực thù địch, tất yếu kéo theo nguy cơ khủng hoảng niềm tin và sự nhiễu loạn về giá trị trong xã hội.

Như vậy, hiệu quả của các phương thức là kết quả của sự thống nhất biện chứng trong mối quan hệ: “chủ thể - nội dung - phương thức”, đòi hỏi phải được phối hợp một cách đồng bộ, nhất quán. Sự vênh lệch hay đứt gãy trong mối quan hệ này sẽ hạn chế và cản trở quá trình chuyển hóa “sức mạnh tiềm năng” thành “sức mạnh thực tiễn”. Vì vậy, việc thường xuyên đổi mới tư duy, hoàn thiện và đồng bộ hóa hệ thống các phương thức “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc” là yếu tố quan trọng, quyết định tính hiệu quả và sự thành công.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trong bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước hiện nay với nhiều biến động sâu sắc, phức tạp, việc “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam” là vấn đề mang tính cấp thiết về mặt thực tiễn.

Sức mạnh văn hóa tinh thần chính là nội lực to lớn, được kết tinh từ hệ giá trị văn hóa tinh thần nền tảng của dân tộc (như chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, “ý chí tự lực, tự cường”, nghệ thuật quân sự, v.v.). Khi được chuyển hóa sâu sắc vào thế giới quan, nhân sinh quan và trở thành phương châm hành động của các chủ thể, sẽ tạo thành sức mạnh to lớn để bảo vệ đất nước trước mọi nguy cơ, thách thức, đặc biệt là trên các mặt trận phi truyền thống.

“Phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” là một quá trình tổng hợp, có hệ thống và phức tạp, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ, cùng sự phối hợp chặt chẽ của mọi thành tố trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Trong đó, vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên và toàn thể Nhân dân tạo nên một sức mạnh hợp nhất. Tiến trình này được vận hành thông qua việc triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả các phương thức tác động đa diện, từ việc hoàn thiện thể chế, chính sách, tăng cường giáo dục, thông tin - tuyên truyền - đấu tranh, đến việc đẩy mạnh hoạt động văn hóa và ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại. Tất cả nhằm mục tiêu khơi dậy, nuôi dưỡng, làm sâu sắc và chuyển hóa các nội dung văn hóa tinh thần cốt lõi thành ý thức, niềm tin, ý chí và hành động thực tiễn của mọi người dân.

Bối cảnh đầy biến động và thách thức hiện nay, quá trình “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” đòi hỏi một sự cách mạng hóa trong cả tư duy và hành động. Việc không ngừng đổi mới và nâng cao năng lực thích ứng không chỉ là yêu cầu tự thân của thực tiễn, mà còn là chìa khóa để giải quyết hiệu quả các mâu thuẫn và thách thức mới phát sinh. Sự hội tụ và lan tỏa mạnh mẽ nguồn

lực văn hóa tinh thần sẽ tạo thành “xung lực tổng hợp”, thiết lập một “lá chắn vững chắc” để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống. Đồng thời, đây chính là nguồn động lực nội sinh quan trọng, thúc đẩy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo đảm sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội diễn ra bền vững trên nền tảng bản sắc văn hóa dân tộc.

Chương 3

PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM – THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Thực trạng phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam những năm qua

3.1.1. Những thành tựu đạt được

3.1.1.1. Thành tựu phát huy chủ nghĩa yêu nước

Một là, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, công cuộc đổi mới đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng khi chủ nghĩa yêu nước gắn liền với lý tưởng xã hội chủ nghĩa được nâng tầm thành ý chí hành động của toàn bộ hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân. Thành tựu lớn nhất của Đảng chính là đã khơi dậy thành công nguồn lực nội sinh từ lòng yêu nước, chuyển hóa tinh thần dân tộc từ trạng thái tiềm năng thành xung lực thực tiễn mạnh mẽ.

Có thể khẳng định, phát huy chủ nghĩa yêu nước là một trong những yếu tố góp phần tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử và mang tầm vóc thời đại trong suốt 40 năm tiến hành Đổi mới. Những thành tựu này không chỉ củng cố vai trò “lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối” của Đảng mà còn nâng cao tiềm lực và vị thế quốc tế của đất nước. Điều đó được thể hiện:

Chúng ta luôn kiên định mục tiêu “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” – sự lựa chọn lịch sử của dân tộc, “phù hợp với xu thế của thời đại”. Sự kiên định này được thể hiện qua việc duy trì ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, là tiền đề quan trọng cho sự phát triển trước những biến động phức tạp của tình hình thế giới và sự chống phá của các thế lực thù địch.

Thành tựu xuyên suốt trong vai trò lãnh đạo của Đảng chính là việc kiến tạo và hiện thực hóa thành công đường lối phát triển phù hợp, huy động được sức mạnh toàn dân tộc cho các mục tiêu chung. Đảng đã thành công trong việc khơi dậy quyền làm chủ thực chất của Nhân dân thông qua việc củng cố và mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Việc hoàn thiện thiết chế “Nhà nước pháp

quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân” không chỉ nâng cao hiệu lực quản lý mà còn tạo cơ chế vững chắc để người dân trực tiếp tham gia vào công tác quản trị quốc gia. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và phòng chống tham nhũng, tiêu cực được đẩy mạnh thể hiện quyết tâm làm trong sạch bộ máy, củng cố niềm tin chiến lược, thắt chặt mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân. Chính sự chuyển hóa từ niềm tin thành hành động đã tạo nên sức mạnh tổng hợp vô song, khẳng định năng lực của Đảng trong việc quy tụ lòng dân dưới ngọn cờ chủ nghĩa yêu nước để bảo vệ Tổ quốc. Sự ổn định về chính trị và niềm tin chiến lược nói trên đã tạo tiền đề vững chắc cho những thành tựu đột phá về kinh tế. Trên cơ sở đó, tiềm lực và quy mô nền kinh tế không ngừng được củng cố, với tốc độ tăng trưởng GDP duy trì ở mức cao và ổn định trong suốt nhiều thập kỷ. Nền kinh tế không chỉ ghi nhận sự gia tăng ấn tượng về quy mô mà còn chứng kiến quá trình chuyển dịch cơ cấu sâu sắc theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đặc biệt, dưới sự cheo lái của Đảng, đất nước đã chủ động hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, khẳng định vị thế và uy tín quốc tế, đồng thời chuyển hóa lòng yêu nước thành khát vọng tự cường, đưa Việt Nam vươn mình trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị thế giới. “Việt Nam đã vươn lên nhóm 40 nền kinh tế hàng đầu thế giới, nhóm 20 nền kinh tế có kim ngạch thương mại lớn nhất thế giới” [84, tr.8]. “Đất nước ta được Liên hợp quốc và bạn bè quốc tế xem như một điểm sáng về xóa đói, giảm nghèo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân” [84, tr.8]. Song hành với những thành tựu về kinh tế, “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” ngày càng khẳng định vai trò là “nền tảng tinh thần”, nguồn lực nội sinh quan trọng của dân tộc. Các giá trị truyền thống không chỉ được bảo tồn mà còn được khơi dậy mạnh mẽ trong đời sống hiện đại; nhiều di sản văn hóa được UNESCO vinh danh đã trở thành niềm tự hào và sức mạnh mềm của dân tộc trên trường quốc tế.. Chính sự hội tụ của sức mạnh kinh tế và chiều sâu văn hóa đã đưa “tiềm lực và vị thế quốc tế” của Việt Nam lên một tầm cao mới.

Với đường lối đối ngoại “độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa”, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao rộng khắp, trở thành “thành viên tích cực”, “đối tác tin cậy” và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Sự tham gia sâu rộng vào các định chế đa phương như Liên Hợp Quốc, ASEAN, WTO hay APEC không chỉ củng cố môi trường hòa bình, ổn định mà còn tạo ra thế và lực mới đề bảo vệ quốc gia – dân tộc “từ sớm, từ xa”. Việt Nam đã đảm nhiệm thành công nhiều trọng trách quốc tế (như Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, Chủ tịch ASEAN), quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu với nhiều đối tác quan trọng. Hiện nay, chúng ta có “quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia, có quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện, quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện với tất cả các nước lớn và toàn bộ 5 nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc” [84, tr.8]. Song hành với sự phát triển toàn diện của đất nước, sức mạnh chính trị - tinh thần cùng năng lực quốc phòng, an ninh ngày càng được củng cố và tăng cường. Sự hội tụ của các nguồn lực này đã làm cho “thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [43, tr.107].

Để phát huy chủ nghĩa yêu nước trong bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta đã có nhiều chủ trương đúng đắn trên các phương diện:

Trên lĩnh vực văn hóa, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn xác định vai trò “nền tảng” và “động lực” của văn hóa. Chủ trương xuyên suốt của Đảng là “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Chủ trương này được thể hiện nhất quán qua hệ thống văn kiện chiến lược của Đảng, đánh dấu những bước phát triển trong nhận thức và năng lực chỉ đạo thực tiễn đối với mặt trận văn hóa qua từng thời kỳ. Tiêu biểu là “*Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”; “*Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam*

đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; và đặc biệt là “*Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”. Tinh thần của các Nghị quyết này tiếp tục được kế thừa, bổ sung và nâng tầm trong các nghị quyết của cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, gần đây nhất là Văn kiện Đại hội XII và XIII.

Đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo và tuyên truyền - mặt trận tư tưởng hàng đầu để củng cố trụ cột tinh thần xã hội và khơi dậy sức mạnh tổng hợp phục vụ mục tiêu phát triển đất nước bền vững và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đây là nhiệm vụ thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng, củng cố niềm tin và tinh thần yêu nước cho mọi chủ thể xã hội. Nội dung căn bản là nhằm trang bị hệ thống tri thức lý luận chính trị dựa trên nền tảng Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung giáo dục được cụ thể hóa thông qua hệ thống quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ chiến lược trong tình hình mới. Đặc biệt là những nội dung cốt lõi của “*Chiến lược bảo vệ Tổ quốc*” đã được đề ra trong các nghị quyết chuyên đề quan trọng của Đảng nhằm nâng cao nhận thức về quốc phòng, an ninh và chủ quyền quốc gia, đồng thời nhận diện sắc bén các nguy cơ, thách thức hiện hữu. Trên hết, nội hàm giáo dục, tuyên truyền hướng tới việc khơi dậy mạnh mẽ lòng yêu nước, niềm tự hào, tự tôn dân tộc, “*ý chí tự lực tự cường*” và khát vọng cống hiến vì một Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

Công tác đấu tranh trên “mặt trận văn hóa, tư tưởng”: Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động đa chiều và phức tạp, đặc biệt là khi các thế lực thù địch ráo riết thực hiện các chiến lược chống phá Việt Nam trên mọi phương diện – từ tư tưởng, văn hóa đến không gian mạng - mặt trận văn hóa, tư tưởng trở thành địa bàn xung kích, có tầm quan trọng đặc biệt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đây là vấn đề luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam dành sự quan tâm đặc biệt nhằm củng cố “*thế trận lòng dân*” và “*bảo vệ nền*

tảng tư tưởng của Đảng”. Công tác đấu tranh trên mặt trận này bao gồm hai nhiệm vụ cơ bản, có mối quan hệ biện chứng: *Một là*, chủ động thực hiện lan tỏa và làm sâu sắc nội hàm lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xác lập vị thế độc tôn của hệ tư tưởng này trong đời sống tinh thần xã hội. Đây là tiền đề then chốt để củng cố thế giới quan, giúp các chủ thể nhận thức đúng đắn về tính tất yếu của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Qua đó củng cố vững chắc niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tương lai tươi sáng của dân tộc, khơi dậy động lực yêu nước và ý thức tự giác của mỗi công dân trong xây dựng quốc gia phồn vinh. *Hai là*, kiên quyết triển khai các biện pháp đấu tranh phản bác trực diện các quan điểm sai trái, thù địch và các luồng thông tin xấu độc. Đây là cuộc chiến cam go nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ, giữ vững “khối đại đoàn kết toàn dân tộc”. Cuộc đấu tranh này đặc biệt diễn ra gay gắt trên không gian mạng - nơi các thế lực thù địch đang triệt để lợi dụng để thực hiện âm mưu “xét lại lịch sử”, phủ nhận “vai trò lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng”, bôi nhọ lãnh tụ, chia rẽ nội bộ, kích động bạo loạn, truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy...

Tăng cường hiệu lực công tác tuyên truyền bằng các phương pháp hiện đại, song hành cùng cuộc đấu tranh sắc bén, hiệu quả trên trận địa văn hóa - tư tưởng là yêu cầu cấp thiết để khơi dậy, phổ biến, lan tỏa các giá trị tinh thần tốt đẹp, củng cố sức “đề kháng” tinh thần cho mọi chủ thể xã hội. Công tác này không chỉ hướng tới việc bảo vệ trực diện chế độ và Nhân dân, đồng thời khẳng định tư duy chủ động trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia ngay từ khi các nguy cơ chưa hình thành.

Nhìn lại chặng đường đã qua, có thể khẳng định rằng những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử mà Việt Nam đạt được trên mọi lĩnh vực đều gắn liền và là minh chứng sống động cho vai trò lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Kiên định nhưng không rập khuôn, Đảng ta đã vận dụng linh hoạt hệ thống lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những yêu cầu khách quan của

lịch sử Việt Nam. Đây là tiền đề quyết định để Đảng hoạch định và thực hiện thắng lợi đường lối Đổi mới toàn diện, tạo nên những biến đổi sâu sắc và có ý nghĩa lịch sử đối với vận mệnh dân tộc. Trong tiến trình đó, Đảng đã xác lập hệ thống chủ trương và giải pháp đồng bộ, hiệu quả nhằm khơi dậy mạnh mẽ và phát huy chủ nghĩa yêu nước trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và bảo tồn môi trường hòa bình, ổn định – những điều kiện tiên quyết để đưa công cuộc Đổi mới đi vào chiều sâu.

Hai là, Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam “phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Nhân dân..., không ngừng tăng cường khả năng bảo vệ Tổ quốc” [71]. Giữ vai trò trung tâm trong việc thể chế hóa, tổ chức, quản lý các hoạt động nhằm hiện thực hóa sức mạnh tổng hợp quốc gia trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Để chuyển hóa chủ nghĩa yêu nước thành động lực trực tiếp cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, Nhà nước ta đã tập trung triển khai các trọng tâm chiến lược sau:

Trước hết, Nhà nước đã thực hiện bước đột phá trong việc hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật để khơi dậy, phát huy lòng yêu nước, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Việc chủ động xây dựng các quy định bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mọi công dân đã tạo ra môi trường chính trị - xã hội minh bạch, góp phần to lớn củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chế độ chính trị, tạo ra sự đồng thuận cao độ trong việc thực hiện các mục tiêu chung của đất nước. Cùng với đó, bằng việc chủ động định hướng đầu tư trọng điểm vào các lĩnh vực như giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học - công nghệ, Nhà nước đã hiện thực hóa quan điểm “con người là trung tâm của mọi chính sách phát triển”. Chính trọng tâm đầu tư này đã góp phần to lớn nâng cao thể chất, trí tuệ và bản lĩnh thể hệ con người Việt Nam mới – những con người Việt Nam phát triển toàn diện, vừa “hồng” vừa “chuyên”, đáp ứng một cách toàn diện những yêu cầu khắt khe trong giai đoạn lịch sử mới. Nhà nước đã thiết lập và thực thi hiệu quả cơ chế phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài, đặc biệt trong lĩnh vực

an ninh, quốc phòng và công nghệ mũi nhọn; xây dựng môi trường để thu hút, phát huy và trọng dụng những người có đức, có tài trong và ngoài nước. Các cơ chế chính sách đã khuyến khích nhân tài cống hiến trí tuệ cho công cuộc kiến thiết và bảo vệ Tổ quốc. Nhà nước đã tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ nòng cốt có đủ “tâm” và “tầm”, đồng thời vận hành hiệu quả cơ chế bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo. Bằng cách khuyến khích tinh thần “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm”, “dám đột phá vì lợi ích chung”, đã khơi thông các nguồn lực trí tuệ, biến khát vọng cống hiến thành những hành động đột phá, phục vụ đặc lực sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Việc sàng lọc, thay thế quyết liệt những cán bộ có năng lực yếu kém, có biểu hiện “suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống” không chỉ góp phần củng cố sức mạnh nội tại của hệ thống bộ máy công quyền, thực hiện hiệu quả chức năng tập hợp, điều phối các nguồn lực sức mạnh trong Nhân dân...

Vai trò của giáo dục trong phát huy sức mạnh chủ nghĩa yêu nước được chú trọng: Hệ thống giáo dục quốc dân giữ một vai trò nền tảng và không thể thay thế trong việc định hình nhân cách và hệ thống hóa nền tảng tri thức cùng năng lực cốt lõi cho các thế hệ người Việt Nam, qua đó tạo tiền đề trực tiếp để thiết lập và phát huy xung lực nội sinh cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục là thấm thấu và bồi đắp lòng yêu nước, tình yêu thương con người cùng những tinh hoa văn hóa của dân tộc vào cấu trúc nhân cách của mỗi cá nhân. Bằng việc vận hành cơ chế tích hợp, lồng ghép một cách có hệ thống và hiệu quả nội dung giáo dục hệ thống giá trị lịch sử hào hùng của dân tộc, bồi dưỡng lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm công dân về bảo vệ chủ quyền quốc gia và không gian sinh tồn của dân tộc vào chương trình giáo dục quốc dân. Qua đó, giúp thế hệ trẻ không chỉ thấm thấu sâu sắc các giá trị nguồn cội và kết tinh niềm kiêu hãnh về bề dày truyền thống vẻ vang của cha ông, mà còn củng cố tình yêu quê hương đất nước, nuôi dưỡng hoài bão, khát vọng hiện thực hóa mục tiêu dân tộc cường thịnh, phồn vinh và

hạnh phúc; góp phần xây dựng những công dân có bản lĩnh, có đạo đức, lối sống lành mạnh, có ý thức kỷ luật và tinh thần dấn thân vì cộng đồng. Những phẩm chất này là nền tảng để mỗi cá nhân sẵn sàng đảm nhận và hoàn thành trách nhiệm đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong mọi hoàn cảnh; từ việc đóng góp trí tuệ, nguồn lực xây dựng quốc gia cường thịnh đến trực tiếp tham gia lực lượng vũ trang khi Tổ quốc cần.

Nhà nước đã vận dụng các phương thức phát huy xung lực của chủ nghĩa yêu nước trong bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng: Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực không ngừng biến đổi và sự bùng nổ của công nghệ thông tin, không gian mạng đã trở thành một mặt trận quan trọng và đầy thách thức trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Nhận thức rõ điều này, Nhà nước đã và đang hiện thực hóa lộ trình chiến lược nhằm tăng cường khả năng bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng một cách hiệu quả. Chiến lược này bao gồm nhiều nội dung: Trước hết, Nhà nước chủ động thiết lập và hoàn thiện khung khổ pháp lý với các quy định chặt chẽ để điều chỉnh các hoạt động trên không gian mạng. Đây là cách thức then chốt để tạo nền tảng pháp lý vững chãi phục vụ công tác quản trị và triển khai các hoạt động bảo vệ “chủ quyền tư tưởng” và đấu tranh trực diện với các “quan điểm sai trái, thù địch”. Tiêu biểu là việc ban hành “*Luật An ninh mạng năm 2018*”, “*Luật An toàn thông tin mạng năm 2015*”, “*Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2018*” cùng hàng loạt các nghị định, thông tư hướng dẫn chi tiết. Ban hành “*Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại, bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng*” hay việc triển khai “*Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 18/10/2019 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/10/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia*”... Những văn bản này cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược, xác lập lộ trình nhiệm vụ và hệ giải pháp trọng điểm nhằm tối ưu hóa năng lực bảo đảm an ninh mạng trước những biến động phức tạp của tình hình mới. Song song với hoàn

thiện pháp lý, Nhà nước tập trung hiện đại hóa hệ thống “phòng thủ số”, tăng cường năng lực kỹ thuật, đầu tư ứng dụng các thành tựu công nghệ đột phá để bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng quốc gia. Tập trung bồi đắp tiềm lực trí tuệ thông qua việc quy tụ đội ngũ chuyên gia an ninh mạng chất lượng cao và xây dựng các lực lượng chuyên trách đủ mạnh. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức cảnh giác, kiến thức và kỹ năng an toàn thông tin cho các chủ thể tham gia “hệ sinh thái số”.

Chính nhờ chủ động hiện thực hóa các nhóm giải pháp mang tính đồng bộ và đa chiều nêu trên, công tác bảo đảm an ninh mạng và an toàn thông tin quốc gia đã đạt được những thành tựu chiến lược, tạo lập được môi trường số an toàn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa khi bước vào kỷ nguyên số.

Ba là, nhận thức sâu sắc chủ nghĩa yêu nước là điểm tựa tinh thần và xung lực lịch sử mạnh mẽ nhất của dân tộc, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đặc biệt chú trọng phát huy sức mạnh của giá trị văn hóa tinh thần này trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Điều này được thể hiện thông qua các hoạt động đa dạng nhằm thiết lập một tuyên truyền và vận động rộng khắp, giúp các tầng lớp nhân dân thấu triệt nghĩa vụ thiêng liêng đối với Tổ quốc, tham gia tích cực vào việc xây dựng “thế trận quốc phòng toàn dân” và “thế trận an ninh nhân dân” vững chắc. Những đóng góp mang tính nền tảng đối với việc phát huy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước trong bảo vệ Tổ quốc được hệ thống chủ thể này triển khai cụ thể qua các hoạt động sau:

Phát động sâu rộng và thực hiện thắng lợi mục tiêu của các phong trào thi đua yêu nước trong thực tiễn: Các phong trào này không chỉ tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế - xã hội (góp phần tăng cường tiềm lực quốc gia), mà còn trực tiếp góp phần củng cố “nền quốc phòng toàn dân”, “nền an ninh nhân dân”. Thông qua các “phong trào thi đua yêu nước”, Nhân dân đã trực tiếp “vật chất hóa” tinh thần yêu nước thành những đóng góp thiết thực

thiết lập “thế trận lòng dân” ngày càng vững chắc, tạo nên sức mạnh nội tại kiên cố cho “sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc” từ gốc, từ cơ sở.

Thông qua việc triển khai hệ thống và sâu rộng công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động sâu rộng trong mọi tầng lớp Nhân dân, tinh thần yêu nước được khơi dậy, lan tỏa; từ đó tạo bước chuyển biến căn bản trong việc nâng cao nhận thức, đồng thời củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và mục tiêu cao cả của sự nghiệp cách mạng. Bằng hệ thống các hình thức triển khai đa diện, như duy trì và nâng tầm các không gian thực hành văn hóa, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử dân tộc và truyền thống cách mạng, các hoạt động kỷ niệm sự kiện trọng đại của đất nước, các buổi nói chuyện chuyên đề về tình hình thời sự, chính sách, các hoạt động vinh danh các tập thể, cá nhân có thành tích trong các lĩnh vực..., Mặt trận và các tổ chức thành viên đã khơi dậy mạnh mẽ sức mạnh của “tinh thần yêu nước” trong bảo vệ Tổ quốc.

Các hoạt động tuyên truyền, vận động không chỉ dừng lại ở việc khơi gợi cảm xúc mà còn thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc về vị thế và trách nhiệm của mỗi chủ thể đối với vận mệnh của dân tộc trong tình hình mới. Qua đó, vận động mọi chủ thể xã hội tiến hành các hoạt động cụ thể đóng góp các nguồn lực cần thiết cho công cuộc bảo vệ đất nước trên mọi lĩnh vực. Hoạt động này góp phần quan trọng vào việc biến nhận thức về lòng yêu nước thành hành động thiết thực vì Tổ quốc.

Bốn là, đối với Nhân dân, một thành quả mang tính chiến lược đó là chủ nghĩa yêu nước không chỉ dừng lại ở nhận thức mà đã chuyển hóa mạnh mẽ thành hành động cách mạng tự giác. Không còn tồn tại dưới dạng tư tưởng, lý luận thuần túy, chủ nghĩa yêu nước đã thực sự trở thành xung lực nội tại thúc đẩy các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, đóng góp hàng triệu ngày công, hiến đất làm đường trong phong trào “toàn dân xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”... Đặc biệt, trong những

thời điểm cam go như đại dịch COVID -19 hay các đợt thiên tai khốc liệt (siêu bão Yagi, “lũ chồng lũ” ở miền Trung...), chủ nghĩa yêu nước của Nhân dân được cụ thể hóa qua sự đồng lòng, sẻ chia, đóng góp sức người, sức của (Quỹ vắc-xin, các hoạt động thiện nguyện với “mệnh lệnh từ trái tim”..), tạo nên sức mạnh nội sinh to lớn để đất nước vượt qua thử thách. Sự đồng lòng, tinh thần “đồng cam, cộng khổ”, “tương thân, tương ái” với chủ trương “không để ai bị bỏ lại phía sau” ấy không chỉ thể hiện qua các con số quyên góp kỷ lục mà còn bộc lộ qua tinh thần tự nguyện, tự giác của hàng vạn cá nhân, tổ chức tham gia cứu hộ, cứu trợ, tạo nên một hệ sinh thái nhân ái và trách nhiệm. Những thời điểm cam go này là bằng chứng thực chứng cho thấy lòng yêu nước của Nhân dân Việt Nam luôn là điểm tựa vững chắc nhất, giúp đất nước chuyển bại thành thắng và giữ vững sự ổn định chiến lược trước mọi biến cố.

Tóm lại, dưới sự dẫn dắt của Đảng và quản lý của Nhà nước, cùng vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc quy tụ khối đại đoàn kết, sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước được khơi dậy và chuyển hóa thành nguồn lực nội sinh mạnh mẽ. Sức mạnh này không chỉ biểu hiện qua “ý chí tự lực, tự cường” của toàn dân tộc mà còn được cụ thể hóa bằng sự hưởng ứng sâu rộng các phong trào thi đua, tạo nên những thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính từ những đóng góp thiết thực và những thắng lợi đạt được, niềm tin của Nhân dân ngày càng được củng cố vững chắc, tạo nên một khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng mạnh mẽ và bền chặt, tạo nên sức mạnh nội sinh to lớn trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

3.1.1.2. Thành tựu phát huy tinh thần đoàn kết, đồng lòng

Một là, trong tư duy chiến lược của Đảng, đại đoàn kết toàn dân tộc luôn được đặt ở vị trí “trọng yếu của mọi trọng yếu”; việc củng cố niềm tin của Nhân dân chính là xây dựng “thành trì lòng dân” vững chắc nhất, tạo nên sức mạnh nội sinh bất khả xâm phạm trước mọi thách thức của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định “đại đoàn kết toàn dân tộc” là “đường lối chiến lược” và là hằng số sức mạnh và xung lực tự thân thúc đẩy tiến trình cách mạng Việt Nam. Sức mạnh này được kết tinh và nhân lên từ bề dày tư tưởng vững chãi: sự kiên định mục tiêu “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”. Mục tiêu này không chỉ là lý tưởng của Đảng mà còn đáp ứng khát vọng toàn dân tộc, tạo nên nền tảng chính trị - tư tưởng chung để quy tụ mọi tầng lớp, mọi thành phần xã hội.

Là lực lượng lãnh đạo, Đảng đã, đang kiên trì dẫn dắt Nhân dân hiện thực hóa những mục tiêu chiến lược của công cuộc Đổi mới, từ đó tạo nên những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, tạo tiền đề và động lực mạnh mẽ để Việt Nam vững bước vào kỷ nguyên phát triển mới, hiện thực hóa khát vọng vươn mình của dân tộc. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc Đổi mới chính là minh chứng thực tiễn khẳng định tính đúng đắn của đường lối, từ đó thắt chặt sợi dây liên hệ máu thịt và làm sâu sắc thêm niềm tin thiêng liêng của Nhân dân đối với Đảng và con đường đã chọn, qua đó tạo cơ sở vật chất và tinh thần vững chắc cho “khối đại đoàn kết toàn dân tộc” trở thành pháo đài bất khả xâm phạm và ngày càng được tăng cường.

Đặc biệt, Đảng luôn chủ động cụ thể hóa đường lối xây dựng “khối đại đoàn kết dân tộc” bằng việc ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng nhằm hài hòa hóa lợi ích, quyền và nghĩa vụ của các giai tầng xã hội, dân tộc, tôn giáo, và kiều bào. Tiêu biểu là các nghị quyết chuyên đề về công tác dân tộc, tôn giáo được ban hành từ khóa IX; các nghị quyết về giai cấp công nhân, nông nghiệp, nông dân, nông thôn từ khóa X; và mới đây nhất là “*Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc*”. Những văn kiện quan trọng này đã đưa ra những biện pháp cụ thể, kịp thời để xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh của “khối đại đoàn kết toàn dân tộc” trong bối cảnh đầy biến động,

đổi phó hiệu quả với những thách thức đặt ra.

Chính nhờ trí tuệ và bản lĩnh chèo lái của Đảng, kết hợp cùng những thành công mang tính bước ngoặt trong công cuộc Đổi mới và hệ thống thiết chế đồng bộ, sức mạnh vĩ đại của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã được khơi nguồn và cộng hưởng mạnh mẽ. Đây không chỉ là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, mà còn là nền tảng vững chắc cho sự nghiệp bảo vệ vẹn toàn Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh mới, việc tăng cường sự gắn kết và chuyển hóa sức mạnh nội sinh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn, quyết định khả năng hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược quốc gia. Chỉ khi khối đại đoàn kết được vững mạnh, chúng ta mới có đủ sức mạnh tổng hợp để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, và thành công xây dựng “Việt Nam trở thành nước phát triển”, “có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa” vào năm 2045.

Quán triệt nguyên lý “đoàn kết nội bộ là tiền đề cho sự đồng thuận xã hội”, Đảng ta luôn đặt công tác tự đổi mới, tự chỉnh đốn ở vị trí trung tâm. Thông qua việc ban hành, triển khai các chủ trương, nghị quyết mang tính đột phá, Đảng đã không ngừng gia cố sự “đồng tâm nhất trí”, bảo đảm vai trò là trung tâm kết nối sức mạnh của toàn dân tộc. Tiến trình này được khắc họa rõ nét qua sự kế thừa và phát triển tư duy chiến lược: từ những bước khởi đầu đặt nền móng cho công tác tự đổi mới, chỉnh đốn Đảng (như “*Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa VII*”), đến việc nhận diện và giải quyết trực diện những vấn đề nổi cộm, cấp bách hơn trong giai đoạn sau. Nổi bật là các hệ thống Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 các khóa XI, XII, và XIII đã tạo nên một chỉnh thể lý luận và hành động xuyên suốt, xác lập “xây dựng Đảng về đạo đức” là nền tảng cốt lõi. Đây là cuộc đấu tranh quyết liệt, không khoan nhượng nhằm nhận diện, ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, cùng các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, gắn với đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Với quyết tâm chính trị rất cao

và tinh thần tấn công quyết liệt, kiên trì, không ngừng nghỉ, công tác xây dựng, chinh đồn Đảng gắn với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã được Đảng ta đẩy mạnh, đi vào chiều sâu thực chất, đạt được những kết quả toàn diện, tạo ra diện mạo mới cho công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay. Việc thực hiện công tác này với chủ trương xuyên suốt là “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai và ở cương vị nào” và “không ngừng, không nghỉ” đã thể hiện quyết tâm sắt đá thực hiện thành công quá trình thanh lọc đội ngũ và tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị một cách mạnh mẽ và nghiêm minh, từ đó củng cố kỷ luật, kỷ cương của Đảng và tinh thần thượng tôn pháp luật của Nhà nước, tạo tiền đề vững chắc cho sự ổn định và phát triển của chế độ. Chính những kết quả từ cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã góp phần quan trọng làm trong sạch bộ máy và củng cố, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Quá trình tự đổi mới, tự chinh đồn của Đảng đã trở thành xung lực thúc đẩy sự đồng thuận xã hội, biến niềm tin thành hành động tự giác của Nhân dân trong việc gia cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chính sự “nhất quán giữa lời nói và việc làm” của Đảng đã tạo nên trạng thái tâm lý xã hội tích cực, là tiền đề then chốt để quy tụ sức mạnh tổng hợp cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Hai là, Nhà nước khẳng định vai trò thể chế hóa sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc bằng việc tối ưu hóa hiệu năng và hiệu lực quản trị quốc gia. Hiệu quả từ một bộ máy “liêm chính, kiến tạo” chính là chìa khóa khơi thông nguồn lực, tạo nên sức mạnh tổng hợp và xung lực mới cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thông qua chức năng quản trị, Nhà nước thực hiện nhiệm vụ thể chế hóa toàn diện đường lối lãnh đạo về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc thành các chuẩn mực hành vi và cơ chế vận hành xã hội. Quá trình nội luật hóa các chủ trương chiến lược và thiết lập quy trình thực thi thực tiễn không chỉ đảm bảo tính nghiêm minh của hệ thống pháp luật mà còn tạo dựng nền tảng

hạ tầng chính trị - pháp lý để khối đại đoàn kết toàn dân tộc phát triển trong trật tự và hiệu quả. Song song với đó, Nhà nước tập trung vào đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng “bộ máy ngày càng trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Công tác này nhằm mục tiêu phục vụ Nhân dân tốt hơn, phòng chống tham nhũng, tiêu cực hiệu quả hơn, qua đó củng cố niềm tin của Nhân dân vào chế độ. Đồng thời, Nhà nước tăng cường tương tác, đối thoại trực tiếp với Nhân dân thông qua công tác tiếp dân, giải quyết kịp thời, thỏa đáng các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh chính đáng của công dân. Hệ thống giải pháp đồng bộ từ việc thể chế hóa đường lối, đẩy mạnh cải cách hành chính đến việc thiết lập cơ chế tương tác đa chiều với Nhân dân đã tạo ra những tiền đề then chốt để quy tụ và nhân lên sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Những nỗ lực này không chỉ kiến tạo nên một hành lang pháp lý minh bạch mà còn xây dựng một môi trường xã hội nhân văn, nơi tinh thần đoàn kết, đồng lòng được nuôi dưỡng và lan tỏa. Sự cộng hưởng giữa đồng thuận xã hội, niềm tin chiến lược và ý thức trách nhiệm công dân chính là nguồn nội lực tinh thần vô tận; đây không chỉ là bệ đỡ vững chắc cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc mà còn là động lực trực tiếp để hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược: *“phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn”* [43, tr.46].

Vai trò của Nhà nước còn được cụ thể hóa thông qua việc vận hành các chiến lược, chương trình và hệ thống các chính sách phát triển kinh tế - xã hội đồng bộ. Đây chính là quá trình cụ thể hóa đường lối của Đảng thành hành động thực tiễn, nhằm tối ưu hóa lợi ích chính đáng của Nhân dân và điều tiết hài hòa các mối quan hệ xã hội, từ đó trực tiếp củng cố sự đồng thuận xã hội và làm sâu sắc thêm mối quan hệ đoàn kết dân tộc. Nhà nước đã và đang tập trung thực thi các chính sách hướng tới giá trị phát triển bao trùm, công bằng và bền vững, làm nền tảng vững chắc cho sự đồng thuận xã hội. Tiêu biểu như là Các chương trình mục tiêu quốc gia “xây dựng nông thôn mới”, “giảm nghèo bền vững” và

“phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”... Hiệu quả từ những quyết sách này không chỉ góp phần hàn gắn các đứt gãy về khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, đối tượng, mà còn cải thiện căn bản đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Việc giải quyết thấu đáo các vấn đề xã hội cấp bách tại các địa bàn chiến lược đã trở thành sợi dây liên kết hữu hình, thắt chặt sự gắn bó và củng cố niềm tin chiến lược của Nhân dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Cùng với các chính sách an sinh, Nhà nước đã xác lập động lực phát triển mới thông qua Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Việc phát triển kinh tế số và xã hội số nhằm thúc đẩy sự phát triển đồng đều, tạo cơ hội tiếp cận công nghệ, thông tin, dịch vụ cho mọi người thông qua chính phủ số; tạo môi trường tương tác thuận lợi giữa các chủ thể, góp phần hình thành một xã hội kết nối, chia sẻ và đồng thuận hơn. Song hành với đó, Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 đóng vai trò là “đòn bẩy” thiết chế, hướng tới xây dựng một nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch, phục vụ nhân dân tốt hơn chính là yếu tố then chốt để củng cố niềm tin, sự hài lòng của người dân vào bộ máy nhà nước, giảm thiểu những bức xúc xã hội và tăng cường sự đồng thuận...

Với việc quyết liệt đẩy mạnh xây dựng một nền hành chính “phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch” không chỉ đơn thuần là cải cách bộ máy, mà còn là tiến trình khẳng định bản chất phục vụ Nhân dân của chế độ. Nhà nước tập trung thực hiện cuộc cách mạng về bộ máy theo phương châm “Tinh – Gọn – Mạnh – Hiệu năng – Hiệu lực – Hiệu quả”, từng bước khắc phục sự chồng chéo, quan liêu, kém hiệu quả; chú trọng tăng cường sự tương tác hai chiều, đưa bộ máy công quyền sát dân hơn, hoạt động ngày càng gần dân hơn, lắng nghe, giải quyết kịp thời và thỏa đáng các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, phản ánh chính đáng của Nhân dân. Việc quyết tâm xây dựng một nền hành chính thực sự vì

Nhân dân, minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả có ý nghĩa rất lớn trong việc củng cố “thế trận lòng dân”. Khi niềm tin chiến lược của Nhân dân được xác lập vững chắc, mọi bức xúc xã hội sẽ được hóa giải, tạo tiền đề để quy tụ sức mạnh tổng hợp từ sự đồng thuận và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nên một nội lực vô tận cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Tiến trình không ngừng hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh đã tạo ra hành lang pháp lý chuẩn mực để giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích, đảm bảo công bằng xã hội. Điểm nhấn mang tính đột phá là việc luật hóa quyền làm chủ của Nhân dân thông qua Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy chế dân chủ hiện hành. Đây không chỉ là công cụ pháp lý đơn thuần, mà còn là môi trường nuôi dưỡng trí tuệ quần chúng, cho phép Nhân dân tham gia trực tiếp vào công tác xây dựng Đảng, chính quyền, và thực thi chức năng giám sát quyền lực nhà nước. Có thể khẳng định, thành tựu nổi bật của Nhà nước được thể hiện ở việc xác lập được một hệ thống chính sách, pháp luật ngày càng đồng bộ, công bằng và minh bạch. Đây không chỉ là công cụ quản lý, mà là kết tinh của quá trình hiện thực hóa quyền làm chủ của Nhân dân, là nền tảng pháp lý để tăng cường sự gắn kết giữa “ý Đảng” với “lòng Dân”, từ đó kết tinh thành “sức mạnh vô cùng to lớn” cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, thành tựu nổi bật là Mặt trận Tổ quốc và các thành viên đã thực hiện thành công vai trò “hạt nhân” trong quy tụ sức mạnh tinh thần đoàn kết, đồng lòng. Thành quả này không chỉ dừng lại ở sự nhất quán về tư tưởng, mà đã thực sự chuyển hóa thành xung lực nội sinh, tạo nên trạng thái đồng thuận cao độ của toàn xã hội đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, trở thành “bệ phóng” cho mọi thắng lợi trong công cuộc Đổi mới.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân vào

chế độ. Mặt trận tích cực thực hiện vai trò cầu nối, lắng nghe và tập hợp rộng rãi ý kiến, kiến nghị chính đáng của Nhân dân, thông qua nhiều kênh và hình thức đa dạng. Trên cơ sở đó, Mặt trận chủ động đề xuất, góp ý các dự thảo chủ của Đảng, Nhà nước, đảm bảo cho các quyết sách được ban hành xuất phát từ thực tiễn cuộc sống, đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Song hành với vai trò quy tụ, thành tựu còn được ghi nhận qua việc Mặt trận đã chủ động nâng cao năng lực giám sát đối với các “lĩnh vực nhạy cảm”, từ việc tháo gỡ những điểm nóng bức xúc trong đời sống, đến việc kiểm soát thực thi đạo đức công vụ. Kết quả đạt được từ cơ chế giám sát nghiêm minh này đã góp phần tinh lọc bộ máy, cán bộ trong toàn bộ hệ thống chính trị, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần quan trọng vào việc “củng cố, mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường sự đồng thuận trong xã hội” [149, tr.104].

Một thành tựu mang tính bút phá, đó là sự chuyển đổi mạnh mẽ, đa dạng hóa các phương thức tuyên truyền, vận động của Mặt trận và các tổ chức thành viên. Thành quả là thiết lập được một hệ thống truyền thông đa tầng nấc, kết hợp nhuần nhuyễn giữa các hình thức, phương tiện hiện đại (như mạng xã hội, truyền thông đa phương tiện) với các phương thức truyền thống để phù hợp với các đối tượng khác nhau. Việc đổi mới này nhằm truyền tải hiệu quả và làm cho các chủ trương, chính sách đi vào cuộc sống một cách nhanh chóng. Thông qua việc đổi mới phương thức tuyên truyền, vận động, Mặt trận phát huy hiệu quả sức mạnh của Nhân dân trong việc tham gia thực hiện các mục tiêu quốc gia, tạo sự đồng thuận xã hội trong việc giải quyết các vấn đề chung.

Một thành tựu mang tính thực tiễn là Mặt trận đã hiện thực hóa sự đồng lòng thông qua hệ thống các chương trình, đề án can thiệp trực tiếp vào các lĩnh vực thiết yếu của đời sống. Thành quả ghi dấu là việc triển khai hiệu quả các phong trào bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cùng các hoạt động nhân đạo, từ thiện và xóa đói giảm nghèo bền vững. Những nỗ lực này không chỉ giải quyết thấu đáo các vấn đề xã hội tồn đọng mà còn là minh chứng thực

tế cho khả năng “quy tụ sức dân”, đáp ứng trúng và đúng tâm tư, nguyện vọng của quần chúng. Việc hóa giải thành công những bất đồng dân sinh thông qua những hoạt động cụ thể này đã kết tinh thành trạng thái đồng thuận xã hội cao độ, là nền tảng vững chắc tạo xung lực tổng hợp cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Một trong những thành tựu nổi bật tiếp theo là việc Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã tổ chức, triển khai sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động mang tầm chiến lược. Thành quả đạt được chính là việc quy tụ thành công lực lượng, khơi dậy tiềm năng to lớn của Nhân dân để chuyển hóa lòng yêu nước thành hành động thực tiễn sinh động. Tiêu biểu như, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” (nay là “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”) đã tạo nên thành tựu trong việc kiến tạo môi trường sống lành mạnh, gắn kết cộng đồng và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc – vốn là nền tảng cốt lõi của khối đại đoàn kết. Bên cạnh đó, các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” và cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, “Nghĩa tình hải đảo” đã đạt được những thành tựu nhân văn sâu sắc, không chỉ giúp đỡ đồng bào vùng biên giới, hải đảo khó khăn, mà còn khơi dậy tinh thần nhân ái, tri ân, làm sâu sắc thêm niềm tin của nhân dân vào chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt, việc gắn kết các phong trào thi đua yêu nước gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc”... đã kết tinh thành tựu trong việc phát huy tinh thần tự lực, tự cường và ý thức trách nhiệm quốc gia. Kết quả tổng thể của các nỗ lực này là việc biến ý chí cách mạng thành sức mạnh vật chất thiết thực, gia cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sự đồng thuận xã hội, kiến tạo những điều kiện tiên quyết cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc thành công trên mọi phương diện.

Một thành tựu mang tính chiến lược là những kết quả từ công tác dân

tộc, tôn giáo và kiều bào của Mặt trận Tổ quốc.

Thành quả trong công tác dân tộc chính là việc phối hợp triển khai các chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, làm thay đổi căn bản diện mạo đời sống, minh chứng cụ thể là “tỷ lệ hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giảm trung bình 3,5%/năm” [129]. Những kết quả thiết thực này góp phần củng cố niềm tin và thắt chặt tình đoàn kết trong “đại gia đình các dân tộc Việt Nam”.

Trong công tác tôn giáo, thành tựu ghi dấu ấn đậm nét là việc xác lập được sự đồng thuận giữa “Đạo” và “Đời”, tạo điều để các tôn giáo hành đạo đúng pháp luật. Việc quy tụ các chức sắc, tín đồ vào các phong trào thi đua yêu nước đã đạt được kết quả mang tính bản chất: “đa số chức sắc, chức việc và đồng bào có đạo yên tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc” [44, tr.45], tạo nên sự hòa hợp, “đoàn kết lương – giáo” bền chặt.

Đặc biệt đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài – “một bộ phận không tách rời của dân tộc”, với quy mô khoảng 6 triệu người sinh sống tại hơn 130 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó 80% ở các nước phát triển [72] - Mặt trận đã đạt được thành tựu trong việc duy trì “sợi dây kết nối nguồn cội”. Thông qua các hoạt động tri ân và giao lưu văn hóa đã khơi dậy thành công lòng tự hào dân tộc, huy động được nguồn lực to lớn về tri thức và tài chính cho quốc gia. Tổng hòa những thành quả này đã tạo nên một thực thể đại đoàn kết dân tộc bình đẳng, hòa hợp và hướng tâm; chuyển hóa sự đồng thuận xã hội thành nguồn sức mạnh tinh thần và vật chất vô tận, bảo đảm vị thế và tiềm lực cho sự nghiệp “bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Bốn là, thành tựu mang tính cội nguồn chính là việc tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, đã chuyển hóa sâu sắc thành nếp sống văn hóa và tính tích cực chính trị của công dân. Không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách, Nhân dân đã khẳng định vai trò chủ thể thông qua việc phát huy mạnh mẽ các thiết

chế tự quản và cơ chế hòa giải ở cơ sở, giúp hóa giải các xung đột lợi ích ngay từ bên trong cộng đồng. Dấu ấn đặc biệt là sự thay đổi mạnh mẽ từ tâm lý trông chờ sang tinh thần chủ động đồng thuận, nơi người dân tự nguyện gạt bỏ những định kiến, những khác biệt cá nhân, những mâu thuẫn nhỏ để hướng tới lợi ích chung của quốc gia, dân tộc. Tình làng, nghĩa xóm, đạo lý “lá lành đùm lá rách” không chỉ dừng lại ở truyền thống mà đã trở thành nguồn lực xã hội to lớn, giúp cộng đồng vững vàng trước những biến động. Chính năng lực tự đề kháng và tự gắn kết này của Nhân dân đã tạo nên một “pháo đài lòng dân” kiên cố, là nhân tố trực tiếp bảo đảm sự bền vững của chế độ và chủ quyền Tổ quốc trong mọi hoàn cảnh.

Tóm lại, có thể khẳng định, thành tựu chiến lược trong việc khơi dậy sức mạnh đoàn kết và xác lập sự đồng thuận xã hội là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thành quả này là kết quả của việc phát huy đồng bộ vai trò của các chủ thể thông qua các phương thức vận hành linh hoạt, từ đó kết tinh thành sức mạnh tổng hợp quốc gia để bảo vệ Tổ quốc.

3.1.1.3. Thành tựu phát huy ý chí tự lực, tự cường; khát vọng hòa bình, độc lập, tự do

Một là, thành tựu xuyên suốt và có ý nghĩa quyết định chính là việc Đảng Cộng sản Việt Nam đã giữ vững và giương cao ngọn cờ lý luận “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”, làm kim chỉ nam cho mọi hành động của dân tộc, khơi dậy và phát huy cao độ tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường trong mọi tầng lớp Nhân dân. Chính sự kiên định và linh hoạt lãnh đạo của Đảng đã tạo ra xung lực chính giúp toàn dân tộc vượt qua những biến động phức tạp của thời đại, gạt hái được những thành tựu mang tính bước ngoặt trong sự nghiệp Đổi mới. Kết quả đạt được không chỉ là sự ổn định về chính trị - xã hội mà còn là việc củng cố vững chắc tiềm lực quốc phòng, tạo lập vị thế mới cho đất nước trong sự nghiệp “xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Với bản lĩnh và “tinh thần tự lực, tự cường”, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc định hình và dẫn dắt tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, hướng tới mục tiêu chiến lược: “Đảng vững mạnh, Đất nước phát triển, Dân tộc trường tồn”. Thành quả nổi bật là đã “giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đất nước” [43, tr.135], bảo đảm quyền tự quyết dân tộc trước những biến động phức tạp của toàn cầu hóa. Đặc biệt, việc xác lập và vận hành hiệu quả “nền kinh tế độc lập, tự chủ” gắn với “hội nhập quốc tế sâu rộng” là một thành quả mang tính đột phá. Thông qua phương thức “đa dạng hóa, đa phương hóa” các quan hệ kinh tế, Đảng đã thành công trong việc thiết lập “hàng rào bảo vệ” lợi ích quốc gia, tránh “bị lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác” [43, tr.135].

Bằng việc triển khai đồng bộ các phương thức lãnh đạo, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hiện thực hóa mục tiêu xây dựng “nền quốc phòng toàn dân”, “nền an ninh nhân dân”, lấy “thế trận lòng dân” làm điểm tựa cốt lõi để bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Song hành với xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, Đảng đã phát huy tối đa “tinh thần tự lực, tự cường” để tạo ra những bước đột phá trong đối ngoại. Thành quả cụ thể là đã thiết lập được mạng lưới quan hệ sâu rộng với 247 chính đảng ở 111 quốc gia, bao gồm nhiều đảng cộng sản, đảng cầm quyền và đảng tham gia liên minh cầm quyền thông qua “đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập, tự chủ”, “đa phương hóa, đa dạng hóa”.

Trong bối cảnh hòa bình, hợp tác và phát triển, không chỉ đối mặt với các mối đe dọa từ bên ngoài, mà còn đối diện với các nguy cơ, thách thức bên trong, làm suy giảm sức mạnh, tiềm lực quốc gia. Đa số cán bộ, đảng viên, đặc biệt là những đứng đầu, đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác “phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực” đã được triển khai như một cuộc cách mạng nội sinh theo phương châm

“không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ”, “không ngừng”, “không nghỉ”, “không chịu sức ép của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào”. Kết quả đấu tranh này đã chuyển hóa thành sức mạnh nội sinh, làm tăng độ tin cậy của quần chúng đối với thể chế. Sự ổn định chính trị này đóng vai trò là “mỏ neo” cho phát triển kinh tế và là động lực trực tiếp để nâng cao năng lực đối ngoại, củng cố vững chắc nền tảng an ninh quốc phòng trong bối cảnh mới.

Hai là, thông qua quản trị và thực thi đồng bộ các quyết sách chiến lược, Nhà nước đã khơi dậy mạnh mẽ “ý chí tự lực, tự cường”, hiện thực hóa “khát vọng hòa bình, độc lập, tự do”. Việc cụ thể hóa “khát vọng hòa bình, độc lập, tự do” thành các chương trình hành động trong công cuộc đổi mới đã xác lập được nền kinh tế có tính “độc lập, tự chủ” cao trước các biến động toàn cầu. Kết quả là nền tảng kinh tế vĩ mô được giữ vững, tạo tiền đề cho sự tăng trưởng vượt bậc về tiềm lực quốc gia, khẳng định hiệu quả các phương thức phát huy sức mạnh dân tộc trong bối cảnh hội nhập. So với thời điểm bắt đầu đổi mới, “quy mô kinh tế tăng gấp 12 lần, thu nhập bình quân đầu người tăng 8,3 lần, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 29,5 lần, FDI tăng 22 lần, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58% (1993) xuống 2,93% (2023)” [121, tr.5]. Đến năm 2023, GDP đạt 430 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt 4.285 USD, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 683 tỷ USD, xuất siêu gần 28 tỷ USD, giá trị thương hiệu quốc gia đạt 431 tỷ USD (thứ 32/100 trên thế giới) [136]. Tăng trưởng trung bình gần 7% mỗi năm đã đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 trong ASEAN và thứ 35 trên thế giới. Thu nhập bình quân đầu người tăng 58 lần, đạt khoảng 4.300 USD (2023), thoát khỏi nhóm nước thu nhập thấp (2008) và phấn đấu đạt mức thu nhập trung bình cao (7.500 USD) vào năm 2030 [155]. Những thành tựu kinh tế nêu trên không đơn thuần là những con số thống kê, mà chính là sự kết tinh của “khát vọng vươn lên”, “tinh thần tự lực, tự cường” dân tộc. Đây không chỉ là thành quả tự hào, mà còn đóng vai trò là “vốn chiến lược” và xung lực mạnh mẽ, tạo tiền đề vật chất lẫn tinh thần để Việt Nam kiên định lộ trình Đổi mới,

đồng thời gia tăng năng lực tự vệ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy “tinh thần tự lực, tự cường”, hoạt động “đối ngoại đa phương” được Nhà nước tiến hành và đạt nhiều thành quả quan trọng, góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Việt Nam đã trở thành “thành viên tích cực” và “có uy tín cao” trong cộng đồng quốc tế, chủ động tham gia vào nhiều hoạt động hợp tác và ký kết hiệp định thương mại song phương, đa phương. Cụ thể: Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia; quan hệ đối tác chiến lược và toàn diện với 30 nước (bao gồm 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, G7 và ASEAN) [121, tr.4]; quan hệ với nghị viện của hơn 140 nước; quan hệ với 1.200 tổ chức nhân dân và phi chính phủ nước ngoài; quan hệ thương mại với hơn 220 đối tác (71 nước công nhận “quy chế kinh tế thị trường”); là thành viên hơn 70 tổ chức, “diễn đàn đa phương” khu vực và toàn cầu. Những thành tựu này tạo tiền đề vững chắc để Việt Nam nâng cao uy tín và vị thế trên mọi lĩnh vực quan hệ quốc tế [2].

Nhà nước đã hiện thực hóa vai trò kiến tạo thông qua hệ thống chính sách an sinh bao trùm, đặc biệt là các giải pháp hỗ trợ nhóm đối tượng yếu thế, từ đó thúc đẩy giảm nghèo bền vững và đảm bảo thực quyền tự do dân chủ cho Nhân dân. Song song với đó, chiến lược phát huy nội lực trong khoa học công nghệ được đẩy mạnh thông qua ưu tiên nguồn lực cho “nghiên cứu và phát triển” (R&D), dẫn đến sự định hình của các sản phẩm công nghệ mang thương hiệu Việt Nam dần xuất hiện và khẳng định uy tín, vị thế. Bên cạnh đó, “triết lý giáo dục mới” chú trọng hơn việc “khơi dậy ý chí tự lực, tự cường; phát huy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” của con người Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Với tư cách là bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng của Nhà nước, lực lượng vũ trang đã khẳng định bản lĩnh “tự lực, tự cường” thông qua tiến trình xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân theo hướng “chính

quy, tinh nhuệ, hiện đại”. Hiệu quả quản lý nhà nước được thể hiện rõ nét trong việc hợp nhất sức mạnh quân sự với các nguồn lực chính trị, ngoại giao và kinh tế, tạo lập “thế trận quốc phòng toàn dân” gắn kết hữu cơ với “thế trận an ninh nhân dân”. Thành tựu tiêu biểu là việc chuyển hóa ý chí tự chủ thành năng lực chủ động ngăn chặn từ sớm, từ xa mọi nguy cơ chiến tranh, xung đột. Dựa trên “khát vọng hòa bình”, Nhà nước, kiên trì chủ trương đối thoại, hợp tác và giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, song vẫn bảo đảm năng lực cảnh giác chiến lược, cho phép chủ động nhận diện và vô hiệu hóa hiệu quả mọi âm mưu phá hoại, bảo vệ toàn vẹn lợi ích quốc gia – dân tộc. Chính sự trưởng thành vượt bậc của lực lượng vũ trang cả về tư duy chiến lược và năng lực trang bị đã trở thành minh chứng sống động cho khả năng tự bảo vệ chủ quyền, đồng thời khẳng định bản lĩnh của “một dân tộc yêu chuộng hòa bình” nhưng không bao giờ khuất phục trước sức ép, giữ vững thành quả cách mạng và môi trường ổn định để đất nước vươn mình.

Ba là, Mặt trận Tổ quốc cùng các thành viên khơi dậy mạnh mẽ “tinh thần tự lực, tự cường” trong công cuộc Đổi mới, chuyển hóa sức mạnh niềm tin thành những hành động thiết thực, đặc biệt khuyến khích thế hệ trẻ vượt khó, lập thân, lập nghiệp và cống hiến cho Tổ quốc. Nhiều tấm gương tự lực đã xuất hiện, hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước. Trong thời đại công nghệ số, thanh niên Việt Nam tiếp tục hăng say học tập, trau dồi kiến thức, kỹ năng, sẵn sàng lao động sáng tạo, khởi nghiệp, cống hiến cho xã hội. Giai đoạn 2017 - 2022, riêng tổ chức *Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh* đã triển khai 1.453 cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp, thu hút hơn 223.000 lượt thanh niên tham gia, với gần 13.900 ý tưởng. Hiện có hơn 4.500 câu lạc bộ thanh niên làm kinh tế (hơn 43.600 thành viên) và hơn 85.000 hộ thanh niên nghèo, cận nghèo được hỗ trợ [146]. Khát vọng và tinh thần tự lực, tự cường của thanh niên đã tạo xung lực bút phá, nâng tầm vị thế đổi mới sáng tạo của Việt Nam trong bảng xếp hạng toàn cầu: vươn lên vị trí 48/132 quốc gia theo GII 2022 (WIPO) và

thứ 54 trên thế giới về hệ sinh thái khởi nghiệp (Startup Blink) [12].

Bốn là, “ý chí tự lực, tự cường, khát vọng hòa bình, độc lập, tự do” đã thấm sâu vào tâm thức và hành động của mỗi người dân Việt Nam, trở thành xung lực nội sinh mạnh mẽ cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Ý chí, khát vọng không còn là khái niệm trừu tượng mà được cụ thể hóa bằng tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và khát vọng vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng của mỗi cá nhân. Hàng vạn tấm gương nông dân sản xuất giỏi, những công nhân lành nghề và đội ngũ doanh nhân thành đạt vươn tầm quốc tế là minh chứng sống động cho ý chí không cam chịu đói nghèo, tụt hậu – một dạng thức mới của việc khẳng định bản lĩnh “tự cường” trên mặt trận kinh tế. Đặc biệt, tinh thần hiếu học và nỗ lực tiên phong chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức số của thế hệ trẻ, đã xác lập một biểu hiện mới của ý chí tự cường dân tộc trong kỷ nguyên số. Chính sự tự chủ về kinh tế, trí tuệ của từng cá nhân đã kết thành sức mạnh tổng hợp, giúp quốc gia luôn giữ vững thế chủ động, nâng cao khả năng tự phòng thủ và phát triển bền vững trước mọi biến động của thời đại.

Tóm lại, những thành tựu trên là kết quả của việc vận hành đồng bộ hệ thống chính trị nhằm chuyển hóa sức mạnh tinh thần thành nguồn lực nội sinh thực tiễn. Trong đó, Đảng định hướng chiến lược và tự chỉnh đốn; Nhà nước kiến tạo thực lực kinh tế, quốc phòng, đối ngoại; Mặt trận và các đoàn thể khơi dậy xung lực công hiến; Nhân dân phát huy tính chủ thể tự lực và trí tuệ. Sự cộng hưởng này xác lập chính thể sức mạnh tổng hợp, kết hợp “thể trận lòng dân” với tiềm lực hiện đại, đảm bảo năng lực chủ động chiến lược trong việc nhận diện và hóa giải mọi nguy cơ đối với an ninh và chủ quyền quốc gia “từ sớm, từ xa”.

3.1.1.4. Thành tựu phát huy nghệ thuật quân sự

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện thành công việc nâng tầm và hiện đại hóa nghệ thuật quân sự độc đáo của dân tộc, kết tinh thành một “đường lối bảo vệ Tổ quốc khoa học, sắc bén”. Hiệu quả lãnh đạo của Đảng không chỉ

dừng lại ở mặt chủ trương mà chuyển hóa thành kết quả thực tiễn: xây dựng được một lực lượng quân đội “chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”, tạo nên lá chắn kiên cố bảo vệ vững chắc “độc lập, chủ quyền dân tộc”. Đảng đề ra đường lối quân sự, xác định phương hướng phát triển tiềm lực quân sự, quốc phòng của đất nước, không ngừng hoàn thiện đường lối, “bộ khung lý luận về bảo vệ Tổ quốc”. Đảng đặc biệt chú trọng “công tác xây dựng Đảng trong quân đội” để xác lập nền tảng vững chắc về chính trị, tư tưởng; từ đó tạo tiền đề để triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ” và “tiến lên hiện đại”. Bằng cách vận hành đồng bộ hệ thống chính trị, Đảng đã thành công trong việc kết hợp “sức mạnh quân sự” với “tiềm lực chính - ngoại giao” và “nội lực kinh tế”, tạo nên một chỉnh thể sức mạnh tổng hợp vững chắc. Kết quả là Việt Nam luôn giữ vững thế chủ động chiến lược, đảm bảo chủ quyền quốc gia được bảo vệ bằng sự cộng hưởng của nhiều nguồn lực thay vì chỉ phụ thuộc vào vũ trang đơn thuần. Chú trọng hoạt động nghiên cứu, dự báo diễn biến tình hình thế giới và khu vực để xây dựng phương án tác chiến linh hoạt, điều chỉnh đường lối phù hợp tình hình mới.

Sự lãnh đạo của Đảng với chủ trương, quan điểm phù hợp, nhận thức về bảo vệ Tổ quốc của toàn bộ các chủ thể đã được nâng cao, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân xác định đây là “nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên”, “trong đó Quân đội và Công an là nòng cốt” [43, tr.156]. Thông qua tuyên truyền ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc của người dân được nâng lên, chuyển hóa thành hành động cụ thể, củng cố thế trận “lòng dân”, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi địa phương là một pháo đài. Lực lượng vũ trang và toàn dân được bố trí hợp lý tạo thế trận phòng thủ vững chắc, củng cố các khu vực phòng thủ, phát huy tiềm lực kinh tế, chính trị, tinh thần, để bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đã thực sự thấm thấu vào tư duy của toàn quân và toàn dân, luôn được xác định là “nhiệm vụ chiến lược hàng đầu”, tiền đề quyết định cho sự nghiệp xây dựng và phát triển

đất nước, là trách nhiệm thiêng liêng của mỗi người dân. Từ đó, các chủ thể tích cực tham gia xây dựng và củng cố “thế trận quốc phòng toàn dân”, “thế trận an ninh nhân dân”. Dấu ấn “tự lực, tự cường” thể hiện rõ nét qua việc Nhân dân tự giác nâng cao tri thức trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, chủ động hiệp đồng với các lực lượng chức năng trong việc bảo vệ “chủ quyền biển, đảo” và giữ vững an ninh biên giới.

Trong quá trình đổi mới, Đảng đã lãnh đạo hiệu quả việc thiết lập và vận hành “Thế trận lòng dân” vững mạnh dựa trên sự thống nhất hữu cơ giữa “ý Đảng, lòng Dân”. Những thắng lợi toàn diện trong sự nghiệp Đổi mới trên mọi lĩnh vực đã chứng minh lòng dân luôn hướng về Đảng, phát huy vai trò tích cực của chủ thể, đóng góp trí tuệ và các nguồn lực khác cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong quá trình Đổi mới, Đảng đã tăng cường lãnh đạo, xác lập “hệ thống lý luận quốc phòng” sắc bén, phù hợp thực tiễn đất nước và bối cảnh quốc tế, giữ vững quyền lãnh đạo tuyệt đối đối với lực lượng vũ trang và tối ưu hóa sức mạnh tổng hợp dân tộc. Thông qua việc kết hợp chặt chẽ an ninh với phát triển kinh tế - xã hội và chủ động hội nhập quốc tế, Đảng đã bảo vệ vững chắc quyền lợi Nhân dân, hóa giải hiệu quả các thách thức an ninh mới, kiến tạo môi trường hòa bình, ổn định để đất nước vươn mình. Trong bối cảnh Cách mạng 4.0, lý luận quân sự Việt Nam đã chuyển hóa thành công từ “tư duy phòng thủ truyền thống” sang chiến lược “phòng thủ tích hợp công nghệ cao”. Việc ứng dụng mạnh mẽ các giải pháp khoa học hiện đại vào xây dựng tiềm lực quân sự và thế trận quốc phòng, đã tạo ra khả năng phản ứng linh hoạt và hiệu quả trước các nguy cơ, tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa” trên mọi môi trường, không gian; nâng cao hiệu quả hoạt động quân sự, phát triển phương tiện, vũ khí, trang thiết bị phù hợp. Việc ứng dụng thành tựu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào lĩnh vực quân sự được tăng cường thông qua: phát triển hệ thống vũ khí tự động (AWS) dựa trên AI để tự động xác định và tiêu diệt

mục tiêu; sử dụng AI và Big Data để phòng thủ và phản công tấn công mạng; nâng cao năng lực tác chiến điện tử bằng AI; áp dụng VR/AR kết hợp AI cho huấn luyện ảo; xây dựng hệ thống chỉ huy và kiểm soát (C2) thông minh, sử dụng AI cho phân tích dự báo, tự động hóa lập kế hoạch và hậu cần; phát triển vũ khí, trang bị mới.

Hai là, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong vận dụng, phát huy nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Thành tựu này được thể hiện rõ nét qua việc chuyển hóa các nguyên lý quân sự thành sức mạnh thực tiễn trên các phương diện: Trước hết, Nhà nước đã hiện thực hóa thành công mô hình Quân đội nhân dân “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”. Tạo lập sự chuyển biến về chất trong tiềm lực quốc phòng, thông qua việc làm chủ vũ khí công nghệ cao, phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ quân sự và đào tạo đội ngũ cán bộ có tư duy chiến lược nhạy bén. Tiếp đó, là xây dựng vững chắc “nền quốc phòng toàn dân” gắn với “thế trận an ninh nhân dân”; khơi dậy và quy tụ được sức mạnh “đại đoàn kết toàn dân tộc”, biến ý thức bảo vệ Tổ quốc thành hành động tự giác của mọi tầng lớp Nhân dân, tạo nên “bức tường thành” vững chắc trước mọi nguy cơ. Trên phương diện khác, việc chủ động hội nhập và hợp tác quân sự quốc tế cũng đã đạt được những bước tiến chiến lược. Nhà nước không chỉ tranh thủ được kinh nghiệm, công nghệ quốc tế mà còn khẳng định vai trò, trách nhiệm của Việt Nam trong các cơ chế đa phương, góp phần “giữ vững môi trường hòa bình” và “ngăn ngừa xung đột từ sớm, từ xa”.

Trên thực tế, Nhà nước đã triển khai đồng bộ các phương thức chiến lược để chuyển hóa giá trị nghệ thuật quân sự thành sức mạnh bảo vệ Tổ quốc, cụ thể: Nhà nước đã ban hành và thực thi hiệu quả hệ thống chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh. Thông qua hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nghệ thuật quân sự Việt Nam đã được phổ biến sâu rộng, trở thành cơ sở lý luận để củng cố vững chắc “Thế trận lòng dân”. Thực tiễn cho thấy, lòng yêu nước, tinh

thần đoàn kết, khát vọng độc lập, tự do, ý chí chiến đấu của Nhân dân đã được khơi dậy mạnh mẽ, tạo tiền đề vững chắc cho “thế trận quốc phòng toàn dân”. Trong điều kiện thời bình, nhưng nhiều biến động, Nhà nước đã chủ động lồng ghép các mục tiêu quốc phòng vào các chương trình phát triển kinh tế tại các địa bàn chiến lược, trọng điểm như biên giới, biển đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phương thức này đã giúp củng cố tiềm lực tại chỗ, tạo ra sự ổn định về chính trị và vững chắc về quốc phòng ngay từ cơ sở. Các cấp ủy và chính quyền địa phương đã triển khai biện pháp cụ thể củng cố lòng tin của Nhân dân, phát huy sức mạnh toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là giải quyết các vấn đề dân sinh gắn liền với “an ninh, quốc phòng”.

Ba là, vận dụng, phát huy nghệ thuật quân sự Việt Nam, trong thực tiễn, Mặt trận đã triển khai sâu rộng công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao đối với các chủ trương về quốc phòng, an ninh. Thực trạng cho thấy, thông qua việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc đã củng cố niềm tin của xã hội vào chế độ, từ đó tạo “nền tảng chính trị - tinh thần” vững chắc cho “thế trận quốc phòng toàn dân” và “thế trận an ninh nhân dân”. Các chương trình như “*Nghĩa tình biển đảo*”, “*Toàn dân chung tay giữ nước*” hay các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, không chỉ là công tác xã hội mà chính là những phương thức hiệu quả đã được vận dụng khơi dậy “tinh thần yêu nước” và ý chí chiến đấu. Kết quả thực tiễn ghi nhận sự nâng cao rõ rệt về ý thức trách nhiệm công dân, tạo nên sức mạnh nội sinh trực tiếp cho nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Cùng với đó, Mặt trận đã phối hợp chặt chẽ trong việc giám sát thực thi pháp luật và tham xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang, dân quân tự vệ. Thực trạng này đã góp phần duy trì trạng thái “sẵn sàng chiến đấu” cao của toàn dân, đảm bảo hệ thống “quốc phòng toàn dân” được vận hành thông suốt và thực chất từ cấp cơ sở.

Bốn là, Nhân dân với vai trò là chủ thể trực tiếp – cội nguồn sức mạnh của “nghệ thuật quân sự Việt Nam”. Thực tiễn cho thấy, Nhân dân không còn

dừng lại ở đối tượng được vận động mà đã trở thành chủ thể trực tiếp thực thi nghệ thuật quân sự. Thành tựu lớn nhất là việc chuyển hóa thành công “ý thức cảnh giác cách mạng” thành hành động tự giác, thường xuyên. Thông qua mạng lưới “an ninh nhân dân” rộng khắp, mỗi người trở thành một “mắt xích” chủ động cung cấp những thông tin chiến lược, có giá trị cao, giúp lực lượng chức năng chủ động hóa giải các nguy cơ ngay từ cơ sở, từ gốc rễ vấn đề.

Tại các địa bàn trọng yếu, biên giới, hải đảo, sự hiện diện của Nhân dân đã tạo nên “thế trận phòng thủ dân sự” kiên cố. Việc ngư dân kiên trì bám biển và đồng bào dân tộc bám đất không chỉ là hoạt động sinh kế, mà là phương thức trực tiếp vận dụng nghệ thuật quân sự “lấy dân làm gốc”, mỗi người dân đã thực sự trở thành những “cột mốc sống”, biến sự hiện diện dân sự thành sức mạnh khẳng định và bảo vệ chủ quyền quốc gia một cách hòa bình nhưng vững chắc. Bằng hoạt động thực tiễn, Nhân dân đã trực tiếp cụ thể hóa “Thế trận lòng dân” thành “hệ thống phòng thủ đa tầng”. Nhân dân và các lực lượng vũ trang đã tạo thành một khối thống nhất, chuyển hóa sự đồng thuận chính trị thành sức mạnh hiệp đồng tác chiến thực địa. Chính sự chủ động của Nhân dân đã hình thành mạng lưới phòng thủ, giúp quốc gia duy trì khả năng tự bảo vệ và ứng phó linh hoạt trước mọi tình huống phức tạp. Đây là tầng nấc phòng thủ đầu tiên và quan trọng nhất, hóa giải mọi nguy cơ ngay từ khi mới phát sinh, khẳng định vai trò quyết định của Nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

3.1.2. Những hạn chế phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

3.1.2.1. Những hạn chế trong phát huy chủ nghĩa yêu nước

Một là, mặc dù công tác hoạch định chiến lược phát huy chủ nghĩa yêu nước đã được chú trọng, tuy nhiên việc tuyên truyền, hiện thực hóa còn một số bất cập. Điều này thể hiện trước hết ở công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị đôi khi thiếu hấp dẫn, nặng về lý thuyết, chưa tận dụng tối đa lợi thế của công nghệ số để tạo sự lan tỏa. Bên cạnh đó, cơ chế phản hồi thông tin giữa cơ sở và

các cấp quản lý còn thiếu thông suốt; một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự cầu thị, chậm tiếp thu và xử lý các phản ánh chính đáng từ Nhân dân.

Một bộ phận dân cư nhận thức chưa đầy đủ về sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, thiếu cảnh giác bảo vệ Tổ quốc; một số cá nhân, nhất là giới trẻ, chưa hiểu rõ bản chất, ý nghĩa của lòng yêu nước, thậm chí có nhận thức lệch lạc. Bên cạnh đó, hiện hữu tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn nặng về lợi ích cá nhân, chưa thực sự vì cộng đồng và đất nước; một bộ phận “bất mãn với chế độ”, “chạy theo lợi ích vật chất tầm thường”, “có hành động tiêu cực” [122, tr.124]. Một bộ phận khác thiếu ý thức thực hiện mục tiêu “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”, thậm chí “mơ hồ về chủ nghĩa xã hội”, dẫn đến mơ hồ trong thực hiện “tinh thần yêu nước”, “đi ngược lại con đường chủ nghĩa xã hội, tức là đi ngược lại lợi ích quốc gia, dân tộc” [122, tr.125].

Hai là, thể chế phát huy sức mạnh chủ nghĩa yêu nước còn thiếu tính đồng bộ, liên tục và ổn định. Chính sự thiếu nhất quán này dẫn đến tình trạng khó triển khai trong thực tiễn, làm cho các chủ trương đi vào đời sống đạt hiệu quả thấp, chưa tạo được xung lực mạnh mẽ cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Công tác quản lý nhà nước còn bộc lộ những bất cập về mặt vận hành. Hệ thống thủ tục hành chính rườm rà tạo rào cản trực tiếp và gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Đáng chú ý, việc xây dựng và thực hiện nhiều quyết định, chính sách còn thiếu tính công khai, minh bạch, dẫn đến tâm lý nghi ngờ, bức xúc trong xã hội, làm suy giảm sự đồng thuận đối với các chương trình phát triển quốc phòng, an ninh.

Tình trạng một số cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ quyền hạn để vụ lợi cá nhân đã trực tiếp làm giảm niềm tin của Nhân dân vào bộ máy Nhà nước. Nghiêm trọng hơn, “một bộ phận cán bộ thiếu trách nhiệm, đùn đẩy trách nhiệm, thờ ơ, kèn cựa địa vị, cục bộ, mất đoàn kết, bảo thủ, thiếu năng động, sáng tạo” [122, tr.127], và quan liêu đang gây trì trệ hệ thống, làm suy yếu hiệu lực quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh.

Một bộ phận thiếu “tinh thần tự lực, tự cường”, ngại học tập, lười nghiên cứu, nắm bắt khoa học công nghệ. Sự tụt hậu về tư duy và năng lực chuyên môn này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả công việc hiện tại mà còn làm “suy giảm sức mạnh trí tuệ dân tộc” trong cuộc đua cạnh tranh chiến lược và hiện đại hóa nghệ thuật quân sự.

Hiện tượng lệch chuẩn giá trị đạo đức, nguy cơ “xâm lăng văn hóa”, nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, suy thoái đã ảnh hưởng xấu, kìm hãm, “làm suy vong các nền tảng tinh thần của dân tộc, đe dọa sự tồn vong của chế độ” [134, tr.207]. Sự kém gương mẫu của một số cán bộ, nhất là sự vô cảm trước nỗi đau khổ của dân, “tư duy nhiệm kỳ”, bòn rút, vơ vét cá nhân trước khi nghỉ hưu đã làm suy giảm lòng tin của nhân dân. Chủ nghĩa cá nhân vị lợi, “lợi ích nhóm”, chạy theo lợi nhuận, sùng bái lối sống phương Tây ngày càng gia tăng. Hậu quả là làm tăng nguy cơ mất ổn định hệ thống chính trị và an ninh xã hội, gây tác động tiêu cực đến việc khơi dậy và phát huy nguồn lực con người, phát triển chủ nghĩa yêu nước cũng như tinh thần, ý thức bảo vệ Tổ quốc.

Công tác quản lý và nguồn lực đầu tư của Nhà nước cho giáo dục còn nhiều hạn chế; nội dung và phương pháp giáo dục văn hóa dân tộc còn chậm được đổi mới chưa bắt kịp sự biến đổi của thực tiễn. Hệ quả là một bộ phận học sinh thiếu hiểu biết về văn hóa dân tộc, giảm sút tinh thần cố kết cộng đồng, thiếu động lực vươn lên, xem nhẹ đạo lý; coi nhẹ giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, các môn chính trị, quân sự. Cùng với đó, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành vẫn chưa chặt chẽ và thiếu tính hiệu quả. Việc chưa chú trọng giáo dục trách nhiệm, nghĩa vụ xây dựng đất nước đã tạo ra những lỗ hổng trong hình thành nhân cách, dẫn đến một bộ phận thanh thiếu niên thiếu trách nhiệm với cộng đồng, sống thiếu lý tưởng và dễ sa vào các tệ nạn xã hội. Việc giáo dục giá trị văn hóa và con người đang bị xem nhẹ; hệ thống trường học hiện nay chủ yếu tập trung truyền thụ tri thức, “chưa chú trọng phẩm chất, đạo đức, ý thức bảo vệ Tổ quốc” [134, tr.212]. Công tác giáo dục các giá trị truyền thống

văn hóa tinh thần thường bị coi là “hoạt động phụ”. Do tình trạng chạy theo thành tích học tập, việc bồi dưỡng đạo đức và hình thành nhân cách cho người học đã bị bỏ ngỏ, dẫn đến những lệch lạc trong đời sống tinh thần xã hội như coi thường pháp luật, ích kỷ, thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm, khủng hoảng niềm tin. Ảnh hưởng của lối sống thực dụng, xa rời các giá trị văn hóa truyền thống và việc tiếp thu không chọn lọc văn hóa ngoại lai đã làm suy giảm nghiêm trọng khát vọng vươn lên, triệt tiêu “ý chí tự lực, tự cường”, “lẩn tránh trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc của một bộ phận thanh niên, đe dọa sự tồn vong của chế độ” [134, tr.187]. Đây không chỉ là sự lệch lạc về lối sống mà còn là thách thức trực tiếp đối với sức mạnh nội sinh và sự ổn định chiến lược của quốc gia.

Ba là, công tác phát động và tổ chức thực hiện “các phong trào thi đua yêu nước” của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên còn bộc lộ nhiều hạn chế. Một số phong trào vẫn mang nặng tính hình thức, nội dung chưa gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ thực tế và thiếu sáng tạo trong phương thức triển khai. Thực trạng này dẫn đến việc cán bộ và Nhân dân chưa tích cực tham gia, đồng thời công tác đánh giá hiệu quả còn mang tính chủ quan, thiếu căn cứ khoa học, thiếu hệ thống chỉ tiêu cụ thể, chưa phản ánh đúng thực chất tác động của phong trào đối với đời sống xã hội; tuyên truyền chưa sâu rộng, hiệu quả, thiếu hình thức phù hợp; liên kết, phối hợp giữa các cấp, ngành, cơ quan, tổ chức chưa hiệu quả. Những hạn chế này làm giảm sức hấp dẫn, ảnh hưởng đến hiệu quả, thậm chí bị lợi ích nhóm chi phối, gây mất niềm tin của người dân.

Phương thức tuyên truyền về chủ nghĩa yêu nước của Mặt trận còn đơn điệu, thiếu sáng tạo, chưa sử dụng hiệu quả phương tiện truyền thông hiện đại, một số hoạt động còn hình thức, chưa đi vào cuộc sống, dẫn đến một bộ phận dân cư chưa nhận thức đúng về lòng yêu nước. Bên cạnh đó, nội dung tuyên truyền vẫn còn khô khan, sức thuyết phục chưa cao và chưa đáp ứng đúng nhu cầu, tâm lý của Nhân dân, nhất là của thanh thiếu niên. Sự thiếu tương thích trong các phương thức này dẫn đến hệ quả là chưa thực sự phát huy tối đa sức

mạnh của tinh thần yêu nước trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, tính chủ thể và tinh thần tự giác trong việc phát huy chủ nghĩa yêu nước của một bộ phận Nhân dân vẫn bộc lộ những mặt yếu kém. Sự thiếu hụt về ý thức chủ động này dẫn đến thực trạng chưa đáp ứng được yêu cầu cao của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới, đặc biệt trước những “thách thức an ninh phi truyền thống” và diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế. Đặt trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập sâu rộng với đời sống quốc tế, một bộ phận Nhân dân đã bị tâm lý thực dụng lấn át, quá đề cao lợi ích cá nhân mà thờ ơ với trách nhiệm cộng đồng và vận mệnh quốc gia. Tình trạng “chủ nghĩa cá nhân” trỗi dậy đã làm xói mòn tinh thần “gắn kết giữa lợi ích cá nhân với vận mệnh dân tộc” – vốn là một nội dung cốt lõi của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

Sự suy giảm về “sức đề kháng” trước các luồng văn hóa độc hại và thông tin xấu độc trên không gian mạng là một hạn chế đáng quan ngại. Một bộ phận người dân, đặc biệt là tầng lớp trung lưu và thanh niên đô thị, có biểu hiện sùng bái thái quá “văn hóa ngoại lai”, đã dẫn đến sự lệch lạc trong nhận diện “giá trị văn hóa dân tộc” và nảy sinh tâm lý lơ là cảnh giác cách mạng. Điều đáng chú ý là, tại một số địa bàn, nhất là các địa bàn chiến lược, sự tham gia vào các phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc của người dân hiện nay vẫn còn mang tính thụ động, trông chờ, ỷ lại vào các lực lượng chức năng. Tinh thần “tự lực, tự cường” ở một bộ phận dân cư bị thu hẹp bởi lối sống hưởng thụ, dẫn đến hiện tượng né tránh nghĩa vụ quân sự hoặc thiếu trách nhiệm trong việc bảo vệ chủ quyền biên giới, hải đảo tại chính nơi cư trú. Những hạn chế này không chỉ làm yếu đi “thế trận lòng dân” mà còn tạo ra các “khe hở” để các thế lực thù địch khai thác, thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, nhằm tác động sâu vào tư tưởng và tâm lý xã hội, gây “xói mòn niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước”.

3.1.2.2. Hạn chế trong phát huy tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội

Một là, năng lực dự báo, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân ở một số cấp ủy Đảng còn hạn chế, dẫn đến sự thiếu kịp thời trong công tác định hướng và giải quyết các vấn đề phát sinh từ cơ sở. Phương thức phát huy sức mạnh đại đoàn kết vẫn bộc lộ những bất cập, chưa tạo ra sự gắn kết hữu cơ giữa các giai tầng xã hội. Đáng chú ý, một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu trong lối sống và công tác, chưa thực sự phát huy dân chủ; cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” chưa nhịp nhàng, phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” còn hạn chế, nhất là “dân thụ hưởng”. Những vấn đề này trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả xây dựng sự đồng thuận xã hội.

Cùng với đó, sự đồng thuận xã hội và lòng tin của Nhân dân vào Đảng, niềm tin vào sự thành công của công cuộc Đổi mới, sự vững bền trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đang đứng trước những thách thức nghiêm trọng. Thực trạng này bắt nguồn từ việc quyền dân chủ bị vi phạm và sự tồn tại của hiện tượng “lợi ích nhóm”. Đặc biệt, các biểu hiện suy thoái, quan liêu, mất dân chủ, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi, lãng phí, xa rời dân và thái độ vô cảm gây ra những hậu quả nặng nề. Những vi phạm của cán bộ, nhất là người có chức vụ, không chỉ tạo dư luận xấu mà còn trực tiếp bào mòn, làm ảnh hưởng đến lòng tin của Nhân dân đối với chế độ.

Công tác tuyên truyền về “phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc” hiện nay vẫn còn khá nhiều hạn chế. Cụ thể, nội dung quán triệt các nghị quyết của Đảng về tinh thần đoàn kết và đồng thuận xã hội (điển hình như “*Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003*”; “*Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023*”...) còn thiếu tính hấp dẫn, chưa bám sát đặc điểm đối tượng và chưa đáp ứng đúng nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân. Hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, chậm đổi mới theo xu hướng tiếp nhận thông tin trong thời đại số, đồng thời chưa chú trọng xây dựng hệ thống ngôn ngữ, hình ảnh đặc thù phù hợp với dân tộc thiểu số. Đáng chú ý, việc đánh giá hiệu quả tuyên

truyền vẫn mang tính cảm tính, thiếu căn cứ khoa học. Bên cạnh đó, sự thiếu gắn kết, phối hợp giữa các chủ thể (từ các học viện, bộ, ban, ngành, đến các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chính trị...) đã dẫn đến tình trạng chòng chéo và gây lãng phí nguồn lực.

Hai là, việc cụ thể hóa, thể chế hóa chủ trương của Đảng trong một số trường hợp chưa kịp thời, nhất là các quy định liên quan đến quyền lợi chính đáng của Nhân dân. Tại một số địa phương, đơn vị, việc thực thi chính sách, pháp luật chưa nghiêm; quyền làm chủ của Nhân dân vẫn có lúc bị vi phạm, thậm chí “còn biểu hiện dân chủ hình thức” [43, tr.89]. Những hạn chế này đã tạo ra rào cản trong việc khơi dậy sức mạnh tổng hợp và niềm tin của quần chúng đối với hệ thống chính trị. Điều hành, quản lý đất nước còn lúng túng, yếu kém, nhiều kẽ hở, tạo điều kiện cho tiêu cực phát sinh, gây bất bình đẳng, phân hóa giàu nghèo, xói mòn nhận thức, niềm tin. Bên cạnh đó, quản lý nhà nước ở một số địa phương vẫn còn hiện tượng buông lỏng, thiếu chặt chẽ, dẫn đến tình trạng chậm đối thoại và giải quyết những bức xúc của Nhân dân, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như y tế, giáo dục, xây dựng, đất đai và tài nguyên. Đáng quan ngại là một bộ phận cán bộ, công chức, nhất là cán bộ giữ chức vụ, “chưa nâng cao đạo đức công vụ, có biểu hiện suy thoái, vi phạm pháp luật, làm xói mòn lòng tin” [134, tr.208] của quần chúng đối với sự nghiêm minh của pháp luật. Bất cập trong tổ chức, sắp xếp cán bộ khi tinh gọn bộ máy, chính sách đãi ngộ chưa thống nhất, đồng bộ, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định. Công tác dân vận, tuyên truyền chưa thông suốt, thiếu thường xuyên.

Trong quá trình đổi mới, có lúc, có nơi chưa thực sự phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, sự đồng thuận xã hội; phân hóa giàu nghèo, chênh lệch thu nhập và cơ hội phát triển giữa các chủ thể, vùng miền có chiều hướng gia tăng, dẫn đến nguy cơ rạn nứt quan hệ giữa các giai tầng, thậm chí gây xung đột xã hội cục bộ trong một số lĩnh vực, đặc biệt là các mâu thuẫn về lợi ích kinh tế. Tình trạng này nếu không được xử lý kịp thời sẽ trở thành rào cản lớn đối với sự

nghiệp “củng cố khối đại đoàn kết dân tộc” và “thế trận quốc phòng toàn dân”.

Những hạn chế trong “phát huy sức mạnh đoàn kết, đồng thuận xã hội” của Nhà nước còn thể hiện ở chỗ: hệ thống chính sách được ban hành và thực thi chưa có đồng bộ, dẫn đến hiệu quả thấp trong vận hành thực tế. Đáng chú ý, vẫn tồn tại chính sách không bám sát thực tiễn, chưa phản ánh đúng đặc điểm, yêu cầu của đời sống xã hội, gây khó khăn cho các cấp cơ sở trong quá trình triển khai và làm giảm tính khả thi của các mục tiêu phát triển, gây lãng phí nguồn lực. Hệ thống chính sách hiện hành vẫn thiếu các giải pháp thực sự mang tính đột phá nhằm khơi dậy và phát huy tinh thần đoàn kết, đồng thuận của toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Việc chậm đổi mới cơ chế tạo động lực đã khiến cho “sức mạnh đại đoàn kết” chưa được quy tụ và phát huy đến mức cao nhất trước những yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới. Trong quá trình đổi mới, hệ thống chính sách và pháp luật có lúc chưa quán triệt đầy đủ nguyên tắc “gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội”. Do quá trình chạy theo lợi nhuận kinh tế đơn thuần, “người đề xuất, xây dựng chính sách chưa đạt “Tâm” và “Trí”, chưa đạt tầm văn hóa cần thiết” [5, tr.96], dẫn đến những hệ quả nghiêm trọng như: hiện tượng cạn kiệt tài nguyên, hiện tượng mất cân bằng trong phát triển kinh tế - xã hội và sự suy giảm hiệu quả đầu tư công. Những bất cập đó không chỉ gây bức xúc trong dư luận xã hội mà còn trực tiếp ảnh hưởng đến việc “phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết”, làm xói mòn sự đồng thuận cần thiết trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Trong hệ thống giáo dục quốc dân, nội dung và chương trình giáo dục về truyền thống đoàn kết cũng như những giá trị truyền thống dân tộc khác vẫn chưa được đổi mới kịp thời, phương pháp giảng dạy đôi khi chưa thực sự bám sát thực tiễn mới, thời lượng ít, lồng ghép mờ nhạt, “chưa chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục ngoài giờ chưa thường xuyên, hiệu quả thấp” [64, tr.162].

Ba là, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên chưa phát huy hết vai

trò hạt nhân trong việc quy tụ sức mạnh đại đoàn kết; đặc biệt là vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, đoàn viên. Công tác giám sát và phản biện xã hội đôi khi còn mang tính hình thức, chưa phản ánh đầy đủ, kịp thời những ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân đến với Đảng và Nhà nước, dẫn đến sự đứt gãy nhất định trong mối liên hệ giữa tổ chức với quần chúng. Các biện pháp giáo dục truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, nhất là cho thế hệ trẻ, còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc thiếu các biện pháp và cơ chế khuyến khích thực chất để huy động vai trò của gia đình trong việc giáo dục con cái về truyền thống dân tộc và tinh thần đoàn kết. Sự đứt gãy trong mối liên hệ phối hợp giữa nhà trường, xã hội và gia đình đã khiến cho các giá trị văn hóa cốt lõi chưa được trao truyền và bồi đắp một cách bền vững ngay từ môi trường giáo dục đầu tiên. Các hoạt động giáo dục xã hội về truyền thống đoàn kết nhìn chung vẫn chưa hiệu quả, nội dung còn thiếu tính hấp dẫn và đặc biệt là thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, ban ngành. Đồng thời, hệ thống các biện pháp hạn chế tác động tiêu cực từ mặt trái của kinh tế thị trường, chủ nghĩa cá nhân, tệ nạn xã hội và sự xâm lăng của văn hóa ngoại lai còn bộc lộ nhiều lúng túng, chưa đạt được kết quả như mong đợi. Thực trạng này đã trực tiếp kìm hãm chất lượng công tác giáo dục truyền thống đoàn kết, làm suy yếu nền tảng tư tưởng và sự gắn kết cộng đồng trong bối cảnh mới.

Bốn là, bên cạnh những bất cập từ hệ thống chính trị, năng lực chủ thể của một bộ phận Nhân dân trong việc “củng cố khối đại đoàn kết” và “sự đồng thuận xã hội” cũng còn nhiều điểm yếu.

Dưới áp lực của lối sống thực dụng và xu thế cá nhân hóa lan truyền, tinh thần “tương thân tương ái”, “tắt lửa tối đèn có nhau” có biểu hiện bị xem nhẹ ở một số nơi, nhất là ở các khu đô thị và trong giới trẻ. Một bộ phận người dân có tâm lý “đèn nhà ai nhà nấy rạng”, thờ ơ với các công việc chung của cộng đồng, dẫn đến sự lỏng lẻo trong mối liên kết làng xóm, khối phố.

Đáng quan ngại hơn, trước những biến động đa chiều của thực tiễn đời

sống xã hội và sự bùng nổ thông tin trên không gian mạng, khả năng sàng lọc và nhận diện các âm mưu chia rẽ ở một bộ phận Nhân dân vẫn là khâu yếu. Điều này dẫn đến tình trạng dễ bị thao túng tâm lý, cuốn vào các cuộc tranh luận thiếu tính xây dựng hoặc các hành vi gây rạn nứt khối đại đoàn kết nội bộ tại các cộng đồng dân cư, ảnh hưởng đến sự đồng thuận chung đối với các quyết sách chiến lược của Đảng và Nhà nước. Sự suy giảm niềm tin xã hội và tinh thần hợp tác ở một số nhóm cư dân không chỉ hạn chế khả năng quy tụ các nguồn lực xã hội mà còn làm suy yếu sức mạnh của “thế trận lòng dân”, tạo ra những rào cản vô hình trong thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

3.1.2.3. Hạn chế trong phát huy ý chí tự lực, tự cường; khát vọng hòa bình, độc lập, tự do

Một là, chủ nghĩa cá nhân và sự phai nhạt lý tưởng ở một bộ phận cán bộ, đảng viên dẫn đến tình trạng thiếu hiểu biết về giá trị văn hóa và lịch sử dân tộc. Hệ quả làm nảy sinh tâm lý sùng bái văn hóa nước ngoài, gây ra những đánh giá sai lệch về thành tựu của đất nước, cũng như có cái nhìn bi quan, tiêu cực về sự phát triển chung. Tư tưởng an phận, ngại khó, thiếu chí tiến thủ vẫn còn hiện hữu trong “một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên”; thực trạng này khiến họ thiếu bản lĩnh chính trị, dễ bị tác động, chi phối bởi hoàn cảnh bên ngoài. Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn mang nặng tư tưởng “dĩ hòa vi quý”, đi kèm với tâm lý trông chờ, ỷ lại, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Tình trạng ngại gian khổ, thiếu tính năng động, sáng tạo không chỉ kìm hãm năng lực cá nhân mà còn dẫn đến thái độ thụ động trong việc học tập, nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến. Chính sự chậm trễ trong việc cập nhật tri thức mới này đã trực tiếp ảnh hưởng đến năng suất lao động và hiệu quả công việc thực tế.

Hai là, hệ thống cơ chế, chính sách vẫn thiếu tính đồng bộ và hiệu quả, chưa kịp thời tạo động lực để khơi dậy “ý chí tự lực, tự cường” và khát vọng

phát triển đất nước. Đáng chú ý, thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực còn rườm rà, không chỉ gây trở ngại cho người dân và doanh nghiệp mà còn trực tiếp tạo kẽ hở phát sinh các hiện tượng tiêu cực như tham nhũng, lãng phí, trốn thuế, buôn lậu... Những hạn chế nêu trên không chỉ làm suy giảm nhiệt huyết cống hiến và tinh thần phấn đấu của cán bộ, đảng viên, Nhân dân cùng cộng đồng doanh nghiệp, mà còn tác động tiêu cực đến việc phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình Đổi mới. Đặc biệt, tham nhũng và lãng phí đóng vai trò là tác nhân chính kìm hãm khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng, gây trở ngại nghiêm trọng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao đời sống Nhân dân và nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

Một bộ phận cán bộ chưa có đủ bản lĩnh, trình độ tư duy và sự tự tin để “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm”, còn e ngại, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, thậm chí vụ lợi, cục bộ, đặt lợi ích cá nhân, cơ quan lên trên lợi ích chung, “còn có hiện tượng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; cái gì có lợi thì kéo về cho cơ quan, đơn vị mình; cái gì khó khăn thì đùn đẩy ra xã hội, cho cơ quan khác, người khác” [155, tr.14]. Tư duy bảo thủ, trì trệ khiến một số cán bộ, công chức ngại thay đổi, không dám đổi mới, sáng tạo, không dám bước ra khỏi vùng an toàn để tìm tòi, áp dụng những phương pháp, giải pháp mới nhằm nâng cao hiệu quả công việc. Trước những khó khăn, thử thách, một bộ phận cán bộ, công chức thiếu tinh thần lạc quan cách mạng, ý chí quyết tâm, dễ nản chí, lùi bước, không biến khó khăn thành cơ hội để rèn luyện, trưởng thành. “Ý chí tự lực, tự cường” của các chủ thể chưa được khơi dậy và phát huy một cách đồng bộ, hiệu quả, trở thành lực cản đối với quá trình đổi mới tư duy, làm chậm tiến độ thực hiện các mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển mạnh mẽ của khoa học.

Sự thiếu vắng các chính sách ưu đãi và nguồn lực tài chính thỏa đáng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu sáng tạo đã tạo ra rào cản lớn đối với việc nâng cao trình độ tiếp cận, ứng dụng khoa học công nghệ của một

bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Thực trạng này không chỉ làm suy giảm kỹ năng đổi mới mà còn nới rộng khoảng cách về năng lực phát triển, đặc biệt tại các khu vực vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số. Sự thiếu hụt về trình độ ngoại ngữ và kỹ năng số ở một bộ phận cán bộ, công chức đã tạo rào cản trong việc tiếp cận, khai thác, làm chủ công nghệ tiên tiến, hiện đại cũng như triển khai các hoạt động nghiên cứu thực tiễn. Song hành với đó, tâm lý ngại thay đổi và tư duy lối mòn khiến đội ngũ này thiếu đi sự đột phá, chưa đủ quyết tâm và năng lực để kiến tạo những giải pháp công nghệ chuyên sâu nhằm xử lý triệt để các vấn đề phát sinh trong quản lý và điều hành. Trong khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước, tiến trình “đổi mới sáng tạo” hiện đang vấp phải nhiều rào cản từ những quy định pháp lý phức tạp, thủ tục hành chính rườm rà, hệ thống tài chính không linh hoạt, thiếu nguồn nhân lực và kỹ năng chuyên môn... đang cản trở quá trình đổi mới sáng tạo. Thực tế này được phản ánh qua “*Chỉ số hiệu quả thực thi pháp luật*” của Việt Nam năm 2023 giảm 2 bậc so với năm 2022 (theo báo cáo của WIPO) [80].

Bên cạnh đó, tâm thế và khát vọng đóng góp vào sự nghiệp đổi mới của một bộ phận cán bộ, công chức vẫn chưa tương xứng với yêu cầu nâng cao vị thế quốc gia. Thực trạng này bộc lộ quan việc nhận thức chưa đầy đủ về tính cấp thiết của bối cảnh lịch sử mới, dẫn đến sự mơ hồ về vai trò, trách nhiệm cá nhân trong tiến trình phát triển chung. Đồng thời, sự thiếu hụt về kiến thức quản trị kinh tế thị trường và kỹ năng hội nhập quốc tế đã tạo ra những khoảng trống năng lực, khiến đội ngũ này lúng túng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính trị phức tạp mang tính toàn cầu.

Ba là, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên chưa thực sự phát huy tối đa vai trò là trung tâm tập hợp, đoàn kết các tầng lớp Nhân dân; công tác khơi dậy “ý chí tự lực tự cường” còn thiếu những biện pháp thực tiễn sinh động. Do đó, việc chuyển hóa sức mạnh tinh thần thành nguồn lực vật chất để hiện thực hóa “khát vọng hòa bình, độc lập, tự do” và phát triển đất nước trong bối

cảnh mới vẫn còn những hạn chế về mặt hiệu năng. Một số yếu kém trong công tác giáo dục, tuyên truyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã dẫn đến những hạn chế nhất định về nhận thức trong một bộ phận dân cư, đặc biệt là trong thanh niên. Một bộ phận thanh niên “sống thiếu lý tưởng, giảm sút niềm tin, ít quan tâm đến tình hình đất nước, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống thực dụng, xa rời truyền thống văn hóa dân tộc” [35, tr.37]. Thanh niên ở khu vực nông thôn, hoặc một bộ phận là người dân tộc thiểu số còn hạn chế về trình độ, thiếu kỹ năng trong hội nhập quốc tế, thiếu khát vọng vươn lên. Một bộ phận người dân chưa hiểu rõ giá trị lịch sử, ý nghĩa to lớn của hòa bình, độc lập, tự do, chưa nhận thức sâu sắc mối quan hệ biện chứng giữa “hòa bình, độc lập, tự do” và “hạnh phúc của nhân dân”. Từ những hạn chế về nhận thức, một bộ phận người dân thờ ơ, vô cảm với các vấn đề chung của cộng đồng, đất nước; còn có tư tưởng cá nhân, ích kỷ, đặt lợi ích bản thân lên trên lợi ích chung; thiếu tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động xã hội. Những hạn chế này ảnh hưởng tiêu cực đến sự đồng thuận xã hội; tạo ra những rào cản kìm hãm tiến trình hiện đại hóa đất nước, đặt ra những thách thức tiềm tàng đối với sự ổn định chiến lược và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác vận động, tập hợp các lực lượng, các giai tầng trong xã hội trực tiếp tham gia các phong trào thực tiễn nhằm “phát huy ý chí tự lực, tự cường” chưa đạt hiệu quả mong muốn, dẫn đến một số hạn chế: Một bộ phận dân cư, trong đó có thanh, thiếu niên, chưa có ý chí vươn lên làm chủ cuộc sống, thiếu quyết tâm, thiếu tự tin vào bản thân, thiếu tinh thần hội nhập; dễ nản chí, bỏ lỡ cơ hội phát triển. Ý chí, khát vọng vươn lên làm giàu cho bản thân, làm giàu cho đất nước chưa được khơi dậy mạnh mẽ. Một bộ phận người dân, khi đời sống được cải thiện, có xu hướng lười biếng, thiếu cần cù, làm xởi, lười đòi mới tư duy, thụ động trong cuộc sống, thiếu cẩn trọng trong tư duy và hành động.

Hoạt động truyền thông và giáo dục chính trị của Mặt trận Tổ quốc và các thành viên chưa đạt hiệu quả mong muốn trong việc nâng cao ý chí tự lực,

tự cường, hiện thực hóa khát vọng hòa bình, độc lập, tự do, và thực hiện mục tiêu bảo vệ Tổ quốc. Nội dung, hình thức tuyên truyền chưa thực sự hấp dẫn, chưa thu hút được sự quan tâm rộng rãi của các thành viên. Việc khai thác các nền tảng truyền thông hiện đại còn hạn chế. Thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác tuyên giáo. Tính liên thông giữa công tác giáo dục, tuyên truyền và các hoạt động khác như lao động, học tập, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh chưa cao. Nội dung và hình thức giáo dục chưa linh hoạt, chưa sát với đặc điểm, tâm lý, nhu cầu của từng đối tượng. Thực trạng này dẫn đến một bộ phận cán bộ, trí thức và sinh viên chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của tri thức và công nghệ; thiếu ý thức, ngại học, lười học, thiếu khả năng tư duy sâu và sự kiên trì đã hạn chế khả năng ứng dụng khoa học vào thực tiễn, gây ra nguy cơ tụt hậu so với các nước khác và là một trong những nguyên nhân dẫn đến “Năng lực và trình độ công nghệ của nền kinh tế nhìn chung còn thấp” [43, tr.80], sức cạnh tranh của quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế chưa cao.

Bốn là, tinh thần trách nhiệm, tính chủ động và ý thức tự cường của một bộ phận người dân trong quá trình hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước có biểu hiện suy giảm.

Trong điều kiện đất nước hòa bình và có được sự cải thiện đánh kể của đời sống vật chất, một bộ phận quần chúng Nhân dân bắt đầu nảy sinh tâm lý thỏa mãn, dẫn đến thái độ thụ động, ỷ lại vào nguồn lực Nhà nước và bên ngoài. Ý chí “tự lực cánh sinh”, “tự mình giúp mình” có dấu hiệu bị xói mòn trước sự xâm nhập, lấn át của lối sống thực dụng và tư duy hưởng thụ.

Đáng lưu ý, ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc ở một bộ phận người dân chưa thực sự thường trực, đôi khi còn biểu hiện thờ ơ, xem đây là trách nhiệm riêng của các lực lượng vũ trang. Sự thiếu hụt khát vọng vươn lên gắn liền với lòng tự tôn dân tộc đã khiến một số cá nhân dễ bị dao động trước các thông tin sai lệch, hoặc bị lôi kéo vào những xu hướng văn hóa ngoại lai không phù hợp, làm rạn nứt sự “đồng thuận xã hội” và làm yếu đi “khối đại đoàn kết toàn dân

tộc”. Khi mỗi cá nhân không tự xác lập được vị thế là một “chủ thể tự lực”, những giá trị cốt lõi “hòa bình, độc lập, tự do” sẽ thiếu đi “sức mạnh nội sinh” cần thiết, khó có thể chuyển hóa thành sức mạnh nội sinh tổng hợp để giải quyết các thách thức thời đại.

3.1.2.4. Hạn chế trong phát huy nghệ thuật quân sự

Một là, nhận thức về xây dựng “nền quốc phòng toàn dân”, “nền an ninh nhân dân”, “toàn dân bảo vệ Tổ quốc” của một bộ phận chủ thể chưa thực sự đầy đủ, sâu sắc. Sự kết hợp giữa các mục tiêu dân sinh và an ninh quốc gia tại nhiều địa bàn vẫn chưa đạt được hiệu quả tối đa. Tình trạng này phản ánh việc “quán triệt chủ trương kết hợp phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh... chưa thật đầy đủ, sâu sắc,... chưa thật toàn diện, tổ chức thực hiện chưa đồng bộ, chặt chẽ” [20, tr.21]. Nhận thức về vị trí, vai trò của nghệ thuật quân sự Việt Nam trong bối cảnh mới ở một bộ phận cấp ủy và cán bộ, đảng viên còn thiếu tính hệ thống. Tại một số địa phương, sự thiếu đồng nhất trong tư duy lãnh đạo đã dẫn đến lúng túng trong việc cụ thể hóa các phương thức phát huy giá trị nghệ thuật quân sự cho tương thích với những biến động của điều kiện hiện nay. Việc nhận thức về đối tượng, đối tác trong tình hình mới còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác quốc phòng, an ninh. Hoạt động điều hành và triển khai nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại một số thời điểm và địa bàn còn mang tính hình thức, chưa đạt được hiệu năng tối ưu.

Hoạt động lãnh đạo, tổ chức nghiên cứu, vận dụng các chủ trương, biện pháp huy động nguồn lực thực hiện đường lối quân sự, xây dựng “nền quốc phòng toàn dân”, “nền an ninh nhân dân”, “thể trận lòng dân”, thực hiện phong trào “toàn dân tham gia bảo vệ Tổ quốc” ở các địa phương vẫn còn một số hạn chế: Khả năng nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào lĩnh vực nghệ thuật quân sự chưa cao, năng lực tiếp cận những thành tựu khoa học quân sự tiên tiến của thế giới còn nhiều hạn chế. Nhận thức về tầm quan trọng của việc tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận ở một bộ phận cán bộ, đảng viên, bao gồm cả

tầng lớp trí thức trong lực lượng vũ trang, vẫn chưa đạt tới chiều sâu cần thiết. Sự thiếu hụt trong nhận thức dẫn đến hệ quả là trong một số thời điểm, “công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận có nơi, có lúc chưa được quan tâm đúng mức” [65, tr.190]. Lý luận về đường lối quân sự hiện đại chưa hoàn thiện.

Việc nghiên cứu, định hướng, chỉ đạo, tổ chức thực hiện phương châm “tạo lực, lập thế, tranh thời, dùng mưu” trong bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa” vẫn còn hạn chế; sự kết hợp giữa các lực lượng trong “tạo lực” chưa thực sự hiệu quả; “Chưa phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của nhân dân để thực thi nhiệm vụ” [64, tr.184]. Cùng với đó, “việc chỉ đạo công tác nắm, nghiên cứu, dự báo, đánh giá tình hình có lúc, có nội dung chưa kịp thời” [151, tr.144]. Thông tin xấu độc trên không gian mạng chưa được xử lý kịp thời, tác động tiêu cực đến một bộ phận quần chúng; việc “nghiên cứu mối quan hệ giữa hội nhập quốc tế và bảo vệ, giữ vững độc lập, tự chủ, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia còn hạn chế” [64, tr.201].

Việc phát huy “nhân tố con người”, nhân tố chính trị tinh thần, ý thức tự nguyện tự giác của của một bộ phận chủ thể trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc vẫn còn hạn chế: Nhân tố chính trị, tinh thần chưa được chú trọng đúng mức. Chưa chú trọng phát huy vai trò của cán bộ, chiến sĩ trong hoàn thiện đường lối, nhiệm vụ, biện pháp bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”, “giữ nước từ khi chưa nguy”. Công tác định hướng nhận thức về tình hình mới, phân biệt đối tác, đối tượng, áp dụng các biện pháp đấu tranh với các thế lực thù địch, phản động cho cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang còn có những bất cập, hiệu quả chưa cao. Sức mạnh chính trị tinh thần của lực lượng quân đội bị giảm sút, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quản lý nội bộ ở một số đơn vị chưa tốt; công tác kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm chưa đạt được tính triệt để và sự nghiêm minh cần thiết; tình trạng đơn thư, tố cáo vượt cấp còn xảy ra; “công tác quản lý, đánh giá cán bộ có nơi, có lúc chưa chặt chẽ, còn để cán bộ vi phạm kỷ luật, pháp luật” [151, tr.144 - 145].

Trong công tác đánh giá, dự báo tình hình có mặt chưa cụ thể, kịp thời, bám sát diễn biến thực tiễn, dẫn đến việc tham mưu chiến lược chưa thực sự sắc bén, chưa dự báo hết được các tình huống phức tạp có thể xảy ra. Công tác chỉ đạo, điều hành có lúc, có nơi chưa thật tập trung, kiên quyết, thiếu sự chủ động trong xử lý các tình huống. Việc “xác định và xử lý đối tượng, đối tác trong một số trường hợp chưa được linh hoạt, chưa phân biệt rõ bạn, thù; thiếu sáng tạo, chủ động trong xây dựng và phát triển quan hệ quốc tế” [64, tr.184].

Hai là, mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách chiến lược nhằm phát huy sức mạnh nghệ thuật quân sự, song thực tiễn vẫn bộc lộ những bất cập. Cụ thể, “cơ chế, chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh chưa thật hoàn thiện” [64, tr.183], tạo ra những khoảng trống nhất định trong việc thể chế hóa các mục tiêu chiến lược. Hệ thống cơ chế hiện hành còn bộc lộ sự thiếu tương thích với yêu cầu phát huy nghệ thuật quân sự trong giai đoạn mới, đồng thời chưa bắt kịp với những biến động nhanh chóng của tình hình thực tiễn. Các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương vẫn lúng túng trong việc tìm kiếm phương thức tổ chức và quản trị hiệu quả các biện pháp phát huy nghệ thuật quân sự Việt Nam trong bối cảnh mới. Sự phối hợp giữa “xây dựng nền quốc phòng toàn dân với nền an ninh nhân dân, thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân chưa thật chặt chẽ, vẫn còn thiếu cơ chế và giải pháp cụ thể” [65, tr.184]. “Việc kết hợp kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh ở một số địa phương, đơn vị thiếu hiệu quả, còn biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác, nặng về lợi ích kinh tế đơn thuần, trước mắt” [43, tr.88]. Sự kết hợp có lúc còn “chưa thật hài hòa, thiếu đồng bộ, cơ chế kiểm tra, giám sát, nội dung kết hợp chưa thật cụ thể, kết hợp chưa rõ ràng, xử lý sai phạm thiếu kiên quyết” [64, tr.183].

Sự coi trọng của Đảng và Nhà nước đối với nghệ thuật quân sự chưa được cụ thể hóa triệt để do những hạn chế trong nhận thức và năng lực của một bộ phận thực thi, trong đó có cả các thành phần thuộc lực lượng vũ trang: Tâm

quan trọng, vai trò của việc phát huy sức mạnh nghệ thuật quân sự chưa được nghiên cứu, nhận thức một cách đầy đủ, toàn diện. Năng lực của một số cán bộ tham mưu, tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo về nghệ thuật quân sự Việt Nam còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Do chưa có ý thức, trách nhiệm cao trong việc nghiên cứu trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, nên một số bộ phận cán bộ thiếu kiến thức về nghệ thuật quân sự, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát huy nghệ thuật quân sự trong điều kiện hiện đại.

Mặc dù “thế trận lòng dân” luôn được Đảng ta xác định là yếu tố quyết định, song trong thực tiễn phát huy sức mạnh của “thế trận lòng dân” vẫn còn một số hạn chế: một bộ phận cán bộ, nhân dân nhận thức chưa thật đầy đủ về tầm quan trọng của “thế trận lòng dân” trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, “thế trận lòng dân chưa được chú trọng đúng mức” [64, tr.183]. Nhận thức xã hội về vai trò, cách thức xây dựng, củng cố “thế trận lòng dân” chưa cao, chưa rõ, chưa đầy đủ, chưa thống nhất. Tình trạng chênh lệch giàu nghèo, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, thất nghiệp, tệ nạn xã hội có xu hướng gia tăng... đã ảnh hưởng đến niềm tin của Nhân dân, làm suy giảm sức mạnh của “thế trận lòng dân”. Cùng với đó, các thế lực thù địch lợi dụng những hạn chế trên để tăng cường chống phá, làm suy yếu niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Diễn biến khó lường của các nhân tố an ninh phi truyền thống cũng tác động tiêu cực đến “thế trận lòng dân”.

Việc vận dụng nghệ thuật quân sự để nâng cao năng lực quốc phòng, an ninh của một số địa phương còn yếu: Việc “Xây dựng khu kinh tế - quốc phòng - an ninh có nơi chưa đạt hiệu quả cao” [64, tr.183], chưa tạo được sự gắn kết chặt chẽ “giữa phát triển kinh tế - xã hội” với “củng cố quốc phòng, an ninh”. Một bộ phận dân cư chưa tích cực tham gia vào các hoạt động thực tiễn, thiếu ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Có nơi, trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định đã xảy ra sự xung đột, mâu thuẫn giữa Nhân dân với lực lượng vũ trang, ảnh hưởng đến uy tín của lực lượng vũ trang, gây tổn hại

đến niềm tin của Nhân dân, nhất là những xung đột liên quan đến đất đai, môi trường, thực thi chính sách. Thực tế này được phản ánh qua số liệu thống kê của Bộ Quốc Phòng: tính đến năm 2022, có hơn 600 điểm đất quốc phòng liên quan đến tranh chấp, lấn chiếm, cấp chồng chưa giải quyết xong [12].

Việc vận dụng nghệ thuật quân sự để xây dựng “nền quốc phòng toàn dân”, “nền an ninh nhân dân” tuy được tăng cường nhưng chưa thực sự toàn diện; còn một số hạn chế, như: “tiềm lực vật chất phục vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc” mặc dù được quan tâm đặc biệt nhưng “thực sự còn có mặt hạn chế so với đòi hỏi của yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới” [64, tr.183 - 184]. Một số vấn đề an ninh phi truyền thống chưa được “chủ động phòng ngừa”, “đối phó với hiệu quả thấp”, nên còn “tiềm ẩn các nguy cơ” gây mất ổn định. Cơ chế “thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chậm được tổng kết và phát triển, chưa theo kịp với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” [60].

Việc bồi đắp tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, “tinh thần tự lực, tự cường” cho thế hệ trẻ qua công tác giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc được quan tâm, song vẫn còn một số hạn chế: Trong hệ thống giáo dục quốc dân, công tác này chưa có sự đổi mới quyết liệt về cả nội dung và phương pháp, còn nặng về lý thuyết, chưa chú trọng đến việc giáo dục kỹ năng, chưa gắn lý luận với thực tiễn. Chưa sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại trong giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh. Chương trình giáo dục còn nhiều bất cập cùng với đội ngũ giáo viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ; cơ sở vật chất cho giáo dục quốc phòng, an ninh còn thiếu thốn... Những hạn chế này đã làm cho ý thức tham gia xây dựng “nền quốc phòng toàn dân”, “nền an ninh nhân dân”, xây dựng “thế trận lòng dân”, sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc chưa cao.

Ba là, vai trò cầu nối của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong việc phổ biến, giáo dục và lan tỏa các giá trị nghệ thuật quân sự Việt Nam chưa được phát huy tối đa, dẫn đến sự thiếu hụt sức mạnh cộng hưởng từ các

tầng lớp Nhân dân. Việc triển khai các phong trào củng cố “thế trận lòng dân” phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc còn có những khoảng trống nhất định. Đặc biệt, tại các địa bàn chiến lược như vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo chưa được duy trì thường xuyên. Việc xây dựng “thế trận lòng dân” “có địa bàn, có thời điểm chưa thật sự vững chắc” [20, tr.21]. Sự chưa sát sao trong nhận diện nhu cầu và đặc điểm tâm lý của các nhóm đối tượng khác nhau đã làm giảm hiệu năng tuyên truyền của các tổ chức đoàn thể. Các chương trình hành động chưa có sự linh hoạt về nội dung, hình thức cho phù hợp với từng đối tượng, từng lứa tuổi, từng địa phương, từng dân tộc. Việc quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về “quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc” có lúc, có nơi “chưa nghiêm, chưa hiệu quả” [43, tr.87]. Một số cán bộ, hội viên chưa thực sự hiểu rõ tầm quan trọng của việc xây dựng “thế trận lòng dân”, phát huy sức mạnh của Nhân dân trong xây dựng “thế trận quốc phòng toàn dân”, “thế trận an ninh nhân dân”, “toàn dân tham gia bảo vệ Tổ quốc”. Năng lực tuyên truyền của cán bộ Mặt trận còn hạn chế; chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các ban, ngành, đoàn thể; việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân chưa hiệu quả...

Bốn là, vai trò chủ thể và tinh thần tự giác của một bộ phận người dân trong việc tham gia phát huy sức mạnh nghệ thuật quân sự còn bộc lộ những biểu hiện thụ động, thiếu tính thường trực.

Trong bối cảnh hòa bình và ưu tiên phát triển kinh tế, một bộ phận quân chúng đã nảy sinh tâm lý chủ quan, “xem nhẹ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh” hoặc coi đó là “trách nhiệm biệt lập” của lực lượng vũ trang chuyên trách. Sự tác động tiêu cực từ “mặt trái của kinh tế thị trường” và lối sống thực dụng đã trực tiếp làm xói mòn tinh thần sẵn sàng cống hiến – vốn là hạt nhân tạo nên sức mạnh chính trị - tinh thần trong nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Đáng quan ngại hơn, trước sự bùng nổ thông tin và các thủ đoạn “xâm lăng văn hóa” tinh vi, khả năng nhận diện “đối tác, đối tượng” của một bộ phận

người dân có dấu hiệu suy giảm. Sự thiếu nhạy bén chính trị này dẫn đến tình trạng dễ bị lôi kéo, kích động tham gia các hoạt động gây mất ổn định trật tự xã hội, làm rạn nứt khối đại đoàn kết toàn dân tộc từ bên trong. Bên cạnh đó, việc tham gia các lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên ở một số nơi còn mang nặng tính hình thức, chưa trở thành nhu cầu tự thân của công dân. Chính sự “vơi cạn” về nhiệt huyết và ý thức trách nhiệm này đã tạo ra những lỗ hổng trong “thế trận lòng dân”, trực tiếp ngăn trở việc quy tụ và phát huy tổng lực sức mạnh quốc gia trước các thách thức an ninh đương đại.

3.2. Một số vấn đề đặt ra đối với phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

3.2.1. Vấn đề giải quyết mối quan hệ giữa phát huy sức mạnh vật chất với phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Thực trạng “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc” những năm qua cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Những hạn chế này có nguyên nhân từ những chuyển biến sâu sắc trong đời sống kinh tế - xã hội, cùng với sự tác động đa chiều từ những quy luật của kinh tế thị trường và tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng. Những thành tựu về phát triển về kinh tế không chỉ nâng cao mức sống mà còn trở thành nền tảng vật chất thuận lợi để phát triển đời sống tinh thần, củng cố, nâng cao tính sáng tạo của các chủ thể. Tuy nhiên, khi kinh tế gặp khó khăn dẫn đến suy giảm đời sống tinh thần, suy giảm lòng tin, ý chí, quyết tâm, tinh thần sáng tạo của các chủ thể. Một bộ phận có xu hướng ít quan tâm đến những vấn đề chung của đất nước. Cùng với đó, mặt trái của cơ chế thị trường tác động gây ra sự biến đổi trong hệ giá trị, trong đó có hệ giá trị văn hóa tinh thần, theo hướng tiêu cực. Cơ cấu xã hội – giai cấp thay đổi, tác động mạnh mẽ đến “sự đồng thuận xã hội”, mối liên kết cộng đồng, ý thức của các chủ thể trong xây dựng “thế trận quốc phòng toàn dân”, “thế trận an ninh nhân dân”, “thế trận lòng dân”. Yêu cầu đặt ra là trong bối cảnh hiện nay, với những thách thức từ sự chống

phá của các thế lực thù địch và những yêu cầu ngày càng cao trong quá trình phát triển đất nước, chúng ta cần phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia, trong đó đặc biệt chú trọng phát huy hiệu quả hơn sức mạnh văn hóa tinh thần trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Tính “tích cực, năng động, sáng tạo” của các chủ thể trong việc “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần” thông qua các hoạt động thực tiễn góp phần tạo ra những tiền đề, sức mạnh vật chất phục vụ “sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”. Trên cơ sở đó, những giá trị văn hóa tinh thần mới, phù hợp với yêu cầu bảo vệ Tổ quốc hiện đại được hình thành và củng cố vững chắc. Để tạo bước đột phá trong việc “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”, cần phải quan tâm giải quyết thấu đáo các vấn đề trọng tâm như: Cụ thể hóa các giá trị văn hóa tinh thần thành những chuẩn mực, quy định trong đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc phát huy nguồn lực nội sinh. Khắc phục tư tưởng bàng quan, vô trách nhiệm, bảo thủ, trì trệ, ngại đổi mới của một bộ phận chủ thể. Tăng cường đầu tư các nguồn lực, khắc phục hiệu quả những bất cập, tiêu cực, bức xúc trong đời sống xã hội, nhất là tình trạng “đời sống tinh thần xã hội xuống cấp, các giá trị tinh thần bị đảo lộn...” [5, tr.38]. Ngăn ngừa, phòng chống nguy cơ “phương Tây hóa, Mỹ hóa” [5, tr.228] dẫn đến những lệch lạc hệ giá trị tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc. Triển khai đồng bộ các giải pháp an sinh, đảm bảo công bằng xã hội thông qua việc ưu tiên các nguồn lực cho các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và vùng nông thôn; coi việc nâng cao đời sống dân sinh là nền tảng cốt lõi để xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc. Tiếp tục tăng cường phòng chống hiệu quả giặc “nội xâm”. Giảm thiểu những nguy cơ gây tổn hại đến “lợi ích quốc gia - dân tộc”, đồng thời thiết lập hành lang an toàn cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội bền vững và ổn định.

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, sức mạnh vật chất và sức mạnh văn hóa tinh thần có mối quan hệ biện chứng, tác động lẫn nhau. Sự cộng hưởng của

hai thành tố này là nhân tố quyết định bảo đảm cho sự nghiệp củng cố quốc phòng và phát triển đất nước bền vững. Sức mạnh vật chất được biểu hiện thông qua hiệu năng vận hành của tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh, công nghệ trong thực tế, tạo nên nền tảng vật chất vững chắc, đảm bảo điều kiện cần thiết để bảo vệ đất nước, chống lại mọi hành động xâm lược. Sức mạnh văn hóa tinh thần, được tạo ra từ sự “tổng hòa các giá trị văn hóa tinh thần” thông qua hoạt động thực tiễn của các chủ thể, là xung lực nội sinh, động lực to lớn, thúc đẩy đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, phát triển vươn tới hòa bình, độc lập, hùng cường. Sức mạnh vật chất đóng vai trò là “cơ sở thực thể”, tạo lập môi trường và điều kiện khách quan để khơi dậy, phát huy các giá trị văn hóa tinh thần. Việc thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội không chỉ đơn thuần nâng cao mức sống, mà còn là quá trình củng cố niềm tin, bồi đắp lòng tự hào dân tộc và làm sâu sắc thêm ý chí, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc trong mỗi công dân. Ngược lại, sức mạnh văn hóa tinh thần là xung lực điều hướng và nhân bội hiệu năng của sức mạnh vật chất. Các giá trị cốt lõi như “tinh thần yêu nước”, “ý chí tự lực, tự cường”, “đại đoàn kết toàn dân” chính là “chất xúc tác” đặc biệt, chuyển hóa các tiềm lực kinh tế, quốc phòng thành sức mạnh thực tiễn, thúc đẩy sự phát triển bền vững và tạo dựng thế chủ động trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Sự hòa quyện và tác động biện chứng giữa hai dạng sức mạnh này tạo nên một chỉnh thể “sức mạnh tổng hợp của quốc gia”.

Vấn đề đặt ra là trong điều kiện hiện nay, cần nhận thức rõ mối quan hệ biện chứng giữa sức mạnh vật chất và sức mạnh văn hóa tinh thần, từ đó: Tập trung cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bởi đây là nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo cơ sở vật chất để tăng cường khả năng bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tạo điều kiện nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân. Chú trọng giáo dục, bồi dưỡng các giá trị văn hóa, tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng, “ý chí tự lực, tự cường” cho mọi người dân. Kết hợp chặt chẽ giữa “phát triển kinh tế - xã hội” với “củng cố quốc phòng, an ninh”, thực hiện hiệu quả chủ trương “quân sự, quốc phòng toàn dân”, “an ninh nhân dân”, “thế

trận lòng dân” vững chắc.

Tóm lại, việc kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh vật chất và sức mạnh văn hóa tinh thần là nhân tố quyết định, tạo nên sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc. Sự kết hợp hài hòa sức mạnh vật chất và sức mạnh văn hóa tinh thần sẽ phát huy tối đa năng lực nội sinh, tạo tiền đề vững chắc để xây dựng đất nước hòa bình, giàu mạnh và văn minh; bảo vệ Tổ quốc trước mọi nguy cơ và lực lượng thù địch trên mọi phương diện; nâng cao uy tín và vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Nếu thiếu một trong hai yếu tố, hoặc không có sự phát triển hài hòa giữa chúng, khả năng bảo vệ đất nước sẽ bị hạn chế, gặp nhiều khó khăn. Thiếu sức mạnh vật chất dẫn đến thiếu “cơ sở vật chất - kỹ thuật”, trang thiết bị, vũ khí, khó khăn trong việc nâng cao đời sống, tạo dựng niềm tin và sự ủng hộ của Nhân dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Thiếu sức mạnh văn hóa tinh thần dẫn đến suy giảm ý chí chiến đấu, khó khăn trong việc tập hợp lực lượng toàn dân tộc trong bảo vệ Tổ quốc. Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc kết hợp các dạng sức mạnh, tối ưu hóa “sức mạnh tổng hợp quốc gia” đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ ba nhóm nhiệm vụ: (1) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững làm “nền tảng thực thể”; (2) Xây dựng “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” để khơi dậy nội lực tinh thần; (3) Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh trong một chỉnh thể thống nhất.

3.2.2. Vấn đề phát huy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Một là, trong bối cảnh hiện nay, chủ nghĩa yêu nước cần được nhận thức và thể hiện một cách sâu sắc, toàn diện, tích hợp các yêu cầu hiện đại của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Chủ nghĩa yêu nước cần phải có khả năng tác động mạnh mẽ đến tình cảm, nhận thức của mọi cá nhân, cộng đồng, dân tộc, khơi dậy và chuyển hóa tinh thần yêu nước thành hành động thực tiễn, hướng đến mục tiêu bảo vệ toàn vẹn Tổ quốc trước mọi tình huống. Để đáp ứng yêu cầu đó, các chủ thể cần tiếp tục được nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, bản chất,

sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong thời đại mới. Khắc phục những nhận thức mơ hồ, thiếu tinh thần cảnh giác trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục phát huy chủ nghĩa yêu nước bằng các phương thức phù hợp với yêu cầu mới của bối cảnh trên cả phương diện lý luận và thực tiễn.

Hai là, trong bối cảnh đất nước hiện nay, chủ nghĩa yêu nước không chỉ dừng lại ở những biểu hiện tình cảm mà phải được cụ thể hóa thành hành động thực tiễn. Chủ nghĩa yêu nước thể hiện ở tinh thần phấn đấu không mệt mỏi để đưa đất nước vượt lên, hoàn toàn thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, sánh vai với cường quốc năm châu. Tinh thần yêu nước đòi hỏi mỗi người dân có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ Tổ quốc, tích cực tham gia bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh quốc gia. Chủ nghĩa yêu nước không chỉ bao gồm ý chí và lòng dũng cảm mà còn cần phải hòa quyện với sự hiểu biết và tinh thần đổi mới, sáng tạo. Để phát huy mạnh mẽ chủ nghĩa yêu nước trong giai đoạn hiện nay, cần tập trung giải quyết một số vấn đề đang đặt ra, như: Khuyến khích mỗi người dân phát huy tối đa tinh thần cống hiến, vươn lên vì sự phát triển của quốc gia, dân tộc. Khắc phục tình trạng thiếu ý chí quyết tâm trong phát triển kinh tế. Khắc phục tâm lý ngại học, lười học, ngại tư duy, tìm tòi, đổi mới, thiếu tu dưỡng, rèn luyện... trong “một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên” và nhân dân. Ngăn chặn hiệu quả hiện tượng lệch chuẩn về hệ giá trị đạo đức – văn hóa. Đẩy lùi, tiến tới vô hiệu hóa những nguy cơ “xâm lăng văn hóa”.

Ba là, trong điều kiện “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” từng bước được hoàn thiện, việc phát huy chủ nghĩa yêu nước cần gắn liền với việc giải quyết hài hòa “lợi ích của cá nhân” và “lợi ích chung toàn xã hội”. Việc khơi dậy chủ nghĩa yêu nước hiện nay đòi hỏi một cơ chế gắn kết hữu cơ: vừa lấy việc đảm bảo lợi ích tự thân của mỗi con người làm đòn bẩy, vừa lấy sứ mệnh phục vụ xã hội làm “kim chỉ nam” cho mọi hành động cống hiến. Cần khẳng định rằng, bảo vệ Tổ quốc chính là bảo vệ “không gian sinh tồn, phát triển” của mỗi cá nhân, nơi mà mọi lợi ích của cá nhân được thực

hiện. Chính vì vậy, phát huy chủ nghĩa yêu nước phải đảm bảo lợi ích toàn diện cho các cá nhân trong xã hội, bởi lợi ích chính là động lực trực tiếp thúc đẩy mọi cá nhân hành động, cống hiến. Vấn đề đặt ra là phải ngăn chặn, đẩy lùi và khắc phục hiệu quả các hiện tượng tiêu cực đang diễn ra trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Phải xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức tận tụy, trách nhiệm, xóa bỏ tư tưởng độc đoán, chuyên quyền, đùn đẩy trách nhiệm, thờ ơ, vô cảm. Ngăn chặn sự lệch lạc về giá trị, khắc phục tư tưởng và lối sống thực dụng, sùng bái lợi ích vật chất, các nhân chủ nghĩa...

Bốn là, trước những tác động phức hợp của xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế toàn diện, việc khơi dậy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước đòi hỏi phải giải quyết hài hòa mối quan hệ biện chứng giữa “xây dựng, phát triển” và “bảo vệ” Tổ quốc. Điều này đòi hỏi một chiến lược thống nhất nhằm vừa tạo ra xung lực phát triển, vừa nâng cao năng lực nội sinh để chủ động hóa giải những khó khăn, thách thức bên trong. Cần giữ vững sự ổn định mọi mặt để phát triển, đồng thời luôn nâng cao cảnh giác, đấu tranh với những “âm mưu hòng kìm hãm sự phát triển của Việt Nam từ các thế lực thù địch” [107, tr.74]. Cần khắc phục những tiêu cực trong đời sống xã hội, như: Sự xa rời lý tưởng cách mạng, thờ ơ với vận mệnh đất nước. Lối sống hưởng thụ, vô cảm trước nỗi đau của nhân dân. Tệ nạn tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy nhà nước. Đặc biệt, tệ nạn tham nhũng là một mối nguy hại lớn, làm suy yếu tiềm lực đất nước, gây “xói mòn lòng tin” của Nhân dân. Đây là cản lực lớn của quá trình xây dựng quốc gia hùng cường, xã hội công bằng, văn minh. Vấn đề đặt ra là, cần tiếp tục giúp người dân nhận thức đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của chủ nghĩa yêu nước trong thời đại mới. Khơi dậy khát vọng vươn lên, tinh thần dám nghĩ, dám làm, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục truyền thống yêu nước, lịch sử dân tộc. Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, phục vụ Nhân dân.

Tóm lại, từ thực trạng và những yêu cầu khách quan của bối cảnh mới,

việc phát huy chủ nghĩa yêu nước hiện nay cần tập trung vào một số vấn đề cốt lõi sau: (1) Triển khai sâu rộng và đa dạng hóa phương thức tiếp cận phù hợp với từng đối tượng, nhằm chuyển hóa tình cảm yêu nước thành ý thức tự giác và trách nhiệm của mọi tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; (2) Định hình hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức trên cơ sở xây dựng, củng cố, lan tỏa các giá trị văn hóa tinh thần đặc sắc, tạo nền tảng tư duy đúng đắn để định hướng hành vi của cộng đồng trước những thách thức của thời đại; (3) Phát huy tính chủ thể và lý tưởng cống hiến, trên cơ sở khẳng định yêu nước là nghĩa vụ và tự ý thức của mỗi cá nhân; đồng thời khơi dậy tính năng động, sáng tạo của mọi tầng lớp Nhân dân, đưa sự cống hiến cho Tổ quốc trở thành lý tưởng sống cao đẹp và là giá trị nhân văn được xã hội tôn vinh.

3.2.3. Vấn đề phát huy tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Thực tế phát triển đất nước ta hiện nay, nếu “không có sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân thì không thể tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa” [163, tr.66]. Việc phát huy sức mạnh đoàn kết, đồng thuận xã hội trong bối cảnh hiện nay đang đặt ra một số vấn đề căn bản sau:

Một là, trong bối cảnh phức tạp hiện nay, việc quy tụ sức mạnh khối đại đoàn kết và tạo lập sự đồng thuận xã hội cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc phải lấy việc phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên làm hạt nhân định hướng. Song song đó, cần tập trung nhận diện và giải quyết triệt để các vấn đề bức xúc, “điểm nóng” trong xã hội, nhằm củng cố niềm tin của Nhân dân, tạo tiền đề vững chắc cho việc huy động tổng lực sức mạnh tinh thần trong mọi tình huống. Đặc biệt, cần tập trung quyết liệt vào việc đẩy lùi và triệt tiêu các “biểu hiện suy thoái” trong “một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên”. Trọng tâm là kiên quyết đấu tranh với các hành vi tham nhũng, lãng phí, vi phạm pháp luật, nhất là hiện tượng cán bộ giàu lên nhanh chóng nhưng thiếu

minh bạch. Việc ngăn chặn tình trạng “suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, kể cả cán bộ cấp, không chỉ là yêu cầu cấp bách để làm trong sạch bộ máy, mà còn là yếu tố sống còn để phục hồi niềm tin của Nhân dân. Chỉ khi giải quyết triệt để những “điểm nghẽn” về đạo đức công vụ này, chúng ta mới có thể bảo vệ vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tạo dựng nền tảng tinh thần nội sinh cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở nhận diện những thách thức nội tại, để quy tụ sức mạnh đoàn kết và thống nhất ý chí trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc cần quan tâm đến những vấn đề như: Về mặt tổ chức và kỷ luật, cần đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ; kiên quyết thanh lọc và xử lý nghiêm minh các sai phạm về chuẩn mực đạo đức cũng như pháp luật, nhằm thiết lập kỷ cương và sự trong sạch của bộ máy. Về mặt tư tưởng và niềm tin, cần tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng để bồi đắp bản lĩnh, giúp quần chúng nhân dân nhận thức sâu sắc về tính ưu việt của hệ giá trị xã hội chủ nghĩa, từ đó chuyển hóa niềm tin chính trị thành động lực tinh thần tự thân trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Về mặt thực tiễn và dân chủ, cần hiện thực hóa mạnh mẽ phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám, sát và dân thụ hưởng” để khơi thông nguồn lực sáng tạo trong Nhân dân; tạo không gian dân chủ thực chất để mỗi công dân xác lập đầy đủ tâm thế, trách nhiệm và nghĩa vụ thiêng liêng đối với chủ quyền quốc gia.

Hai là, để hiện thực hóa sức mạnh của khối đại đoàn kết và sự đồng thuận xã hội trong bảo vệ Tổ quốc hiện nay, cần chú trọng thiết lập sự công bằng trong hưởng thụ thành quả phát triển. Điều này đòi hỏi các chính sách vĩ mô phải tập trung thu hẹp khoảng cách về thu nhập và cải thiện điều kiện sống giữa các tầng lớp, các vùng miền. Việc hóa giải những bất bình đẳng xã hội không chỉ đơn thuần là giải quyết bài toán kinh tế, mà còn là phương thức căn bản để “gia tăng tính liên kết xã hội”, tạo sự đồng lòng dựa trên nền tảng “lợi ích hài hòa”, từ đó củng cố sự gắn bó hữu cơ giữa người dân với công cuộc bảo vệ Tổ

quốc. Kiện toàn hệ thống bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao phúc lợi xã hội toàn diện; đặc biệt chú trọng các chính sách tri ân người có công và bảo vệ quyền lợi xác đáng cho người lao động, coi đây là sợi dây gắn kết “lòng Dân” với “Chế độ”. Chủ động thiết lập “hàng rào kỹ thuật” và văn hóa để ngăn chặn sự xâm lăng của các trào lưu văn hóa ngoại lai độc hại, từ đó bảo tồn, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc – “nguồn sống” nuôi dưỡng khối đại đoàn kết toàn dân. Khai thác tối đa lợi thế của mạng xã hội trong việc chuyển tải thông tin tích cực, đồng thời nhận diện và triệt phá các luận điệu xuyên tạc. Cần kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu lợi dụng mạng xã hội để lan truyền thông tin sai lệch, kích động gây mất đoàn kết, bởi những hành vi này trực tiếp làm “ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức mạnh lòng dân, làm suy yếu sức mạnh tổng hợp của thể trận an ninh nhân dân, thể trận quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân trong sự nghiệp giữ nước” [23, tr.146].

Ba là, trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, việc nhận thức rõ và có những biện pháp thực thi hiệu quả nhằm hóa giải những tác động tiêu cực đến tinh thần đoàn kết, đồng lòng là vô cùng quan trọng. Cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các cường quốc làm gia tăng nguy cơ bùng phát xung đột vũ trang cục bộ và toàn cầu. Các vấn đề an ninh phi truyền thống, như khủng bố, bạo lực, dịch bệnh đe dọa đến an ninh, trật tự và sự ổn định của các quốc gia. Các thế lực thù địch về mặt hệ tư tưởng không ngừng gia tăng các hoạt động chống phá với thủ đoạn ngày càng tinh vi, trọng tâm là mưu đồ kích động chia rẽ, ly khai. Vấn đề đặt ra là phải tiếp tục nâng cao tinh thần cảnh giác, nhận diện “từ sớm, từ xa” và triệt tiêu các tác nhân gây bất ổn từ các lực lượng phản động, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Tối ưu hóa sức mạnh hiệp đồng từ tinh thần đoàn kết của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; trong đó, trọng tâm là phải giải quyết bài toán củng cố “mối quan hệ máu thịt giữa giữa Đảng với Nhân dân” nhằm kiến tạo một khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững chắc, đủ sức đề kháng trước mọi nguy cơ làm xói mòn nền tảng chính trị của chế độ.

Bốn là, một hệ vấn đề cấp thiết đang đặt ra là phải hóa giải triệt để sự bất cập giữa yêu cầu cao về phát huy mạnh đoàn kết với thực trạng công tác giáo dục, tuyên truyền còn “nặng tính hình thức”. Điều này đòi hỏi một lộ trình đổi mới căn bản về nội dung và phương pháp theo hướng hiện đại, nhằm vượt qua tính giáo điều, xơ cứng và thiếu tính định hướng đối tượng; qua đó đảm bảo các thông điệp chính trị không chỉ thấm thấu sâu sắc mà còn phù hợp với đặc thù tâm lý, trình độ của các tầng lớp Nhân dân trong bối cảnh mới. Để hiện thực hóa lộ trình này, vấn đề đặt ra là phải xây dựng được một cơ chế vận hành đồng bộ: Trước hết, phải chủ động ứng dụng những thành tựu của công nghệ thông tin và những nền tảng truyền thông mới để tối ưu hóa hiệu quả giáo dục; chuyển hóa các nội dung chính trị vốn trừu tượng thành những thông điệp sinh động, có sức thấm thấu và lan tỏa trong đời sống số. và hiệu quả. Tập trung chuẩn hóa hệ giá trị đạo đức, trọng tâm là bồi đắp lý tưởng sống và ý thức trách nhiệm cộng đồng, nhằm tạo dựng “sức đề kháng” tự thân giúp cá nhân vượt qua chủ nghĩa vị kỷ, đặt lợi ích quốc gia – dân tộc lên trên những tính toán cá nhân hẹp hòi. Hoàn thiện hệ thống thể chế bằng việc cụ thể hóa trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong việc phát huy sức mạnh đoàn kết. Xác định rõ và hình thành những chế tài xử lý nghiêm minh đối với các hành vi lợi dụng dân chủ để kích động, gây chia rẽ dân tộc.

Tóm lại, trong bối cảnh hiện nay, việc khơi dậy và phát huy xung lực từ tinh thần đoàn kết, đồng lòng là nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa chiến lược trong sự nghiệp “bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Để thực hiện nhiệm vụ này, trước hết, cần tiếp tục khẳng định và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện và trực tiếp của Đảng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, coi đây là nhân tố quyết định việc quy tụ và dẫn dắt sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nhà nước cần không ngừng hoàn thiện hệ thống thể chế, tạo lập hành lang vận hành thuận lợi để các nguồn lực đoàn kết được khơi thông và phát huy hiệu quả trên mọi lĩnh vực. Mặt trận và các đoàn thể cần chủ động đổi mới nội

dung, phương thức hoạt động, nâng cao năng lực vận động, tập hợp quần chúng để bồi đắp khối đại đoàn kết ngày càng bền chặt. Lịch sử dân tộc ta đã chứng minh, đoàn kết là truyền thống quý báu, là nguồn nội lực vô tận giúp dân tộc ta hóa giải mọi nghịch cảnh, giành được những thắng lợi vĩ đại. Đúng như lời khẳng định của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn” [91, tr.256]. Trong giai đoạn hiện nay, việc kế thừa và nâng tầm bài học về phát huy tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội là chìa khóa then chốt của công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

3.2.4. Vấn đề phát huy ý chí tự lực, tự cường; khát vọng hòa bình, độc lập, tự do trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Một là, để hiện thực hóa mục tiêu “phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, tạo tiềm lực để bảo vệ đất nước, Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh sự cần thiết phải khơi dậy mạnh mẽ “ý chí tự cường dân tộc”, “khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” [43, tr.110, 111]. Vấn đề đặt ra là phải tiếp tục phát huy thành tựu, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong nhận thức và hành động của các chủ thể và nội dung, phương thức phát huy ý chí tự lực, tự cường; khát vọng hòa bình, độc lập, tự do. Mỗi người dân cần ý thức được trách nhiệm của bản thân, tích cực “phát huy ý chí tự lực, tự cường”, vươn lên làm chủ cuộc sống, tích cực tham gia các hoạt động thực tiễn nhằm hiện thực hóa khát vọng phát triển hùng cường của dân tộc trong mọi hoàn cảnh.

Hai là, để hiện thực hóa mục bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong điều kiện mới, cần gia tăng nội lực, bảo đảm độc lập, tự chủ, tự cường trên mọi lĩnh vực. Đồng thời, tạo dựng môi trường đối ngoại thuận lợi, ổn định, bảo vệ toàn vẹn “lợi ích quốc gia - dân tộc”. Khắc phục tâm lý tự ti, phát huy “ý thức tự lực, tự cường”, “tinh thần độc lập, tự chủ” của mỗi người dân. Toàn dân tộc cần chung sức, đồng lòng vươn lên sánh vai với các cường quốc trên thế giới, “để tên tuổi

Việt Nam, văn hóa Việt Nam được coi trọng trên trường quốc tế” [145, tr.235]. Trong bối cảnh hội nhập, cần nâng cao cảnh giác, ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc; nâng cao tinh thần cảnh giác, chủ động đối phó với các thách thức an ninh; chung sức, đồng lòng vươn lên xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh; “kiên định, kiên quyết, kiên trì” trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia.

3.2.5. Vấn đề phát huy nghệ thuật quân sự trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Một là, trong bối cảnh hiện nay của đất nước, nhiệm vụ “bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” ngày càng khó khăn, phức tạp, việc phát huy sức mạnh nghệ thuật quân sự là một vấn đề mang ý nghĩa “cốt tử”. Trong khi đó, tư duy chiến lược và bản lĩnh trách nhiệm của các chủ thể phát huy sức mạnh nghệ thuật quân sự Việt Nam còn “chậm đổi mới, chưa theo kịp với sự phát triển của mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới” [23, tr.88]. Để đáp ứng yêu cầu hiện nay, cần khuyến khích các chủ thể tích cực, tự giác, sáng tạo trong nghiên cứu, vận dụng linh hoạt và phát triển tầm vóc của nghệ thuật quân sự Việt Nam. Vấn đề cấp thiết đặt ra là phải nâng tầm tư duy chiến lược và năng lực hành động thực tiễn của các chủ thể nhằm phát huy tối đa ưu thế của nghệ thuật quân sự trước những thách thức mới. Yêu cầu then chốt là phải tạo ra được “bước chuyển về chất” từ nhận thức lý luận sang “bản lĩnh thực tiễn” của các chủ thể đối với giá trị chiến lược của nghệ thuật quân sự. Đi liền với đó là năng lực nhận diện và thích ứng kịp thời trước những biến động của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; từ đó, chuyển hóa tinh thần trách nhiệm thành động lực tự thân trong việc nghiên cứu, làm phong phú và phát huy tối đa sức mạnh hiệp đồng của nghệ thuật quân sự Việt Nam hiện đại.

Hai là, phải giải quyết những mâu thuẫn, thách thức mới trong vận dụng, phát huy nghệ thuật quân sự Việt Nam trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, đặc biệt là những yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh khoa học công nghệ “phát triển như vũ

bảo”. Vấn đề trước hết là phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, nhằm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”, “giữ nước từ khi chưa nguy”. Đặc biệt, cần nhận thức rõ và có biện pháp đấu tranh hiệu quả với “cuộc chiến tranh không khói súng”, chiến lược “Diễn biến hòa bình”. Song song với đó, cần tiếp tục hiện đại hóa lý luận quân sự, thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ, toàn cầu hóa, sự mở rộng của các không gian xung đột, sự biến đổi của các loại hình, phương thức chiến tranh. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, cần có thái độ và cách hành xử khôn khéo, tăng cường lòng tin chiến lược, không để rơi vào thế “chọn bên”, bị kẹt giữa các cường quốc. Giải quyết mâu thuẫn giữa lợi ích của ta với lợi ích của các nước lớn, kiên định độc lập, tự chủ trong quan hệ đối ngoại. Đặc biệt chú ý xây dựng bản lĩnh chính trị, tài thao lược, trí thông minh, lòng dũng cảm của mọi lực lượng, nhất là lực lượng vũ trang. Nâng cao khả năng chiến đấu của quân đội, phát triển “nghệ thuật quân sự đặc sắc” trong điều kiện mới. Giải quyết mâu thuẫn giữa nhu cầu gia tăng tiềm lực, sức mạnh quân sự với thực trạng kinh tế còn nhiều khó khăn. Phát triển lý luận quân sự Việt Nam hiện đại. Tăng cường củng cố, phát huy sức mạnh của “thế trận lòng dân”, xây dựng “nền quốc phòng toàn dân”, “an ninh nhân dân”.

Ba là, phát huy sức mạnh nghệ thuật quân sự trong kỷ nguyên mới, cần giải quyết triệt để những vấn đề như: Xác định rõ ranh giới giữa chính sách “bảo vệ bí mật quốc gia” và “công khai minh bạch chính sách quốc phòng”, đảm bảo việc phát huy nghệ thuật quân sự không ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang và đấu tranh phi vũ trang, xác định các hình thức, biện pháp đấu tranh mềm dẻo, linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Phát triển quan điểm “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa”, nâng cao khả năng chủ động đối phó với các nguy cơ, thách thức an ninh ngay từ giai đoạn tiềm ẩn, “giữ nước từ khi chưa nguy” [123, tr.22 - 23]. Kế thừa những giá trị quân sự truyền

thống cốt lõi của dân tộc, đồng thời “tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa quân sự thế giới” [24, tr.120]. Phát huy tối đa các ưu thế tích cực đồng thời hạn chế những tác động tiêu cực của mạng xã hội đối với việc phát huy nghệ thuật quân sự và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Khắc phục bất cập trong công tác giáo dục quốc phòng, an ninh; trọng tâm là đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm khơi dậy tính tích cực, sáng tạo của người học. Đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc sao cho đảm bảo tính phù hợp, sát thực với từng đối tượng cụ thể.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Trước những biến đổi nhanh chóng của tình hình thế giới, khu vực và đất nước trong bối cảnh mới, việc nhận thức sâu sắc và đầy đủ về “thực trạng phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc” là vô cùng quan trọng.

Thực tế cho thấy, trong quá trình đổi mới, toàn dân tộc đã phát huy “tinh thần yêu nước”, chung sức đồng lòng thực hiện công cuộc đổi mới, củng cố “khối đại đoàn kết toàn dân tộc”, “bảo vệ vững chắc Tổ quốc”; ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc của mọi giai tầng được nâng cao, thúc đẩy sự tham gia tích cực của mọi chủ thể vào công tác quốc phòng, an ninh; “kiên quyết, kiên trì” giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình, góp phần vào hòa bình, ổn định khu vực và thế giới; giữ vững “độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ”, hoàn thiện nghệ thuật quân sự, củng cố thể trận lòng dân, bồi đắp “nền quốc phòng toàn dân”, “an ninh nhân dân” vững chắc.

Bên cạnh đó, cũng còn một số hạn chế, bất cập, như: Một bộ cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của “chủ nghĩa yêu nước”, “tinh thần đoàn kết”, “ý chí tự lực, tự cường”... trong bảo vệ Tổ quốc; nội dung, phương thức giáo dục, tuyên truyền chậm đổi mới, nhất là bám sát được sự thay đổi nhanh chóng của thực tiễn; sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể nhằm “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc” còn

chưa thực sự đồng bộ, nhất quán và thường xuyên.

Vấn đề đặt ra là cần phải tiếp tục nâng tầm nhận thức của mọi chủ thể về vai trò của “sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”. Đẩy mạnh hơn nữa quá trình đổi mới nội dung, phương thức, mục tiêu tuyên truyền, giáo dục về “phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc”. Cần có biện pháp phòng ngừa, chống lại sự “xâm lăng văn hóa”, tác động tiêu cực của tham nhũng, quan liêu, suy thoái. Cần tiếp tục khơi dậy sức mạnh của các “giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi” trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dựa vào dân, xác định “Dân là gốc, lấy “yên dân” là “nhân tố quyết định” mọi thắng lợi của “sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [45, tr.185].

Chương 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN TIẾP TỤC PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Nâng cao nhận thức và tính chủ động, tích cực, sáng tạo của các chủ thể; tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các ban, bộ, ngành để phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, thành công của cách mạng phụ thuộc vào sự giác ngộ và hành động của quần chúng. Trong bối cảnh hiện nay, bảo vệ Tổ quốc cũng là sự nghiệp của toàn dân, đòi hỏi sự chung sức đồng lòng của mọi chủ thể. Nhận thức đúng đắn về vai trò của văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc sẽ định hướng hành động, tạo động lực cho các chủ thể tham gia vào sự nghiệp chung.

Nâng cao nhận thức và tính tích cực, sáng tạo của các chủ thể là tổng thể các hoạt động nhằm thúc đẩy, phát triển nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, toàn diện hơn, sâu sắc hơn về phát huy sức mạnh của văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc của các chủ thể, làm cho các chủ thể luôn có ý thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong mọi hoạt động góp phần thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đang đặt ra trong tình hình mới; làm cho mọi thành viên trong xã hội hiểu rõ, việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc không phải là nhiệm vụ của riêng ai, mà là của mọi cấp, mọi ngành, mọi lực lượng. Việc nâng cao nhận thức và tính tích cực, sáng tạo của các chủ thể phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là một tất yếu, bởi, trước những tác động nhiều chiều của các nhân tố trong bối cảnh mới, các chủ thể do phải chịu những tác động tiêu cực dẫn đến sự *lệch chuẩn, những sự ngộ nhận* nếu các chủ thể văn hóa không có bản lĩnh chính trị, không giữ vững được lập trường giai cấp, thiếu năng lực thẩm định phê phán, lựa chọn những giá trị, những phương thức hoạt

động phù hợp sẽ không thể thực hiện được vai trò, sứ mệnh của mình trong nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay có thể chuyển hóa thành “sức mạnh hiện thực” hay không phụ thuộc trước hết vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước, tập hợp phát huy sức mạnh Nhân dân của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên.

Một là, tiếp tục giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ Tổ quốc. Vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, và càng có ý nghĩa sống còn trong việc xây dựng và phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần – nền tảng tinh thần của xã hội và nguồn lực nội sinh quan trọng bậc nhất.

Đảng lãnh đạo việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần thông qua định hướng chính trị, tư tưởng dựa trên nền tảng Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội – ngọn cờ tập hợp và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đề ra đường lối, chủ trương, chính sách về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, về quốc phòng, an ninh, đối ngoại phù hợp với thực tiễn; lãnh đạo hệ thống chính trị (Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội) thể chế hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương đó.

Việc phát huy vai trò lãnh đạo, bản lĩnh của Đảng trong lĩnh vực này là yếu tố then chốt để khơi dậy mạnh mẽ và phát huy tối đa tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết của Nhân dân, vượt qua mọi khó khăn, thách thức. Chính sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong việc xây dựng và phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần đã tạo động lực to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, kiến tạo vị thế và lực mới cho đất nước trên trường quốc tế, từ đó nâng cao khả năng bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Để thực hiện điều đó, cần tập trung vào các phương diện chủ yếu sau:

Trước hết, phải không ngừng xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh. Đây là nhiệm vụ cốt lõi để Đảng đủ sức gánh vác trọng trách lãnh đạo công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Công tác này bao gồm việc kiên quyết, kiên trì đẩy mạnh xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; đặc biệt chú trọng xây dựng văn hóa trong Đảng và hệ thống chính trị. Cùng với đó là tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tham nhũng, tiêu cực, tinh thần của các Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, bởi trong điều kiện hiện nay “việc khôi phục niềm tin của dân... là điều kiện không thể thiếu” [145, tr.119]. Việc làm trong sạch, vững mạnh bộ máy Đảng và hệ thống chính trị là cơ sở để củng cố niềm tin của Nhân dân, nâng lên sức mạnh văn hóa tinh thần và khả năng lãnh đạo toàn diện.

Cùng với đó, phải tiếp tục nâng cao năng lực tư duy lý luận, tổng kết thực tiễn, dự báo tình hình và hoạch định đường lối, chủ trương chiến lược. Trong bối cảnh đầy biến động, Đảng cần không ngừng tổng kết thực tiễn công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đúc rút kinh nghiệm quý báu, đặc biệt là kinh nghiệm về phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần. Trên cơ sở đó, phát triển lý luận, đổi mới tư duy, phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, vừa kiên định nguyên tắc, vừa linh hoạt, sáng tạo để kịp thời nắm bắt, dự báo chính xác tình hình, đề ra những chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn, phù hợp với tình hình mới nhằm phát huy hiệu quả nhất sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc.

Tăng cường lãnh đạo xây dựng và phát huy sức mạnh con người, sức mạnh văn hóa, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đảng lãnh đạo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, coi đây là nền tảng và trung tâm. Đảng lãnh đạo việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Đặc biệt, Đảng lãnh đạo việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết

toàn dân tộc – cội nguồn sức mạnh của mọi thắng lợi. Đảng tin tưởng, tôn trọng và phát huy vai trò làm chủ, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân trong tham gia sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trên mặt trận văn hóa tinh thần và mọi lĩnh vực khác.

Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần. Cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, phải là những người đi đầu, gương mẫu trong thực hiện lối sống văn hóa, đạo đức, trong giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Họ phải là hạt nhân trong việc lan tỏa tinh thần yêu nước, đoàn kết, tự lực, tự cường, dấn thân, cống hiến, trực tiếp vận động, tập hợp nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh và kết hợp chặt chẽ với phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần. Đảng lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về mọi mặt, đặc biệt là vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức. Lãnh đạo việc kết hợp nhuần nhuyễn sức mạnh vật chất của quốc phòng, an ninh với sức mạnh tinh thần, ý chí chiến đấu của quân và dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đóng vai trò trung tâm trong việc biến đường lối, chủ trương về xây dựng và phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần thành hệ thống chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội.

Việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chính là cốt lõi của giải pháp này. Điều này bao gồm việc nâng cao nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của văn hóa tinh thần; phát huy tính chủ động, sáng tạo trong xây dựng và thực thi pháp luật, chính sách phù hợp với thực tiễn đa dạng và phức tạp; nâng cao năng lực

quản lý nhà nước trên các lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến văn hóa tinh thần (như giáo dục, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, truyền thông...).

Khi Nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trong sạch, vững mạnh, thực sự là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, Nhà nước sẽ đủ khả năng thể chế hóa thành công đường lối của Đảng về văn hóa tinh thần, tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp để nuôi dưỡng, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp, đấu tranh chống lại các yếu tố tiêu cực. Đồng thời, Nhà nước củng cố được niềm tin của Nhân dân, tăng cường sự gắn bó giữa Nhà nước và Nhân dân, qua đó tạo nền tảng vững chắc để phát huy cao độ sức mạnh tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội – nguồn sức mạnh nội sinh quan trọng bậc nhất cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Để thực hiện hiệu quả vai trò quan trọng của mình trong việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần nhằm bảo vệ Tổ quốc, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, cạnh tranh gay gắt và các thế lực thù địch gia tăng hoạt động chống phá, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cần chủ động, sáng tạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành trên các phương diện sau:

Trước hết, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách về văn hóa và phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần. Nhà nước tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, xây dựng con người Việt Nam. Hệ thống pháp luật và chính sách cần tạo môi trường thuận lợi để khơi dậy và phát huy mạnh mẽ sức sáng tạo của các tổ chức, cá nhân trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Khi Nhà nước xây dựng được hệ thống chính sách đúng đắn, “thì hệ thống các chính sách đó sẽ nhanh chóng đi vào cuộc sống. Hệ thống chính sách đó củng cố những chuẩn mực xã hội của dân tộc tạo nên niềm tin và kích thích sự tìm tòi sáng tạo ở mỗi con người” [3, tr.136].

Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực

liên quan trực tiếp đến văn hóa tinh thần và an ninh quốc gia. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực như thông tin, truyền thông, giáo dục, khoa học, công nghệ, văn hóa, du lịch... Cần phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần; phát triển hệ thống truyền thông chủ động, tích cực, đồng thời có công cụ pháp lý và kỹ thuật đủ mạnh để ngăn chặn sự xâm lăng văn hóa, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là các hoạt động chống phá trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và không gian mạng.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục về truyền thống văn hóa, lịch sử, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức bảo vệ Tổ quốc cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Nhà nước tạo điều kiện và quản lý để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, loại bỏ các sản phẩm văn hóa độc hại, ảnh hưởng tiêu cực đến tư tưởng, đạo đức, lối sống.

Huy động và kết hợp hiệu quả các nguồn lực cho quốc phòng, an ninh trên nền tảng sức mạnh văn hóa tinh thần. Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong việc huy động mọi nguồn lực vật chất và tài chính, kết hợp chặt chẽ với sức mạnh tinh thần của Nhân dân để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh. Tập trung đầu tư xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng sẵn sàng chiến đấu cao.

Mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa gắn với đấu tranh với các hoạt động xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ uy tín quốc gia, truyền bá tư tưởng phản động dưới vỏ bọc văn hóa.

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Nhà nước hoạt động dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng, đảm bảo sự thống nhất trong đường lối,

chủ trương, chính sách từ Đảng đến thực tiễn quản lý. Đồng thời, Nhà nước không ngừng hoàn thiện cơ chế để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khuyến khích, tạo điều kiện để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến, sáng kiến và trực tiếp tham gia vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, bao gồm cả trên mặt trận văn hóa tinh thần.

Việc triển khai đồng bộ và hiệu quả các phương diện này giúp nâng cao rõ rệt hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho văn hóa tinh thần phát triển và phát huy tác dụng, từ đó củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nâng cao khả năng bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Ba là, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên để phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên giữ vị trí nòng cốt trong việc tập hợp, đoàn kết mọi tầng lớp Nhân dân, là chủ thể đứng ở vị trí trung tâm tổ chức, triển khai các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận và các tổ chức thành viên (bao gồm cả việc nâng cao nhận thức, tính tích cực, sáng tạo của đội ngũ cán bộ và đổi mới phương thức hoạt động) là giải pháp mang tính chiến lược lâu dài. Khi Mặt trận và các tổ chức thành viên hoạt động hiệu quả, họ có khả năng huy động và phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết của các giai cấp, tầng lớp nhân dân, thông qua các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động và các hình thức tập hợp đa dạng khác. Chính việc phát huy hiệu quả vai trò của Mặt trận và các tổ chức thành viên trong việc đoàn kết, tập hợp, vận động nhân dân và phát huy các giá trị văn hóa tinh thần góp phần quan trọng vào việc củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường sự đồng thuận trong xã hội, tạo nên sức mạnh tổng hợp để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trước các nguy cơ, thách thức mới gia tăng.

Để thực hiện hiệu quả vai trò quan trọng trong việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cần tập trung vào các phương diện then chốt sau:

Trước hết, cần tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ và đổi mới phương thức hoạt động của đội ngũ cán bộ Mặt trận. Đây là yếu tố quyết định hiệu quả hoạt động của Mặt trận. Cần tiếp tục chú trọng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, kỹ năng công tác cho đội ngũ cán bộ Mặt trận các cấp, đặc biệt là nâng cao nhận thức sâu sắc về vai trò chiến lược của văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc và khả năng nắm bắt tình hình trong nước, quốc tế, nhận diện âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Mặt trận cần chủ động, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động theo hướng hiện đại, gần dân, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng và tình hình mới, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tập hợp, vận động, quần chúng.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động sâu rộng nhằm bồi đắp lòng yêu nước và ý thức bảo vệ Tổ quốc trong Nhân dân. Mặt trận và các tổ chức thành viên có vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân về chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng hào hùng, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Điều này được thực hiện thông qua các hoạt động đa dạng và phong phú, đặc biệt chú trọng sử dụng hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại để khơi dậy và phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, chuyển hóa thành những hành động cụ thể trong xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Khuyến khích, tạo điều kiện và phát huy tính sáng tạo của Nhân dân trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Mặt trận cần chủ động tạo môi trường và khuyến khích các tầng lớp nhân dân tham gia sáng tạo trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, phản ánh chân thực chủ nghĩa anh hùng cách

mạng, tinh thần yêu nước, cuộc sống mới. Việc này góp phần nâng cao sức mạnh văn hóa của dân tộc, làm phong phú thêm đời sống tinh thần của Nhân dân và là cách trực tiếp để văn hóa tinh thần được phát huy trong xã hội.

Vận động Nhân dân tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên mặt trận văn hóa tinh thần và các lĩnh vực khác. Mặt trận phát huy vai trò tập hợp, đoàn kết, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, đóng góp công sức, trí tuệ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, Mặt trận cần vận động đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia bảo vệ Tổ quốc trên mặt trận văn hóa tinh thần, đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái, xuyên tạc, thông tin xấu độc, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và sự ổn định xã hội.

Kết hợp chặt chẽ hoạt động của Mặt trận với các chủ thể khác và các lĩnh vực phát triển. Hoạt động của Mặt trận cần được đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng; phối hợp chặt chẽ với Nhà nước và các tổ chức thành viên để tạo nên sức mạnh tổng hợp. Đồng thời, cần kết hợp chặt chẽ việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần với phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, bởi đây là nền tảng vững chắc để văn hóa tinh thần được nuôi dưỡng và phát huy. Cần chủ động thiết kế và triển khai các hoạt động cộng đồng có sức lan tỏa, hướng đến giải quyết những vấn đề dân sinh bức thiết, biến các phong trào thi đua yêu nước trở nên thực chất, sáng tạo, đồng thời đẩy mạnh mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa.

Việc triển khai đồng bộ các phương diện này giúp nâng cao rõ rệt hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, qua đó phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và sức mạnh văn hóa tinh thần, góp phần quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Bốn là, phát huy vai trò chủ thể, không ngừng nâng cao nhận thức, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Nhân dân – cội nguồn trực tiếp của sức mạnh văn hóa tinh thần trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Nhận thức sâu sắc quan điểm

của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định Nhân dân là trung tâm, là chủ thể, là nguồn gốc sâu xa nhất của mọi sức mạnh, đặc biệt là sức mạnh nội sinh và sức mạnh văn hóa tinh thần của dân tộc. Do đó, việc khơi dậy, bồi đắp và phát huy cao độ nhận thức, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Nhân dân có ý nghĩa thiết thực đối với việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc. Để thực hiện điều đó, cần tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

Nâng cao nhận thức, bồi đắp ý thức công dân; chú trọng tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong Nhân dân về tầm quan trọng chiến lược của văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc; về tình hình thực tiễn trong nước và quốc tế, đặc biệt là âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên mặt trận văn hóa, tư tưởng. Đồng thời, làm cho mỗi người dân hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm cao cả của mình đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Công tác này cần được thực hiện thông qua nhiều hình thức đa dạng, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng.

Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và tạo môi trường thuận lợi để Nhân dân tích cực tham gia. Tiếp tục thực hiện tốt và hoàn thiện quy chế dân chủ ở cơ sở và các quy định pháp luật liên quan, đảm bảo Nhân dân thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng đất nước và giám sát hoạt động của bộ máy Đảng, Nhà nước. Việc này tạo cơ chế, môi trường để Nhân dân được bày tỏ ý kiến, đóng góp trí tuệ, sáng kiến và phát huy khả năng sáng tạo trong mọi lĩnh vực, bao gồm cả việc xây dựng đời sống văn hóa và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái.

Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh cho Nhân dân. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, đảm bảo công bằng xã hội. Điều này tạo nền tảng và động lực

để Nhân dân gắn bó, tin tưởng vào Đảng và chế độ. Xây dựng môi trường văn hóa, xã hội lành mạnh, tạo điều kiện và khuyến khích các hoạt động văn hóa, nghệ thuật phát triển, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại. Tổ chức và phát động các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động sâu rộng, thu hút sự tham gia tích cực, tự giác của đông đảo nhân dân vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy vai trò chủ thể tích cực, chủ động và sáng của các tầng lớp nhân dân, nâng cao trách nhiệm công dân bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên số, chuyển hóa lòng yêu nước từ tình cảm tự phát thành hành động tự giác.

Việc thực hiện đồng bộ các nội dung trên sẽ khơi dậy mạnh mẽ sức mạnh nội sinh từ chính Nhân dân, biến sức mạnh văn hóa tinh thần của dân tộc thành hành động thực tiễn, tự giác và sáng tạo, củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường xã hội chủ nghĩa. Nhận thức rõ việc “khôi phục niềm tin của dân và bất cứ trong tình hình nào, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, điều kiện không thể thiếu để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [145, tr.119]. Niềm tin và sự gắn bó này góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp vô địch, xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc, và là yếu tố quyết định để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Năm là, tăng cường phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng và hiệu quả giữa các chủ thể, các cấp, các ngành, các lực lượng trong việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần là một nhiệm vụ phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực (tư tưởng, văn hóa, giáo dục, thông tin, an ninh, quốc phòng, đối ngoại...) và được thực hiện bởi nhiều chủ thể trong hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên) cùng với toàn thể Nhân dân. Do đó, sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất hành động giữa các chủ thể, các cấp, các ngành, các lực lượng có vai trò rất quan trọng, xuất

phát từ yêu cầu khách quan của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đòi hỏi sự chung sức, đồng lòng của toàn dân tộc và sự phối hợp nhịp nhàng của cả hệ thống. Sự phối hợp cần được thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị trực tiếp liên quan đến các lĩnh vực văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Tiêu biểu là sự phối hợp giữa các ban, bộ, ngành của Đảng và Nhà nước, như: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông...; giữa các cơ quan nghiên cứu, đào tạo lý luận và tổng kết thực tiễn như hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, hệ thống các học viện, nhà trường trong quân đội (như các học viện quân sự, chính trị quân sự...); và sự phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên. Sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng này sẽ tránh được sự chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực, đồng thời tạo ra sức mạnh cộng hưởng, nâng cao hiệu quả hoạt động của từng chủ thể và của toàn hệ thống. Điều này tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các chủ thể, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội để phát huy mạnh mẽ sức mạnh văn hóa tinh thần, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Để phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng, hiệu quả giữa các chủ thể nhằm phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc, cần tập trung vào các phương diện sau:

Các ban, bộ, ngành, các cấp, các lực lượng phải nhận thức thống nhất và sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng chiến lược của văn hóa tinh thần trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở đó, thống nhất về mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể để phối hợp triển khai. Sự thống nhất về nhận thức và mục tiêu là nền tảng cho mọi hành động phối hợp hiệu quả.

Tăng cường phối hợp chặt chẽ trong xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình hành động của các cơ

quan, tổ chức. Tăng cường phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và các ban của Đảng trong việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, xây dựng các văn bản pháp luật, quy chế, quy định liên quan đến văn hóa, tư tưởng, giáo dục, thông tin, an ninh, quốc phòng, tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi và đồng bộ cho việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần. Sự phối hợp này đảm bảo tính nhất quán và hiệu lực của các văn bản khi đi vào cuộc sống.

Phối hợp đồng bộ trong công tác tuyên truyền, giáo dục và đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng. Các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng nội dung, đa dạng hóa hình thức và phương thức tuyên truyền, giáo dục về truyền thống yêu nước, ý thức bảo vệ Tổ quốc, tinh thần tự lực, tự cường cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đặc biệt, tăng cường phối hợp hiệu quả trong công tác thông tin, tuyên truyền và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng và các phương tiện truyền thông khác, tạo sức mạnh tổng hợp trên mặt trận này.

Phối hợp tổ chức các hoạt động văn hóa, xã hội, phong trào thi đua yêu nước nhằm phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần. Phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các địa phương trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, các phong trào thi đua yêu nước quy mô và có ý nghĩa, thu hút sự tham gia đông đảo của nhân dân. Sự phối hợp này giúp các hoạt động đạt hiệu quả cao hơn, lan tỏa sâu rộng, góp phần bồi đắp và phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong cộng đồng.

Xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả, nâng cao năng lực cán bộ và huy động nguồn lực. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp một cách rõ ràng, cụ thể. Nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, tư tưởng, tuyên truyền và các lĩnh vực liên quan, đặc biệt là kỹ năng phối hợp. Mỗi ban, bộ, ngành, địa phương xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn trong việc phối hợp. Đồng thời, có cơ chế huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực về con người, tài chính, cơ sở vật chất cho các hoạt động phối hợp.

Việc triển khai đồng bộ các hoạt động trên một cách nhịp nhàng, hiệu quả sẽ góp phần nhân lên sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc trong việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

4.2. Nghiên cứu, làm phong phú nội dung các giá trị văn hóa tinh thần gắn với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới

Thứ nhất, trong kỷ nguyên mới, các giá trị văn hóa tinh thần phải không ngừng được bổ sung, làm phong phú thêm những nội dung mới, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

Một là, yêu nước không chỉ là giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, mà còn là hiện thực hóa khát vọng xây dựng nước giàu mạnh, hùng cường, “sánh vai với các cường quốc năm châu”. “*Yêu nước*” là giá trị cốt lõi, cao nhất “đứng đầu thang giá trị” trong ý thức bảo vệ Tổ quốc của mỗi con người Việt Nam, thể hiện trách nhiệm của mỗi người dân Việt Nam đối với sự tồn vong, phát triển của quốc gia, dân tộc. Để phát huy giá trị yêu nước trong bối cảnh hiện nay, cần nâng cao ý chí kiên cường, lòng dũng cảm; nâng cao trình độ hiểu biết, trí thông minh và tinh thần đổi mới sáng tạo... Muốn vậy, cần giải quyết hài hòa lợi ích của cá nhân – tập thể - cộng đồng – xã hội, bởi: “chủ nghĩa yêu nước chỉ có thể phát huy mạnh mẽ trên cơ sở quan tâm đến lợi ích thiết thân của mỗi người lao động, xem đó là động lực quan trọng phát huy đức tính cần cù, sự khéo léo, trí thông minh, tài sáng tạo của mọi cá nhân vì sự phát triển của bản thân họ và cả cộng đồng” [102, tr.76].

Trong điều kiện hiện nay, yêu nước gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc gắn liền với bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Do vậy, giá trị yêu nước cần gắn liền với phẩm chất “*kiên trung*” trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. “*Kiên trung*”, là phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân, mỗi chủ thể, thể hiện sự trung thành với mục tiêu “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”, với sự lãnh đạo của Đảng, với sự nghiệp đổi mới,

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; dũng cảm, không lùi bước trước khó khăn, thử thách, không dao động trước những biến đổi của thời cuộc. *Kiên trung* được thể hiện và chuyển hóa thành sức mạnh thông qua các hoạt động thực tiễn, như: luôn luôn giữ vững lập trường, quan điểm không dao động trước những cám dỗ, lợi lộc; trong hoạt động thực tiễn luôn thể hiện tinh thần “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm”, dám đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác, cái bất công; luôn kiên trì thực hiện những mục tiêu đã đặt ra; giữ vững và thực hiện bằng được những lời hứa, lời thề, nhất là đối với đảng viên hiện nay phải luôn nhớ và thực hiện bằng được những lời thề của người đảng viên Đảng Cộng sản.

Yêu nước trong thời đại mới cần tiếp tục được củng cố, gia tăng tinh thần “*Anh hùng, bất khuất*” là những giá trị thể hiện phẩm chất, bản lĩnh của con người Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. “*Anh hùng, bất khuất*” thể hiện tinh thần sẵn sàng hy sinh bản thân vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của mọi người. Trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, không tiếc thân mình, luôn giữ vững tinh thần quyết tâm chiến đấu đến cùng, không lùi bước trước mọi kẻ thù; sẵn sàng xông pha, đối mặt với mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Anh hùng, bất khuất là biểu trưng của tinh thần dân tộc Việt Nam với ý thức đoàn kết, yêu chuộng hòa bình, nhân ái, khoan dung, cần cù lao động, tự lực, tự cường, lấy chủ nghĩa yêu nước làm cốt lõi chính là sức mạnh tạo nên những chiến công to lớn của dân tộc ta trong lịch sử. Trong thời đại ngày nay, tinh thần anh hùng, bất khuất còn thể hiện ở tinh thần dám nghĩ, dám làm, sáng tạo trong lao động, học tập, khát vọng đưa đất nước phát triển trong xu thế chung của thế giới; tinh thần vươn lên, khát vọng hùng cường, khắc phục những hạn chế, khó khăn, làm giàu chính đáng cho mình và cho xã hội; tinh thần đấu tranh không khoan nhượng với cái sai, cái xấu, cái ác, các tệ nạn gây bức xúc trong xã hội hiện nay, như quan liêu, tham nhũng, lãng phí, và các tiêu cực khác.

Hai là, tinh thần đoàn kết, đồng thuận trong bối cảnh mới đòi hỏi mỗi cá nhân phải nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của bản thân trong việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu chung của toàn dân tộc.

Trong hoạt động thực tiễn, các giá trị “đoàn kết, đồng lòng, đồng thuận” được thể hiện một cách sinh động qua nhiều phương diện. Trước hết, đó là sự hợp tác, chia sẻ công việc và giúp đỡ lẫn nhau trong mọi hoàn cảnh. Khi có mâu thuẫn hay bất đồng, tinh thần đó thể hiện qua thái độ bình tĩnh, cùng nhau tìm kiếm giải pháp chung để giữ gìn sự thống nhất. Trên hết, đó là sự chung sức chung lòng, tích cực ủng hộ và động viên nhau để thực hiện mục tiêu tối thượng: xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Điều này đòi hỏi phải phát huy vai trò tiên phong của các tổ chức đoàn thể trong việc tập hợp lực lượng nòng cốt, chủ động lan tỏa thông tin tích cực và tạo thành “lá chắn” vững chắc trước mọi âm mưu chia rẽ. Mặt khác, huy động hiệu quả nguồn lực tri thức và kinh tế của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, biến họ thành những sứ giả văn hóa và cầu nối quan trọng cho sự phát triển của đất nước.

Ba là, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng hòa bình, độc lập, tự do trong thực tiễn hiện nay thể hiện sự quyết tâm bảo vệ Tổ quốc bằng mọi giá, trên tinh thần “tự lực cánh sinh”, “tự giúp mình, trước khi người khác giúp mình”.

Để đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng hòa bình, độc lập, tự do phải được kết hợp một cách hữu cơ với tinh thần “sáng tạo” và “trách nhiệm”.

Sáng tạo là giá trị thể hiện sự phát huy sức mạnh trí tuệ của toàn dân tộc, là cội nguồn của những tri thức – sức mạnh mới của ý chí tự lực, tự cường trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phải có sáng tạo mới có tri thức mới, mới có được phương pháp, cách thức mới để thực hiện thành công những nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, bởi nhờ sáng tạo, “sự tri thức hóa, trí tuệ hóa mà các quốc gia có được sức mạnh để giữ vững độc lập và kết nối nguồn lực bảo vệ chủ quyền lãnh thổ” [168, tr.138]. Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc,

trước hết phải có sự sáng tạo trong tư duy, tức là luôn phải có cách nhìn nhận, đánh giá sâu sắc, thấu đáo, toàn diện về các vấn đề quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; thể hiện tinh thần luôn dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, vượt qua những lối mòn, khuôn mẫu tư duy cũ; trước những nguy cơ, thách thức tiềm ẩn luôn có được tầm nhìn chiến lược, dự báo chính xác để xây dựng được các phương án chủ động phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả. Trong thực tiễn, sáng tạo chính là yếu tố then chốt để tiến hành hiệu quả tổng thể các hoạt động huấn luyện, đào tạo, truyền truyền, giáo dục, nghiên cứu, chế tạo, phát minh, sáng chế nhằm nâng cao năng lực quốc phòng, an ninh, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trách nhiệm trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, thể hiện ý thức, thái độ tự giác, sự cam kết thực hiện nghĩa vụ và sứ mệnh thiêng liêng của mỗi cá nhân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trách nhiệm trước hết thể hiện ở nhận thức đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; hiểu rõ trách nhiệm của bản thân mỗi người đối với việc gìn giữ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, của quá trình hiện thực hóa khát vọng hòa bình, độc lập, tự do của dân tộc; hiểu rõ vai trò của mỗi chủ thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trách nhiệm còn thể hiện ở tinh thần tự giác nghiên cứu, học tập, rèn luyện để nâng cao kiến thức, kỹ năng góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc; luôn sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc lâm nguy; tích cực tham xây dựng thế trận quốc phòng toàn, xây dựng thế trận an ninh nhân dân, củng cố thế trận lòng dân vững mạnh. Trách nhiệm của mỗi người dân trong bảo vệ Tổ quốc còn thể hiện ở việc thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, luôn phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong cuộc sống, trong lao động, sản xuất, có ý thức tích cực giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc... Khi trách nhiệm được đề cao, sẽ nâng cao nhận thức, ý thức tự giác, tích cực, sáng tạo, tự lực, tự cường của các chủ

thể; đồng thời, bằng những hành động thiết thực góp phần xây dựng, phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trước mọi nguy cơ, mọi lực lượng xâm phạm.

Bốn là, phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam hiện đại. Nghệ thuật quân sự độc đáo, được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử, là một di sản vô giá của dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Tinh hoa của nghệ thuật này đã được kết tinh thành những nguyên tắc nền tảng, đó là: ý thức kiên định về một quốc gia độc lập, tự chủ bắt nguồn từ lòng yêu nước; sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân dựa trên tư tưởng cốt lõi “lấy dân làm gốc”; chiến lược “dựng nước đi đôi với giữ nước”; tinh thần chủ động phòng bị, “lo giữ nước từ lúc nước chưa nguy”; phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến”... Đó là kết tinh trí tuệ, bản lĩnh và sức mạnh to lớn của văn hóa tinh thần Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước.

Trong thời đại ngày nay, với sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ và sự xuất hiện của các hình thái chiến tranh mới, việc kế thừa và phát huy những giá trị tinh hoa đó để xây dựng, phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới trong bảo vệ Tổ quốc là việc làm cần thiết.

Trên phương diện tư duy lý luận quân sự, phải dựa trên nguyên tắc kế thừa và đổi mới một cách biện chứng, thấu triệt triết lý “dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Trong đó, phần “bất biến” chính là những giá trị cốt lõi, là bản sắc của nghệ thuật quân sự Việt Nam như: “lấy dân làm gốc”, “lấy ít địch nhiều”, “lấy chính nghĩa thắng hung tàn”; còn phần “vạn biến” chính là bối cảnh thế giới đầy biến động và sự xuất hiện của các hình thái chiến tranh mới. Để hiện thực hóa nguyên tắc này, một mặt, cần thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học quân sự cấp quốc gia nhằm hệ thống hóa di sản, nhận diện thách thức và phát triển tư duy cốt lõi. Mặt khác, phải tăng cường đối thoại, giao lưu để tiếp thu có chọn lọc tinh hoa quân sự thế giới, tránh tư duy biệt lập, đồng thời chủ động

định vị vai trò của Việt Nam như một quốc gia có trách nhiệm với hòa bình, ổn định toàn cầu. Toàn bộ quá trình nghiên cứu và đối thoại sâu rộng đó phải kết tinh thành một kết quả chiến lược: đó là việc khẩn trương xây dựng và hoàn thiện Học thuyết Quốc phòng toàn dân trong kỷ nguyên mới. Học thuyết này phải có khả năng định hướng cho việc tác chiến hiệu quả trên tất cả các môi trường chiến lược, từ đất liền, trên biển, trên không, cho đến không gian mạng và không gian vũ trụ.

Trên phương diện xây dựng lực lượng và thiết lập thể trận: Phải xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Quá trình này lấy khoa học công nghệ làm động lực then chốt để phát triển vũ khí, trang bị. Mặt khác, phải đặc biệt chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị vững vàng, nắm vững lý luận và thực tiễn quân sự hiện đại, đủ sức làm chủ những khí tài phức tạp nhất. Tiếp đó, phải không ngừng củng cố và mở rộng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Trong đó, “thể trận lòng dân” phải được xác định là nền tảng của mọi thể trận, là cội nguồn của sức mạnh. Mục tiêu là hiện đại hóa “thể trận lòng dân”, biến mỗi người dân thành một chủ thể có trách nhiệm và sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc trên mọi lĩnh vực, từ quân sự đến kinh tế, văn hóa, không gian mạng.

Trên phương diện củng cố, phát triển huy, phát triển năng lực tác chiến: Năng lực tác chiến trong kỷ nguyên mới chính là sự hiện thực hóa của triết lý kết hợp sức mạnh tinh nhuệ và sức mạnh toàn dân, với mục tiêu cốt lõi không phải là chạy đua vũ trang đối xứng tốn kém, mà là chủ động kiến tạo những lợi thế bất đối xứng kiểu mới dựa trên sự kết hợp độc đáo giữa công nghệ và con người Việt Nam. Để hiện thực hóa mục tiêu này, một mặt, cần thành lập các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) tiên tiến để làm chủ các phương thức tác chiến phi đối xứng trên không gian mạng, chiến tranh thông tin, đồng thời phát triển các loại vũ khí thông minh có khả năng vô hiệu hóa những hệ thống vũ khí đắt đỏ của đối phương. Mặt khác, phải xây dựng và diễn tập thành thực

các kịch bản tác chiến tổng hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lực lượng đặc nhiệm, vũ khí công nghệ cao với một “thế trận lòng dân” đã được số hóa, nơi mỗi người dân, mỗi doanh nghiệp trở thành một “cảm biến” tình báo và một “chiến sĩ” trên mặt trận thông tin. Sự kết hợp độc đáo này không chỉ nâng cao khả năng chiến đấu thực tế, mà quan trọng hơn, nó tạo ra một sức mạnh rắn đẽ chiến lược đặc thù của Việt Nam, khiến bất kỳ đối thủ nào cũng phải cân nhắc kỹ lưỡng trước khi có hành động xâm phạm.

Thứ hai, cần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị quốc gia gắn với hệ giá trị gia đình và hệ giá trị con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới; qua đó, lan tỏa các giá trị tốt đẹp, củng cố sức mạnh văn hóa tinh thần vững chắc để bảo vệ Tổ quốc.

Một là, “Hệ giá trị gia đình” với các giá trị cốt lõi “*ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh*”. Gia đình là môi trường đầu tiên giúp con người được hình thành nhân cách và tiếp nhận các giá trị sống. Các giá trị ấm no, hạnh phúc tạo ra một môi trường an toàn để con người phát triển, còn các giá trị tiến bộ, văn minh lại thúc đẩy sự phát triển của từng thành viên. Trong kỷ nguyên mới, sự nghiệp phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần phải bắt đầu từ hạt nhân là gia đình – nơi sản sinh, nuôi dưỡng các giá trị cốt lõi, hun đúc lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm và ý chí tự cường.

Hai là, “Hệ giá trị văn hóa” với các giá trị cốt lõi “*dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học*”. Đây là môi trường nuôi dưỡng và định hình, bảo tồn bản sắc, truyền thống, thúc đẩy lòng nhân ái, tình thương người, tạo không gian bình đẳng, tự do và đề cao tư duy lý trí, sáng tạo. Hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị gia đình có mối liên hệ mật thiết. Một gia đình tiến bộ, văn minh chỉ có thể tồn tại và phát triển trong một nền văn hóa dân chủ, khoa học; ngược lại, những gia đình hạnh phúc, ấm no chính là tế bào sống để tạo nên một nền văn hóa giàu bản sắc dân tộc và nhân văn.

Ba là, “Hệ giá trị con người” với các giá trị cốt lõi “*Yêu nước, đoàn kết,*

tự cường, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, sáng tạo”. Đây là những phẩm chất cụ thể của từng cá nhân, được hình thành và bồi dưỡng từ môi trường gia đình và nền văn hóa dân tộc. Yêu nước, đoàn kết, tự cường là những giá trị lớn, có tính định hướng chính trị, liên quan trực tiếp đến trách nhiệm của mỗi cá nhân với quốc gia. Nhân ái, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, sáng tạo là những giá trị đạo đức, phẩm chất cá nhân, tạo nên một con người toàn diện. Thực tế cho thấy, chỉ khi các giá trị gia đình và giá trị văn hóa được phát huy, con người mới có thể hình thành và phát triển những phẩm chất này. Ngược lại, chính những con người với đầy đủ các phẩm chất này sẽ là nhân tố tích cực để xây dựng và bảo vệ gia đình, phát triển văn hóa. Con người là mắt xích trung tâm, vừa là sản phẩm, vừa là chủ thể của hai hệ giá trị trên.

Bốn là, “Hệ giá trị quốc gia” với các giá trị cốt lõi *“Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc”*. Đây là những giá trị mà toàn dân tộc nỗ lực hướng tới. Hòa bình, thống nhất, độc lập vừa là khát vọng của dân tộc từ ngàn xưa cho đến nay, vừa là tiền đề để xây dựng, phát triển đất nước. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc, phản ánh ý chí, quyết tâm, nỗ lực xây dựng, phát triển đất nước; đồng thời tạo sức mạnh tổng hợp để bảo vệ nền hòa bình, độc lập, thống nhất. Việc tạo lập, củng cố hệ giá trị quốc gia vừa là kết quả, vừa góp phần phát huy các hệ giá trị khác. Khi gia đình hạnh phúc, văn hóa tiến bộ, con người yêu nước và trách nhiệm, thì quốc gia sẽ đạt được mục tiêu hạnh phúc, văn minh và mạnh giàu. Ngược lại, khi một quốc gia đạt được các giá trị như hòa bình, độc lập, dân giàu, nó sẽ tạo ra môi trường thuận lợi để mỗi gia đình ấm no, mỗi cá nhân sáng tạo và cả nền văn hóa nhân văn hơn.

4.3. Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

Một là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật đồng bộ, hiệu quả nhằm tạo hành lang pháp lý vững chắc cho việc phát huy sức mạnh

văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc. Trong các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần, việc tạo lập một khuôn khổ pháp lý và chính sách thuận lợi có vai trò đặc biệt quan trọng. Nhà nước cần tiếp tục xây dựng, hoàn thiện, ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc một hệ thống chính sách, pháp luật toàn diện, bao quát các lĩnh vực liên quan đến văn hóa, tư tưởng, giáo dục, thông tin, an ninh, quốc phòng. Hệ thống chính sách, pháp luật này cần đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với thực tiễn cuộc sống, hướng tới mục tiêu bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, thúc đẩy sự phát triển của con người, tạo môi trường lành mạnh để văn hóa tinh thần được nuôi dưỡng và tỏa sáng; khuyến khích sự sáng tạo văn hóa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể hoạt động văn hóa, đồng thời ngăn chặn và xử lý hiệu quả các hành vi gây phương hại đến văn hóa tinh thần và an ninh tư tưởng. Việc xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý không chỉ là hoạt động quản lý nhà nước, mà còn là kiến tạo một “hệ sinh thái” thuận lợi để giải phóng các nguồn lực văn hóa tinh thần. Bởi lẽ, một hệ thống pháp luật minh bạch, công bằng và phù hợp với thực tiễn sẽ củng cố các chuẩn mực xã hội tích cực, tạo dựng niềm tin vững chắc; khuyến khích sự tìm tòi, sáng tạo ở mỗi con người và cộng hưởng thành sức mạnh tinh thần to lớn của toàn dân tộc, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Muốn vậy, cần tiếp tục tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Xây dựng hệ thống chính sách pháp luật toàn diện, đồng bộ và phù hợp với thực tiễn. Chính sách phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần cần đảm bảo tính bền vững, lâu dài, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tổng thể của đất nước. Cần xây dựng các chính sách đồng bộ, toàn diện trên mọi lĩnh vực liên quan nhằm phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần, từ chính sách bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa dân tộc (góp phần giáo dục truyền thống, bồi đắp lòng yêu nước), chính sách nâng cao trình độ văn hóa, chăm lo lợi ích người lao động, đến các chính sách an sinh xã hội (y tế, giáo dục, môi trường...) tác

động trực tiếp đến đời sống và tâm lý người dân. Đặc biệt chú trọng xây dựng chính sách về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ để nâng cao tinh thần trách nhiệm trong bảo vệ Tổ quốc.

Đảm bảo chất lượng, tính khả thi và hiệu quả trong xây dựng chính sách pháp luật. Các chính sách, pháp luật phải được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn, tổng kết kinh nghiệm trên tinh thần khách quan, khoa học, đảm bảo tính khả thi khi đi vào cuộc sống và mang lại hiệu quả thiết thực.

Phát huy vai trò chủ thể và sự tham gia của Nhân dân trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách pháp luật. Cần tạo cơ chế, môi trường thuận lợi để Nhân dân tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật thông qua cơ chế “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Điều này đảm bảo chính sách gần dân, hiểu dân và được nhân dân đồng tình ủng hộ, tích cực thực hiện.

Tăng cường sự phối hợp và hiệu lực trong thực hiện chính sách pháp luật. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật. Đặc biệt, Nhà nước cần phát huy vai trò quản lý, điều hành, tạo điều kiện thuận lợi và thực hiện nghiêm minh pháp luật, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật làm giảm sút niềm tin của nhân dân hoặc gây phương hại đến sự ổn định xã hội và an ninh quốc gia.

Nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy về xây dựng và thực hiện chính sách pháp luật. Cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về chính sách, pháp luật, về quyền và nghĩa vụ công dân. Đổi mới tư duy trong xây dựng và thực hiện chính sách, phù hợp với tình hình mới, đáp ứng yêu cầu của công cuộc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần.

Hai là, tiếp tục tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục trong gia đình, nhà trường và xã hội làm cho các giá trị văn hóa tinh thần tốt

đẹp thấm sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong mỗi gia đình, từng tập thể, trường học, trong các hoạt động kinh tế - xã hội và trở thành “lực lượng vật chất” tham gia trực tiếp vào công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Giáo dục là sự nghiệp của trăm năm, là đầu tư cho sự phát triển bền vững của đất nước. Giáo dục góp phần hình thành những con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đức, có tài, yêu nước, có trách nhiệm với Tổ quốc. Giáo dục giúp khơi dậy những giá trị văn hóa tinh thần tốt đẹp của dân tộc, hình thành nên bản lĩnh, khí phách, tạo nên sức mạnh nội sinh để bảo vệ Tổ quốc. Giáo dục góp phần vun đắp, hình thành nhân cách, bồi dưỡng lý tưởng, tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn cho dân tộc, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Việc đổi mới công tác giáo dục, đào tạo cần tập trung vào các phương diện sau:

Giáo dục lòng yêu nước, không chỉ dừng lại ở niềm tự hào quá khứ mà phải chuyển hóa thành khát vọng cống hiến, kiến tạo đất nước hùng cường thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tiễn sâu sắc. Song song đó, giáo dục phải có nhiệm vụ xây dựng “sức đề kháng” tư tưởng trước các thách thức của thời đại công nghệ số, bằng cách trang bị các kỹ năng nhận diện thông tin sai lệch và nâng cao năng lực tư duy phản biện; nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy, học tập, tạo hứng thú và nâng cao hiệu quả bồi đắp sức mạnh văn hóa tinh thần phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng môi trường giáo dục toàn diện, dựa trên sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa ba trụ cột: gia đình - nhà trường - xã hội; trong đó, gia đình là nền tảng, với nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao nhận thức và phương pháp giáo dục con em về lòng yêu nước và trách nhiệm công dân. Nhà trường đóng vai trò hun đúc tri thức và bản lĩnh, không chỉ truyền thụ kiến thức mà còn phải chủ động làm cầu nối, gắn kết với gia đình và xã hội để thống nhất nội dung giáo dục quốc phòng. Về phía xã hội, cần có trách nhiệm

kiến tạo một môi trường văn hóa lành mạnh, tôn vinh các giá trị yêu nước, cống hiến, đồng thời huy động các nguồn lực tham gia vào sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ. Sự cộng hưởng từ ba trụ cột này sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp, đảm bảo thế hệ trẻ được giáo dục một cách nhất quán và toàn diện về trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, từ nhận thức đến hành động.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo xứng tầm là “chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng”, đảm bảo đội ngũ nhà giáo không chỉ giỏi về nghiệp vụ sư phạm mà còn am hiểu sâu sắc về lịch sử, văn hóa và đường lối quốc phòng - an ninh của đất nước. Mặt khác, phải đặc biệt chú trọng bồi dưỡng phẩm chất đạo đức và năng lực truyền cảm hứng, để mỗi nhà giáo thực sự là một tấm gương sáng về lòng yêu nước và tâm huyết, có khả năng “truyền lửa”, khơi dậy khát vọng cống hiến ở người học. Một đội ngũ nhà giáo vững vàng như vậy chính là góp phần xây dựng thành công “thế trận lòng dân” ngay từ trong nhà trường.

Cần hiện đại hóa cơ sở vật chất (thư viện điện tử, bảo tàng số, thiết bị tương tác...) cùng với đổi mới phương pháp giảng dạy, giúp các nội dung về lịch sử, văn hóa dân tộc và giáo dục công dân trở nên sinh động, hấp dẫn. Qua đó, các giá trị cốt lõi về lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và ý thức tự lực tự cường sẽ được thấm sâu vào nhận thức và tình cảm của thế hệ trẻ - những người chủ tương lai của đất nước.

Ba là, tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền; đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng, nhất là trên không gian mạng. Đây là giải pháp là vô cùng quan trọng và cấp bách. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, đặc biệt là không gian mạng, công tác thông tin, tuyên truyền có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc định hướng tư tưởng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền và đấu tranh

trên mặt trận văn hóa, tư tưởng trong bối cảnh hiện nay cần tập trung vào các phương diện sau:

Trước hết, phải tạo ra một sự chuyển biến sâu sắc, toàn diện về nhận thức trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân về vai trò chiến lược của mặt trận văn hóa, tư tưởng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh mới, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc không chỉ diễn ra trên các lĩnh vực truyền thống như quân sự, kinh tế, ngoại giao, mà còn diễn ra vô cùng quyết liệt trên không gian mạng và trên lĩnh vực tư tưởng. Đây là một “mặt trận không tiếng súng” nhưng có tác động vô cùng lớn. Các thế lực thù địch đang triệt để lợi dụng sự phát triển của công nghệ thông tin để thực hiện các chiến dịch “xâm lăng văn hóa”, gieo rắc các quan điểm sai trái, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành quả cách mạng, hòng làm phai nhạt lý tưởng, gây ra sự hỗn loạn về giá trị và dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” từ trong nội bộ. Vì vậy, nâng cao nhận thức không chỉ đơn thuần là việc phổ biến thông tin, mà là quá trình trang bị một “bộ lọc” tư tưởng sắc bén và một “hệ miễn dịch” văn hóa mạnh mẽ cho mỗi cán bộ, đảng viên và người dân. Nhận thức đúng đắn sẽ giúp họ: nhận diện rõ đâu là bạn, đâu là thù trên mặt trận tư tưởng; phân biệt được thông tin đúng - sai, thật - giả giữa ma trận thông tin phức tạp; tự giác biến mình thành một “chiến sĩ” chủ động trên mặt trận này, sẵn sàng tham gia đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, bảo vệ chân lý và lẽ phải...

Về nội dung, cần phù hợp từng nhóm công chúng: với thế hệ trẻ, phải chuyển hóa lý luận khô khan thành các sản phẩm số sáng tạo, hấp dẫn như infographic, video ngắn, podcast gắn với các vấn đề họ quan tâm như khởi nghiệp, hội nhập; với cán bộ, đảng viên, nội dung phải có hàm lượng trí tuệ cao, gắn lý luận với thực tiễn nóng bỏng; còn với đại chúng nhân dân, thông điệp cần ngắn gọn, thiết thực và minh chứng bằng những câu chuyện đời thường. Song song với đổi mới nội dung, khâu đột phá quyết định hiệu quả chính là đổi mới về phương thức, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là phải chủ động

“chiếm lĩnh trận địa” trên không gian mạng. Điều này đòi hỏi phải xây dựng một hệ sinh thái truyền thông số mạnh mẽ trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến, tận dụng đội ngũ chuyên gia và người có sức ảnh hưởng (KOLs) để lan tỏa thông điệp tích cực. Mặt khác, phương thức tuyên truyền phải chuyển từ bị động, một chiều sang chủ động, kịp thời và tương tác, đặc biệt là trong xử lý các sự kiện nhạy cảm, dễ bị xuyên tạc. Để làm chủ “thế trận”, cần xây dựng và phát huy vai trò của các lực lượng nòng cốt chuyên sâu về truyền thông số, hình thành nên một “binh chủng” tác chiến mạng tinh nhuệ, có khả năng dẫn dắt dư luận và tổ chức các chiến dịch phản bác hiệu quả, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Chủ động và kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Trong bối cảnh mới, không thể ngồi chờ các quan điểm sai trái xuất hiện rồi mới phản bác, mà phải coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và phải đi trước một bước. Sự chủ động thể hiện ở việc tích cực nghiên cứu, dự báo và nhận diện từ sớm những âm mưu, thủ đoạn chống phá mới của các thế lực thù địch, đặc biệt là các chiến dịch được dàn dựng tinh vi trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng và không gian mạng. Cần vạch trần bản chất phản động, phản khoa học của các luận điệu xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ lãnh tụ, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Để cuộc đấu tranh này đạt hiệu quả, cần có sự tổ chức và phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các lực lượng. Phải hình thành một mặt trận thống nhất, trong đó lực lượng báo chí, xuất bản, văn hóa văn nghệ là chủ công, kết hợp với lực lượng chuyên trách trên không gian mạng và sự tham gia của toàn dân. Sức mạnh tổng hợp này cho phép chúng ta triển khai các bài viết, sản phẩm truyền thông có chiều sâu, sắc bén, vừa giàu tính chiến đấu, vừa có sức thuyết phục cao về mặt lý luận và thực tiễn. Mục tiêu tối thượng là làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình”, giữ vững “trận địa” tư tưởng, bảo vệ sự trong sáng của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo

vệ cương lĩnh, đường lối của Đảng và nền văn hóa dân tộc, qua đó giữ vững ổn định chính trị - xã hội để xây dựng và phát triển đất nước.

Xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ, đồng thời tập trung xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên trách cho mặt trận văn hóa, tư tưởng. Để thực hiện được điều này, cần phải có một hành lang pháp lý và nền tảng vật chất vững chắc. Nhà nước cần rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác thông tin, tuyên truyền và đấu tranh tư tưởng. Đi đôi với đó là đảm bảo nguồn lực đầu tư tương xứng, từ tài chính đến cơ sở vật chất, công nghệ, coi đây là sự đầu tư cho sự phát triển bền vững và an ninh quốc gia. Bên cạnh đó, cần tập trung xây dựng một đội ngũ cán bộ “vừa hồng vừa chuyên”, có bản lĩnh chính trị kiên định, đạo đức trong sáng và đặc biệt là năng lực chuyên môn vượt trội, đáp ứng yêu cầu của thời đại số. Công tác đào tạo, bồi dưỡng phải được đổi mới căn bản, không chỉ trang bị kiến thức lý luận chính trị, mà còn phải chú trọng rèn luyện kỹ năng tác chiến trên không gian mạng, khả năng làm chủ công nghệ truyền thông hiện đại và năng lực sáng tạo các sản phẩm văn hóa, thông tin có sức lan tỏa mạnh mẽ. Trong thế trận đó, các cơ quan báo chí, xuất bản phải phát huy tối đa vai trò là lực lượng chủ công, tiên phong. Các cơ quan này không chỉ là công cụ truyền thông, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng mà còn phải là những “trung tâm định hướng” dư luận xã hội, góp phần xây dựng một không gian thông tin lành mạnh, nơi cái tốt lấn át cái xấu, cái tích cực đẩy lùi tiêu cực. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, toàn dân và hợp tác quốc tế trong cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng.

Việc thực hiện đồng bộ và hiệu quả các phương diện này sẽ góp phần định hướng tư tưởng, củng cố niềm tin, nâng cao “sức đề kháng” tinh thần cho xã hội, tạo sự đồng thuận và là yếu tố then chốt để phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới.

4.4. Kết hợp hài hòa sức mạnh vật chất và sức mạnh văn hóa tinh thần, tạo sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

Lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc là minh chứng hùng hồn cho triết lý này. Trong thế trận “lấy yếu thắng mạnh”, chính sức mạnh tinh thần đã góp phần nhân lên sức mạnh vật chất. Ý chí “*Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*” đã biến vũ khí thô sơ trở nên phi thường; tinh thần “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết*” đã huy động được toàn dân, tạo ra một thế trận mà không lực lượng phi nghĩa nào có thể khuất phục. *Trí tuệ và nghệ thuật quân sự độc đáo* đã giúp chúng ta tìm ra những cách đánh sáng tạo, “phi đối xứng”, vô hiệu hóa ưu thế về công nghệ và quân số của đối phương. Như vậy, kết hợp hài hòa sức mạnh tinh thần với sức mạnh vật chất đã được chứng thực qua lịch sử giữ nước của dân tộc, làm nên những thắng lợi vẻ vang.

Bối cảnh đương đại, với sự xuất hiện của các hình thái chiến tranh, xung đột kiểu mới bên cạnh những thách thức quân sự truyền thống, đã và đang đặt ra yêu cầu cấp thiết phải kết hợp hài hòa sức mạnh tinh thần và sức mạnh vật chất, tạo thành sức mạnh tổng hợp để bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Sức mạnh tinh thần là “lá chắn” trực tiếp trước chiến tranh phi truyền thống: Các chiến lược “diễn biến hòa bình”, “cách mạng màu”, chiến tranh tâm lý, chiến tranh nhận thức không tấn công vào cơ sở vật chất, mà đánh vào niềm tin, ý chí, sự đoàn kết và hệ giá trị của chúng ta. Trước những “viên đạn bọc đường”, những thông tin giả, những luận điệu xuyên tạc, thì xe tăng, máy bay hay tên lửa, tàu ngầm (sức mạnh vật chất) không thể là công cụ phòng thủ hiệu quả. Khi đó, chỉ có sức mạnh văn hóa tinh thần – một “hệ miễn dịch xã hội” khỏe mạnh, một “thế trận lòng dân” vững chắc – mới là vũ khí phòng vệ hữu hiệu nhất. Nếu sức mạnh tinh thần suy yếu, toàn bộ hệ thống phòng thủ vật chất có thể sụp đổ từ bên trong mà không cần một tiếng súng. Trong bối cảnh chiến tranh hiện đại là cuộc chiến của công nghệ cao, vai trò của chủ thể con người sử dụng vũ khí lại càng trở nên quyết định. Chính vì lẽ đó, sức mạnh tinh thần

được xem là “phần cốt tủy”, nhân lên sức mạnh vật chất. Sức mạnh văn hóa tinh thần quyết định ý chí chiến đấu của người lính, năng lực sáng tạo của các nhà khoa học quân sự để làm chủ và cải tiến vũ khí; sự đồng lòng của Nhân dân ở hậu phương để đảm bảo sản xuất và hậu cần. Một quân đội có vũ khí tối tân nhưng tinh thần bạc nhược, một dân tộc chia rẽ, mất niềm tin thì không thể chiến thắng.

Có thể khẳng định, việc kết hợp hài hòa giữa hai sức mạnh này là yếu tố then chốt, bởi lẽ: chỉ có sức mạnh vật chất thì không thể chống lại được các cuộc tấn công vào ý thức hệ; chỉ có sức mạnh tinh thần thì không đủ nền tảng để xây dựng một nền quốc phòng hiện đại. Sự kết hợp biện chứng giữa chúng tạo ra một sức mạnh tổng hợp, một năng lực phòng thủ toàn diện, vừa có sức đề kháng mạnh mẽ trước các đòn tấn công “mềm” vào tư tưởng, vừa có thực lực vững chắc để đối phó với các thách thức “cứng” về quân sự, kinh tế.

Trong bối cảnh hiện nay, xét trên khía cạnh mục tiêu phát triển bền vững của dân tộc, việc kết hợp hài hòa giữa sức mạnh vật chất và sức mạnh văn hóa tinh thần trở thành yêu cầu quan trọng để hiện thực hóa thành công khát vọng về một quốc gia “kinh tế phải vững, quốc phòng phải mạnh, thực lực phải cường, lòng dân phải yên, chính trị - xã hội ổn định, cả dân tộc là một khối thống nhất” [3, tr.169]. Đối với một nước đang phát triển như Việt Nam, khi tiềm lực vật chất còn hạn chế, mối quan hệ tương hỗ giữa hai yếu tố này càng phải được chú trọng. Đây chính là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc “dùng tinh thần hăng hái của toàn dân để tìm cách giải quyết sự yếu kém vật chất” [94, tr.28]. Để thực hiện điều đó, cần tập trung phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, coi đây là cơ sở vật chất để bảo vệ Tổ quốc, đồng thời thường xuyên chăm lo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bồi dưỡng lòng yêu nước cho Nhân dân. Nhiệm vụ này đòi hỏi phải “Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc” [41, tr.157].

Để kết hợp hài hòa sức mạnh tinh thần với sức mạnh vật chất trong bảo vệ Tổ quốc hiện nay, cần giải quyết tốt những vấn đề sau:

Một là, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực quốc gia, đặt con người vào vị trí trung tâm.

Để biến tiềm năng thành sức mạnh hiện thực, cần huy động và sử dụng hiệu quả tổng thể các nguồn lực quốc gia, bao gồm vật lực, tài lực và đặc biệt là nguồn lực con người. Trong đó, nguồn lực con người giữ vai trò quyết định, là chủ thể sáng tạo ra mọi giá trị, là nhân tố quyết định khả năng nhận thức và thực thi đường lối, đồng thời là lực lượng trực tiếp huy động các nguồn lực khác. Song song đó, vật lực (cơ sở hạ tầng, công nghệ, vũ khí...) và tài lực (nguồn lực tài chính) là điều kiện tiên quyết, cung cấp phương tiện vật chất cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, vững mạnh đóng vai trò cốt yếu trong việc bảo đảm các nguồn lực này, đúng theo chủ trương “đảm bảo an ninh kinh tế; không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia”; “hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế” [41, tr.135].

Hai là, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đã huy động cho các chủ thể và lĩnh vực then chốt. Việc huy động nguồn lực chỉ có ý nghĩa khi chúng được phân bổ một cách chiến lược nhằm xây dựng đồng bộ cả tiềm lực vật chất và sức mạnh tinh thần. Mọi nguồn lực được huy động phải hướng đến phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; đầu tư cho các lĩnh vực then chốt như giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh xã hội. Việc đầu tư này không chỉ mang lại lợi ích trực tiếp cho người dân mà còn tạo môi trường thuận lợi nhất để nuôi dưỡng, bồi đắp và phát huy mạnh mẽ sức mạnh văn hóa tinh thần – nguồn sức mạnh nội sinh quan trọng.

Ba là, phát triển kinh tế gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh.

Trước hết, cần xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia, trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại. Quá trình này đòi hỏi sự đầu tư vào các ngành công

nghiệp, công nghệ lõi, quyết định vị thế và năng lực tự chủ trong thế kỷ XXI, như: công nghiệp bán dẫn và vi mạch, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ sinh học và kinh tế số. Trong cuộc cách mạng này, khoa học công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, và do đó, yếu tố quyết định chính là con người. Vì vậy, phải kiến tạo một hệ sinh thái để thu hút, trọng dụng và giữ chân nhân tài. Cần có những chính sách vượt trội để kết nối chặt chẽ các viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp công nghệ cao, qua đó từng bước làm chủ các công nghệ nguồn, công nghệ lõi. Việc làm chủ công nghệ lõi chính là quá trình giải phóng lực lượng sản xuất, chuyển hóa căn bản từ vị thế của một quốc gia đi “gia công, lắp ráp”, trở thành một quốc gia có năng lực “sáng tạo và kiến tạo”. Đây cũng chính là biểu hiện của ý chí tự lực, tự cường trong thời đại ngày nay.

Tiếp đó, cần phát triển công nghiệp quốc phòng theo định hướng “Tự chủ - Lưỡng dụng - Hiện đại”, từng bước định hình diện mạo của một nền công nghiệp quốc phòng Việt Nam tiên tiến.

“Tự chủ” là sự khẳng định tính chủ thể (subjectivity) của quốc gia - dân tộc. Theo quy luật lịch sử, một dân tộc không thể có độc lập chính trị và văn hóa tự chủ một cách thực chất nếu bị lệ thuộc về kinh tế. Trong thế kỷ XXI, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số sẽ là động lực then chốt cho sự phát triển kinh tế. Sự lệ thuộc về công nghệ chính là hình thái nô dịch tinh vi và nguy hiểm. Do đó, làm chủ công nghệ lõi trong quốc phòng không chỉ là vấn đề kinh tế - kỹ thuật, mà sâu xa hơn, đó là cuộc đấu tranh để không bị phụ thuộc vào bên ngoài.

“Lưỡng dụng” là sự thể hiện triết lý “kết hợp kinh tế với quốc phòng” ở trình độ cao. Trong thời bình, các nguồn lực được đầu tư vào công nghệ cao phục vụ dân sinh (drone nông nghiệp, AI cho logistics...), nhưng được định hướng để sẵn sàng chuyển hóa cho mục đích quốc phòng khi cần thiết. “Lưỡng dụng” tạo ra một tiềm lực quốc phòng tiềm tàng ngay trong nền kinh tế, biến toàn bộ nền công nghệ quốc gia thành một hậu phương chiến lược vững chắc,

thể hiện sâu sắc nghệ thuật quân sự Việt Nam: chủ động, sáng tạo và dựa vào sức mạnh tổng hợp.

“Hiện đại” là yêu cầu mang tính cách mạng nhằm đảm bảo sức mạnh và chiến thắng trong chiến tranh thế hệ mới. Đây là cuộc chiến tranh đa không gian (bộ, không, biển, không gian mạng, điện tử) với các đòn tấn công đa diện. Do đó, hiện đại hóa phải toàn diện, ưu tiên các quân chủng, binh chủng tiến thẳng lên hiện đại (Hải quân, Phòng không - Không quân, Tác chiến điện tử, Tác chiến không gian mạng). Tuy nhiên, quán triệt nghệ thuật quân sự “lấy ít địch nhiều”, hiện đại hóa không phải là chạy đua vũ trang đối xứng, mà là tập trung kiến tạo lợi thế bất đối xứng, phát triển vũ khí chiến lược. Trên hết, hiện đại hóa theo triết lý Việt Nam luôn khẳng định sự thống nhất biện chứng giữa con người và vũ khí. Yếu tố quyết định thắng lợi vẫn là con người Việt Nam ưu tú được trang bị những vũ khí sắc bén nhất.

Để thực hiện chiến lược trên, đòi hỏi phải tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước trên tinh thần “kiến tạo, phục vụ”, đảm bảo nguồn lực quốc gia được huy động và phân bổ tối ưu; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo đảm công bằng xã hội để củng cố “thế trận lòng dân”; phát triển kinh tế gắn liền với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại; phát huy quyền làm chủ thực sự của Nhân dân.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Trong bối cảnh cục diện thế giới và trong nước đan xen cả thời cơ và thách thức, với những biến động phức tạp, khó lường, việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là nhân tố rất quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này, cần tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp: *Thứ nhất*, phát huy vai trò của các chủ thể, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động, khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo của toàn dân, đồng thời kiện toàn cơ chế phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành để thống nhất ý chí và hành động. *Thứ hai*, không ngừng làm giàu nội dung các giá trị văn hóa tinh thần, phát triển và từng bước hiện thực hóa hệ giá trị văn hóa Việt Nam, đảm bảo vừa kế thừa truyền thống, vừa đáp ứng yêu cầu của thời đại mới. *Thứ ba*, đa dạng hóa các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần, đưa các giá trị văn hóa thấm thấu sâu rộng vào đời sống, biến chúng thành sức mạnh nội sinh, góp phần củng cố vững chắc “thế trận lòng dân” làm nền tảng tinh thần kiên cố để bảo vệ Tổ quốc. *Thứ tư*, kết hợp hài hòa sức mạnh văn hóa tinh thần với sức mạnh vật chất, tạo sức mạnh tổng hợp để bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong bối cảnh nhiều biến động phức tạp, khó lường hiện nay.

KẾT LUẬN

Sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam là tổng thể các giá trị văn hóa tinh thần cao đẹp của dân tộc, được hun đúc, tôi luyện qua lịch sử dựng nước và giữ nước, có khả năng gắn kết, định hướng, khơi dậy nội lực to lớn, chuyển hóa thành ý chí, hành động quyết tâm của mọi người dân Việt Nam, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong mọi điều kiện, hoàn cảnh lịch sử. Sức mạnh đó được tạo bởi hệ giá trị cốt lõi đã được tôi luyện và khẳng định qua thực tiễn lịch sử, như: chủ nghĩa yêu nước; tinh thần đoàn kết, đồng thuận; ý chí tự lực, tự cường và khát vọng hòa bình, độc lập, tự do; nghệ thuật quân sự độc đáo... Những yếu tố đó hòa quyện, bổ sung cho nhau, tạo thành một hệ giá trị văn hóa tinh thần đặc sắc – vừa truyền thống, vừa hiện đại, vừa đặc thù, vừa phổ quát. Khi được chuyển hóa thành ý chí, bản lĩnh và hoạt động thực tiễn của các chủ thể, sẽ tạo thành sức mạnh to lớn để bảo vệ đất nước trước mọi nguy cơ, thách thức, đặc biệt là trên các mặt trận phi truyền thống.

Phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là một quá trình chủ động, tích cực, tự giác, có định hướng, nhằm chuyển hóa các giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc thành nhận thức và hành động của các chủ thể, tạo ra nguồn động lực mạnh mẽ, bền vững, sâu sắc, lan tỏa, thúc đẩy toàn Đảng, toàn dân và toàn quân thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong mọi hoàn cảnh, đặc biệt là trong ứng phó với các nguy cơ, thách thức đe dọa độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Qua 40 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân tộc đã phát huy tinh thần yêu nước, đoàn kết, chung sức đồng lòng thực hiện công cuộc đổi mới, vượt qua khó khăn, thử thách, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc của các tầng lớp nhân dân, thúc đẩy sự tham gia tích cực vào công tác quốc phòng, an ninh; kiên trì giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình, góp phần vào hòa

bình, ổn định khu vực và thế giới; giữ vững độc lập, chủ quyền, thoongs nhất, toàn vẹn lãnh thổ; phát triển nghệ thuật quân sự, củng cố thể trận lòng dân, củng cố “nền quốc phòng toàn dân”, “an ninh nhân dân” vững mạnh.

Bên cạnh đó, cũng còn một số hạn chế, bất cập, như: Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc; nội dung, phương thức tuyên truyền, giáo dục chưa thường xuyên đổi mới; chưa có sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể... nên chưa thực sự phát huy tối đa sức mạnh mềm của văn hóa tinh thần trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Do đó, cần tiếp tục nâng cao nhận thức và tính chủ động, tích cực, sáng tạo của các chủ thể; tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các ban, bộ, ngành để phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay; nghiên cứu, bổ sung nội dung các giá trị văn hóa tinh thần Việt Nam gắn với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới; đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần; kết hợp hài hòa sức mạnh vật chất và sức mạnh văn hóa tinh thần, tạo nên sức mạnh tổng hợp quốc gia... là những giải pháp cần thiết để phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN

1. Bùi Đức Dũng (2021), “Phát huy sức mạnh văn hóa trong sự phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục Lý luận* – Học viện Chính trị Khu vực I, số 328.
2. Bùi Đức Dũng (2023), “Xây dựng văn hóa trường Đảng tại Trường Chính trị tỉnh Hòa Bình – Một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học*, số 40, ngày 15/10/2023.
3. Bùi Đức Dũng (2024), “Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa và sức mạnh văn hóa trong bảo vệ Tổ quốc”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số Đặc biệt Quý IV năm 2024, tr.5-9.
4. Bùi Đức Dũng (2025), “Phát huy sức mạnh tinh thần đại đoàn kết dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, Thứ Ba, ngày 06/5/2025
<https://lyluanchinhtri.vn/phat-huy-suc-manh-tinh-than-dai-doan-ket-dan-toc-de-xay-dung-va-bao-ve-to-quoc-trong-ky-nguyen-moi-6855.html>

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.I.Ăc-nôn-đốp (Chủ biên, 1985), *Cơ sở lý luận văn hóa Mác – Lênin* (tái bản), Hoàng Vinh – Nguyễn Văn Hy (dịch), Trường Văn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <https://dangcongsan.vn/xay-dung-dang/bai-3-dac-biet-chu-trong-ngan-chan-day-lui-su-suy-thoai-bieu-hien-tu-dien-bien-tu-chuyen-hoa-593317.html> [Truy cập 07/5/2024].
3. Nguyễn Duy Bắc (Chủ biên, 2022), *Phát triển văn hóa và con người Việt Nam nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh phát triển đất nước* (Sách chuyên khảo), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Trần Thái Bình (2024), “Những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XIII) về Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, (01), tháng 01/2024, tr.06 – 09.
5. Trần Văn Bính (2010), *Văn hóa Việt Nam trên con đường đổi mới – Những thời cơ và thách thức*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Bộ Quốc phòng (2019), “*Quốc phòng Việt Nam 2019*”, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Trần Đăng Bộ - Nguyễn Văn Quang (Đồng chủ biên, 2019), *Tư tưởng bảo vệ Tổ quốc từ xa trong lịch sử dân tộc* (sách chuyên khảo), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-23-nqtw-ngay-1662008-cua-bo-chinh-tri-ve-tiep-tuc-xay-dung-va-phat-trien-van-hoc-nghe-thuat-trong-thoi-ky-269> [Truy cập ngày 16/7/2024].
9. Bộ Quốc phòng, Trung tâm Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam (2011), *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.

10. Bộ Quốc Phòng – Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự (2016), *Vấn đề tăng cường quốc phòng trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Bộ Quốc phòng (2019), *Quốc phòng Việt Nam 2019*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. “Bộ Quốc phòng: Đã có phương án xử lý hơn 600 điểm đất đai tranh chấp”
<https://thanhnien.vn/bo-quoc-phong-da-co-phuong-an-xu-ly-hon-600-diem-dat-dai-tranh-chap-185230517144016692.htm> [Truy cập ngày 8/6/2024].
13. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. C.Mác – Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.19.
15. Lê Thị Chiên (2019), “Về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong quan điểm của V.I. Lê-nin và ý nghĩa đối với Việt Nam hiện nay”
<https://tapchiconsan.org.vn> [Truy cập 10/7/2025].
16. Lê Thị Chiên (2020), “Quan điểm của Ph. Ăng-ghen về tư duy lý luận và ý nghĩa đối với việc đổi mới tư duy về phát triển kinh tế thị trường hiện đại ở Việt Nam hiện nay”, https://www.tapchiconsan.org.vn/2018/815797/view_content [Truy cập 10/7/2025].
17. Đỗ Văn Chiến (2025), “Đại đoàn kết toàn dân tộc – cội nguồn của ý chí, niềm tin, sức mạnh để xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.053 (tháng 1/2025), tr.42 – 47.
18. Phạm Minh Chính (2025), “Đổi mới sáng tạo, tăng tốc, bứt phá, đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.053 (tháng 1/2025), tr.18 – 26.
19. Lương Cường (2019), “Đổi mới và tăng cường bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, *Tạp chí Cộng sản* (915), tháng 01-2019, tr.11 – 16.

20. Lương Cường (2019), “Ngày hội Quốc phòng toàn dân – nơi hội tụ sức mạnh bảo vệ Tổ quốc”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, số 12/2019, tr.20 – 25.
21. Lương Cường (2019), “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, *Tạp chí Cộng sản* (932), tr.9 – 14.
22. Lương Cường (2023), “Tiếp tục triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược quốc phòng, chiến lược quân sự trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Cộng sản - Chuyên đề*, (9), tr.17 – 22.
23. Nguyễn Bá Dương - Nguyễn Văn Quang (Đồng chủ biên, 2014), *Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
24. Nguyễn Bá Dương (2017), *Xây dựng “Thế trận lòng Dân” trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
25. Nguyễn Bá Dương (2023), “Nhận thức và giải quyết mối quan hệ mang tính quy luật trong quá trình xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ Tổ quốc”, *Lý luận và thực tiễn*, Hội đồng Lý luận Trung ương, số 117 (251) – 2023.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương* (khóa VII), Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị trung ương năm khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám (khóa IX)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.37.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019): *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Phần II (Đại hội X, XI, XII)*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.I.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.II.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2023), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

47. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
48. Nguyễn Hồng Điệp (2023), “Khơi dậy và phát huy các nguồn lực văn hóa để phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay”, *Triết học*, số 2 (381), tháng 2/2023.
49. Đặng Quang Định (2021), “Khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh, thịnh vượng theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Triết học*, số 4 (359), tháng 4/2021, tr.19 – 26.
50. Nguyễn Tài Đông (2022), “Giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc cho tuổi trẻ Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* (984), tháng 02-2022, tr.58 – 62.
51. Phạm Văn Đồng (1995), *Văn hóa và đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Dương Xuân Đông (2017): *Văn hóa quân sự Việt Nam văn hóa giữ nước*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
53. Phạm Duy Đức (chủ biên, 2008), *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Phạm Duy Đức (2021), “Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (3), tr.42 – 48.
55. Phạm Duy Đức (2024), “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc để phát triển đất nước”, *Tạp chí Cộng sản* (1034), tháng 03-2024, tr.61 – 66.
56. Nguyễn Văn Gấu (2023), ““Xây dựng “thế trận lòng dân” trên không gian mạng để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản* (1027), tháng 12-2023, tr.28 – 33.
57. Phan Văn Giang (2025), “Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.053 (tháng 1/2025), tr.48 – 54.

58. Trần Văn Giàu (2005), “Thủ bản về cấu trúc văn hóa quân sự Việt Nam”, *Văn hóa quân sự một văn hóa độc đáo Việt Nam* (2008), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
59. Trần Văn Giàu (2011), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
60. Phan Trọng Hào (2023), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, <https://hvcsnd.edu.vn/tin-tuc-su-kien/tieu-diem/mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-bao-ve-to-quoc-trong-tinh-hinh-moi-8888> [Truy cập 8/6/2024].
61. Lương Thanh Hân (Chủ biên, 2016), *Sự phát triển nhận thức của Đảng ta về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
62. Dương Quang Hiến (2012), *Phát huy hệ giá trị văn hóa quân sự Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay*, Nxb Quân đội, Hà Nội.
63. Nguyễn Huy Hoàng (2000), *Văn hóa trong nhận thức duy vật lịch sử của C.Mác*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
64. Hội đồng Lý luận Trung ương (2020), *30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
65. Hội đồng Lý luận Trung ương (2022), *Niên giám khoa học năm 2022 - Những vấn đề quốc phòng, an ninh, đối ngoại*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
66. Tạ Hữu Hùng (2023), “Chiến tranh nhân dân – giá trị văn hóa quân sự chủ đạo trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc”, *Chính trị và phát triển* (Tập chí nghiên cứu của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật), (4), tr.52 – 55.
67. Trần Văn Hùng – Nguyễn Đức Tuyên (2024), “ Tư tưởng của V.I.Lênin về lực lượng, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và việc vận dụng của Đảng ta hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (556), tháng 6-2024, tr.42 – 50.

68. Nguyễn Mạnh Hưởng (2012), *Góp phần chống “Diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
69. Nguyễn Mạnh Hưởng (2015), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ nước từ khi chưa nguy*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
70. Lê Văn Hưởng (2024), “Tư duy mới của Đảng ta trong Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XIII) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, tháng 5-2024, tr.50 – 52.
71. <https://chinhphu.vn/hien-phap-nam-2013-68379> [Truy cập 02/4/2024]
72. <https://baochinhphu.vn/cong-dong-nguoi-viet-nam-o-nuoc-ngoai-nguon-luc-quan-trong-dong-gop-tich-cuc-vao-su-phat-trien-dat-nuoc-10224020900261099.htm> [Truy cập 5/4/2024].
73. Joseph S. Nye (2017): *Quyền lực mềm – Ý niệm mới về thành công trong chính trị thế giới*, Bản dịch của Lê Trường An, Nxb Tri thức, Hà Nội.
74. Joseph S. Nye, Jr (2018), *Tâm Hiền dịch, Tương lai của quyền lực (Tái bản lần thứ nhất)*, Nxb Lao động – Công ty sách Bách Việt, Hà Nội.
75. Joseph S. Nye, “Chủ nghĩa dân tộc lành mạnh là điểm tựa của Việt Nam” <http://vinhcity.gov.vn/?detail=5213/tin-tuc-su-kien/> [truy cập 30/5/2021].
76. Vũ Khiêu (1987), *Góp phần nghiên cứu cách mạng tư tưởng văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
77. Trần Việt Khoa (2023), “Tư duy mới của Đảng về chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới”, *Tạp chí Cộng sản*, số chuyên đề (09), tr.23 – 32.
78. Trần Việt Khoa (2025), “Xây dựng Quân đội Nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.056 (tháng 2/2025), tr.29 – 35.
79. Vũ Như Khôi (2014), *Văn hóa giữ nước Việt Nam những giá trị đặc trưng* (Xuất bản lần thứ hai, có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

80. Phan Thị Cẩm Lai (2024), “Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp”, <https://www.quanlynhanuoc.vn> [Truy cập 10/9/2024].
81. Lê Thị Lan (2022), “Xây dựng tư tưởng yêu nước Việt Nam hiện nay – một số vấn đề cần chú trọng”, *Triết học*, (8), tr.28 – 37.
82. Hoàng Phúc Lâm (2023), “Hoàn thiện định hướng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới”, *Tạp chí Cộng sản* (1.013), tháng 5-2023, tr.17 – 23.
83. Tô Lâm (2024), “Một số nhận thức cơ bản về Kỷ nguyên mới, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.050 (tháng 11/2024), tr.3 – 11.
84. Tô Lâm (2025), “Đảng Cộng sản Việt Nam: 95 năm tiên phong vì Tổ quốc và Nhân dân”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.053 (tháng 1/2025), tr.5 – 11.
85. Tô Lâm (2025), “Học tập suốt đời”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.058 (tháng 3/2025), tr.3 – 6.
86. Tô Lâm (2025), “Tương lai cho thế hệ vươn mình”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.058 (tháng 3/2025), tr.7 – 12.
87. Tô Lâm (2025), “Vươn mình trong hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.059 (tháng 4/2025), tr.9 – 13.
88. Nguyễn Tường Lâm (2025), “Phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ cả nước hướng tới Đại hội Đảng bộ cách cấp nhiệm kỳ 2025 – 2030 và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.057 (tháng 3/2025), tr.36 – 41.
89. Lê Văn Lợi (2022), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”, *Tạp chí Nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh*, (51), tr.16 – 22.
90. Trần Thanh Mẫn (2025), “Đẩy mạnh đổi mới công tác lập pháp, góp phần khơi thông nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.053 (tháng 1/2025), tr.27 – 33.

91. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.3
92. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.5.
93. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.6.
94. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.7.
95. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.8.
96. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.10.
97. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.12.
98. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.13.
99. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.15.
100. Hoàng Minh (1972), *Tìm hiểu về tổ tiên ta đánh giặc* (Quân giải phóng Tây Nguyên xuất bản – 1971), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
101. Trần Thị Minh (2010), “Quan điểm của V.I.Lênin về vai trò của văn hóa và phát triển văn hóa trong thời kỳ quá độ”, *Triết học*, số 4 (227), tháng 4-2010, tr.16 – 20.
102. Phạm Xuân Nam (2005), *Văn hóa vì phát triển* (In lần thứ hai có bổ sung), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
103. Phạm Xuân Nam (Chủ biên, 2008), *Triết lý phát triển ở Việt Nam mấy vấn đề cốt yếu*, In lần thứ ba, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
104. Nguyễn Trọng Nghĩa (2025), “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, góp phần tạo mọi điều kiện thuận lợi để đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.053 (tháng 1/2025), tr.34 – 41.
105. Trần Nhâm (2017): *Nghệ thuật biết thắng từng bước*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
106. Mai Hải Oanh (2020), *Một số vấn đề văn hóa Việt Nam đương đại*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
107. Mai Hải Oanh (2020), “Phát huy giá trị của chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Cộng sản*, (952), tr.71 – 78.

108. *Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tổng kết Hội nghị giữa nhiệm kỳ Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII* – Báo Quân đội nhân dân, số 22304, ngày 18/5/2023, tr.1-2.
109. Hoàng Phê (chủ biên) (1998), *Từ điển Tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển học – Nxb Đà Nẵng, Hà Nội – Đà Nẵng.
110. Bùi Đình Phong (2021), “Ý chí, bản lĩnh và khát vọng Việt Nam – Từ truyền thống đến Hồ Chí Minh và trong công cuộc đổi mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (9), tr.26 – 32.
111. Bùi Đình Phong (2023), “Hồ Chí Minh – Người kiến tạo hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam”, *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, số 1 (95).
112. Trần Văn Phòng (Chủ biên, 2020), *Tổng kết sự phát triển lý luận của Đảng qua các kỳ đại hội thời kỳ đổi mới*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
113. Trần Văn Phòng (2023), ““Ý nghĩa bài học “Dân là gốc”, “Dân là trung tâm” trong khơi dậy và thực hiện “khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc””, *Tạp chí Lý luận chính trị* (544), tháng 6-2023, tr.3 – 9.
114. Trần Quang Phương (2021), “Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản* (965), tháng 5-2021, tr.24 – 30.
115. Trần Quang Phương (2023), “Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”, *Tạp chí Cộng sản* (1.018), tháng 07-2023, tr.3 – 10.
116. Hoàng Thị Quyên (2020), “Bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng trong thời đại công nghệ số”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (10), tr.117 – 123.
117. Trịnh Văn Quyết (2023), “Phát huy sức mạnh của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa – Một số vấn đề mới đặt ra hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* (1028), tháng 12-2023, tr.28 – 35.

118. Trịnh Văn Quyết (2024), “Quân đội Nhân dân Việt Nam phát huy sức mạnh tổng hợp, xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần và tiềm lực quân sự, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Cộng sản* (1.049), tháng 11-2024, tr.17 – 25.
119. Phan Văn Rân - Ngô Chí Nguyễn (2021), “Mối quan hệ giữa địa chính trị và địa kinh tế: Lý luận và thực tiễn”, <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/moi-quan-he-giua-dia-chinh-tri-va-dia-kinh-te-ly-luan-va-thuc-tien-p24247.html> [Truy cập 10/7/2025].
Xem Tạp chí Lý luận chính trị số 5-2019.
120. Phạm Hồng Sơn (2004), *Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam (In lần thứ hai)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
121. Phạm Minh Sơn – Trần Mai Hương (2024), ““Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam” nhận thức và triển khai hành động”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (561), tháng 11-2024, tr.3 – 9.
122. Vũ Hồng Sơn – Phan Mạnh Toàn (Đồng chủ biên), (2023), *Phát huy khát vọng phát triển và sức mạnh văn hóa của con người Việt Nam trong thời kỳ mới*, (Sách chuyên khảo), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
123. Phạm Văn Sơn (2022), “Chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và những vấn đề cần bổ sung, phát triển ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Chủ nghĩa xã hội lý luận và thực tiễn* (của Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học – Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), số 6 (22), tr.20 – 24.
124. Phạm Văn Sơn (2023), “Tư duy của Đảng về kết hợp kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Nghệ thuật quân sự Việt Nam* (205), tháng 2-2023, tr.5 – 8.
125. Phùng Khánh Tài (2022), “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tập hợp, vận động người Việt Nam ở nước ngoài đoàn kết, hướng về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, *Tạp chí Cộng sản*, (989), tháng 5/2022, tr.19 – 24.

126. Nguyễn Thị Tâm (2023), “Phát huy giá trị truyền thống dân tộc trong giáo dục lối sống cho thanh niên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh*, (56), tr.92 – 98.
127. Văn Đức Thanh (Tổng chủ biên, 2014), *Văn hóa quân sự Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
128. Văn Đức Thanh, Nguyễn Mạnh Hưởng (Đồng chủ biên, 2017), *Tư tưởng chiến tranh nhân dân trong sự nghiệp giữ nước của dân tộc Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
129. Nguyễn Thị Thu Thanh (2021), “Chính sách dân tộc của Việt Nam qua 35 năm đổi mới” <https://www.tapchiconsan.org.vn>. [Truy cập 04/4/2024].
130. Hoàng Minh Thảo (1985), *Tìm hiểu về tổ tiên ta đánh giặc* (in lần thứ ba), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
131. Hoàng Minh Thảo (1995), *Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
132. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam (Cái nhìn hệ thống – loại hình)* (In lần thứ hai), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
133. Lê Quang Thiêm (Chủ biên, 2020), *Văn hóa với sự phát triển của xã hội Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
134. Nguyễn Ngọc Thiện - Từ Thị Loan (Đồng chủ biên, 2021), *Hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
135. Ngô Đức Thịnh (2019), *Hệ giá trị văn hóa Việt Nam*, Nxb Tri thức, Thành phố Hồ Chí Minh.
136. Nguyễn Viêt Thảo (2024), “Nâng cao năng lực lãnh đạo chiến lược của Đảng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đến giữa thế kỷ XXI”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (554), tháng 4-2024, tr.7 – 13.
137. Khuất Quang Thụy (2006), “Đã từng có một dòng văn hóa chiến hào”, *Văn hóa quân sự một văn hóa độc đáo Việt Nam* (2008), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

138. Phạm Bá Toàn (2015) (*Tuyển chọn*), *Sức mạnh văn hóa Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
139. Đặng Hữu Toàn (2018), “Học thuyết về con người, giải phóng và phát triển con người - một giá trị làm nên sức sống trường tồn của chủ nghĩa Mác” <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn> [Truy cập 10/7/2025].
140. Phan Mạnh Toàn (2013), “Vài nét về sự hình thành và phát triển của triết lý bảo vệ Tổ quốc Việt Nam truyền thống”, *Triết học* (6), tr.48 – 55.
141. Phan Mạnh Toàn (2018), “Triết lý quân sự Việt Nam truyền thống – một số nội dung tiêu biểu”, *Triết học* (1), tr.40 – 46.
142. Phan Mạnh Toàn (Chủ biên, 2018), *Triết lý bảo vệ Tổ quốc Việt Nam truyền thống*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
143. Phan Mạnh Toàn (2022), ““Quan điểm “Dân là gốc” trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng””, *Tạp chí Lý luận chính trị* (531), tháng 5-2022, tr.3 – 9.
144. Tổng cục Chính trị (2001), *Vấn đề tạo lực, lập thế, tranh thời trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
145. Lê Quang Trang - Nguyễn Trọng Hoàn (Tuyển chọn và giới thiệu, 1998), *Những vấn đề văn hóa Việt Nam hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
146. Trang Thông tin Điện tử Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, <https://doanthanhnien.vn/> [Truy cập 07/5/2024].
147. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Phát huy truyền thống đại đoàn kết, huy động sức mạnh của toàn dân tộc, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản* (973), tháng 9-2021, tr.3 – 12.
148. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản* (979), tháng 12-2021, tr.3 – 14.
149. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

150. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
151. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Một số vấn đề về đường lối quân sự, chiến lược quốc phòng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
152. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Cả nước đồng lòng, tranh thủ mọi thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
153. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
154. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Biến thách thức thành cơ hội quyết tâm đột phá đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
155. Nguyễn Phú Trọng (2024), “Tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, văn minh, văn hiến và anh hùng”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.030 (tháng 1 năm 2024), tr.3 - 19.
156. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
157. Trần Xuân Trường (1999), *Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
158. Trần Xuân Trường (2018), *Tinh thần yêu nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
159. Bé Xuân Trường – Đại tá Nguyễn Bá Dương (2013), *Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
160. Đàm Trọng Tùng (2022), *Bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam trước mối đe dọa an ninh phi truyền thống*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

161. Lê Trọng Tuyển (Chủ biên, 2016), *Sự phát triển lý luận về văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới* (Sách chuyên khảo), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
162. Viện Mác - Lênin – Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học (1983), *Về giá trị văn hóa tinh thần Việt Nam*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, tập I.
163. Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự (2002), *Tìm hiểu văn hóa giữ nước Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
164. Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự (2011), *Học thuyết bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của V.I.Lênin giá trị lịch sử và hiện thực*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
165. Hoàng Vinh (1999), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta*, Viện Văn hóa – Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
166. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.34, tr.122.
167. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.36.
168. Ngô Đình Xây – Phạm Thị Vui (2023), “Hệ giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, *Lý luận chính trị* (539), tháng 1-2023, tr.131 – 139.